



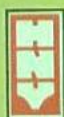
Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 5

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM

(*Văn xuôi*)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NỘI DUNG

Gs.Ts PHÙNG HỮU PHÚ (*Chủ tịch*)

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Phó chủ tịch*)

Ts. NGUYỄN THẾ KỶ (*Phó chủ tịch*)

Cử nhân HOÀNG THANH KHIẾT

Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG

Pgs.Ts NGUYỄN HỮU THỨC

Pgs. Ts TRẦN MINH TRƯỜNG

Pgs. Ts PHAN TRỌNG THƯỜNG

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

BAN THƯ KÝ

DƯƠNG QUỐC HÙNG (*Trưởng ban*)

TRẦN QUANG QUÝ (*Phó Trưởng ban Thường trực*)

NGÔ MINH (*Phó Trưởng ban*)

LÊ THỊ BÍCH HỒNG (*Ủy viên*)

MAI LIỄU (*Ủy viên*)

HÀ ĐÌNH CÂN (*Ủy viên*)

BAN BIÊN SOẠN

Nhà thơ HỮU THỈNH (*Chủ biên*)

Nhà văn PHẠM TRUNG ĐÌNH

Nhà thơ TRẦN QUANG QUÝ

*Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.*

HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong dự án xuất bản bộ sách “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ & văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”, chúng tôi dành trọn tập 5 để in riêng phần tác phẩm văn xuôi của Người dưới tiêu đề chung: “*Hồ Chí Minh – tư tưởng và tác phẩm*”. Đây là kết quả của quá trình vừa làm việc nghiêm túc vừa chăm chú lắng nghe ý kiến đóng góp của các chuyên gia và của độc giả qua các tập 1, 2, 3, 4 đã ra mắt công chúng. Nhìn chung mọi người đều có nguyện vọng thành kính và tha thiết mong mỗi được tiếp cận trực tiếp các sáng tác văn học cũng như những tác phẩm chính luận thể hiện tư tưởng nghệ thuật của Bác trong từng thể loại, với sự sắp xếp khoa học, dễ tiếp cận hơn, thường thức được cả chiều sâu văn hóa lẫn chiều sâu trí tuệ và tài nghệ văn chương của Người.

Nhiều năm qua, những tác phẩm văn xuôi của Bác đã đi vào lòng người và đã chứng tỏ được sức sống lâu bền qua thời gian. Đặc biệt các tác phẩm chính trị của Người cũng luôn được viết bằng thứ văn chương hàm súc, giàu chất trí tuệ và bản sắc văn hóa riêng biệt, không phải nhà lãnh tụ nào, nhà văn hóa nào cũng có phẩm chất riêng mà chung, chung mà riêng nhuần nhuyễn đến như vậy.

Căn cứ vào tiêu chí của bộ sách, xét về tổng thể nhiều tác phẩm có tính định hướng chung cho cách mạng Việt Nam, chúng tôi đã quyết định chọn những tác phẩm tiêu biểu nhất, bám sát theo tiêu đề *Tư tưởng và tác phẩm* của Người, sau khi tham vấn những ý kiến quý báu của các chuyên gia hàng đầu đã dày công nghiên cứu các trước tác và thành tựu xuất chúng của Người. Và vì vậy, chúng tôi sắp xếp tập văn xuôi mà theo chúng tôi là hợp lý nhất, với những bài viết của Bác theo thời gian Người viết hoặc công bố trong tổng thể của bộ sách lớn: “*Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ – văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*”.

Như vậy, ngoài việc thường thức tác phẩm, độc giả cũng sẽ dễ dàng hơn trong việc liên tưởng tới từng giai đoạn lịch sử Cách Mạng Việt Nam gắn bó với sự nghiệp của Bác. Hơn nữa, bản thân những tác phẩm ấy cũng có rất nhiều giá trị, cả về văn học lẫn về tư liệu lịch sử, có ích thiết thực cho các nhà học thuật trong các công trình nghiên cứu nhiều lĩnh vực về văn hóa học của Việt Nam nói chung.

Với cách làm này chúng tôi kỳ vọng bạn đọc sẽ có điều kiện cảm nhận các tác phẩm văn xuôi của Người bằng một cách tiếp cận mới, trọn vẹn và thú vị hơn.

Dù đã rất cầu thị và cố gắng, nhưng đây là một công trình lớn, đòi hỏi nhiều nỗ lực của từng cá nhân các thành viên ban biên soạn, chúng tôi cũng đã phát huy tốt nhất tính tập thể và cả lòng tôn kính ngưỡng mộ tài năng xuất chúng của Người. Tuy vậy, vì năng lực có hạn, khó tránh khỏi những sai sót, chúng tôi xin trân trọng kính mong nhận được ý kiến góp ý của quý bạn đọc xa gần để hoàn thiện hơn cho các lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI TỰA

Trên báo Ogoniok (Liên Xô trước đây), số 39, ra ngày 23-12-1923, nhà thơ đồng thời là nhà báo Xô-viết nổi tiếng O.Mandenxtam trong bài “Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản Nguyễn Ái Quốc” đã tiên cảm phi thường về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Dáng dấp con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang toả ra thật lịch thiệp và tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai”. Với dự cảm đặc biệt của một thi nhân, O.Mandenxtam phát hiện ra sự dồn tụ, kết tinh của văn hoá Việt Nam trong con người Việt Nam tiêu biểu nhất và khẳng định Bác là tinh hoa của Việt Nam và cũng là tinh hoa của nhân loại. Nhà thơ viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới...”.

Gần một thế kỷ đã trôi qua, thời gian đã chứng minh linh giác đặc biệt sáng suốt của O.Mandenxtam. Đó là một phát hiện thiên tài về một thiên tài. Thời gian ấy Bác đang học tập tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. O.Mandenxtam không viết về Bác với tư cách lãnh tụ tinh thần, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Điều đó thế giới đã từng biết qua những hoạt động yêu nước nổi tiếng của Người ở Pháp và trong những ngày đầu đến đất nước của Lênin. Chọn tư cách là đại diện nền văn hoá tương lai, nhà thơ Nga đã nhìn thấy sự bất tử của Người, tiên đoán về những giá trị có tầm nhân loại vĩnh cửu của Bác từ khi Người mới bước sang tuổi ba mươi.

Với một nguồn mạch cảm hứng như vậy, những người đề xuất và được Ban Bí thư ủng hộ việc tổ chức thực hiện bộ sách chuyên đề

“Hồ Chí Minh với Văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh”
mong muốn cung cấp cho bạn đọc rộng rãi, đặc biệt là cho tất cả những ai quan tâm đến việc xây dựng con người, quan tâm đến việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, rất Việt Nam mà cũng rất hiện đại, nguồn tư liệu phong phú, sinh động, hệ thống, đa dạng, chọn lọc từ những trước tác quan trọng nhất của Bác về văn học, nghệ thuật và của những văn nghệ sĩ hàng đầu Việt Nam và thế giới viết về Bác. Hình tượng Hồ Chí Minh với ba chủ đề: lãnh tụ thiên tài, nhà văn hoá kiệt xuất, nhà nhân văn vĩ đại được các tác giả từ góc độ văn hoá thể hiện sống động và xuyên suốt bộ sách. Chúng ta bắt gặp ở đây sự kết hợp đẹp đẽ giữa những cái cao cả và bình thường, giản dị mà thanh cao, vĩ đại mà gần gũi, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Bức tượng đài ngôn ngữ này làm nổi bật chân dung Hồ Chí Minh, một con người trong tất cả, tất cả trong một con người.

Với những phẩm chất cao quý như vậy, hiển nhiên từ lâu Bác đã là một ngọn nguồn, ngọn nguồn của suy tưởng, của bồi đắp, của dẫn dắt và soi sáng. Và đúng như Tố Hữu đã viết:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Bác vĩ đại nhưng không quá tầm với bất cứ ai.

Hôm nay và mai sau, tiếp nhận Hồ Chí Minh là tiếp nhận một sự sống không bao giờ ngơi nghỉ.

Và bây giờ, với thói quen bước vào một ngôi đền thiêng, xin chúng ta hãy lật từng trang sách với lòng chân thành nhất, để được chứng quả lời Phật dạy:

Được đi trên đường chánh
Là Phước Đức lớn nhất.

Hà Nội, 4-5-2010
Nhà thơ Hữu Thỉnh
Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1920 tại Đại Hội thành lập
Đảng Cộng sản Pháp ở Tua năm 1920

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Phần I
TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA,
VĂN NGHỆ

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH⁽¹⁾
BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HỢP
HỘI TUYÊN TRUYỀN BỘ AN HÀNH

In lần đầu tiên tại Quảng Châu
(Trung Quốc), năm 1927

Theo cuốn sách lưu tại
Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Tài liệu lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

“Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”^{*}.

LÊNIN

^{*} Hai câu này trích trong cuốn *Làm gì?* của Lênin.

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hòa mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu: "Sur tử bất thổ tất dùng hết sức". Sur tử mạnh biết chừng nào, nếu bất thổ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lơ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Dem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho

chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho văn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quắn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh! Cách mệnh!!!

CÁCH MỆNH

1. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc*, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt trời.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đacuyn (1859) là cách vật cách mệnh**. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hóa*** của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hóa ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

A- Tư bản cách mệnh.

B- Dân tộc cách mệnh.

C- Giai cấp cách mệnh.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864****.

* Trắc đạc: Đo đạc

** Cách vật cách mệnh: Sinh vật cách mệnh.

*** Sinh hóa: Nảy nở và biến đổi.

**** Cuộc Minh Trị duy tân từ năm 1868.

Dân tộc cách mệnh như Ýtali đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền* năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hóa. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hóa thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hóa nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy**.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

* Giành lấy chính quyền.

** Cuộc nội chiến ở Mỹ kéo dài từ năm 1861 đến 1865 giữa các tập đoàn tư sản công nghiệp miền Bắc và các tập đoàn chủ nô miền Nam.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tinh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

Trong thế giới có 2 giai cấp:

A. Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).

B. Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay công nhân An Nam làm ra? Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà đồn chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây* (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga,

* Đồng phrăng Pháp.

ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh* để đập đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

A. Như An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly** đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh***.

* *Giai cấp bị áp bức cách mệnh*, tức là giai cấp bị áp bức làm cách mạng.

** Nay là nước Triều Tiên.

*** *Công nông là người chủ cách mệnh*, tức là công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân rỗi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

8. Cách mệnh khó hay dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A- Tội tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước kia phải làm cho dân giác ngộ.

B- Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa* cho dân hiểu.

C- Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu lược, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm?

Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân.

* Giảng giải lý luận và chủ nghĩa, tức là giảng giải lý luận cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin.

D- Dân thường chia rẽ* phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

* Dân thường bị chia rẽ (do âm mưu của bọn thực dân là chia rẽ để dễ cai trị).

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

1. Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đây làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, vãn vãn, vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hết về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.

2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Phong trào "tẩy chay" giặc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị

lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hòa.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh* và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào?

1. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác...".

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ!

3. Mỹ tuy cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi**.

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

* 48 tỉnh: 48 bang, khi cách mạng tư sản Mỹ bùng nổ (1776) ở Mỹ có khoảng 3 triệu dân với 13 bang, hiện nay có khoảng 200 triệu dân với 52 bang.

** Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng không triệt để.

CÁCH MỆNH PHÁP

1. Vì sao Pháp có phong trào cách mệnh?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canada và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiơ (1755), Vôn-te và Rút-xô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong trào cách mệnh Anh (ông Krôm-ven chém vua Anh và lập cộng hòa chính phủ năm 1653) còn mới, và phong trào dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Bax-ti). Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Véc-xây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Véc-xây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

1. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.
2. Là đem của các nhà thợ đào làm của Nhà nước.

3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, vân vân.

4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hòa.

1793, ngày 21 tháng 1 làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc*, rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là "lính không quần"**, người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hòa lần thứ 1. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ 2***.

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

* Kẻ phản bội Tổ quốc.

** Quân đội cách mạng Pháp thành lập năm 1793, gồm phần lớn là nông dân và thợ thủ công nghèo. Họ không được trang bị quần áo như quân đội của bọn quý tộc.

*** Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp lần thứ 2, nổ ra tháng 2 năm 1848.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hòa lần thứ 3.

5. Pari Công xã (Commune de Paris) là gì?⁽⁶⁾

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cúng cho Đức để cầu hòa. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên Chính phủ dân* và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sản** riêng đều đem làm của công.
2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.
3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v. v..
4. Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.
5. Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thì chịu nhục với Đức, chứ không chịu hòa với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại

* Tức là Chính phủ của nhân dân.

** Cơ sở sản xuất.

cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culít* mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có Tổ quốc".

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào?

a) Trong 3 lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc** công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hãng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu***, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

* "Culít": Cảnh sát.

** Tước đoạt.

*** Kẻ theo chủ nghĩa cơ hội.

2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.
3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.
4. Dân khí mạnh thì quân lính nào súng ống nào cũng không chống lại.
5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

1. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đây mới sinh hiềm khích to, mà phong trào cách mệnh công nông cũng từ đây mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tui phú gia*. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng".

* Tức là phải chịu luôn cúi bọ nhà giàu.

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều, sau hóa ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thẳng này còn thẳng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị Chính phủ trị mãi đến nổi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanốp^{*} lập nên đảng "Lao động tự do"⁽⁷⁾. Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư^{*} dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đảng^{**}.

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước⁽⁸⁾, chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong trào cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

^{*} Tức là Các Mác.

^{**} Năm 1894, Lênin tham gia vào nhóm mácxít Nga ở Pêtéc-bua. Năm 1895, Lênin hợp nhất các nhóm mácxít đó lại thành Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân. Đó là bước chuẩn bị

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ đảng", sau lại đổi tên ra "Cộng sản đảng".

Năm 1904-1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905⁽⁹⁾, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua?

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyển thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huề*, năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cơ sau này:

1. Khi Âu chiến**, đế quốc Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lười thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

* Bọn cải lương, thỏa hiệp.

** Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra.

2. Tư bản giận vua chỉ tin dụng* bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Và tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu⁽¹⁰⁾ nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho bọn tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lồi thối; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính phủ**, chiến tranh sẽ hóa ra hòa bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyên ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh; ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hăng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền⁽¹¹⁾.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

* Tin dùng.

** Được tham gia chính quyền, được dự vào chính phủ.

Đến tháng 4 thì ông Lenin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đây, các anh xem đây, tội hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán Chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lenin bảo: "Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật* mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lenin nói với đảng viên rằng: Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng**.

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi***, nghĩa là dân chúng được hưởng

* Pháp luật.

** Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

*** Thành công triệt để.

cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa* làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng** (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lênin.

* Lại ra sức giúp đỡ công nông các nước và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa.

** Thì phải lấy dân chúng.

QUỐC TẾ

1. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau lại để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây Ban Nha để đánh lấy An Nam, liên lạc Nhật để giữ An Nam, v. v.), các tư bản liên lạc nhau để tước bóc* thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lột thợ thuyền (Đức)). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đề tam quốc tế).

2. Đề tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đề tam quốc tế là gì thì trước phải biết Đề nhất và Đề nhị quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ 19 trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh vượng, áp bức thợ thuyền rất nghiêm. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tỉnh nào biết tỉnh nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*⁽¹²⁾. Khẩu hiệu hội ấy là "Trong thế giới ai cũng là anh em". Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được?

* Bóc lột.

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là: "*Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội*" - ông Mã Khắc Tư và Ăngghen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đập đổ tư bản chủ nghĩa - thợ thuyền giành lấy chính quyền - làm cho thế giới đại đồng.

3. Hai hội ấy có phải Đệ nhất và Đệ nhị quốc tế không?

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho Đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (Luân Đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành Đệ nhất quốc tế.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì:

1. Người còn ít,
2. Các công hội trong các nước còn yếu,
3. Không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.

Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa giống nhau:

1. Chủ nghĩa Prudông (Pháp);
2. Chủ nghĩa Bacunin (Nga);
3. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Pari Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu "*Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại!*" và tinh thần

cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Độ nhị quốc tế lập ra từ bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889)⁽¹³⁾ trong các nước nhiều công đảng mới lập nên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giùm giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Pari, lập nên Độ nhị quốc tế.

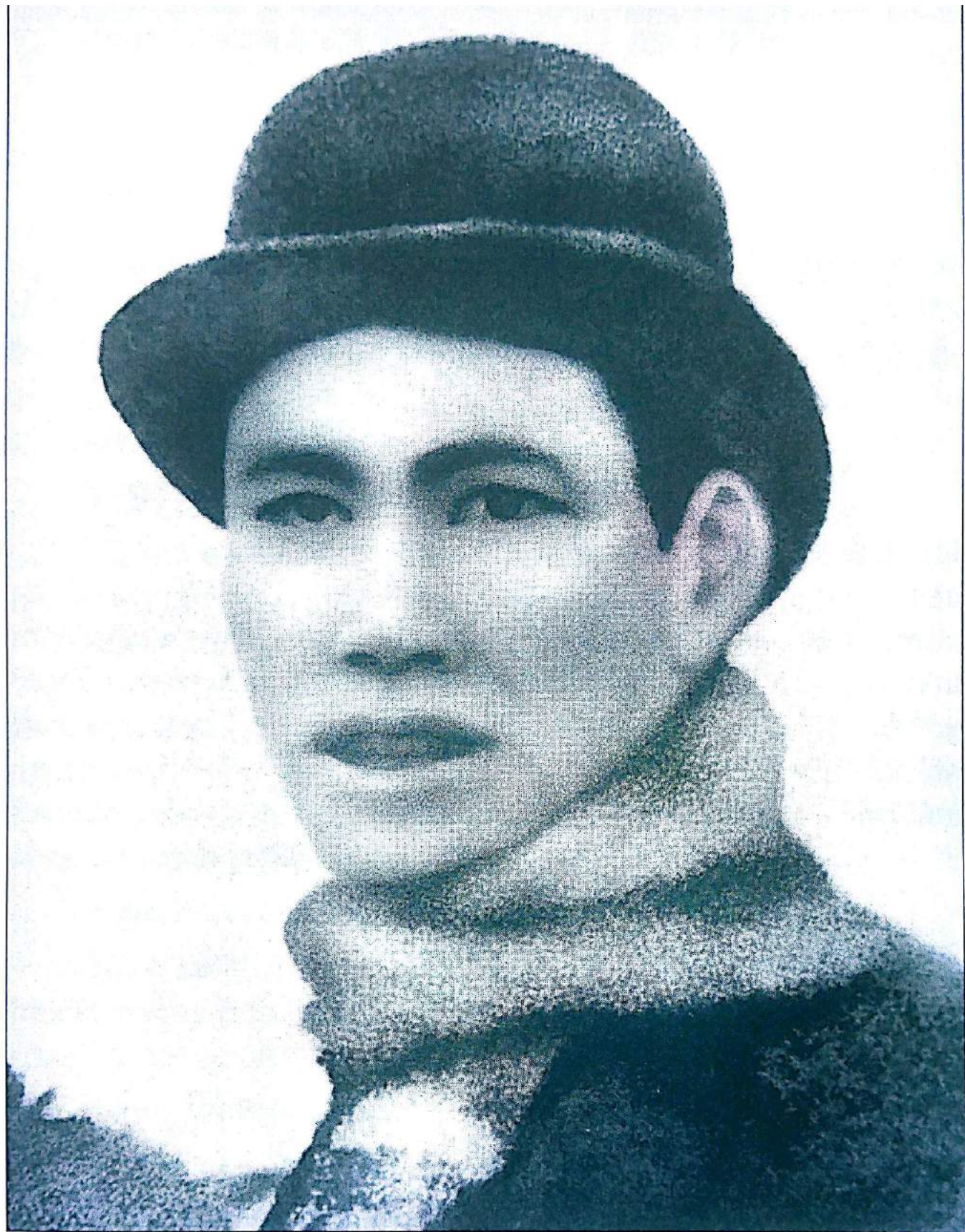
Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

1. Nước nào cũng phải lập ra công đảng.
2. Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;
3. Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;
4. Phản đối đế quốc chủ nghĩa.
5. Các công đảng không được đề huề với tư bản;
6. Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;
7. Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiếm phương chế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả⁽¹⁴⁾.

6. Vì sao Độ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hóa ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

Năm 1894, Nhật đánh với Tàu;



Chủ tịch Hồ Chí Minh hoạt động ở Pháp năm 1920

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

- 1895, Anh đánh với Êgýptơ* ;
- 1896, Pháp đánh với Mađagátxca;
- 1898, Mỹ đánh với Tây Ban Nha để giành Philíppin;
- 1900, Anh đánh với Nam Phi châu;
- 1904, Nga đánh với Nhật;
- 1912, các nước Bancăng** đánh nhau, vân vân.

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiếm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên Đế nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

7. Đế tam quốc tế lập ra từ bao giờ?

Vì bọn hoạt đầu trong Đế nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hóa ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hóa ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lênin, ông Các Lípnhéc, Rôđa Luyxămbua, v. v., cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thụy Sĩ) sắp sửa lập Đế tam quốc tế, để nối theo chủ nghĩa Đế nhất quốc tế*** mà làm cộng sản cách mệnh.

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công.

Năm 1919, Đế tam quốc tế thành lập tại kinh đô Nga là Mosku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đế tam quốc tế xưng rõ ràng rằng:

1. Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không đề huề như Đế nhị quốc tế.

* Nước Ai Cập.

** Các nước nằm trên bán đảo Bancăng, gồm: Anbani, Bungari, Nam Tư, Hy Lạp, một phần Thổ Nhĩ Kỳ.

*** Chủ nghĩa Mác mà Quốc tế thứ nhất đi theo.

2. Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) Độ tam quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ II⁽¹⁵⁾, có 31 nước dự hội. Tội hoạt đầu Độ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để "theo đóm ăn tàn", cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III⁽¹⁶⁾. Từ lúc có Độ tam quốc tế, thợ thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (Độ tam quốc tế), phái theo đề huề (Độ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi; cho nên Đại hội định rằng khi phân đấu với tư bản thì hai phái phải hợp sức nhau lại không được chia hai.

Năm 1922, Đại hội lần thứ IV⁽¹⁷⁾. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng fasity* phản đối cách mệnh tận lăm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả; kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mặt lộ**, và công nông cách mệnh phải sắp sửa ra tay.

9. Độ tam quốc tế tổ chức như thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một hội trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội. Các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lệnh Trung ương.

* Trong điều kiện tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không đủ sức duy trì sự thống trị của chúng bằng phương pháp nghị trường được nữa, mà phải dùng đến những chính sách phát xít: độc tài, khủng bố cùng với chính sách mị dân. Để thực hiện các chính sách đó, giai cấp tư sản ở một số nước đã lập ra những đảng phát xít.

** Đến lúc cùng đường.

c) Có Thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; Phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á - Đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á - Đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế v. v., đều có một bộ riêng.

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và Đệ tam quốc tế giống nhau cái gì? khác nhau cái gì?⁽¹⁸⁾

Đệ nhất quốc tế với Đệ tam quốc tế khác nhau.

- a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;
- b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;
- c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;
- d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: "Thế giới vô sản giai cấp liên hợp"; Đệ tam quốc tế nói thêm "Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại". Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế.

Ấy là vì hoàn cảnh hai Quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, Đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, Đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn Đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mệnh cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai Quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua Đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà Đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ nay Nga cách mệnh đã thành công để làm nền cho cách mệnh thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế vẫn là cách mệnh, nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, để tội hoạt đầu xen vào nhiều quá;

sau hóa ra phản cách mệnh. Hai Quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nòi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế xui dân nước này chống dân nước kia, nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế, có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á - Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam quốc tế, chẳng những rằng "vô sản giai cấp" mà lại thêm câu "... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại".

Xem quy tắc Đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh".

Xem đương lúc Pháp đánh Maroc và Xyri, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn 100 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Tàu, Thổ Nhĩ Kỳ, Pécsia*, Mông Cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế.

* Nay là nước Iran.

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

1. Vì sao lập ra Phụ nữ quốc tế?

Ông Các Mác nói rằng: "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào?".

Ông Lênin nói: "Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công".

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sác-lốt Coóc-dây rút dao đâm chết người tể tướng hung bạo, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Pari Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1.854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giùm vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy Đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ quốc tế.

2. Lịch sử Phụ nữ quốc tế thế nào?

Năm 1910, bà Clara Détkin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội Đệ nhị quốc tế rằng: Mỗi năm đến *ngày 3 tháng 3* thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là "Ngày đàn bà con gái"⁽¹⁹⁾. Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: "Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới".

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở kinh đô Nga nổi lên "đòi bánh cho con" và đòi "giả chồng chúng tôi lại cho chúng

tôi" (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga⁽²⁰⁾.

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Détkin tổ chức Phụ nữ quốc tế. Khẩu hiệu là "Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh".

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng "ngày 8 tháng 3" thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viện, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cũ, 15 nhà ăn chung cho 10.000 người; 27 nhà hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 cái công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ quốc tế ra thế nào?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như Đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ, trực tiếp thuộc về Phụ nữ quốc tế. Những đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo mệnh lệnh Quốc tế, khi phái để làm việc gì đâu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ: Đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi Quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ quốc tế mà các đảng cộng sản mới lập ra như đảng ở Java*, đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới An Nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ quốc tế chỉ bảo.

* Nay là nước Indônêxia.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Lịch sử Công nhân quốc tế thế nào?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) *Trước khi Âu chiến*: Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là "Vạn quốc công hội"⁽²¹⁾. Nhưng 16 triệu người ấy không vào "Vạn quốc công hội" cả. Những đoàn thể và lại cho ra nhiều phái biệt:

1. *Công đoàn chủ nghĩa*⁽²²⁾ Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2. *Vô chính phủ công đoàn*⁽²³⁾ các nước Latinh*, thì không muốn lập chính đảng.

3. *Cải lương chủ nghĩa*⁽²⁴⁾ thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng**.

4. *Trung lập chủ nghĩa*⁽²⁵⁾ chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5. *Cộng sản chủ nghĩa*, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

* Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha - những nước nói tiếng Latinh (T. G).

** Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không nên chịu sự lãnh đạo của chính đảng.

b) *Khi Âu chiến*: Hội này đi theo Đề nghị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giùm tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

c) *Sau khi Âu chiến*: Phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong trào cách mệnh Nga, công hội ngày càng to. Như:

	Năm 1913	Năm 1919
Anh chỉ có	4.000.000 người	8.000.000 người
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước	15.000.000 người	50.000.000 người

Công hội bên Á - Đông cùng rầm rầm rộ rộ lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philíppin, vãn vãn).

2. Phong trào ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, các tư bản, và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đề nghị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dặt mấy anh công tặc* làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

* Những công nhân bị bọn tư sản mua chuộc.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế "vàng" và 1 Quốc tế đỏ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người), vân vân.

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay "vàng"?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Hôlăng*). Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội hội nhau tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế "đỏ", nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đế nhị quốc tế đề huề với tư bản, và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tán thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2. Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tư)** bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông đức hóa ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.

3. Không cho công hội Nga vào.

* Nước Hà Lan.

** Kế hoạch Đạoxơ.

4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fastity rất hòa bình.

5. Sao gọi là Công nhân quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mùng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân quốc tế đỏ lập thành.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu:	450.000 người;
Java:	35.000 người;
Nhật:	32.000 người;
Cao Ly:	5.000 người;
Mông Cổ:	5.000 người;
Thổ Nhĩ Kỳ:	20.000 người;
An Nam:	000

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế vàng thì không ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng Hải bãi công hơn ba tháng, Hương Cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thỉnh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lênin về Vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (12/1920).

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ

1. Cộng sản thanh niên quốc tế là gì?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành Đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lênin và những người chân chính cách mệnh bỏ Đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội tại kinh đô Đức (Béclin) lập ra thanh niên cộng sản quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào?

Đại khái cũng theo cách tổ chức Đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một Hội ủy viên; Hội ủy viên có quyền chỉ huy, và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lệnh hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào Hội. Trước lúc Hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản thanh niên quốc tế là:

1. Thế giới cách mệnh;
2. Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản;
3. Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị, có quan hệ cho bọn thanh niên;
4. Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên;
5. Phản đối mê tín và khuyên dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao Ly, Java, vãn vãn.

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lòn vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai Quốc tế xử phân.

Thanh niên cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921, Thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hội lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hội Pháp đánh Maroc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khóa ở Tàu, vận động ở Cao Ly, bãi công ở Anh, vân vân, Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.

Chỉ An Nam là chưa!*

* Lúc đó Việt Nam chưa thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản.

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

1. Quốc tế giúp đỡ là gì? ⁽²⁶⁾

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thì đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nanxăn (người khoa học rất có danh tiếng nước Noócve*, ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân quốc tế đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, để tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế và công nhân quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 kilô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khỏi đói rồi, quốc tế này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, Quốc tế này đều ra sức giúp. Năm 1923 Ailan (Ireland) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi công hơn 60 vạn người, Quốc tế này

* Na Uy.

lập ra nhà ăn không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãi công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãi công gần rồi mới đem về*.

Năm Nhật Bản có động đất, Tàu mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu?

Quốc tế này không phải là một hội làm *phúc phát chấn* và *bổ thí* như các hội của tư bản lập ra. Mục đích quốc tế này là "thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ", vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tùy theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì Quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chi hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy ra làm hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá vân vân... Phần nhiều những công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Atrakan mỗi năm đánh được 4-5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì?

Như nước An Nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu Quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song:

1. Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van;
2. Là Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới;

* Lúc bãi công gần thắng lợi rồi mới đem về.

3. Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho dân nên nó hết sức giấu dân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến An Nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho An Nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân vân, thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh An Nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

1. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?⁽²⁷⁾

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đề tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt*, người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giùm giúp những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra từ bao giờ?

Năm 1923, Đề tam quốc tế khai đại hội, có hội "bị đầy chung thân" và hội "những người cộng sản già" đề nghị, và Đề tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người,

* Bị bắt.

hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên góp được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

1. Chính trị;
2. Kinh tế;
3. Vật chất;
4. Tinh thần.

a) *Giúp chính trị*: Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế sức* cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh Ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại các nước nào, xứ nào có lãnh sự** Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế*: Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cảm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

* Chi thị.

** Lãnh sự quán.

c) *Giúp tinh thần*: Hoặc phải người hoặc gửi thơ đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi lại càng hết sức.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không?

Nên lắm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

1. Tổ chức công hội làm gì?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng quảy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là giờ sách vở, giờ báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phân đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa*.

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, vân vân.

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp này ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

* Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là giờ sách vở, giờ báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp này được vào; ai vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc* đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa** không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta nào***.

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau này hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

* Công nhân các nghề trong ngành xe lửa.

** Công hội xe lửa.

*** Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng* thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyên tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. Ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lệnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì:

1. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3. Chớ có bỉ thử mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

* Điều lệ đảng.

4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm ngặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì phải có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm ủy viên; (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội*. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;
2. Thi hành những việc hội đã định;
3. Bàn bạc việc hội;
4. Điều tra tình hình trong lò máy;
5. Đề nghị những việc hội nên làm;
6. Thu hội phí;

7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, vãn vãn.

* Công hội toàn quốc.

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Và lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ ủy viên (4, 5 lò ấy mỗi lò cử 1 hoặc 2 người).

Bộ ủy viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành ủy viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành ủy viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì ủy viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội ủy viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi* báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực, vân vân, ấy là thường phí, hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí, như để dành phòng lúc bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải "góp gió làm bão".

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

1. Lập trường học cho công nhân;
2. Lập trường cho con cháu công nhân;
3. Lập nơi xem sách báo;
4. Lập nhà thương cho công nhân;
5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;
6. Mở hiệp tác xã;
7. Tổ chức công binh**, đồng tử quân***, vân vân. Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá; phải theo sức hội viên.

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân, che mắt người ta.

* Xong việc rồi.

** Ở đây có thể là đội tự vệ.

*** Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930-1931).

Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội.

Lại khi mới xây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tùy cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm ngặt, thì hội mới vững vàng.

TỔ CHỨC DÂN CÀY

1. Vì sao phải tổ chức dân cày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nổi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5. 730.000 người dân mà chỉ có chừng 148. 015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thằng Tây đồn điền lại chiếm hết:

- 1. 982 mẫu ở Thanh Hóa;
- 35. 426 mẫu ở Nghệ An;
- 17. 076 mẫu ở Nha Trang;
- 13. 474 mẫu ở Phan Thiết;
- 92.000 mẫu ở Kon Tum,
- 67.000 mẫu ở Đồng Nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm 1922*, 20 thằng Tây rủ nhau xin Chính phủ Tây mỗi thằng 3.000** mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 thằng bán lại cho 1 thằng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng An Nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

* , ** Số này trong nguyên bản bị mờ.

Nam Kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cổ đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế bán ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cổ xiết ruộng* ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3. Chính phủ Pháp đãi** dân cày An Nam thế nào?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì Chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà Chính phủ lại còn kẹ*** lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đồ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4. Bây giờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ dân cày An Nam là:

1. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.
2. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.
3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng.
4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.
5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.

* Một hình thức tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay.

** Đãi: Đối xử với...

*** Bắt ép, bắt chẹt.

6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?), văn hóa áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng.

5. Cách tổ chức dân cày như thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau:

1. Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẫy, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những người đại địa chủ, mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiến* thì chớ cho vào hội).

2. Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.

3. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước.

4. Còn cách khai hội, tổ chức cán bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

6. Hội dân cày nên đặt tiểu tổ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày thế cho tiểu tổ; người ủy viên thế cho tổ trưởng cũng được.

Ủy viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lệnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải:

1. Kiếm hội viên mới;

2. Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng;

* Thuốc phiện.

3. Đề xướng làm các hợp tác xã;
4. Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, vân vân;
5. Khuyên anh em dân cày cắm rươi, a phiến, đánh bạc;
6. Đặt hội cứu tế, vân vân.

Nói tóm lại là kiếm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiểu tổ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật, thì:

1. Phải dùng cách tiểu tổ;
2. Chớ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, vân vân để mà che mắt thiên hạ. Và trong làng xã An Nam hiện bây giờ cũng có nhiều phường hội như thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt các bộ chuyên môn* như:

Bộ tập thể thao;

Bộ cải lương nghề cày cấy**;

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bộ người cày rẽ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày);

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, vân vân.

* Các ban chuyên môn.

** Ban cải tiến nghề cày cấy.

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa?

Sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn kilô a phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy 1.000 triệu phrăng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phrăng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu dốt. Có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết "cách mệnh" tinh thần, "cách mệnh" kinh tế, thì "cách mệnh" chính trị cũng không xa.

HỢP TÁC XÃ⁽²⁸⁾

1. Lịch sử.

Hợp tác xã đầu hết^{*} sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm".

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác^{**}), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tác^{***}), thứ tư Đan Mạch^{****} (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác^{*****}).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích.

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hóa ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau.

* Đầu tiên.

** Hợp tác xã tiêu thụ.

*** Hợp tác xã sản xuất.

**** Nước Đan Mạch.

***** Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng.

Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".

Hồi bấy giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bá tước* dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận.

Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ 10 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nôi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ.

4. Mấy cách hợp tác xã.

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạc**;
2. Hợp tác xã mua;
3. Hợp tác xã bán;
4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác xã ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

* Bóc lột.

** Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng.

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b. Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp.

5. Hợp tác xã tiền bạc.

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

1. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;

2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, 1.000 người đã được 1.000 đồng. Có 1.000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng 10.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì 1.000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay 100 hén 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 vắn vắn, chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bề thế cho người ta tín dụng*, thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua.

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)** thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ

* Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền.

** Đây dùng từ này theo nghĩa địa phương *mua buôn* hay *mua nhiều*.

thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mua thùng dầu lửa giá 3 đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thấp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng 0đ20

23 lít dầu 2đ30

Cộng cả 2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Đem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán.

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Và lại khi đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế; đong đi đong lại đổ tháo mất 53 năm, nhà buôn bán bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, vân vân. Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản.

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cán ràn*, lồi thoi biết chùng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, vân vân, khi cày mễ, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

9. Nhà buôn lấy lời.

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, *ăn lời một lần*. B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, *ăn lời 2 lần*. C bán cho công ty Đ Hà Nội, *ăn lời 3 lần*. Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, *ăn lời 4 lần*. Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, *ăn lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, *ăn lời 6 lần*. G bán lẻ cho H, *ăn lời 7 lần*. H bán lẻ cho người uống, *ăn lời 8 lần*.

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

* Cái chuang.

10. Cách tổ chức.

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng một hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã nào thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, vào có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy, vân vân, thì có phép mượn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN LÃM VĂN HÓA*

...Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi ở dưới đất mà cứ muốn vụt lên trời: Chết mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít.

...

Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ mường tượng như Lỗ Tấn nhà văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi rồi cũng thấy chán nản, nhạt nhẽo và mới biết rằng: muốn tìm thấy sự thay đổi, phải trở về với cuộc sinh hoạt thực tại của con người.

...

Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng cần phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới kiến thiết được và đủ điều kiện để phát triển được.

* Trích bài của phóng viên báo Cứu quốc, cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh, số ra ngày 8-10-1945, ghi lại lời phát biểu của Hồ Chủ tịch khi xem các phòng triển lãm trong buổi khai mạc Phòng Triển lãm văn hóa, ngày 7-10-1945.

Ngày nay, trước khi đi đến việc kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ tranh đấu cực kỳ khổ sở, khó khăn nữa. Giới văn hóa cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng các anh chị em văn hóa đã cố gắng, xin cố gắng lên mãi, để cùng đồng bào đi đến chỗ hoàn toàn vẻ vang của nước nhà.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 7-10-1945

Báo *Cứu quốc*, ngày 8-10-1945.

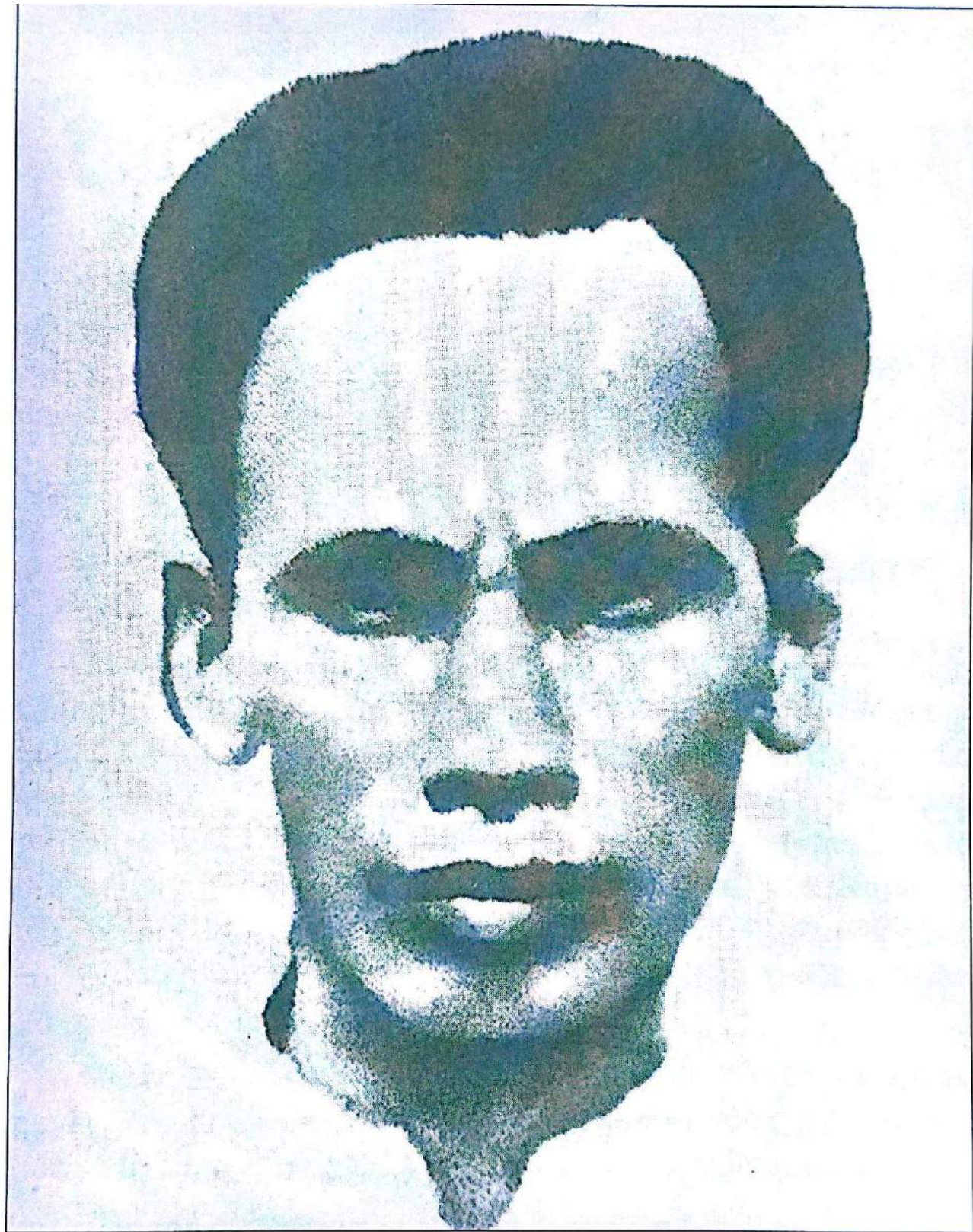
CÁC NHÀ VĂN HÓA VIỆT NAM HÃY CHÚ Ý ĐẶC BIỆT ĐẾN NHỊ ĐỒNG*

Nhi đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hóa. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình. Ví dụ như cần tuyên truyền Đời sống mới, cần chống nạn mù chữ, các em diễn được ngay những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao! Hay là không biết có phải vì tôi thương nhị đồng mà tôi thấy thế?

Tôi xin thay mặt toàn thể thiếu nhi Việt Nam kêu gọi các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhị đồng.

Phát biểu ngày 24-11-1946.
Báo *Cứu quốc*, số 417, ngày 26-11-1946.

* Phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc họp ở Hà Nội, ngày 24-11-1946.



Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1930

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

THƯ GỬI ANH EM VĂN HÓA VÀ TRÍ THỨC NAM BỘ

Cùng đồng bào văn hóa và trí thức Nam Bộ,

Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn sự ủng hộ của các bạn. Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, tranh quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hóa cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do. Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Nhân dân ta sẵn sàng thân thiện với nhân dân Pháp, nhưng quyết không chịu làm nô lệ cho thực dân phản động. Anh em văn hóa và trí thức, càng phải quyết tâm không chịu làm nô lệ.

Tôi gửi anh em lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 25 tháng 5 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI HỘI NGHỊ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN VÀ BÁO CHÍ TOÀN QUỐC

Các đồng chí,

Tôi gửi lời thân ái chúc các đại biểu mạnh khỏe và Hội nghị có kết quả tốt. Sau đây là một vài ý kiến tôi đưa ra để giúp vào cuộc thảo luận của Hội nghị.

Theo ý kiến của tôi, thì thông tin, tuyên truyền và báo chí là ba ngành trong một việc, ba ngành đó phải đi sát với nhau. Vì vậy, các ưu điểm và khuyết điểm cũng chia sẻ với nhau. Xét lại, hơn một năm kháng chiến, chúng ta thấy trong thông tin, tuyên truyền và báo chí, ưu điểm cũng có vài khuyết điểm cũng còn nhiều.

ƯU ĐIỂM

1. Mặc dầu hoàn cảnh khó khăn, anh em đều cố gắng làm nhiệm vụ.

2. Số báo chí nhiều hơn trước, nhất là bích báo càng phát triển.

Hầu khắp các cơ quan và bộ đội, các đoàn thể đều có bích báo. Các huyện như An Hải có báo *Giết giặc*, các đội nhi đồng như báo *Xung phong* của em bé ở Hải Dương, kỹ thuật và nội dung rất khá.

3. Nhiều nơi có sáng kiến dùng những cách thức phổ thông để tuyên truyền, như kịch, vè, ca dao, v.v..

4. Gần đây đã đi đến chỗ thống nhất thông tin tuyên truyền.

KHUYẾT ĐIỂM

a- Nhiều địa phương, anh em thông tin tuyên truyền lầm tưởng mình là công chức, làm việc theo cách bàn giấy mà quên

nhiệm vụ của mình là tuyên truyền, cổ động, giải thích và huấn luyện cho nhân dân.

- Các cấp thông tin tuyên truyền thường thi hành chỉ thị cấp trên một cách máy móc, không biết áp dụng theo hoàn cảnh thiết thực trong địa phương mình.

- Tuyên truyền không chủ trương thực tế mà hay nói những lý luận viển vông.

- Chưa có một chương trình, một kế hoạch *thiết thực* và *đầy đủ* về công tác cũng như về kiểm tra.

b- Báo chí có những khuyết điểm sau đây:

1. *Về kỹ thuật*: Có đôi tờ báo, khi thì rộng, khi thì hẹp, chữ in thì luộm thuộm, khó đọc, tên báo thì thường đổi khác (khi in thế này, khi in cách khác), thành thử tờ báo mất cả cái bản sắc của nó. Nhiều khi "tiếp theo trang sau" lộn xộn quá, làm cho người đọc khó tìm.

2. *Về tin tức*: Tin tức thế giới nhiều hơn tin tức trong nước. Có những tỉnh như Hà Giang, Lào Cai hoặc các tỉnh Trung Bộ hầu như không bao giờ có tin tức gì trên mặt báo. Các báo miền ngược không chú ý dân tộc thiểu số.

- Có khi đăng tin không xác thực.

- Không biết giữ bí mật. Thí dụ: đăng cả tên, hoặc số các bộ đội ta. Đăng rõ địa điểm và kết quả sau một cuộc địch ném bom.

3. *Về văn chương*: Quá dài dòng văn tự. Khô khan, kém hoạt bát lanh lợi. Không phổ thông. Hay dùng chữ Tàu mà không đúng nghĩa.

4. *Về chính trị*: Hay nói chính trị suông mà ít chú ý đến những vấn đề quan trọng khác, như kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Không nắm được những vấn đề chính để giải thích cho dân. Thí dụ: vấn đề chính phủ bù nhìn, những việc cần thiết trước và sau khi địch tấn công.

Không biết lãnh đạo dư luận, không biết thúc đẩy và nâng cao tinh thần tranh đấu của nhân dân.

- Đôi khi sơ suất, cầu thả, làm giảm giá trị tờ báo hoặc làm mất lòng người xem. Thí dụ: Tờ báo nọ đăng bài có đầu không đuôi. Tờ báo kia quên cả lịch sử, trận Đống Đa ngày 5 tháng Giêng âm lịch, thì viết là 10 tháng 11. Tờ báo khác đăng tin vị linh mục X hàng dịch, kỳ thực vị ấy là một người tốt.

5. *Về phát hành*: Chậm chạp và thiếu thốn. Nhiều nơi, hàng tháng không có báo, không có tin tức.

6. *Về dịch vận*: Còn rất kém, đôi lính Pháp cũng như đối những người Việt lầm đường theo Pháp.

7. *Về kinh nghiệm*: Không biết trao đổi cho nhau. Vùng này có nhiều sáng kiến hay, đã lượm được kết quả tốt, mà vùng khác không biết bắt chước (những điều 5, 6, 7 thì báo chí cũng như thông tin tuyên truyền).

Nói tóm lại: Nội dung các tờ báo chưa phản ánh được sự sinh hoạt của các tầng lớp dân chúng, chưa thành *tờ báo của dân chúng*.

Tôi mong rằng, trong cuộc Hội nghị này, các đồng chí sẽ bàn định một *chương trình thiết thực và đầy đủ* để sửa chữa những khuyết điểm, phát triển những ưu điểm, để làm cho thông tin tuyên truyền và báo chí trở nên rất hoạt động. Mà muốn đạt mục đích đó thì đào tạo cán bộ mới là một vấn đề quan trọng cần phải giải quyết.

Tôi chắc rằng các đồng chí sẽ cố gắng để làm cho thông tin, tuyên truyền và báo chí làm tròn nhiệm vụ *tuyên truyền, cổ động, huấn luyện và lãnh đạo* nhân dân.

Chào thân ái và quyết thắng.

Tháng 2 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

Tạp chí *Kinh nghiệm tuyên truyền*,
Sở Thông tin Nam Bộ, số 7, tháng 5-1949.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HÓA TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc,

Nhân dịp Hội nghị văn hóa toàn quốc, tôi gửi lời thân ái chúc mừng các đại biểu.

Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hóa gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ thành lập cho đến nay, các nhà văn hóa ta đã cố gắng và đã có thành tích. Song từ nay trở đi chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng, các nhà văn hóa ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng.

Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế.

Đang có phong trào Thi đua ái quốc của toàn dân, tôi mong rằng Hội nghị sẽ có một chương trình thi đua ái quốc về mặt trận văn hóa. Tôi chắc rằng sau Hội nghị, văn hóa của ta sẽ có một sự phát triển mạnh mẽ.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 15 tháng 7 năm 1948

HỒ CHÍ MINH

Báo Cứu quốc, số 1011, ngày 12-8-1948.

THƯ GỬI CÁC HỌA SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HỌA NĂM 1951*

Gửi anh chị em họa sĩ,

Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật để anh chị em tham khảo.

Văn hóa nghệ thuật cũng là một *mặt trận*.

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ* nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường* vững, *tư tưởng* đúng, nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Về *sáng tác*, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. Như thế, mới bày tỏ được tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao cho tinh thần ấy. Kháng chiến tiến bộ mạnh. Quân và dân ta tiến bộ mạnh. Nghệ thuật cũng cần tiến bộ mạnh. Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp phê bình và tự phê bình.

Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị*.

* Triển lãm hội họa năm 1951 khai mạc tại Việt Bắc. Ngót 200 bức tranh có giá trị được trưng bày, diễn tả những nét sinh hoạt, đấu tranh của nhân dân ta và tố cáo tội ác của bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ.

Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị.

Tiền đồ dân tộc ta rất vẻ vang, tiền đồ nghệ thuật ta rất rộng rãi. Chúc anh chị em mạnh khỏe, tiến bộ, thành công!

Chào thân ái và quyết thắng!

HỒ CHÍ MINH

Ngày 10-1-1951

Báo *nhân dân*, ngày 10-1-1951

ĐẠI HỘI VĂN CÔNG

Trong những năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, nhân dân ta đã khắc phục khó khăn, thu nhiều thắng lợi. Văn nghệ là một trong những thắng lợi đó.

Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tòi tàn, không thể phát triển được.

Trong kháng chiến, nhân dân ta vùng dậy phá ách nô lệ, giành lại tự do, nhờ vậy văn nghệ ta cũng được vươn mình giải phóng.

Ngày nay, chúng ta khen ngợi anh chị em văn công mặc đẹp, hát hay, múa khéo. Nhưng chúng ta cũng không quên những ngày khắc khổ trong mấy mươi năm qua. Đêm sương giá lạnh, áo vá, quần nâu. Có người miệng nhai ngô, tay viết kịch, dưới những hang đá hoặc trong những lều tranh. Các "nghệ sĩ" thì vừa phục vụ dân công hoặc vừa đánh giặc vừa tập trung múa hát dưới làn bom đạn. Văn nghệ đã sinh trưởng trong kháng chiến.

Đồng bào đi xem đều khen ngợi văn công khá. Mà khá thật. Khá nhất là ở chỗ đã tẩy hết những cái gì trụy lạc, hủ bại của văn nghệ thực dân và phong kiến; đã nêu rõ được chừng nào tinh thần dũng cảm và sinh hoạt cần lao của nhân dân ta.

Nhưng văn công ta chớ vì thành tích ấy mà *tự cao, tự mãn*. Để phục vụ nhân dân, (mà đó là mục đích của văn nghệ ta), anh chị em văn công *cần phải cố gắng học tâm thêm nữa, rèn luyện thêm nữa và tiến bộ hơn nữa*.

C.B.

Báo Nhân dân, số 308, ngày 3-1-1955.

NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Tôi lấy danh nghĩa một người yêu chuộng văn nghệ xin chúc mừng Đại hội văn nghệ thành công.

Cụ Hoàng* vừa nói với tôi rằng tôi là một nhà văn nghệ, nhưng tôi chỉ nhận tôi là một người yêu chuộng văn nghệ chứ không phải là một nhà văn nghệ.

Đã đến thăm, không nhiều thì ít tôi cũng có một vài ý kiến để các cụ, các anh chị em tham khảo sau này, vì Đại hội hôm nay bế mạc rồi.

Trong hơn mười năm nay - Từ Cách mạng tháng Tám - trong mấy năm kháng chiến anh dũng và hai năm xây dựng hòa bình, giới văn nghệ đã cố gắng cùng với nhân dân từ Nam chí Bắc đấu tranh. Các nhà văn nghệ đều có công với cách mạng, với kháng chiến, với xây dựng hòa bình.

Nhưng mà chúng ta nói chuyện với nhau phải thật thà: thành tích tuy có nhiều nhưng thiếu sót cũng không ít. Đó là ý kiến của tôi, còn đúng hay không xin các cụ và các anh chị em xét lại. Về thành tích trong Đại hội này, đứng về ý kiến của tôi thì thành tích trội nhất là các cụ với anh chị em đã thẳng thắn tự phê bình và thật thà phê bình tức là đoàn kết mà đấu tranh và do đấu tranh đó đã đi đến đoàn kết hơn trước. Bây giờ chúng ta phải đồng tâm, hợp lực nhằm nhiệm vụ của toàn dân nói chung và giới văn nghệ nói riêng mà tiến tới.

* Cụ Hoàng Ngọc Phách.

Những nhiệm vụ gì?

- Đó là đấu tranh để củng cố miền Bắc, đấu tranh để thống nhất nước nhà.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt thì chúng ta phải học tập, chúng ta phải trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn.

Hoàn cảnh của chúng ta thuận lợi có nhiều mà khó khăn cũng không ít. Thuận lợi đây là do nhân dân ta ai cũng cố gắng, ai cũng đoàn kết. Một mặt nữa chúng ta được các nước anh em giúp đỡ tận tâm.

Vì hoàn cảnh nước ta tạm chia hai miền. Từ vĩ tuyến 17 trở vào đồng bào ta đang sống vô cùng cực khổ dưới gót sắt của Mỹ - Diệm. Khó khăn như thế này chứ dù khó khăn hơn nữa, nhưng với quyết tâm đoàn kết thì chúng ta cũng khắc phục được hết.

Nói chung, nhân dân ta như thế.

Nói riêng là giới văn nghệ đã có những đóng góp đáng kể. Già trẻ, gái trai, Nam - Bắc tất cả chúng ta đoàn kết; các ngành văn nghệ đoàn kết, đoàn kết nhằm vào mục đích chung phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chúng ta làm thế thì văn nghệ sĩ nhất định sẽ tiến bộ hơn nữa, đồng thời có lực lượng mà giúp đỡ nhân dân tiến bộ hơn nữa.

Phần trước tôi đã đứng về địa vị một người yêu chuộng văn nghệ mà nói. Bây giờ đứng về địa vị một người chính trị, tôi xin hứa rằng Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ cố gắng trong khả năng của mình, giúp đỡ văn nghệ tiến lên.

Nói ngày 28-2-1957

Sách Hồ Chí Minh: Về công tác văn hóa, văn nghệ,
Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 33-35.



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký tài liệu cho bảo tàng Điện Biên Phủ
nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng lịch sử
Điện Biên Phủ (28/4/1964).

*Ảnh: Vũ Đình Hồng
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*

THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HÓA

(Nhờ ông Bộ trưởng Bộ Văn hóa chuyển)

Thân ái gửi Hội nghị cán bộ văn hóa,

Tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ chúc các đại biểu mạnh khỏe và cố gắng làm việc.

Năm vừa qua, trong công cuộc khôi phục kinh tế và đấu tranh để thống nhất nước nhà, Bộ văn hóa đã góp phần đáng kể: đời sống văn hóa của nhân dân đã nâng cao một bước, tàn tích văn hóa xấu của chế độ cũ đã bị tẩy trừ dần. Một nền văn hóa mới đang được xây dựng.

Nhưng công tác văn hóa vẫn còn những thiếu sót: Phong trào văn hóa có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng nề về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức quần chúng. Về mặt tổ chức và lãnh đạo còn thiếu chặt chẽ chưa dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, chưa dùng hết khả năng của các nhà trí thức. Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh "phục cổ" một cách máy móc) và học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều.

Để luôn luôn tiến bộ, chúng ta cần phải nắm vững mục tiêu là đoàn kết nhân dân, giáo dục tinh thần yêu nước và xã hội chủ

* Hội nghị cán bộ văn hóa toàn miền Bắc họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 2 đến ngày 9-3-1957.

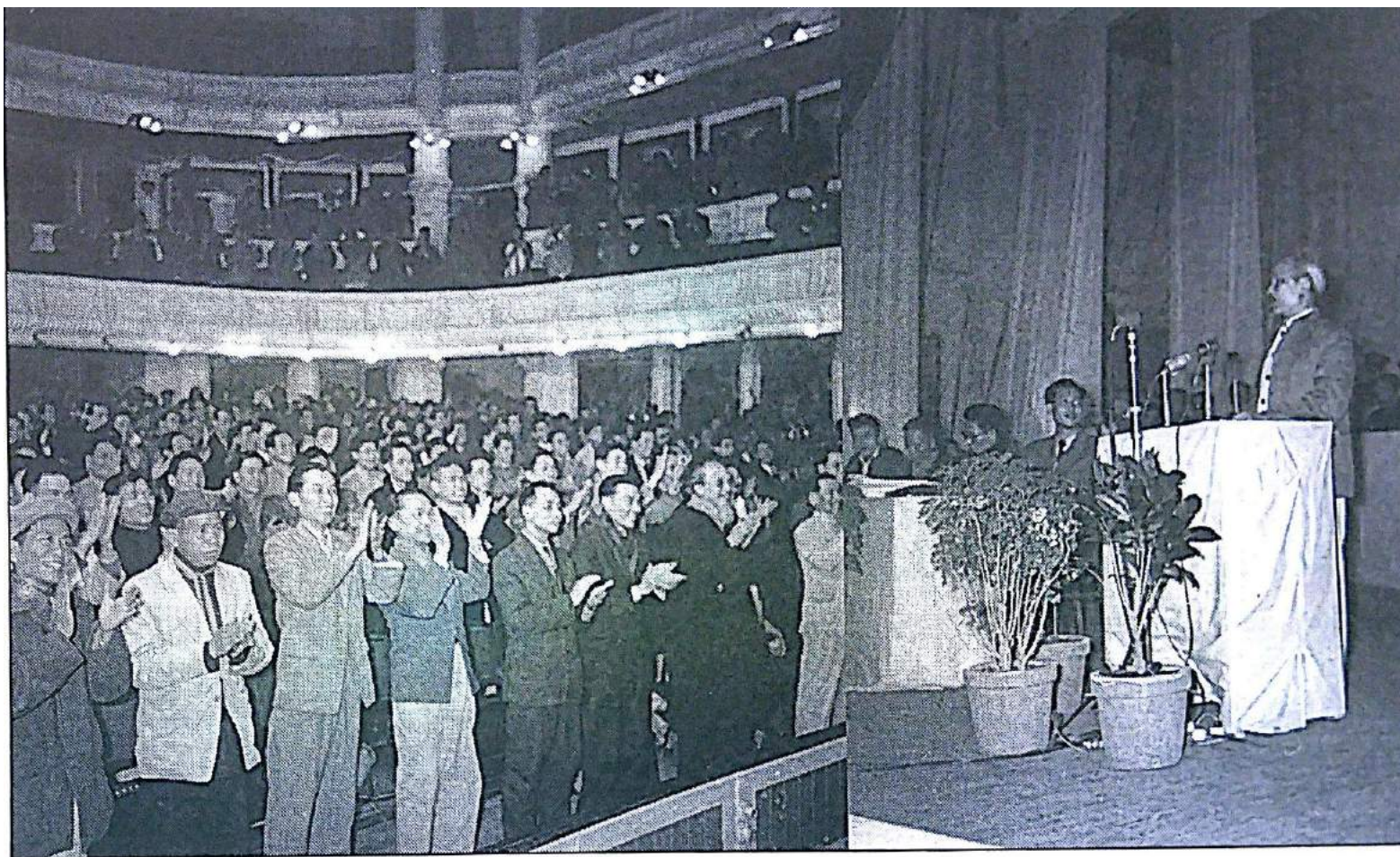
nghĩa cho nhân dân (chủ yếu là nhân dân lao động), động viên nhân dân, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước để cùng cố miền Bắc và hăng hái đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Trong công tác ấy, cán bộ văn hóa phải cố gắng nhiều. Cấp ủy đảng và chính quyền các địa phương cũng cần phải ra sức giúp đỡ. Như vậy thì công tác văn hóa từ nay chắc sẽ thu được nhiều thành tích tốt đẹp hơn nữa.

Chúc Hội nghị thành công.

Ngày 28 tháng 2 năm 1957

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 1091, ngày 3-3-1957.



Hồ Chủ tịch đến dự và nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ
toàn quốc lần thứ II (tháng 2/1957)

Ảnh: TTXVN

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HÓA*

Hôm nay, các cô các chú khai hội sau khi đi công tác lao động về, Bác thay mặt cho Trung ương Đảng và Chính phủ đến hỏi thăm các cô các chú...

Bây giờ Bác có mấy ý kiến. Nói về văn hóa thì cán bộ có cố gắng, mà văn hóa nói chung thì có thành tích, đây là điều đáng khen, nhưng khuyết điểm cũng còn khá nhiều. Lấy một thí dụ thôi: Nói là khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra. Xem ra, thì năm nay tương đối khá, còn như năm ngoái khôi phục vốn cũ thì khôi phục cả đồng bóng, rước xách thần thánh. Vì khôi phục như thế nên ở nông thôn, nhiều nơi quên cả sản xuất, cứ trồng mĩ bì bõm, ca hát lu bù. Có những xã góp đến mấy triệu đồng đi mua áo, mua mũ, mua hia, như thế nói là khôi phục vốn cũ có đúng hay không? Cái gì tốt thì ta nên khôi phục và phát triển, còn cái gì xấu, thì ta phải bỏ đi.

Sau đây Bác nêu mấy ý kiến để giúp các cô các chú thảo luận. Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng toàn dân ta là gì? Là xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà. Muốn đấu tranh thống nhất nước nhà thắng lợi thì nhất định phải xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội...

* Nói chuyện ngày 30 tháng 10 năm 1958. (B.T).

Cán bộ văn hóa bây giờ đã bắt đầu đi tham gia lao động và phục vụ sản xuất, như thế là tốt. Đó là một chuyển hướng tốt nhưng mới là bước đầu. Như vậy là đáng khen, mà đặc biệt đáng khen là những cán bộ đã đi đến những miền núi. Phải thấy rằng, nói chung văn hóa của ta còn loanh quoa trong thành phố, chỗ dễ ăn, chứ chưa đến chỗ đồng bào Mèo, đồng bào Mán. Ở rẻo cao đi từ nhà này qua nhà khác, xóm này qua xóm khác nhiều khi cũng đến 5 cây số, phải trèo mấy lần núi, xuống mấy lần đèo, lội qua mấy lần suối. Các đồng chí cán bộ đã đi được như vậy phải có kiên tâm.

Bước đầu như thế, nói chung là tốt. Nhưng các cô các chú phải kiên trì và phát triển những cố gắng ấy hơn nữa.

Điểm thứ hai Bác muốn nói là cán bộ văn hóa nói riêng cũng như tất cả các cán bộ ta nói chung phải rèn luyện tư tưởng, chính trị, ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm. Thí dụ đi lên vùng đồng bào Mèo, đồng bào Mán, thì trước hết phải có tinh thần, có lập trường chính trị. Đồng thời các cô các chú phải lo học tập nghệ thuật, nghiệp vụ, văn hóa và kỹ thuật thêm. Chúng ta cũng cần nhận thấy rằng bây giờ nước ta so với các nước anh em, như so với Triều Tiên chẳng hạn, thì văn hóa kỹ thuật của Triều Tiên còn hơn ta. Cả về mặt chính trị, tư tưởng, tinh thần trách nhiệm cũng như về các mặt nghiệp vụ, nghệ thuật, kỹ thuật, văn hóa chúng ta còn thấp. Cho nên mọi người cần phải ra sức học tập thêm. Nói như tiếng Trung Quốc thì gọi là "trước hồng sau chuyên", mà "hồng" thì phải đến nơi và "chuyên" thì phải đến chốn.

Một vấn đề nữa phải đặt rõ là văn hóa phục vụ ai? Cố nhiên chúng ta phải nói là phục vụ công nông binh, tức là phục vụ đại đa số nhân dân. Vài năm về trước, điều đó chưa hiểu được dứt khoát, có phải không? Các đồng chí làm công tác văn hóa cần nói dứt khoát như thế, không thể nói nghệ thuật vì nghệ

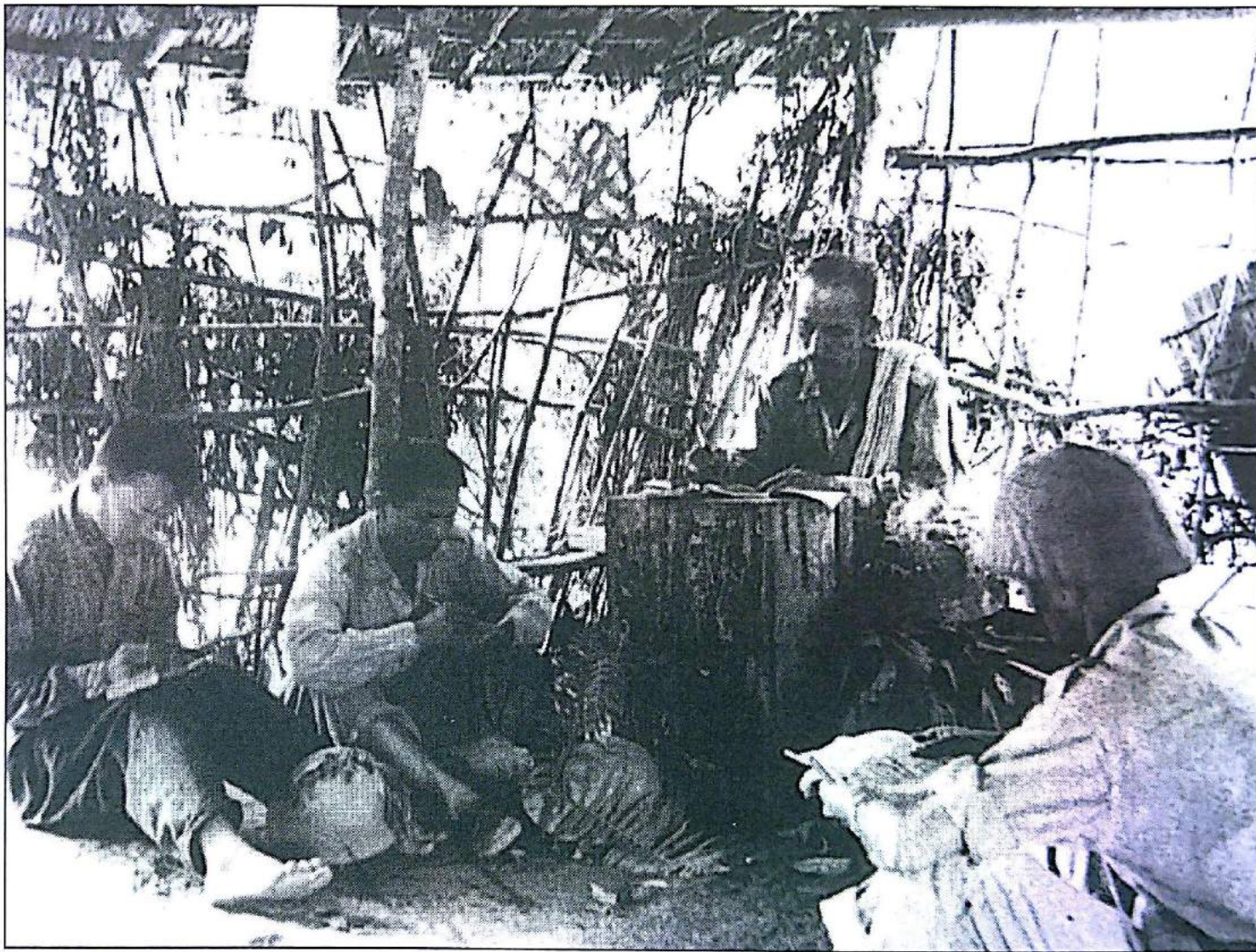
thuật, mà cần nói rõ văn hóa phục vụ công nông binh. Một vấn đề thứ hai là quần chúng với sáng tác. Quần chúng có biết sáng tác không? Có sáng tác được không? Vấn đề ấy cũng phải dứt khoát. Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa. Chắc các cô các chú cũng biết là những câu tục ngữ của ta do ai làm ra. Đó là do quần chúng làm ra. Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không "trường thiên đại hải", dây cà ra dây muống. Các cán bộ văn hóa cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý. Muốn làm như thế thì cố nhiên là phải có chính trị, có kỹ thuật, thì mới mài cho viên ngọc ấy thành tốt, khéo và đẹp.

Một vấn đề nữa là phổ biến hay đề cao? Đây cũng là nêu ý kiến cá nhân của Bác thôi, nêu ra để các cô các chú thảo luận. Đề cao là thế nào? Đề cao là nâng cao lên. Nhưng muốn nâng cao lên thì phải ở đâu mà nâng lên, nếu ở giữa "khoảng không" mà nâng thì cũng không cao mà cũng không thấp. Thế là nói: trước phải phổ biến, nghĩa là trước hết phải có cái nền, rồi từ cái phổ biến ấy, cái nền ấy mà nâng cao lên. Ví dụ: nhiều nơi bây giờ bình dân học vụ phát triển khá, có nhiều xã, nhiều huyện, thị xã đã xóa xong nạn mù chữ. Đây là phổ biến rồi. Nhưng bây giờ phải nâng lên cao một bậc nữa. Xóa xong nạn mù chữ rồi phải sao nữa, chứ không phải xóa xong nạn mù chữ rồi thì thôi. Công tác văn hóa, nghệ thuật cũng phải như vậy. Tóm lại phải có cái nền đã, rồi từ cái nền ấy mới biết là nâng cao đến chừng nào, chỗ nào nên nâng cao. Đây là về việc phổ biến và nâng cao...

Cơ quan trong Bộ Văn hóa, các cơ quan các ngành, các Ty văn hóa thì cần xuống nông thôn, vào nhà máy, vào bộ đội

nhiều hơn nữa, mà đi vào như thế thì phải cùng làm, cùng ăn, cùng ở với nhân dân. Chứ nếu đi xuống nông thôn mà lại lao động phát phơ, rồi ăn riêng, ở riêng thì cảm thông sao được, gần gũi sao được với công nông, với bộ đội. Muốn thật sự gần gũi quần chúng thì phải cùng ăn, cùng ở, cùng làm, mới biết sinh hoạt quần chúng như thế nào, mới biết khó khăn, biết chí khí của quần chúng như thế nào, mới biết nguyện vọng của quần chúng như thế nào...

Chúc cho hội nghị này ra được những nghị quyết thiết thực. Và chúc hội nghị thành công.



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại một nơi dừng chân trên đường
đi công tác ở Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống
thực dân Pháp xâm lược (1950)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CÁCH VIẾT*

Hôm nay Bác nói về cách viết, đặc biệt là viết *ngắn*.

Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu. Vì vậy cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy.

Trong các báo cáo, có những bài lằng nhằng dài mấy cột, như lá rau muống kéo dây. Đọc đến khúc giữa thì không biết khúc đầu nói cái gì; đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói cái gì. Thế là vô ích.

- *Vì ai mà mình viết?*

- *Mục đích viết làm gì?*

Phải đặt câu hỏi: *Viết cho ai?*

- Viết cho đại đa số: Công - Nông - Binh.

Viết để làm gì?

- Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng.

Thế thì viết cái gì?

Trong vấn đề này cũng phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù thì viết mới đúng.

Viết để *nêu* những cái hay, cái tốt của dân tộc ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn ta. Đồng thời để *phê bình* những

* Trích bài ghi lời Hồ Chủ tịch nói với cán bộ báo chí, văn nghệ và cán bộ các ngành tại Trường chính Đảng Trung ương, ngày 17 tháng 8 năm 1952. (B.T).

khuyết điểm của chúng ta, của cán bộ, của nhân dân, của bộ đội. Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt thì phải có *chừng mực*, chớ phóng đại. Có thể nào nói thế ấy. Bộ đội và nhân dân ta cũng nhiều cái hay để nêu lên, không cần phải bịa đặt ra.

Phê bình thì phải phê bình một cách *thật thà*, chân chính, đúng đắn, chứ không phải để cho địch lợi dụng để nó phản tuyên truyền.

Còn đối với *địch* thì thế nào?

- Thì nêu những cái xấu của nó để cho bộ đội ta, đồng bào ta biết chúng nó độc ác như thế nào, xấu xa thế nào, để gây lòng căm thù đối với quân địch.

Sự hung ác, xấu xa của chúng nó rất nhiều, nếu biết gom góp tài liệu thì tha hồ mà viết. Có những việc chúng làm, bên ngoài thì như là tốt, mà bên trong thì thật là xấu, ta phải giải thích cho nhân dân ta hiểu.

Thí dụ: Trong vùng địch, Pháp có khi "phát trần" hay là Mỹ "giúp" để tuyên truyền, để mua chuộc. Sự thực là chúng đã cướp chỗ này rồi "giúp" chỗ khác. Một thí dụ ấy đủ biết cái xấu của nó rõ rệt rồi. Nhưng nếu không biết xem xét thì tưởng nó làm như thế là tốt.

- *Lấy tài liệu đâu mà viết?*

Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là:

1. *Nghe:* Lắng tai nghe cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.

2. *Hỏi:* Hỏi những người đi xa về, hỏi nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.

3. *Thấy:* Mình phải đi đến, xem xét mà thấy.

4. *Xem:* Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài.

5. *Ghi:* Những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được, thì *chép* lấy để dùng và viết. Có khi xem mấy tờ báo mà

chỉ được một tài liệu mà thôi. Tìm tài liệu cũng như những công tác khác, phải *chịu khó*.

Có khi xem tờ báo này có vấn đề này, xem tờ báo khác có vấn đề khác, rồi gộp hai ba vấn đề, hai ba con số làm thành một tài liệu mà viết.

Muốn có nhiều tài liệu thì phải xem cho rộng.

Xem báo Trung Quốc, báo Liên Xô, báo Anh, báo Pháp... Xem được nhiều thứ báo chừng nào thì lấy được nhiều tài liệu chừng ấy.

Một thí dụ: bên Liên Xô có những thành công về công nghiệp, về nông nghiệp, chỉ nói thế thôi có được không?

Cố nhiên là được. Nhưng nên biết cũng trong năm ấy, cũng trong mùa ấy, mà mức công nghiệp, nông nghiệp ở Liên Xô, ở Trung Quốc, ở các nước bạn lên như thế nào, còn ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh, sút kém như thế nào để mà so sánh. Như thế thì người đọc sẽ thấy ngay bên nào tiến, bên nào thoái.

Cách viết thế nào?

Trước hết là cần phải *tránh cái lối viết "rau muống"* nghĩa là lằng nhằng "trường giang đại hải" làm cho người xem như là "chất chất vào rừng xanh". Mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động; nếu người xem mà không *nhớ* được, không *hiểu* được, là viết không đúng, nhằm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem *hiểu* được, *nhớ* được, *làm* được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều. Bất đắc dĩ mới phải dùng chữ, thí dụ: "độc lập", "tự do", "hạnh phúc" là những chữ Trung Quốc, nhưng ta không có chữ gì dịch, thì cố nhiên phải dùng. Nếu quá tả không mượn, không dùng, hoặc là nói: Việt Nam "đứng một" thì không ai hiểu được.

- *Chớ ham dùng chữ* - Các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá. Những chữ tiếng ta có mà không dùng, lại dùng cho được chữ kia. Cán bộ cũng hay dùng chữ lắm, dùng lung tung, nhiều khi không đúng.

Vài thí dụ: 3 tháng thì không nói 3 tháng, lại nói "tam cá nguyệt". Đánh vào sâu thì nói "tung thâm", xem xét thì nói "quan sát", v.v...

Phải viết gọn gàng, rõ ràng, vắn tắt. Nhưng vắn tắt không phải là cụt đầu, cụt đuôi, mà phải có đầu có đuôi.

Phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng, Có nhà thơ nói: "Tóc cười, tay hát" thì thật là "hoang vu"! Có nhà văn nói: "Cặp mắt ông cụ già dĩnh ngộ", thì thật là "nghệ nghệ"!

Chớ ham dùng chữ. Những chữ mà không biết rõ thì chớ dùng. Những chữ mà tiếng ta có, thì phải dùng tiếng ta.

Viết phải *thiết thực*. "Nói có sách, mách có chứng", tức là nói cái việc ấy ở đâu, thế nào, ngày nào, nó sinh ra thế nào, phát triển thế nào, kết quả thế nào?

Vài ví dụ: Chồng tham ô, lãng phí thì nêu rõ ai tham ô, ai lãng phí? Cơ quan làm tham ô? Lãng phí cách thế nào? Ngày tháng nào? v.v... Chớ viết lung tung.

Nói du kích đánh thắng. Đánh thắng ngày nào? Thắng cách thế nào? Giết được bao nhiêu địch, bắt bao nhiêu địch, thu được bao nhiêu súng?... Phải nói rõ ràng, đồng thời *chớ lộ bí mật*.

Viết rồi phải thế nào?

Viết rồi thì phải đọc đi, đọc lại. Thấy cái gì thừa, câu nào, chữ nào thừa, thì bỏ bớt đi. Đọc đi đọc lại bốn năm lần đã đủ chưa? Chưa đủ. Đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại. Mình đọc mấy lần rồi cũng chưa đủ. Phải nhờ một số đồng chí công, nông, binh đọc lại. Chỗ nào ngúc ngắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra cho thì phải sửa lại.

Cách viết truyền đơn cũng thế, viết báo cũng thế, viết báo cáo, viết gì cũng thế.

Viết chuyện có nhiều góc ngách thì phải nắm lấy cái chính, không nên kể con cà con kê. Nhắm lấy điểm chính mà viết.

Phải giữ bí mật.

Trong lúc viết thì phải chú ý *giữ bí mật*. Các báo chí của ta rất kém giữ bí mật. Có khi số báo nào cũng có lộ bí mật.

Thí dụ khi nói thanh niên du kích lẫn vào mấy bà con đi chợ cầm đòn gánh, lúc gặp lính giặc thì mấy thanh niên quật giặc chết.

Về sau cứ phiên chợ nào có thanh niên thì bị địch vớ.

Một thí dụ khác: Giặc vào quét làng, dân chạy hết. Có một chị phụ nữ già ốm ở lại, mỗi tối chị ấy mang cháo cho anh thương binh ở dưới hầm bí mật. Hầm có một... để cho anh ấy thở và để chị ấy đổ cháo xuống.

Đó là một việc oanh liệt đáng nêu lên. Nhưng vì viết không khéo, làm lộ bí mật, về sau Tây cứ đi tìm hầm bí mật, chỗ nào có... là nó nhất định đào cho được.

Thế là viết mà không biết giữ bí mật. Chớ có nêu rõ địa điểm, tên người cho địch biết.

Viết khẩu hiệu:

Có những khẩu hiệu viết rất to, nhưng Hồ Chủ tịch cũng không hiểu vì viết tắt cả một dòng. Không ai đọc được, có lẽ chỉ có anh viết khẩu hiệu ấy đọc được thôi. Hồ Chủ tịch không hiểu thì chắc dân cũng ít người hiểu.

Lại có cách viết "hoa hòe", chữ *u* không ra chữ *u*, chữ *n* không ra chữ *n*, chữ *i* không ra chữ *i*. Họ cho thế là mỹ thuật! Cách viết thế nào, cách nói cũng thế. Nói phải cho gọn gàng, có đầu, có đuôi, có nội dung. Nói lung tung như nhiều cán bộ nói ở các cuộc mít-tinh, nói rồi không biết đường nào mà đi ra nữa, thôi đi thì cũng dở, nói nữa thì không biết nói gì? Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn.

Muốn nói gì phải chuẩn bị trước.

Cách viết và cách nói đại khái là như thế.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM*

Bác thay mặt Đảng và Chính phủ đến thăm các đồng chí.

Là một người có nhiều duyên nợ với báo chí, Bác nêu vài ý kiến giúp các cô, các chú tham khảo:

Nói đến báo chí trước hết phải nói đến những *người làm báo chí*. Các cô, các chú đã có những *ưu điểm* như đã đóng góp vào cuộc kháng chiến thắng lợi, xây dựng hòa bình và thống nhất Tổ quốc. Nhiều đồng chí đã cố gắng làm việc. Gần đây, sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương, các đồng chí đã thấy rõ công việc báo chí là rất quan trọng, và đã thấy được những ưu điểm và khuyết điểm của mình. Như thế là tiến bộ.

Ưu điểm của các cô, các chú không ít. Nhưng *khuyết điểm* thì cũng còn nhiều. Trong các đồng chí cũng còn có người hoặc ít hoặc nhiều chưa thoát khỏi ảnh hưởng tư sản và tiểu tư sản, cho nên nắm vấn đề *chính trị* không được chắc chắn. Nói về *văn nghệ*, Bác thú thật có ít thì giờ xem các bài văn nghệ. Có lẽ vì thế mà có lúc xem đến thì thấy cách viết thường ba hoa, dây cà dây muống; và hình như viết là để đếm dòng lấy tiền, có những bài nhạt nhẽo thế nào ấy. Còn viết về *chính trị* thì khô khan và có hai cái tệ: một là dập khuôn, hai là dùng quá nhiều chữ nước ngoài. Cái *bệnh dùng chữ*, là phổ biến trong tất cả các ngành. Đáng lẽ báo chí phải chống lại cái bệnh đó, nhưng trái lại, báo

* Nói chuyện ngày 16 tháng 4 năm 1959. (B.T.)

chí lại tuyên truyền cho cái tệ đó. Cổ nhiên, có những chữ không thể dịch được thì ta phải mượn chữ nước ngoài. Ví dụ: những chữ kinh tế, chính trị, v.v... thì ta phải dùng. Hoặc có những chữ nếu dịch ra thì mất cả ý nghĩa, như chữ "độc lập". Nếu "Việt Nam độc lập" mà nói "Việt Nam đứng một" thì không thể nghe được. Nhưng có những tiếng ta sẵn có, thì tại sao lại dùng chữ nước ngoài. Ví dụ: vì sao không nói "đường to" mà lại nói "đại lộ", không nói "người bắn giỏi" mà lại nói "xạ thủ", không nói "hát múa" mà lại "ca vũ"?

Những ví dụ như vậy nhiều lắm, nhiều lắm. Các báo *Nhân dân*, *Thời mới*, *Quân đội*, v.v..., đều dùng chữ nhiều lắm. Tóm lại chúng ta dùng chữ nhiều quá, có khi lại còn dùng sai nữa. Mong rằng báo chí cố gắng sửa đổi cái tệ ấy đi. Tiếng nói là một thứ của rất quý báu của dân tộc, chúng ta phải hết sức giữ gìn nó, chớ để bệnh nói chữ lấn át nó đi.

Khoa học ngày càng phát triển, có những chữ mới mà ta chưa có, thì ta phải mượn. Ví dụ: ta phải nói "ki-lô" vì nếu nói "cân", thì không đúng nghĩa là 10000 gờ-ram. Song những chữ dùng tiếng ta cũng đúng nghĩa thì ta cứ dùng tiếng ta hơn. Có những người hình như sợ nói tiếng ta thì nó xấu hổ thế nào ấy! Họ làm cho các cháu học sinh cũng bị lây bệnh nói chữ, như "phụ đạo", "giáo cụ trực quan", v.v.. Thật là tai hại.

Mấy khuyết điểm nữa: sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương về báo chí, có một số đồng chí thì tiến bộ, nhưng cũng có một số vì trình độ văn hóa và chính trị còn kém thì đâm ra bi quan và muốn đổi làm nghề khác. Họ không biết rằng nghề nào cũng khó, không có nghề nào dễ. Phải có ý chí tự cường, tự lập, kém thì phải cố mà học. Chúng ta phải làm thế nào để vượt được khó khăn, làm tròn nhiệm vụ. Người cách mạng gặp khó khăn thì phải đánh thắng khó khăn, chứ không chịu thua khó khăn. "Không có việc gì khó, có chí thì làm nên". Câu nói đó rất đúng.

Có người chỉ muốn làm cái gì để "lưu danh thiên cổ" cơ. Muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn. Cái đó không đúng. Những khuyết điểm đó đều do *chủ nghĩa cá nhân* đẻ ra. Họ không thấy rằng: làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là vẻ vang. Bất kỳ việc gì mà mình làm tròn nhiệm vụ đều là vẻ vang. Trong các anh hùng, chiến sĩ lao động có người là công nhân, là nông dân, có người làm thầy thuốc, có người đánh giặc giỏi... và có người dọn cầu xia cũng trở nên chiến sĩ. Tóm lại, trong lao động không có nghề gì là hèn, chỉ có lười biếng mới là hèn. Làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng vẻ vang.

Nói về *Hội nhà báo*. Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của Hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ. Có như thế thì Hội nhà báo mới làm tròn nhiệm vụ của mình, và những người làm báo mới phục vụ tốt nhân dân, phục vụ tốt cách mạng.

Chúng ta hãy đặt câu hỏi: Báo chí phải phục vụ ai? Có người nói ở các nước tư bản có tự do báo chí và báo chí không có giai cấp. Nói vậy không đúng. Ví dụ: Các báo Pháp như báo *Phi-garô*, báo *Nước Pháp buổi chiều*, v.v.. Một mặt nó ru ngủ nhân dân, chia rẽ nhân dân, làm cho nhân dân mất chí khí phấn đấu, mất tinh thần đoàn kết giai cấp. Mặt khác, nó phục vụ giai cấp tư bản. Đó là những tờ báo chính trị. Lại còn những tờ báo "giật gân", báo nói về ái tình, báo chuyên về lời chuyện bí mật của những người có tiền ra để tổng tiền v.v.. Tất cả những báo chí ấy đều phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột. Báo chí Pháp có thật tự do không? Không! Ví dụ báo *Nhân đạo* thường bị bọn thống trị tìm mọi cách để phá: nào phạt tiền, nào cho bọn du côn phá phách, nào làm khó khăn về giấy in, nhiều khi báo bị tịch thu, v.v..

Báo chí của ta thì cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới. Chính vì thế cho nên tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người

phát hành. v.v.) phải có *lập trường chính trị vững chắc*. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng.

Báo chí ta không phải để một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân, để tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có *tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu*.

Mục đích chung của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, giữ gìn hòa bình thế giới. Nhưng mỗi tờ báo như báo của nông dân, báo của công nhân, báo của thanh niên, báo của phụ nữ, v.v., nên có *đặc điểm* của nó, về hình thức thì không rập khuôn; rập khuôn thì báo nào cũng thành khô khan, làm cho người xem dễ chán.

Về *trách nhiệm* báo chí, Lê-nin có nói: báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung. Vì vậy, nhiệm vụ của người làm báo là quan trọng và vẻ vang. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ ấy thì phải cố gắng học tập chính trị, nâng cao tư tưởng, đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản; phải nâng cao trình độ văn hóa, phải đi sâu vào nghiệp vụ của mình. Cần phải luôn luôn cố gắng, mà cố gắng thì nhất định thành công.

Trong nghề làm báo ta có những kinh nghiệm của ta, nhưng ta cũng cần phải học thêm những kinh nghiệm của các nước anh em. Muốn thế, thì những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài. Ví dụ, phải biết chữ Hán thì mới xem được báo Trung Quốc và học được kinh nghiệm của báo Trung Quốc.

Trên đây nói nhiều về người viết báo. Nhưng trong nghề làm báo còn có nhiều ngành khác, như ngành in mà các cô, các chú thích nói chữ gọi là ngành "ấn loát" cũng rất quan trọng. Bởi vì có những lúc không cẩn thận, in thiếu nét, thiếu dấu hoặc in mờ không rõ. Người viết bài lại thích dùng chữ, như gọi người đánh cá là "ngư dân", rồi người in lại in thiếu cái dấu ở chữ ư,

hóa ra "ngu dân". Đây chỉ là một ví dụ để thấy rằng việc in cũng phải làm cho tốt. Việc phát hành cũng rất quan trọng. Phải làm thế nào cho báo có nhiều người xem. Giá tiền báo cũng cần phải đúng mức. Trong công tác, người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v.. đều phải ăn khớp với nhau.

*

* *

Có đồng chí hỏi kinh nghiệm làm báo của Bác. Kinh nghiệm của Bác là kinh nghiệm *ngược*. Bác học viết báo Pháp trước, rồi học viết báo Trung Quốc, rồi sau mới học viết báo Việt Nam. Còn học thì một là học trong đời sống của mình, hai là học ở giai cấp công nhân, nhưng không biết làm thế nào để nêu lên được. Một đồng chí công nhân ở tòa báo *Đời sống thợ thuyền* (*La vie ouvrière*) cho Bác biết báo ấy có mục "tin tức vắn", mỗi tin chỉ năm, ba dòng thôi, và bảo Bác có tin tức gì, thì cứ viết, đồng chí ấy sẽ sửa lại cho. Từ đó, ngoài những giờ lao động, Bác bắt đầu viết những tin rất ngắn. Mỗi lần viết làm hai bản, một bản đưa cho báo; một bản thì giữ lại. Lần đầu tiên thấy tin đã được đăng thì rất sung sướng. Mỗi lần đều đem tin đã đăng trên báo so với bài mình đã viết, xem sai chỗ nào. Về sau đồng chí ấy bảo Bác cố viết dài thêm vài dòng nữa, rồi lại vài dòng nữa... Cứ thế kéo dài đến 15, 20 dòng, rồi đến cả một cột dài. Lúc đó đồng chí ấy lại bảo: "Thôi, bây giờ phải viết rút ngắn lại, cũng những việc như vậy nhưng phải viết cho rõ, cho gọn".

Các báo đăng bài của mình đều là báo phái "tả", đều nghèo, không trả cho mình đồng tiền nào. Mình ngày thì đi làm, tối đi mít-tinh, tuy khá vất vả, nhưng vẫn cố gắng viết để nêu tội ác của bọn thực dân.

Khi đã biết viết báo, mình lại muốn tiểu thuyết. Nhưng lại e rằng biết chữ Tây vờ vẽ như mình thì viết tiểu thuyết sao được. Tình cờ đọc một truyện ngắn của Tôn-xtôi, thấy viết một cách rất giản dị, dễ hiểu, thì cho rằng mình cũng viết được. Từ đó mình bắt đầu viết truyện ngắn.



Toàn cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18
Đảng Xã hội Pháp ở Tua. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự
với tư cách là đại biểu Đông Dương, 12/1920
(Nguyễn Ái Quốc ngồi đầu bàn dãy thứ hai phía tay trái đoàn)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Lúc đó mình sống ở khu phố công nhân nghèo, hiểu rõ đời sống của họ, mình cứ viết những điều mắt thấy tai nghe. Viết xong đưa đến báo *Nhân đạo* và nói với đồng chí phụ trách về văn nghệ: "Đây là lần đầu tiên tôi thử viết truyện ngắn, nhờ đồng chí xem và sửa lại cho". Đồng chí ấy xem xong rồi bảo: "Được lắm, chỉ cần sửa lại một vài chỗ thôi". Cách mấy hôm sau, thấy truyện của mình được đăng báo thì sướng lắm. Sướng hơn nữa là nhà báo trả cho 50 phơ-răng tiền viết bài. Chà! Lần đầu tiên được trả tiền viết báo! Với 50 phơ-răng đó mình có thể sống 25 ngày không phải đi làm, tha hồ tham gia mít-tinh, tha hồ viết báo, tha hồ đi xem sách...

Kinh nghiệm học viết báo của Bác là như thế.

Có một thời gian dài mình làm cả chủ bút, chủ nhiệm, giữ quỹ, phát hành và bán báo của tờ báo *Pa-ri-a*. Các đồng chí người thuộc địa Á - Phi viết bài và quyên tiền, còn bao nhiêu công việc mình đều bao hết. Cách bán báo: bán cho anh em công nhân Việt Nam, họ không biết chữ Pháp nhưng họ vẫn thích mua vì họ biết báo này chữ Tây, mua rồi họ nhờ anh em công nhân Pháp đọc cho họ nghe. Một cách nữa là: ở Pa-ri có những chỗ bán báo lấy hoa hồng. Vì là đồng chí với nhau cả, các anh chị ấy bán hộ cho mình mà không lấy hoa hồng, và họ bán được khá nhiều. Vì các số báo *Pa-ri-a* vừa ra đều được bộ thuộc địa Pháp mua gần hết. Còn báo gửi đi các thuộc địa thì mấy chuyến đều bị tịch thu và người đưa báo thì bị bắt bỏ tù. Về sau, nhờ anh em thủy thủ Pháp bí mật chuyển hộ, thì không xảy ra việc gì. Nhưng rồi bọn thực dân cũng dò ra. Sau cùng, phải dùng đồng hồ có chuông mà gửi. Cách gửi như vậy đắt lắm, nhưng báo đều đến được các thuộc địa.

Cách thứ tư: trong những cuộc mít-tinh mình đưa báo ra phát, rồi nói: "Báo này nói các đồng chí biết bọn thực dân áp bức chúng tôi như thế nào. Báo này để biếu thôi, nhưng đồng chí nào có lòng giúp cho báo, thì chúng tôi cảm ơn". Kết quả là: nếu đem bán thì 100 tờ báo được 5 phơ-răng, nhưng "biếu không" thì có

khi được tới 10, 15 phơ-răng. Vì anh em công nhân có một, hai xu hoặc, hai phơ-răng cũng cho cả.

Khi đi qua Liên Xô, đồng chí L. phóng viên tờ báo *Tiếng còi* bảo mình viết bài và dặn phải viết rõ sự thật: việc đó ai làm, ở đâu, ngày tháng nào, v.v., và phải viết ngắn gọn. Đồng chí L. lại bảo mình viết. Nhưng L. lại bảo: chớ viết khô khan quá. Phải viết cho văn chương. Vì ngày trước khác, người đọc báo chí muốn biết những việc thật. Còn bây giờ khác, sinh hoạt đã cao hơn, người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc.

Khi đến Hoa Nam, mình lại tập viết báo Trung Quốc. Mỗi lần viết xong mình sửa đi sửa lại mấy lần rồi mới gửi đến *Cửu vong nhật báo*... Thấy bài mình đã được đăng lại được đóng khung, điều đó khuyến khích mình tiếp tục viết. Nói tóm lại, mình phải học tập không ngừng và phải luôn luôn khiêm tốn.

Đến ngày *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* ra tờ báo *Thanh niên* thì mình lại học viết tiếng ta. Lúc ấy, vấn đề khó khăn là làm thế nào để gửi báo về nước cho đến tay người đọc.

Năm 1941, bí mật về nước. Theo lời dạy của Lê-nin là: tờ báo là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo. Cho nên mình cố gắng ra một tờ báo ngay, và phải làm rất bí mật vì luôn luôn có mật thám của Pháp, Nhật và Bảo Đại rình mò. Điều kiện sinh hoạt thì bữa đói, bữa no. Làm báo thì phải có đá in. Mấy đồng chí đã đi lấy trộm mấy tấm bia đá, rồi mài mất mấy ngày mới thành bản in. In thì phải viết chữ trái lên đá, thế là có một đồng chí phải hì hục tập viết chữ trái. Mấy số báo đầu, ba, bốn anh em cùng làm nhưng in cứ toe toét, chỉ in được ít và xấu xí. Nhưng về sau cứ tiến bộ dần, mỗi lần in được gần 300 số. Phải đặt bia đá "nhà in" ở ba chỗ khác nhau. Khi động chỗ này thì chạy đến chỗ khác mà in và báo vẫn ra đúng kỳ. Dịch chịu không làm gì được.

Vấn đề giấy cũng gay. Lúc bấy giờ ai mua nhiều giấy dịch cũng nghi, và theo dõi. Các chị em mỗi người đi chợ mua năm,

mười tờ, nói dối là mua cho con cháu học, rồi góp lại để in báo.

In bản đá, muốn sửa chữa thì phải dùng a-xít. Mà a-xít thì mua ở đâu được? Có đồng chí nghĩ ra cách dùng chanh thay cho a-xít. Chị em lại giúp mua chanh để ủng hộ báo.

Còn việc phát hành: để báo ở các hang đá bí mật. Các đồng chí phụ trách cơ sở Việt Minh cứ đến đó mà lấy. Báo bán hẳn hoi, chứ không biếu.

Thế là mọi việc đều dựa vào quyết tâm của mình, dựa vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng.

Đồng bào địa phương rất thích đọc báo, vì báo viết điều gì cũng thấm thía với họ. Đồng bào còn tự động tổ chức những tổ đọc báo và bí mật đưa tin tức cho báo. Đồng bào lại tìm mọi cách tuyên truyền cho lính đồng đọc báo để làm "binh vận".

*

* *

Về nội dung viết, mà các cô, các chú gọi là "đề tài", thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một "đề tài" là: chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó.

Kết luận: kinh nghiệm của 40 năm là: không sợ khó, có quyết tâm. Không biết thì phải cố gắng học, mà cố gắng học thì nhất định học được. Bây giờ các cô, các chú có điều kiện học tập dễ dàng hơn Bác trước kia. Mong các cô, các chú cố gắng và tiến bộ!

VĂN HÓA PHẢI THIẾT THỰC PHỤC VỤ NHÂN DÂN, GÓP PHẦN VÀO VIỆC NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VUI TƯƠI LÀNH MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG*

(Trích bài nói chuyện của HỒ CHỦ TỊCH tại Hội nghị những người tích cực làm công tác văn hóa quần chúng toàn miền Bắc lần thứ I, 11-2-1960)

Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước. Nhưng phát triển để làm gì? Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta. Các cô, các chú vừa lao động, sản xuất tích cực. Thế là tốt. Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng. Ví dụ: phải giáo dục thế nào là đời sống mới, thế nào là đạo đức cách mạng. Trong việc "Tết trồng cây", phải phổ biến trồng cây như thế nào cho cây tốt, phải chăm sóc và chăm bón cây như thế nào. Ở nhiều địa phương, các cô, các chú đã sáng tác nhiều bài thơ ca, hò, vè nói về những vấn đề đó rất thiết thực, nội dung rất tốt. Bác hoan nghênh các cô các chú. Văn hóa phải gắn liền với lao động, sản xuất. Văn hóa xa đời sống, xa lao động là văn hóa suông. Nhiệm vụ của người cán bộ văn hóa là phải dùng văn hóa để

* Câu nói của Hồ Chủ tịch (B.T).

tuyên truyền cho việc cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Ví dụ: ở trong hợp tác xã, văn hóa phải tuyên truyền, giáo dục ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã, yêu hợp tác xã như nhà, chống tư tưởng làm ăn riêng lẻ và những tư tưởng lạc hậu có ảnh hưởng xấu cho việc củng cố và phát triển hợp tác xã. Ở xí nghiệp, văn hóa phải tuyên truyền, giáo dục ý thức làm chủ xí nghiệp, đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước, cần kiệm xây dựng nền công nghiệp nước nhà, chống tham ô lãng phí, v.v...

Nói tóm lại, để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức.

Các cô, các chú có quyết tâm thực hiện như vậy được không?

Trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn, trình độ văn hóa của cán bộ và nhân dân còn thấp, do đó, còn hạn chế nhiều kết quả trong công tác, trong sản xuất. Nhiệm vụ của các cô, các chú là phải cố gắng hơn nữa, góp phần nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM*

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào các đại biểu.

Bây giờ Bác lấy tư cách một đồng chí có ít nhiều kinh nghiệm về báo chí, nêu ra vài ý kiến sau đây:

Từ ngày hòa bình được lập lại, cán bộ báo chí, thông tin và đài phát thanh đã có cố gắng nhiều và tiến bộ khá.

Số báo chí cũng đã tăng rất nhiều, tỉnh nào cũng có báo, nhiều ngành cũng có báo. Hiện nay, đã có hơn 150 tờ báo các loại. Theo ý tôi thì tăng hơn nhiều quá. Từ nay, cần phải nâng cao hơn nữa *chất lượng* của báo chí để nó làm tròn nhiệm vụ cao cả của nó. Những nghị quyết của Trung ương Đảng đã nói rõ về điều đó. Nay tôi chỉ nói tóm tắt vài điểm.

Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Hiện nay, ở *miền Bắc*, nhiệm vụ của chúng ta là: phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với *miền Nam*, chúng ta có nhiệm vụ ủng hộ đồng bào ruột thịt đang đoàn kết chặt chẽ, anh dũng đấu tranh chống bọn Mỹ xâm lược và bọn Diệt bán nước; đấu tranh giành cơm áo, tự do, và hòa bình thống nhất Tổ quốc. Trên *thế giới*, nhiệm vụ của chúng ta là tăng cường đoàn kết trong đại gia đình xã hội chủ

* Nói chuyện ngày 8 tháng 9 năm 1962. (B.T).

nghĩa; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, đấu tranh cho hòa bình thế giới, cầm vũ khí nguyên tử...

Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta, cũng là nhiệm vụ chính của báo chí ta.

*

* *

Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và nhân dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí cũng vậy.

Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm.

Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan *được phê bình* phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng, thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu *phê bình sai*, thì đăng báo giải thích. Quyết không được "phót" lời phê bình và "trù" người phê bình.

Có một vài cán bộ và cơ quan, vì sợ phê bình mà chẳng những không giúp đỡ người viết báo lại còn có thái độ không tốt với họ, thậm chí đi kiện họ trước tòa án. Những hành động như vậy cần phải chấm dứt. Mặt khác, các báo cũng cần khuyến khích chúng giúp ý kiến và phê bình báo mình để tiến bộ mãi.

Sẵn đây, nếu các cô, các chú đồng ý, thì Bác xung phong *phê bình các báo*.

- Bài báo thường quá dài, "dây cà ra dây muống", không hợp với trình độ và thời giờ của quần chúng.

- Thường nói một chiều và đôi khi thổi phồng các thành tích, mà ít hoặc không nói đúng mức đến khó khăn và khuyết điểm của ta.

- Đưa tin hấp tấp, nhiều khi thiếu thận trọng.
- Thiếu cân đối, tin nên dài thì viết ngắn, nên ngắn lại viết dài; nên đề sau thì đề trước, nên đề trước lại đề sau.
- Lộ bí mật.
- Có khi quá lộ bịch.
- Khuyết điểm nặng nhất là *dùng chữ nước ngoài quá nhiều*, và nhiều khi dùng không đúng.

Đời sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng, thì cần phải mượn chữ nước ngoài. Thí dụ: Độc lập, Tự do, Giai cấp, Cộng sản, v.v... Còn những tiếng ta có, vì sao không dùng, mà cũng mượn chữ nước ngoài? Thí dụ:

Không gọi xe lửa mà gọi "hỏa xa"; máy bay thì gọi là "phi cơ". Nhà nước, hoặc nước nhà "thì gọi là "quốc gia", đường lớn thì gọi là "đại lộ", vẻ vang - "quang vinh", giúp nhau - "hỗ trợ" và có hàng vạn cái mượn như vậy.

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?

*

* *

Báo chí của ta đã có *một địa vị quan trọng* trong dư luận thế giới. Dịch rất chú ý, bạn rất quan tâm đến báo chí ta. Cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết.

Ngoài những đồng chí đã làm báo trong những năm cách mạng và kháng chiến, số đông cán bộ báo chí ta đều mới vào nghề, vì thế mà kinh nghiệm còn ít, trình độ chưa cao. Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi:

Viết cho ai xem?

Viết để làm gì?

Viết thế nào cho phổ thông và dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc?

Khi viết xong, thì nhờ anh em xem lại và sửa giùm.

Chớ tự ái, tự cho bài của mình là "tuyệt" rồi. Tự ái tức là tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta.

Hiện nay, các báo thường có *ảnh và tranh vẽ*. Đó là một tiến bộ, nhưng ảnh hưởng thì lèm nhèm, vẽ thì chưa khéo lắm. Cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng *đạo đức cách mạng*, "cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động".

(Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 8-12-1958).

Đoàn kết, phấn khởi, cố gắng và tiến bộ.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ BA*

Tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào mừng Đại hội, và khen ngợi các đồng chí đã có những cố gắng và những thành tích trong mấy năm qua.

Nhân dịp này, tôi cũng gửi lời thân ái hỏi thăm những anh em văn nghệ yêu nước miền Nam đang cùng đồng bào dũng cảm hy sinh, đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Trong thư của Trung ương Đảng gửi Đại hội và những lời phát biểu của các đại biểu đã nói khá đủ những điều cần phải nói. Hôm nay, tôi chỉ kể vài kinh nghiệm cũ và nêu vài ý kiến chung.

Dưới chế độ thực dân Pháp, dù chúng khủng bố tàn nhẫn, và nuôi nấng thứ văn chương nịnh Tây, nhưng ở nước ta vẫn có văn chương cách mạng.

Văn chương cách mạng như những thơ ca của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu và những người yêu nước khác, thì bị gọi là "cấm vật". Nếu không giữ được bí mật, thì người viết cũng như người xem đều bị bắt bớ tù đầy. Tuy vậy, vì quần chúng sẵn lòng ghét Tây và yêu nước, cho nên những thơ ca ấy đã được truyền tụng trong dân gian, và đã có tác dụng cổ động tinh thần cách mạng.

* Nói chuyện ngày 1 tháng 12 năm 1962.(B.T).

Nghề *múa hát* thì chỉ là một thứ tiêu khiển cho bọn "ngồi mát ăn bát vàng". Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là "xướng ca vô loại".

Hồi đó chỉ có *chiếu bóng* câm, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ: trong hội chợ ở Mác-xây ngoài những tranh vẽ lũ công khanh Việt Nam đang lúc nhúc lạy quỳ trước vua bù nhìn cùng chó ngao, toàn quyền, khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn có chiếu bóng: trong phim có những bà già ăn trầu răng đen, những nông dân gầy gò rách rưới, những người đóng khổ đang trèo dừa... Chúng gọi đó là "Hình ảnh An Nam".

Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng.

Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta được giải phóng, thì những người văn nghệ cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng của mình, góp phần vào công cuộc kháng chiến và xây dựng Tổ quốc.

Mười bảy năm qua, nước ta có những cuộc biến đổi long trời chuyển đất: cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam, khắp nơi sôi nổi thi đua yêu nước. Ở Việt Nam chúng ta có những sự tích vô cùng oanh liệt, những chiến sĩ cực kỳ anh hùng. Ở các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa cũng vậy.

Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta, những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay, mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

Trong thời kỳ quá độ bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót lại những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ, v.v.. Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải *phê bình* rất nghiêm khắc, nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh tốt đẹp hơn.

Nói tóm lại: phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hồ người. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu.

Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*. Quần chúng còn mong các đồng chí văn nghệ chú ý giùm hai điều nữa: một là chớ mượn chữ Hán quá nhiều, thậm chí có khi "chữ Tạc vạc ra chữ Tộ"; hai là khi viết phải *cẩn thận hơn*, tránh viết những câu kỳ khôi như "no cơm áo", "cười thênh thênh", v.v..

Để làm tròn nhiệm vụ cao quý của mình, văn nghệ sĩ cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ gìn thái độ khiêm tốn; phải thật sự hòa mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp; phải hết lòng giúp đỡ thanh niên, làm cho văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ thêm xuân.

Tôi xin kết thúc câu chuyện bằng lời thân ái chúc các đồng chí *đoàn kết chặt chẽ*, phấn khởi và tiến bộ nhiều!

Chúc mọi người đồng lòng chung sức xây dựng văn nghệ của ta ngày càng phong phú về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần xứng đáng với cả dân tộc đang anh dũng xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.



Hồ Chủ tịch thăm hỏi một nhà sư trong buổi tiếp đại biểu
nhân dân thủ đô Hà Nội khi Người từ Việt Bắc
về Hà Nội (16/10/1954)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

NHÂN SĨ PHẢI LÀ CHIẾN SĨ*

(Trích)

Tôi xin chúc các cụ, các đồng chí một năm mới vui vẻ, mạnh khỏe thu được thắng lợi mới trong công tác, góp phần xây dựng nước nhà.

Bây giờ tôi xin ra câu đối để các cụ, các đồng chí đối lại:

*Muốn cho xã hội đều xuân
Nhân sĩ phải là chiến sĩ*

Nhân sĩ đây còn có nghĩa là bác sĩ, văn nghệ sĩ, nữ sĩ, v.v.. Ở đây có nhiều nhà thơ, nhà văn, xin sửa cho và đối lại. Bây giờ tôi xin phép các vị đi chúc Tết các nơi khác.

Báo Nhân dân, ngày 7-2-1962

Hồ Chí Minh

Ngày 3-2-1962

* Ngày 3-2-1962 (tối 29 Tết âm lịch), Hồ Chủ tịch đến thăm và tham dự cuộc họp thân mật vui Tết với các nhà khoa học, kỹ thuật, văn nghệ sĩ, anh hùng lao động, anh hùng quân đội, nhân sĩ... công tác tại các ngành trung ương và Hà Nội. Trên đây là lời chúc Tết của Người. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt theo ý chính của đoạn văn.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á - PHI LẦN THỨ HAI

*Kính gửi ông Iútxép En Xêbai,
Tổng thư ký Ban thư ký thường trực
Tổ chức đoàn kết nhân dân Á - Phi,
LoKe*

(Nhờ chuyển tới Hội nghị các nhà văn Á - Phi)

Thưa các bạn,

Cây bút phục vụ chính nghĩa trong tay nhà văn chiến đấu có một lực lượng cực kỳ mạnh mẽ.

Tôi tin chắc rằng Hội nghị các nhà văn Á - Phi sẽ góp phần quý báu trong việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc. Hơn nữa, nó sẽ làm cho các nhà văn góp phần xứng đáng trong phong trào chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, đoàn kết các dân tộc để đấu tranh cho độc lập, hòa bình, dân chủ và hạnh phúc cho cả loài người trên thế giới.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 10 tháng 2 năm 1962

HỒ CHÍ MINH

*Báo Nhân dân, số 2883,
ngày 13-2-1962.*



Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường đi công tác ở Việt Bắc
trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
(16/9/1950)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

MIÊU TẢ CHO HAY, CHO CHÂN THẬT, CHO HÙNG HỒN...*

(Trích)

Các đồng chí,

Đại hội này đã tiến hành và kết thúc trong bầu không khí đoàn kết, vui vẻ và phấn khởi. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm và những thành tích trong những năm qua và chỉ rõ phương hướng tiến tới để thi đua giành những thắng lợi to lớn hơn nữa từ đây về sau.

Quyết tâm nêu trong bức thư của Đại hội phải được phổ biến thành quyết tâm của toàn thể nhân dân lao động miền Bắc nước ta.

Ai là người phụ trách thực hiện việc phổ biến?

Mỗi anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua, mỗi đảng viên, đoàn viên thanh niên và cán bộ công đoàn,

Mỗi cán bộ phụ trách các ngành, các nghề, các địa phương,

Đều là người có trách nhiệm phổ biến quyết tâm đó. Như vậy, thì con số Bác nói hôm nọ, tức là 1 triệu 60 vạn người thi đua dành danh hiệu "Chiến sĩ thi đua lao động xã hội chủ nghĩa" nhất định sẽ đạt được, và kế hoạch Nhà nước năm nay cũng như kế hoạch năm năm nhất định sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

* Trích bài nói chuyện trong buổi lễ bế mạc Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ ba. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi dựa theo văn bản để đặt.

Trong Đại hội này, chưa nêu rõ vai trò quan trọng của những cán bộ *làm báo* và cán bộ *nghệ thuật* trong việc phục vụ phong trào thi đua yêu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các báo chí phải khuyến khích những người tốt, việc tốt và thẳng thắn phê bình những điều xấu như: lười biếng, tham ô, lãng phí, quan liêu. Đó là một việc rất cần thiết.

Trong phong trào thi đua yêu nước của đồng bào *miền Bắc* và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào *miền Nam*, có những người, những việc vô cùng anh dũng, oanh liệt. Đó là những "đề tài" cực kỳ phong phú để cổ vũ đồng bào ta và để giáo dục con cháu ta.

Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v... Đó cũng là một trách nhiệm của các cán bộ *văn nghệ* góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà...

Thi đua yêu nước, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 45.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 6-5-1962

LỜI PHÁT BIỂU KHI TỚI THĂM TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TOÀN QUỐC NĂM 1962*

... Các tranh, tượng đã nói lên được tình người, tả chân thật những người lao động bình thường. Anh chị em đã cố gắng đi vào đời sống. Thế là tốt. Nhưng tranh chưa nói lên được khí thế thi đua của quần chúng. Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc. Anh chị em có kinh nghiệm cần khuyến khích, giúp đỡ tốt hơn nữa những anh chị em trẻ, bày vẽ thêm cho họ, nhưng phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật, chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo...

Báo Nhân dân, ngày 25-10-1962

Hồ Chí Minh
Ngày 24-10-1962

* Trích theo bài của báo Nhân dân, số ra ngày 25-10-1962, đưa tin Hồ Chủ tịch thăm Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1962, ngày 24-10-1962.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT*

Bác có quan tâm đến vấn đề này, có xem qua bản dự thảo báo cáo. Nói chung Bác hài lòng và Bác tán thành họp cuộc Hội nghị này.

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ VĂN QUỐC NGỮ:

- Chữ quốc ngữ do các cố đạo người nước ngoài đặt ra, có những chỗ bảo thủ, lạc hậu, không hợp lý.

- Trong văn quốc ngữ, có những cái thừa nên bỏ đi (thí dụ: *h trong ngh*). Chữ cái nước ngoài khi sửa đổi cũng có những cái

* Cuối tháng 9-1960, Viện Văn học triệu tập tại Hà Nội một cuộc Hội nghị bàn về vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ (trong các ngày 21, 28, 30-9 và 7-10-1960). Được biết Bác hằng quan tâm từ lâu đến vấn đề này, Ban tổ chức Hội nghị có gửi trước đến văn phòng Phủ Chủ tịch dự thảo báo cáo sẽ đọc tại Hội nghị.

Giữa lúc Hội nghị đang họp, ban lãnh đạo Hội nghị vinh dự được Bác cho gặp. Bác phát biểu một số ý kiến về mục đích, phương châm, phạm vi, phương pháp cải tiến chữ quốc ngữ. Nhân tiện, Bác cũng phát biểu về thái độ đối với tiếng Việt nói chung. Qua những lời phát biểu quý báu của Bác, chúng ta thấy càng rõ hơn mối quan tâm đặc biệt của Bác đối với tiếng mẹ đẻ, đồng thời giúp chúng ta học tập những ý kiến sáng suốt, thực tế và sâu sắc của Bác trong vấn đề này. Điều đặc biệt làm chúng ta cảm động, thấm thía, thấy cần cố gắng học tập là tinh thần nghiêm túc và đức tính khiêm tốn của Người ở đây, trong một vấn đề khoa học, cũng như trong mọi vấn đề, mọi lĩnh vực khác.

Toàn thể Hội nghị hết sức cảm động khi được biết sự chú ý của Bác về vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ và tiếng Việt nói chung, trong khi Bác bận trăm công nghìn việc lớn lao của Đảng và Nhà nước. Những chỉ thị vô cùng quý báu này đã soi sáng nhiều vấn đề lớn được thảo luận tại Hội nghị.

Ban lãnh đạo hội nghị có xin phép Bác cho công bố những ý kiến này, nhưng với tinh thần khiêm tốn, Bác không đồng ý, vì không muốn làm ảnh hưởng đến quyền tự do phát biểu ý kiến của mọi người trong cũng như sau Hội nghị.

Những ý kiến của Bác đã được ghi lại cẩn thận, và tài liệu hết sức quý giá này đã được trân trọng giữ gìn từ bấy đến nay trong hồ sơ về Hội nghị cải tiến chữ quốc ngữ năm 1960.

Tài liệu này công bố lần đầu tiên trên Tạp chí Ngôn ngữ số 3-1970 sau khi Bác mất.

thừa cần bỏ đi, thí dụ: chữ cái Nga trước đây, người ta cũng nghiên cứu bỏ bớt đi những cái thừa; nhưng đồng thời có những cái thiếu, nên thêm vào. Trong quá trình tiếp xúc với các nước, có nhiều từ ta phải mượn của tiếng các nước đưa vào tiếng ta; cho nên phải nghiên cứu dùng thêm một số vần để viết cho tiện.

Về tên người, tên địa phương của nước nào, thì nên căn cứ theo cách đọc của tiếng nước ấy mà viết.

- Sửa đổi hay thêm vần thì cố nhiên là thấy lạ, nhưng dần dần rồi sau quen. Nhưng phải nghiên cứu cẩn thận làm chắc chắn.

- Từ mấy mươi năm nay, Bác viết chữ quốc ngữ có sửa đổi một ít. Lý do: vì thấy như thế tiện hơn, người ta dễ học, dễ đọc hơn, mà lại viết gọn, ít tốn giấy. Chữ quốc ngữ có những chỗ bất hợp lý cho nên phải sửa.

ĐIỆN MỪNG HỘI NGHỊ NHÀ VĂN Á - PHI

Kính gửi Hội nghị nhà văn Á - Phi

Bắc Kinh

Nhân dịp Hội nghị nhà văn Á - Phi họp hội nghị khẩn cấp để bàn việc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, tôi xin gửi tới Hội nghị lời chúc mừng nhiệt liệt.

Hiện nay, đế quốc Mỹ đang điên cuồng mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, gây nên nhiều tội ác cực kỳ dã man hòng khuất phục nhân dân Việt Nam chúng tôi. Song nhân dân nước chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, kiên quyết giành lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc mình.

Nhân dân Việt Nam chúng tôi hiểu rằng mình chiến đấu không những để bảo vệ độc lập, tự do của mình mà còn để góp phần vào việc bảo vệ an ninh của phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập của các dân tộc khác và bảo vệ hòa bình thế giới.

Dựa vào sức mình là chính, đồng thời được sự ủng hộ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước Á - Phi cùng nhân dân tiến bộ toàn thế giới, nhân dân Việt Nam chúng tôi nhất định sẽ đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Nhân dịp này, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà văn tiến bộ Á - Phi đã tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng tôi.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 1966

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 4467, ngày 30-6-1966.

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO*

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước,

Đế quốc Mỹ dã man, gây ra chiến tranh xâm lược hòng ăn cướp nước ta, nhưng chúng đang thua to.

Chúng ồ ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng nuôi dưỡng nguy quyền nguy quân làm công cụ hại dân phản nước. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ man rợ, như chất độc hóa học, bom napan, v.v... Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác ấy, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta.

Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết và khôn khéo của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng, đã thắng lợi vẻ vang và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Giặc Mỹ trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, hòng gỡ thế thất bại của chúng ở miền Nam và hòng ép chúng ta "đàm phán" theo ý muốn của chúng.

Nhưng miền Bắc không hề nao núng. Quân và dân ta càng hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu anh dũng. Đến nay chúng ta đã bắn tan xác hơn 1.200 máy bay địch. Chúng ta quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, đồng thời hết sức hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt.

* Đây là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi sáng ngày 17-7-1966.

Gần đây, giặc Mỹ điên cuồng leo thang thêm một bước rất nghiêm trọng: chúng bắn phá ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng. Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng.

Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn?

*

* *

Mọi người đều biết: mỗi lần sắp đẩy mạnh chiến tranh tội ác thì giặc Mỹ lại rêu rao cái trò bịp bợm "hòa bình đàm phán", hòng đánh lừa dư luận thế giới và đổ lỗi cho Việt Nam không muốn "đàm phán hòa bình"!

Này, Tổng thống Giôn-xơn, người hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược Việt Nam và giết hại người Việt Nam?

Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hòa bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4

điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 5 điều của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, không có cách nào khác!

Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hòa bình giả hiệu, "hòa bình" kiểu Mỹ.

Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, trong hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều, mà chúng ta đã thắng phát xít Nhật và thực dân Pháp. Ngày nay, điều kiện trong nước và trên thế giới thuận lợi cho ta hơn, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng chắc chắn sẽ hoàn toàn thắng lợi.

*

* *

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý!

Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ cả thế giới, chúng ta nhất định thắng!

Trước tình hình mới, chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là *đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!*

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân Việt Nam, nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Hiện nay, trước âm mưu tội ác mới của đế quốc Mỹ, tôi tin chắc rằng nhân dân và chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới càng ra sức ủng hộ và giúp đỡ hơn nữa nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Việt Nam nhất định thắng!

Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua!

Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên!

Báo *Nhân dân*, số 4484,
ngày 17-7-1966.

Phần II
TÁC PHẨM VĂN XUÔI



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1923

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

PARI

(Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả dịch từ tiếng An Nam*)

Ở Pari có một vùng, cô em họ thân mến của tôi ạ, tự một mình nó nó trình diễn ra được đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pari, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai muốn nghiên cứu tình hình xã hội thời buổi ta ngày nay, thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đánh giá cả một pho sách cỡ lớn bách khoa toàn thư vậy.

Vùng gồm ba xóm chính, là Êtoan, Batinhon, Êpinét. Cô vốn có trí tưởng tượng phong phú, nên tôi chắc thế, chỉ cần đọc tên mấy xóm đó là cô đã đoán được ra thứ bậc xã hội của những nhóm này rồi. Tôi ở đây như đang nghe thấy cô tự thâm thì với mình: Êpinét, Êpinét - *Những cái Gai con!* Cuộc sống ở đây hẳn phải chật vật lắm, gai góc lắm. Còn Êtoan - *Ngôi sao*, cái đó hẳn phải là nơi cư ngụ của những kẻ diễm phúc, có đặc quyền đặc lợi; một Bông Lai tiên cảnh chứ gì nữa.

Vâng, cô em họ nhỏ của tôi ơi, cô đoán đã gần gần đúng thế đấy, ấy nhưng tôi vẫn cứ phải tả cho cô thấy cái sang trọng của bên này và cái đau khổ của phía kia, sang trọng ra sao, đau khổ ra sao thì cái đầu óc xinh xắn của cô chẳng thấy nổi nó mệnh mang đến thế nào đâu. Xóm Êtoan thì bắt đầu với Khải hoàn môn. Ấy là một đài kỷ niệm nguy nga dựng lên để ghi nhớ tài quân phiệt của Napôlêông. Bây giờ thì nó dùng làm mồ chôn một người lính không tên tuổi chết trong đại chiến.

* Thực ra đây là văn phẩm do Nguyễn Ái Quốc sáng tác.

Sự đời sao nó mĩa mai thế, cô nhi! Người ta đem thu lại để cùng một chỗ cả cái hư vinh của tác giả bao cuộc giết chóc kinh khủng ở châu Âu và cả nắm di hài của nạn nhân cuộc tàn sát thế giới!

Cái đài này là nơi lưu tồn tượng trưng những nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh trước kia và sau này; cũng như người lính không tên tuổi này là hiện thân tượng trưng của tất cả những ai bị giết hại để thỏa mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ của bọn tướng lĩnh. Bởi vì ai mà đã đọc tên những chiến trận đầy tràn lịch sử từ đầu đến cuối, ai mà đã đọc bấy nhiêu tên khắc lên riêng một đài kỷ niệm này thôi*, thì phải kinh hoàng thấy, biết bao nhiêu là nông dân, bao nhiêu là công nhân đáng thương đã ngã xuống không tên tuổi, như kẻ đang nằm đây!

Để một chuyển thư sau, tôi sẽ kể cho cô nghe về anh lính tội nghiệp này, khi còn sống đã phải đương đầu với những tràng súng đại bác liên thanh như thế nào, nay vẫn phải đương đầu như thế nào với những tràng diễn văn ngoại giao và tỏ tình thân thiết vờ vịt của các vị sứ thần và của các cụ Phệ**. Hôm nay, hãy trở lại câu chuyện vùng này đã.

Vậy, tôi đang nói với cô rằng Êtoan là xóm các phủ đệ thênh thang, các vườn cây hoa nở sum suê, các cỗ ngựa xe vương giả. Đó là một ổ xa hoa, tứ xứ, thừa thãi tràn trề và biếng lười lờ lợc. Đó là thiên đường bọn ăn bám đủ các cỡ và đủ các xứ. Sang trọng là sang trọng cho đến cả con vật. Chả nói làm gì đến cái giá nông cuồng thả ra bao một con mèo hảo hạng hay một con ngựa loại khoái***, nó đủ để nuôi sống toàn bộ dân cư một tỉnh nước ta, cứ cái con khuyển xóm này là cũng được sống lộng lẫy và tốn kém hơn người đi làm thợ nhiều.

* Khái hoàn môn ÊToan có khắc đây vào đá tên các chiến trận và các tướng lĩnh thời Napôlêông.

** *Fatty*: Từ lóng để chỉ bọn tai to mặt lớn. Gốc tiếng Anh có nghĩa là người béo.

*** Nói chuyện nuôi đi điếm.

Rời chính lộ Vagoram và đại lộ Cuócxen, là vào xóm Batinhon. Xóm này là xóm kiểu con dơi, nghĩa là dân bản địa nơi này thuộc một giai cấp trung gian. Họ không giàu sự để bay nhảy như bọn cừ khôi trong giới tư bản, mà cũng chẳng đủ nghèo để phải vất vả giống đám thợ thuyền. Phong vũ biểu đo mức giàu có của họ cứ là theo sự thăng trầm kinh tế hằng ngày mà lên xuống; họ có thể hôm nay thì thư thái trồng bắp cải, để rồi hôm sau là phải bán đứt vườn tược đi. Dân đây là tiểu thương, là ông xếp phòng giấy, là ông cò về hưu. Bà đi đâu là có một con chồn* to quấn quanh cổ và một con chó con bông trên tay. Ông thì bao giờ cũng có cái gì chênh mảng cài khuyết ve áo, một củ kiệu Công huân Nông nghiệp hoặc là bông hoa tím của vị chức sắc Học chính**. Bà canh cửa thì sáng sáng chăm chút tưới những chậu hoa thu hải đường cổ truyền của bà bày trên cửa sổ, sáng sáng giữ cái thảm trải cầu thang chính - tấm thảm này bướng bỉnh nhất định không chịu leo cao hơn tầng gác ba***. Cứ suy quy luật vận hành của vạn vật thì dân cư xóm này có nhiều khả năng vô sản hóa hơn là sản sinh ra những đức ngài tư bản chủ nghĩa.

Xóm Êpinét là phía chân của cái thang. Nó là người bà con khốn khó, kẻ thừa kế bị gạt bỏ của hai xóm kia. Nó gần như là thuộc một giống người khác, ra vẻ bẽn lễn, khiêm nhường, bị cái khốn cùng nó đè bẹp. Đây cô, hãy xem ông bác mình ép mía lấy đường theo cái kiểu nghìn năm xưa cũ của dân ta, thì cô nghĩ ra được cái cảnh xã hội ở đây nó thế nào. Có bao nhiêu nước ép ngon ngọt thì cứ tuôn cả ra một bên cối, còn bên kia thì

* *Zibeline*: Giống chồn Bắc Cực, tức một loại thú lông dài và mượt, mình dài, đuôi dài nên đã được xử lý giữ nguyên lông dùng làm khăn quàng cổ phụ nữ sang trọng.

** Những loại huân chương, huy chương của Pháp; mỗi loại có hình dáng, màu sắc riêng.

*** Nhà ở Pari thường từ năm đến tám tầng. Những hộ sang trọng nhất hay ở tầng gác cho đến gác ba. Gác cao hơn, thì những hộ gia tư tầm thường hơn ở.

chỉ có bã, bệt ra, quắt lại. Đây cũng thế. Một bên là giàu sang và nhàn rỗi, một bên là cần cù và thiếu thốn. Lôi thôi và gầy guộc như ngón tay khoằm khoằm của con mụ phù thủy già, ông lò sưởi Êpinét mùa hè thì um khói và mùa đông thì lại như tắt ngấm. Trông xa, nhà cửa khảng khiu trong xóm giống y mặt người vậy, những bộ mặt người ngơ ngác mà cái bề mặt tiếm của một bác buôn giẻ rách hay của một hiệu thịt ướp lạnh thì làm ra dáng cái miệng móm, còn cửa sổ đã toác toác thì dùng làm những con mắt nhem những dử lại cận thị. Xóm những con người làm lưng, sản xuất và đói meo. Xóm người làm thợ, xóm người nghèo, xóm người cùng khốn.

Giữa xóm, có một mẫu phố dài chừng dăm chục mét. Quanh phố thấy tề tựu một ngôi trường tiểu học, một nhà máy và một quán cháo bình dân. Có phải thế không nào, cô em họ thân mến, cả cái bộ sậu ấy thế là rất mục tiêu biểu? Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân đó, mà cụ đã làm giàu cho, tổng cụ ra ngoài đường để chờ chân bần mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình?

Mỗi sáng, tôi phải đi ngang quán cháo bình dân để đến xưởng làm việc của tôi. Trời đẹp hay xấu, nắng ấm hay tuyết rơi, thì tôi cũng cứ thấy tùm lại trước cửa ngôi nhà công này lối ba chục các cụ. Các cụ ăn bận thật không tương tượng được. Người thì khoác cái chăn trên lưng, người thì lại mặc cái áo dài bó của hầu bàn trường - đầu đội cái mũ rơm đã vàng úa, người khác nữa tả tơi đụp vá muôn màu sắc. Giày các cụ, mồm há ra như hộp thư cả, cười nhạo với mọi khách qua đường. Trong lúc đợi cửa mở và để giết thời giờ, các cụ xem mấy mẫu báo *Le Matin* hay tờ *Le Petit Parisien* nhật được chẳng biết ở đâu nữa. Trời có lạnh quá thì các cụ thối thối lên ngón tay hoặc là giữ

điều bộ nhất bộ ra nhảy* để tự sưởi ấm. Một cụ nhìn tôi cả cười: "Chú xem, sưởi kiểu trung tâm** của bọn này đây!".

Dáng các cụ tội tàn phế, nhưng ai nấy đều thật dễ thương, và các cụ trông thấy tôi mãi rồi, thì cuối cùng ấy cũng là có quen biết. Một thứ tình bằng hữu thế là nảy ra giữa chúng tôi và hai bên chào nhau khi đi qua.

Tôi đặc biệt để ý một cụ già trong số đó. Ông cụ sạch sẽ, tươm tất, và bộ dạng biểu lộ một nỗi buồn phiền được nén xuống, một niềm tự trọng chẳng chịu để ngã khuỵu, ngay trong cơn quẫn bách. Cụ có đeo một dải huy chương thưởng công cứu nạn. Cụ bao giờ cũng cứ đứng đằng sau người khác.

Một hôm, tôi đến bắt tay cụ và nói với cụ: "Cố ơi, cố có vui lòng cho phép được mời cùng dùng một bữa lót dạ, chủ nhật tới, được không?". Cụ đáp: "Ông tử tế quá, thưa ông, thế cho nên tôi từ chối thì hóa ra phụ lòng tốt của ông, vậy xin nhận".

Chúng tôi cùng đến một quán ăn nhỏ. Đặt xong món ăn, chúng tôi chuyện trò, và ông cụ bảo tôi: "Tôi không dám tự tiện ngỏ lời trước với ông, bởi vì trước hết ông là người nước ngoài, thế rồi tôi lại ngại làm phật lòng ông, thanh niên dễ tự ái thấy có người đến bắt chuyện lại như tôi, một lão già nghèo khổ, chẳng khác đĩa ăn mày vậy. Nhưng mà cứ mỗi lần ông đi qua trước mặt tôi, là lòng tôi lại tràn ngập một niềm đau đớn khôn cùng, tôi chỉ muốn khóc. Tôi rất hiểu ông lấy thế làm lạ, nhưng ấy là tại thế này: thấy ông, là tôi lại nhớ thằng con thứ của tôi, tôi đã mất nó trong trận giặc. Nó cũng khoảng tuổi ông đây. Chắc ông hăm năm, hăm sáu chứ gì? - Hăm sáu, cố ạ, tôi trả lời. - Đúng rồi, nó kém ông một tuổi. Ông không chán tai thì để

* *One-step*: "Một bước", tên một điệu vũ gốc Mỹ, nhanh và mạnh. Ở đây ý nói các cụ già khoa chân múa tay cho đỡ rét.

** Lối sưởi sang, sưởi cả nhà nhưng chỉ đốt lò ở một nơi thôi, có ống dẫn hơi nước nóng đến từng phòng.

tôi kể chuyện nó ông nghe, chuyện nó mà thật ra là chuyện tôi. - Xin mời cố, nghe chuyện cố sẽ thích thú lắm. - Thời tôi còn ít tuổi, ông bạn cùng bàn đáng kính của tôi kể, tôi làm nghề hàng hải đăng bạ*. Tôi đã có đi vòng quanh thế giới nhiều lần. Tôi cũng có lần đến xứ ông, đến Sài Gòn, đến Hải Phòng. Sau tôi tăn tiện cưới một cô gái nông thôn hiền lành. Vợ chồng đến lập nghiệp ở vùng Bắc. Nhà tôi mở một cửa hàng nhỏ bán gia vị vặt vãnh, còn tôi thì vào làm một nhà máy! Nhà tôi với tôi, bọn tôi chịu khó kham khổ cũng nhiều, nuôi được các cháu ăn học, nó giỏi giang lắm. Bà con lối xóm đều lấy làm thêm thường, vì các cháu nét na, thật là ngoan ngoãn, chăm làm, lại có học. Cháu Môrìxơ là cháu lớn, làm nghề thợ vẽ. Cháu Anbe thì làm thợ máy. Em gái các cháu, là cháu Yvon, nó là một bông hoa xinh xinh mười tám cái xuân xanh - như ở xứ tôi người ta hay nói văn hoa thế - hoa làm si ngây lúa trai khắp vùng, cháu nó đánh máy chữ. Mỗi đứa kiếm được đồng tiền cũng kha khá, đủ cho mình và cho vợ chồng chúng tôi. Ban ngày thì các cháu đi làm, tối đến cả mấy cháu mải mê học hành. Chủ nhật nào cũng cả ngày bàn luận với nhau những cái học được trong tuần. Nói thật tình để ông hay, cứ nghe các cháu nó bàn nó nói là sướng lạ sướng lòng; ấy chính các cháu đã dạy chúng tôi, mẹ các cháu với tôi, biết được không biết bao nhiêu thứ. Vậy là vợ chồng chúng tôi thật là đôi bố mẹ sướng nhất trần đời.

"Chiến tranh bùng nổ. Cháu Môrìxơ bị thương nặng từ đầu, ít lâu sau thì chết. Cháu Anbe thì bị ghi là mất tích, sau ba tháng chiến trận. Cứ thế là nhà tôi và cháu gái hóa điên lên, điên vì đau đớn. Làng tôi là cái đích cho pháo nã, đạn Pháp đến với chúng tôi cũng nhiều ngang đạn Đức; đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay bên kia thì cũng đều phá phách đồ

* Tức thủy thủ dân sự. Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

đặc, cũng đều giết hại người ta, dùng dụng như nhau, tàn khốc như nhau.

"Một hôm nọ, trong gian nhà chúng tôi đã đổ vỡ đến nửa, vợ tôi cùng cháu gái tôi đang nấu nướng, thì một cái nồi* - chẳng phải loại nồi Na Uy nổi tiếng của Lui Phorextơ đâu, mà là cái loại nồi nó giập be giập bét tuốt - nó bỏ xuống.

"Một tiếng nổ kinh hồn, rồi tất cả hắt tung lên. Tôi thoát thân vì đang xuống tầng hầm lấy cái gì đó. Đến khi lại người, từ dưới hầm lên, thì lên hết cầu thang, tôi chẳng còn thấy nhà, thấy cửa, thấy con đâu cả nữa, mà chỉ thấy một khoảng trống không, một khoảng trống không khủng khiếp, hãi hùng, một khoảng trống không nó lấp đặc không trung bằng cái não nuột, cái tận cùng, cái chết chóc, cái tan hoang. Tôi quá sững sờ để còn hoảng hốt... Nhưng hãy chờ đấy, đã hết đâu! Cái lúc ghê gớm nhất trong cả đời tôi, là lúc mà tôi nhận ra trong đồng nhà cửa vụn nát, một cái bàn tay máu me của cháu Yvon tội nghiệp của tôi, rồi cách mấy bước, là một cái chân còn giày tất y nguyên của người vợ đáng thương của tôi. Ấy bấy giờ, ấy bấy giờ...".

Đến đây, ông già tái nhợt. Tôi đọc thấy trong đôi mắt cụ, bỗng dại đi, một nỗi niềm đau xót và căm hờn không sao tả xiết. Một cơn co giật làm cụ toàn thân run rẩy. Cụ tì hai bàn tay đang quắp lại lên mép bàn. Hai chân cụ di di đều nhịp, như phát sốt, trên sàn nhà, mà căng gân cốt ra như vậy, thì là khi nào con người ta đang cố kìm lại một niềm xúc động đang muốn bùng ra. Tôi nhỏ nhẹ bảo cụ: "Thôi vừa rồi, cố ơi! Xin để hôm khác cố kể cho nghe. Cố xoi củ khoai rán, cố nhé!". Ông cụ như không nghe thấy tôi nói; cụ thở dài một hơi, nói tiếp: "Đấy ông xem, ông thân mến, chiến tranh, cuộc chiến tranh trời tru đất diệt này tôi có cái gì thì nó đã giết sạch cả, nào là hạnh phúc,

* Từ lóng chỉ đạn pháo cỡ lớn.

nào là nhà cửa, nào người vợ quý, nào bảy con yêu. Còn tôi, thì bây giờ tôi nhờ thiên hạ bố thí để sống qua ngày, sau bảy nhiều năm trời làm ăn, cực nhọc. Biết đâu, vâng, biết đâu chẳng phải chính cháu Anbe đáng thương của tôi là người bây giờ đây đang nằm đó dưới Khải hoàn môn".

Cụ gạt một giọt nước mắt thật to, tay run run nâng cái cốc mà tôi vừa rót rượu vào, miệng nói: "Nào, chúc sức khỏe ông!".

Báo *L'Humanité*,
ngày 30 và 31-5-1922.

LỜI THAN VẤN CỦA BÀ TRUNG TRẮC

Quốc vương nước Nam sắp làm "khách của nước Pháp". Gọi là lời chào mừng tí ti, chúng tôi kính dâng ngài giấc mộng này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, người bày tôi trung thành của ngài.

Đêm tối quẩn quại dưới làn mưa nhỏ hạt dầm dề. Mảnh trăng vàng vọt cổ búa trên những mái lều tranh. Cây đuốc ướt dầm dìa nước mắt tuôn rơi. Gió thổi qua những cụm lá mệt mỏi va nhau thành tiếng kinh rợn. Cành cây vẫy vẹo như những cánh tay ma quái, và những đám nước bị từng cơn gió đột ngột quất, cứ nức nở. Cảnh vật nước Nam, lồng trong cây cỏ um tùm, vốn tươi vui và thơ mộng thế dưới ánh trăng, nay buồn thảm lạ lùng. Con hấp hối đang chơi voi khắp. Tai ương lảng vảng đâu đây.

Ánh sáng lờ mờ của những cây nến thơm chấp chới đầu ngọn bắc cong queo, hắt lên những cây cột sơn mài nhẵn bóng trong cung điện những bóng đen lung lay và những con mắt hấp háy. Bọn quan hoạn lim dim uể oải trên chiếc chiếu trải dưới đất ở một góc nhà. Như cảm thấy được có im lặng đang bò lên.

Trống canh vừa điểm ba tiếng. Tùng, tùng, tùng! Các anh là người phương Tây, các anh chẳng hiểu thế là thế nào cả, hử? Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên năm thế là ba giờ của các anh đấy. Đây là thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng. Lúc các đồng mả khạc ra những kẻ nằm bên trong, họ lìa khỏi những tấm

liệm he hé mở, để ra ngoài đi dò đi dẫm, cất lên tiếng rú hoan lạc. Lúc đầu óc con người đầy rẫy những bóng hình, mộng mị. Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên ba, thì ấy là con số chín, con số tận cùng trong những con số chẳng thể chia cũng chẳng thể nhân, mà theo vua Phục Hi thì nó biểu hiện sự suy đốn của một sinh linh được coi như cùng tột (*duong cửu*)*.

Đó chính là lúc thiên tử nằm mơ. Ngài mơ thấy những con rồng chạm trên tủ, bàn bồng biến động, hóa thành những con rắn gớm ghiếc, mở thao láo những con mắt đỏ ngầu tia máu. Còn những con *phụng hoàng*** , giống chim tượng trưng cho uy quyền vua chúa, thì vươn chiếc cổ dài ngoẵng tua tủa lông, quệt mỏ xòe cánh, y hệt đám gà trống cầu kinh, đáng ghét. Mọi vật bằng ngọc thạch, bằng châu báu, đều xin đi, xám xịt lại. Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trùm khăn, trắng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hăm lét*** , và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt mà không được.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung thế này:

- Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây.

* Nguyên bản viết *giương cửu*, vì tác giả muốn bạn đọc Pháp đọc được gần âm Việt hơn.

Dương cửu, một quẻ trong *Kinh Dịch*, biểu hiện mức cao nhất mà một con người hoặc một sự vật có thể tiến tới được và từ điểm này trở đi nó sẽ xuống dốc (khái niệm thuộc vũ trụ quan siêu hình huyền bí Trung Quốc cổ, sau thường gắn với mê tín về tướng số).

Phục Hi, vua thần thoại Trung Quốc cổ sơ, được coi là thủy tổ của vũ trụ quan nói trên.

** *Phụng hoàng* trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt.

*** Hăm lét: Nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Sếchxpia. Trong đoạn đầu của vở kịch *Hăm lét*, hoàng tử nước Đan Mạch, tiếp xúc với bóng ma vua chúa hiện về đòi được con báo thù.

Ta là Trưng Trắc, năm 39* đã cùng em gái ta là Trưng Nhị và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng nghe lấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con của trời, cha mẹ của dân?

"Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy.

"Giờ sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Lý Bôn (544)** , với một nhóm nghĩa sĩ, đã nổi dậy và bẻ gãy ách đô hộ của Hán tộc. Ngô Quyền (938) đã phá tan đạo quân nước ngoài kéo vào đánh chiếm đất đai Tổ quốc ta.

"Dân ta sống trong hạnh phúc và thịnh vượng dưới triều nhà Đinh. Năm 980*** , Lê Đại Hành đã dũng cảm không chịu khuất phục trước yêu sách của láng giềng hùng mạnh hơn mình gấp bội, ông đã đánh thắng địch, giết chết tướng địch. Do đó đã giải thoát được đồng bào khỏi nạn nô dịch.

"Quân Mông Cổ đi đến đâu phá sạch đây, đã bị nhà Trần về vang của chúng ta đánh bại (1225)**** . Lê Lợi đã hùng dũng đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng nước Nam, đập tan chế độ tàn bạo và hặc sách mà những kẻ tự xưng là bảo hộ ta bắt ta chịu.

.....

"Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên

* Hai Bà Trưng khởi nghĩa năm 40.

** Lý Bôn, tức Lý Bí, khởi nghĩa năm 542.

*** Lê Đại Hành phá giặc năm 981.

**** Nhà Trần bắt đầu năm 1226.

mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kẻ tục ngai vàng của các vị nay sống trong uơ hèn.

"Mặc dầu lễ nghi không cho phép các vị nguyên thủ nước ta rời khỏi cung cấm, thế nhưng chúng ta vẫn phải đau buồn nhận thấy rằng vẫn có những bậc quân trưởng phải lưu vong.

"Năm 1407*, Tàu (phong kiến) đánh nhau với ta; nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng. Chinh chiến lúc đó thế là lại bắt đầu. Giặc biết rằng không khuất phục được ta bằng uy lực, đã dùng chiến tranh hao mòn. Trần Đế Quý đã lãnh đạo dân Nam đoạt được thắng lợi, sau thấy dân cùng kiệt, đói khát, máu đổ xương rơi. Ông biết rằng giặc chỉ muốn hại mình ông, và chúng bắt được ông rồi thì dân Nam sẽ được yên ổn. Vì vậy ông ra nộp mình; ông nộp mình để dân ông đỡ hao tổn sinh linh, xương máu. Bị cầm tù giải đi, ông nhảy xuống sông tự tử. Ông thà chết vinh chứ không sống nhục. Ngày nay, mỗi buổi mặt trời mọc lên lặn xuống, muôn nghìn ánh hào quang vàng óng quây trên dòng sông trong nước bạc long lanh, tạo nên đài kỷ niệm vĩnh cửu cho linh hồn bất diệt của con người chiến bại vĩ đại đó...

"Tiếp đó là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân - người ở ngôi ngay trước mi. Chính những kẻ xung xung là tôn trọng phong tục, luật lệ nước ta đã đầy ải ba vị và mai đây sẽ dùng mi làm món đồ rao hàng thuộc địa, cổ động đế quốc. Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một ông vua Nam nào chịu làm tôi tớ đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần du nào thảm hại đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vài hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tởi, ớn mùi thây ma. Tại sao, ừ, tại sao mi lại làm thế? Nay

* Cuộc xâm lược của nhà Minh bắt đầu từ năm 1406.

mi lại sắp lẫn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mở hương án dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vẫn hay, con ạ! Rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ! Nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó mà thôi trước mắt thần dân.

"Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đấng bốc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tăng bóc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng canông.

"Ôi, nhìn, hãy nhìn nào, đấng con thảm thương kia ơi! Hãy nhìn quanh mi! Thấy chẳng Trung Hoa đang thức tỉnh, Nhật Bản đang duy tân...? Thấy chẳng toàn cầu đang tiến, chỉ có dân mi là, nhờ mi và lũ quan thượng của mi, cứ phải chìm ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tội đòi khốn nạn?

"Hãy nhìn Triều Tiên, Ai Cập và Ấn Độ, tất cả các nước đó đều đang đứng lên đòi hỏi quyền lợi, công lý và tự do!

"Chính giữa lúc đó thì mi... Im... Nghe kìa! Nghe thấy chẳng... Nghe thấy chẳng những tiếng kêu gào...? A! Người ta đến kia kìa, đông quá, tất cả những người dân nước Nam đã bị thiệt mạng cho cuộc chiến tranh ở châu Âu. Người ta đến đòi những gì mà bọn quan thầy mi đã cùng mi hứa hẹn với người ta, anh em người ta. Trả lời người ta đi nào! A! Người ta giận dữ, người ta bỏ đi.

"Bây giờ thì người ta quay lưng đi rồi, người ta đang đi đến phía đằng kia. Có thấy người ta không? Đằng kia ấy, nơi mặt trời đang mọc huy hoàng khôn xiết, nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ

Nhân đạo và Lao động. Đây! Chính đây là nơi yên nghỉ tâm linh những người đã khuất, là tương lai của dân tộc mà mi đã phụng sự chẳng ra gì!

"Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiên đang giục giã ta. Thôi, chào!".

Mồ hôi nhớp nháp đầm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài lúu lại vì sợ.

Một quan hoạn bước vào, khom khom cái lưng ba lần, rồi the the cái giọng đàn bà:

- Ngai dưới*! Đã có lệnh lên đường của Tòa Khâm truyền sang rồi đấy ạ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 24-6-1922

* *Trône sous*: Chơi chữ, do dịch sát từng chữ từ "Bệ hạ" sang tiếng Pháp. Hạ: dưới là "sous", mà "sous" thì lại cũng có nghĩa là xu. Vậy ở đây có thể hiểu *Ngai dưới*, cũng có thể hiểu là *Ngai xu*... Chỉ chuyển được phần nào ý đùa và châm chọc nhiều mặt sang bản dịch tiếng Việt.



PARTI COMMUNISTE

(Section Française de l'Internationale Communiste)

Secrétariat : 120, Rue Lafayette, PARIS

FÉDÉRATION d

la Seine

Année 1922

CARTE D'ADHÉRENT

Délivrée à

Henri Tchen

13861

Section d

138

Le Secrétaire général :

LE SECRÉTAIRE :

[Signature]

[Signature]

Thẻ đảng viên Đảng cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc
với tên Hăng ri Trần (Henri Tchen) 1922.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHÓI

Xin tặng Nahông*, người đã bị quân phiệt thực dân ám hại, bài ký này.

"Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời châu Phi hay châu Á".

Anbe Xarô

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa

Haútxa**, tháng 1 năm 1998.

Thành phố Haútxa cờ xí tung bừng. Tưởng đâu như một vị chúa xuân đã gõ cây đuă thần lên gõ ván khô khốc ở các bao lon và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vàn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hòa liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Từng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa diễu qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan nghênh. Trên quảng trường

* Nahông là một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền Đông Maroc.

** Haútxa là tên một tộc người ở Tây Phi. Ở đây, tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng của châu Phi độc lập và thống nhất tương lai.

Xôviết, một cụ già hô hào đám đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là Con người biết mùi hun khói.

Cụ Kimengô, tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hòa da đen. Được phú bẩm một trí thông minh đặc biệt sắc sảo, lại am hiểu tường tận mọi sự kiện chính trị và xã hội của thời đại, cụ Kimengô không những đã ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan những thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong cuộc đấu tranh chung. Cụ đã thành công. Kimengô là một trong số hiếm hoi những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết khuôn mặt rục rở màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và nhìn sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính.

Chúng tôi đến nơi thì cụ đã nói được nửa chừng, và đây là những lời mà chúng tôi nghe được:

"... Có những từ ngữ mà người già các bác trước kia thường nghe thường nói, thì nay không còn trong từ ngữ của các cháu nữa. Và như thế là tốt. Bây giờ các bác nói đến tòa án, cảnh sát, quân đội, nhà tù, thuế khóa thì các cháu chẳng mấy người hiểu những cái đó là cái gì.

"Thời bác thì nước Cộng hòa của chúng ta là thuộc địa Pháp. Trong nước, có người giàu và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hòa với nhau: cái đó gọi là thuế máu. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là thuế tiền.

"Vậy nhé, bọn tư bản da trắng lấy nước ta làm thuộc địa xong, nó bắt các bác phải nộp các thứ thuế, mặc dầu các bác nào có của nả gì đâu. Nộp thì không có gì để nộp; để khỏi bị hành hạ, các bác phải bỏ trốn vào rừng. Chúng nó đem chó và đem súng đuổi theo, các bác đành phải ẩn vào một cái hang, ngày nay gọi là hang Tuấn nạn.

"Bọn bác hơn hai trăm mạng, đàn ông có, đàn bà có, trẻ em có. Cứ tưởng rằng như thế là tạm yên thân, nên mặc dầu phải chịu khổ, chịu đói, chịu rét, cực lắm, các bác có ý định cứ nán lại đó càng lâu càng hay, vì biết rằng bọn nó vẫn rình ở ngoài hang với súng ống. Hang tối như bưng ngày cũng như đêm, bác chẳng biết ở trong đó bao lâu.

"Chẳng trông thấy gì hết, chẳng nghe thấy gì hết, trừ tiếng chó sủa dữ dội, xa xăm, nhắc nhở rằng tình thế vẫn hiểm nghèo.

"Một ngày nọ, nói đúng hơn là một đêm nọ, các bác ngủ thấy có cái mùi khét lẹt tràn vào chỗ nấu trong lòng đất. Mùi khét nặng lên nhanh và trở thành không thể chịu nổi. Gì thế? Chẳng ai biết... Trẻ nhỏ thì khóc, đàn bà thì la, đàn ông thì chửi. Hoảng loạn! Chạy đi ư? Nhưng chạy đâu chứ? Khủng khiếp quá! Tiếng răng lập cập, tiếng thét xé tai, tiếng nấc, tiếng thân người đổ xuống, tiếng khóc điên rồ, làm cho cái xó tối ám khói đó hết như là một địa ngục.

"Bấy giờ bác ở tận cuối hang. Bác theo bản năng nhắm mắt, ngậm miệng, áp mặt vào vách hang. Như thế cảm thấy dễ thở hơn và ngủ đi lúc nào không biết. Tỉnh dậy thì thấy có tia sáng chiếu chéo vào mặt, đấy là một kẽ hở qua đất, nhờ đó mà bác thở được và thoát chết. Bác nhằm đào một lối ra phía đó, nhưng chỉ một xác vô ích. Bác bèn quyết định thôi đành liều mạng cứ phía cửa hang mà ra. Quờ quạng và dẫm qua hai trăm xác chết hun mới trở lại được với khoảng trời tự do.

"Bác ăn cỏ, ăn rễ cây, đi lang thang hết làng này sang làng nọ; cuối cùng thì được bố của đồng chí người da trắng này đây thu nhận về nuôi như con. Ông đã dạy dỗ bác theo những nguyên tắc của tình hữu ái và của chủ nghĩa cộng sản; ông cũng đã cho bác biết tên thằng da trắng vì muốn thu thuế mà đã hun các bác chết ngạt một cách man rợ như vậy.

"Thằng hun khói, tên nó là Bruye, là đại diện của nước Pháp và là công sứ ở Hautxa".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 20-7-1922.

SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT

Từ khi đến Pari, Khải Định, Hoàng đế nước An Nam đã thành mục tiêu bao vây theo như thường lệ của một số bà buôn son bán phấn. Họ đã dâng lên Ngài Ngự nhiều bức thư nồng nàn tình tứ và nhiều tấm ảnh khêu gợi. Như Khải Định vốn là bậc hiền triết, Ngài Ngự bèn truyền đem tất cả thư và ảnh ấy vứt vào sọt rác, và ai hỏi, Ngài Ngự cũng đều từ chối không trả lời gì hết.

Ông Anbe Xarô đã trả lời một mỹ nhân hỏi về việc đó như sau:

- Ấy, hoàng thượng ngài có những sở thích rất đặc biệt.

Bà này rất đổi ngạc nhiên và muốn hỏi cặn kẽ thêm, nhưng ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã đánh trống lảng:

- Hoàng thượng ngài chỉ thích đọc sách thôi.

Bà ta lại hỏi:

- Thế hiện giờ hoàng thượng đang đọc gì?

Ông Anbe Xarô trả lời:

- Platông.

(Nghe lỏm)

Bảo rằng Hoàng đế Khải Định là bậc hiền triết, điều đó ta không nghi ngờ gì cả. Nhưng hiền triết thì cũng không phải là không cần lễ độ, và chúng tôi mạn phép kính tâu hoàng thượng rằng cử chỉ của ngài dù uy nghi đến đâu chẳng nữa nhưng vẫn hoàn toàn thiếu lịch sự. Riêng chỉ nghĩ rằng những bà lịch sự kia, vì ham chuộng những cái của vua chúa mà bị khinh miệt một cách phũ phàng như thế ắt không khỏi sẽ trút tất cả mối căm thù

ghê gớm của các bà vào những *đế tài* về hoàng thượng, là người ta cũng đủ run lên rồi. Quan lớn bộ trưởng vốn có tài ăn nói. Ông lại rất am hiểu chữ nghĩa của nước ông. Vậy mà câu ông trả lời mỹ nhân lại rất mập mờ. Ông dùng chữ "sở thích đặc biệt", thật ra là muốn nói gì nhỉ? Có phải ngẫu nhiên mà, mặc dầu vừa mới chân ướt chân ráo tới cái thành phố ánh sáng này, đức hoàng thượng rất ư thông thái và đầy tâm hồn nghệ sĩ đã làm quen được ngay với một nghệ sĩ nổi tiếng và một thi sĩ lừng danh rồi chẳng? Đặt câu hỏi như thế, chính là đã trả lời rồi đó. Sau khi mỹ nhân muốn hỏi cặn kẽ thêm, và sau khi quan lớn bộ trưởng đánh trống lảng, thì cái câu nói mập mờ rất hùng biện kia vẫn còn tiếp tục thêm rằng: tuy trong chữ *Théétète*^{*} có chữ *Thé* (như Víchto Huygô từng nói), chúng ta vẫn không tin rằng hoàng thượng lại hạ cố đến những tác phẩm của người thầy học của Arixtôt, vì hoàng thượng vẫn luôn luôn phải có người thông ngôn mới hiểu được tiếng Pháp (và cả tiếng Hy Lạp nữa) kia mà. Cho nên khi ông bộ trưởng nói rằng hoàng thượng hiện đang đọc Platông là ông chưa nói hết cái chữ mà ông định nói: Chắc là ông định nói chữ Platô... ních^{**} đấy mà.

Amicus Plato, sed magis a amica veritass^{***}.

Và chúng tôi xin trả lời:

"Ông bạn Platông ơi, hoàng thượng chỉ thích xem thôi".

NGA.Q.

Báo *Le Paria*, số 5, ngày 1-8-1922.

* *Théétète*, tên một bài đối thoại của Platông bàn về tri thức và cơ sở của triết học, viết vào khoảng năm 369 trước công nguyên. Tác giả viết câu này để nói ý rằng chữ *Platông* ở câu sau cũng còn dùng dở vắn.

** *Platonique* nghĩa đen là theo học thuyết Platông: thuần túy lý tưởng. Nghĩa bóng là vô hiệu lực. Ở đây, muốn ám chỉ bệnh liệt dương của Khải Định.

*** Nghĩa là *Tôi rất quý Platông nhưng đối với tôi, sự thật còn quý hơn nhiều*. Đây là một câu châm ngôn rút trong tác phẩm của Amôniuyt, nhan đề là *Cuộc đời của Arixtôt*.

THƯ GỬI KHẢI ĐỊNH

Kính gửi: Hoàng thượng Khải Định

An Nam Hoàng Đế

Vĩnh biệt V.V.C.

Ngài đã đến - hay nói cho đúng hơn là người ta đã đưa ngài đến, coi như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ. Người ta định đem ngài bày ít nhất là vài ba tháng trong tủ kính xinh xẻo, nhưng mỏng manh và có thể bị hủy hoại. Thế mà ngài lại ra đi, hay nói cho đúng hơn, là người ta đã buộc ngài phải cuốn gói ra đi. Được ăn ở sang trọng tại phố Uđinô, được ru êm ấm trong tay của *điện hạ Xarô* - ông hoàng An Nam và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa - như trên tay một người cha, thế mà ngài vẫn kêu là còn rét. Nếu tất cả đồng bào của ngài - những người đã từng dấn thân trong bùn lầy, sương tuyết và dưới làn mưa đạn trên chiến trường ở nước Pháp, những người đã và đang bị dày dọạ dưới tiết trời rét như cắt da cắt thịt, đã và đang bị đe dọa bởi những kẻ *mà họ* tấn công, - nếu tất cả những người đó đều như ngài đã vội ch... uồn ngay, chớ chẳng chịu liều mạng - cố nhiên là liều cái mạng không để vương bằng, nhưng dầu sao cũng quý báu - thì ngài có thể lấy đâu ra được để tỏ cái lòng trung quân để kiếm và lòng trung thành rỏ rúng để làm vừa ý cái ông chủ của ngài, như ngài đã từng tỏ ra ở Nôgiăng hay ở những nơi khác?

Ngoài vấn đề tình cảm ra, và ngoài mấy con ngựa cái ở trường đua Lôngsăng cùng những vẻ đẹp cổ đại ở nhà hát Ôpêra thì ngài đã thấy gì trong suốt thời gian "tham quan" của ngài ở cái nước Pháp lạc thú này?

Ngài có thấy được nguyện vọng thiết tha mong muốn công lý, tự do và lao động của quần chúng rộng rãi của dân tộc Pháp này không? Ngài có thấy được tình cảm cao cả yêu chuộng hòa bình và hữu nghị đang làm rung động trái tim của quần chúng đó, - số quần chúng mà, qua những cuộc cách mạng giải phóng, giờ đây đã giải phóng mình khỏi ách của bọn vua chúa, để trở thành kẻ tự mình làm chủ mình đó không?

Qua những lời tán tụng hèn hạ trong những bài diễn văn của mấy nhà đương cục và trong những bài báo được trợ cấp tiền của mấy tờ báo "luơng thiện" ra, ngài còn có nghe thấy gì nữa không? Ngài có được nghe người ta nói đến Paxtơ hay Vôn-te, Vichto Huygô hay Annatôn Phrăngxơ không? Ngài có được nghe người ta nói đến bản Tuyên ngôn nhân quyền và công dân quyền không? Ngài có được nghe người ta kể lại lịch sử của cuộc cách mạng bất diệt không?

Sau những xúc động mạnh mẽ khi xem những đại bác, xe tăng hòa bình đi qua, thì trong cái *đầu* chít khăn của ngài đã vội chớm nở nỗi nhớ nhà, thế là ngài vội vã cuốn gói ra đi! Ngày mai đây, ngài sẽ xuống tàu, và ngài sẽ lại trông thấy những biển cả ven theo đất nước của người Ai Cập và người Ấn Độ. Hòa lẫn với tiếng sóng gầm vang, những tiếng thét dữ dội của nhân dân bị áp bức ở các nước này, cũng như của nhân dân nước ngài, sẽ xé tan bầu không khí yên tĩnh bên tai ngài. Và nếu như ngài có đôi chút óc tưởng tượng, ngài sẽ thấy rằng ý chí của nhân dân - một ý chí đã được hun đúc trong nghèo đói và khổ cực - một ý chí còn mạnh hơn và dẻo dai hơn sóng cả, cuối cùng sẽ khoét hồng dần và đánh bật cái tảng đá bề ngoài có vẻ vững chắc là sự áp bức và bóc lột kia đi. Có thể ngài sẽ tự nhủ rằng cái mà ngài trông thấy đây là một chút của nước Pháp đó.

Vĩnh biệt... người đồng hương! Một khi mà những đợt sóng biển vô tình đã lấp kín vết đi của con tàu ngài ngồi thì nước Pháp sẽ quên ngài, cũng như ngài sẽ không còn nhớ chút gì về những người Pháp nữa.

Để giữ kỷ niệm của một nền văn minh hiện đại và lớn lao, ngài mang theo về cung điện của ngài một chiếc dương cầm, vài cái nhẫn và mấy chiếc bật lửa mà ngài đã đổi được bằng chút ít uy tín mà ngài để mất mát đi trong trái tim nhân dân của ngài. Và khi ngài lại trở về sống giữa đám phi tần và nội thị của ngài, giữa những sọt giấy lộn và tẩu thuốc phiện của ngài, thì một vài tên ký lục già sẽ thuê dật thay ngài và hộ ngài để gửi cho nước Pháp mà ngài không hề hiểu biết một vài câu nịnh hót hay một vài vần thơ lung củng, dưới đó, những ngón tay đầy nhẫn của ngài sẽ cầm bút ký cái chữ ký của một vị đế vương là nghệ sĩ và văn nhân (!).

Thế là cái ý nguyện bình sinh lớn của ngài đã được thỏa mãn. Và như vậy là hạnh phúc và ấm no của nhân dân An Nam cũng sẽ được xây dựng và củng cố rồi đây!

Nguyễn Ái Quốc

Báo *Le Journal du Peuple*, ngày 9-8-1922.

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ

- Đi chợ nào đây, anh Hai?
- Đi chợ Đông. Thế còn anh, anh Ba?
- Tôi cũng vậy. Thế có món hàng gì quý trong đôi thúng bánh ấy thế?
- Vàng mã cúng ông vải ạ. Còn anh, anh có cái gì hay hay cho khách hàng nào?
- Trầu non để làm thơm và để nhuộm hồng miệng xinh của các chị chàng đẹp đấy.

Thế rồi hai anh bán hàng bật im. Mặt trời đứng bóng chiều ướm dẫm những bắp tay bắp chân lực lưỡng gần như để trần của hai anh. Bốn chiếc thúng nặng nề dung đưa ở đầu hai đòn gánh tre đặt ngang trên vai chấy nắng. Bụi cuốn lên quanh bước chân thoăn thoắt thành một thứ màn sương, làm cho mọi cử động của hai anh mờ ảo và nhìn xa lại còn có vẻ mỹ thuật là khác.

- Nghe này, người anh em! - Ba nói.
- Tai tôi đang lắng nghe lời anh dạy. - Hai đáp.
- Hai ta cùng đi một chợ này, theo cùng một con đường này, lại cùng có một mục đích - là bán hết hàng, cùng một chí hướng - là làm ăn lương thiện kiếm miếng cơm. Phải thế không nào?
- Anh nói muôn nghìn lần đúng.
- Thế có muốn hai ta kết làm anh em không? Có muốn hai ta cùng nhau giao ước thắt tình hữu ái, và, ngay từ hôm nay, khuyên bảo lẫn nhau, thấy đây làm gì thì đó làm theo, mà đó đã

bảo gì thì đây cũng làm y, nói tóm lại, là giữa hai ta có sự đồng tâm nhất trí.

- Anh đây thật là chí lý, xin vâng theo.

- Thế thì, nào! chú mày, đường còn xa, chúng ta hãy thay phiên nhau hát, cho đôi cánh bông trầm nén cơn mệt nhé!

- Ông anh hát trước đi!

Con-mèo trèo lên cây cau

Hỏi thăm Kon-chuột đi đâu vắng nhà?

Thưa rằng đi chợ đường xa

Mua đồ vật liệu giỗ cha con-mèo.*

- Khôn ngoan hơn cường bạo, kẻ yếu thì chỉ có cách đó để tự vệ. Hai nói ra vẻ hiền triết lắm. Rồi, giọng u sầu, anh ngân nga:

Trông lên hòn núi Thiên Thai

*Thấy bầy chim quạ ăn xoài chín cây***

- Bài chú hát nghe sao buồn quá! Nhưng mà sự thật là thế. Dẫu ta cũng cứ thấy cái giống chim chóc*** biếng lười, nó chẳng chịu làm lụng gì cả, chuyên bòn của người khác làm ra mà ăn. Mà ơ này!

* và ** Nguyên bản tiếng Pháp có trình bày những bài hát dân gian này bằng tiếng Việt, kèm theo bản dịch sang tiếng Pháp, bản thân cách dịch đã ít nhiều giải thích ý nghĩa hàm ở trong. Dịch sát nghĩa và thoát, nhưng có thêm thắt đôi chữ giúp độc giả phương Tây lĩnh hội được dễ dàng và chính xác hơn ý tứ của những bài hát: *Seigneur, Chat, Vilains corbeaux*, v.v (gọi mèo bằng chúa, chỉ quạ là xấu xa, v.v.).

Tác giả lại còn nhân dịp giới thiệu nhẹ nhàng cả vài đặc điểm hình thức của thơ ca Việt, như bằng chữ cái cho nổi lên những vần bộ ba ở chân và ở lưng những câu lục bát đã sử dụng, v.v..

Tác giả thường dùng chữ K thay chữ C, với dụng ý cải tiến chữ quốc ngữ. Riêng ở đây, tác giả còn ý nhị muốn tránh mọi liên tưởng bất tiện trong tiếng Pháp, khi dùng có dụng ý chữ K để viết *con*, đồng thời dùng gạch nối giữa hai chữ "con mèo", "con chuột", để chỉ rõ *con* ở đây không có nghĩa riêng (*con* có nghĩa tục trong tiếng Pháp).

*** Trong tiếng 1, con chim (*oiseau*), đặc biệt *con chim xấu xa* (*vilain oiseau*), thường dùng để chỉ hạng người bỉ ổi.

Dòng sông có cát mịn, có làn nước trong veo, đây rồi! Nhớ nhúng đôi thúng xuống cho hàng thêm tươi tốt lúc qua sông.

Một lời đã hứa, Hai, anh bán đồ giấy, làm theo không chối cãi.

Qua khỏi con sông, anh bảo Ba:

- Ánh sáng là mẹ của mọi sự tốt lành, mà mặt trời thì lại là cha của ánh sáng. Vậy, anh à! Ta hãy phơi hàng một lát dưới ánh mặt trời tốt lành cho hàng lên màu, khách mua thêm hài lòng, ta bán được giá hời. Vừa nói, Hai bày chỗ hàng bằng giấy bồi của mình lên ven đường nóng bỏng, rồi đến nghỉ dưới bóng cây.

Một lời đã hứa, Ba, anh bán trâu không, làm theo không chối cãi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *L'Humanité*, ngày 29-9-1922.

NHỮNG NGƯỜI BẢN XỨ ĐƯỢC “ƯA CHUỘNG” *

Năm 1604, có một người Anh tên là Sếchxpia **, vốn là một nhà văn chuyên nghiệp, ông ta có nhã ý đưa ra một vở kịch mà vai chính là một người da đen. Người da đen này tên gọi Ôtenlô, quả là một anh hùng, một anh hùng thật sự. Anh hùng Ôtenlô đã từng chinh chiến nhiều, nhưng không phải là đánh Cápăng-chiê, cũng không phải vì anh là người được Ông Địa-nhơ tuyển mộ, cũng không phải vì anh là người dưới trướng của tướng Mănggianh, và lại hồi đó vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh vì “công lý” - mà là đánh những cường quốc hiếu chiến ở châu Âu và châu Phi. Ôtenlô làm thống soái của quân công xứ Vênixi. Cứ theo lời Ông Viviani nói thì trên mái tóc xoăn của Ôtenlô đã có biết bao nhiêu vòng hoa chiến thắng. Nhưng chiến công lớn nhất của Ôtenlô là đã thắng được Đêđêmônia.

Đêđêmônia không phải là một thành phố Đức, cũng không phải là một thuộc địa đâu. Đó chỉ là tên một cô gái dịu dàng, xinh xắn, đầy hạnh phúc, con của nguyên lão nghị viện Brabanxiô. Ôtenlô đã chiếm được trái tim nàng bằng cách tỉ tê kể lại cho nàng nghe lịch sử cảm động của đời mình, lịch sử

* Nguyên văn: “Indigènes à la mode”, nếu dịch thật sát nghĩa thì là: những người bản xứ theo “mốt”, theo thời thượng, tức là những người bản xứ được người ta nhắc tới nhiều trong một thời gian nào đó như là một cái “mốt”.

** *Uyliam Sếchxpia* sinh ngày 23-4-1564 ở thị trấn Xtơrétpho trên bờ sông Evôn, nước Anh, mất ngày 23-4-1616, trùng với ngày sinh. Sếchxpia bắt đầu sáng tác từ năm 1590, trong vòng 22 năm, ngoài một số thơ, đã sáng tác tất cả 38 vở kịch. Sự nghiệp sáng tác của Sếchxpia có thể chia làm ba thời kỳ: 1561-1601; 1601-1608; 1608-1612. Sếchxpia sáng tác bi kịch *Ôtenlô* vào giai đoạn thứ hai trong cuộc đời văn nghiệp (1604, như chính Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ghi ở dòng đầu bài viết này).

những trận đánh vĩ đại, những trận vây thành dài đằng đẳng, những chiến công rực rỡ, tóm lại là những tán tỉnh hay ho gì đó! Biết cha mình vốn chức tước như thế thì sẵn có nhiều thành kiến, nhất là thành kiến chủng tộc, nên nàng Đêđêmônia hiền hậu chỉ một lòng nghe theo tiếng gọi của tình yêu, nàng quyết lấy chàng da đen làm chồng mà không cần đến ý kiến của cha.

Trong vở kịch này, những người da trắng như tay thám tử Ialô và anh chàng Rôđrigô bị khinh bỉ, đều không đóng một vai gì choáng loáng, mà chính họ lại là những vai đen tối nhất. Song việc đó chẳng can gì đến chúng ta.

310 năm trôi qua*. Người bản xứ lại được đưa lên sân khấu: nhưng đây là sân khấu chiến tranh**. Tác giả lần này giấu biệt tên tuổi, tìm cũng chẳng thấy; song các vai trò dù là vai chính hay vai phụ, anh hùng hay không, nhưng vì quá thành tâm đóng vai trò của mình, nên phần đông đã nằm lại trên sân khấu. Thật là một tấn bi kịch! Năm 1922, lại thấy xuất hiện những người bản xứ được ưa chuộng. Ta không nói đến Batuala, con người được phong tặng, và Xiki, kẻ ân nhân của khoa học, làm gì. Ta chỉ nói đến những người bản xứ đã thích ứng được, hoặc được thiên hạ thích thú.

Bị trời gô vào cột buồm tàu và được đi làm quân tình nguyện ở châu Âu, đánh phường man rợ để “bảo vệ văn minh”, nhưng một khi được đến xứ “văn minh” rồi, thì những người bản xứ của ông Têry lại được cái thú tha hồ ném “trái cây trong vườn cấm”. Những người bản xứ còn sống sót sau cuộc tàn sát 1914, cũng như những người bản xứ còn sống sót sau đại chiến 1914-1918, đều có thể tự hào rằng vì dân chủ, vì quyền lợi của chủng tộc cao đẳng, họ không những đã hiến đời mình, xương máu mình, mà còn hiến cả niềm t...in của mình nữa.

* Tức là tính đến năm 1914.

** Đây là chỉ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

Ông Sếchxpia trước kia lấy làm hài lòng thấy người dân bản xứ trong vở kịch của mình đã đang hoàng lấy được cô gái mẫu quốc. Còn ông Têry ngày nay thì chỉ nhận thấy có một điều là người bản xứ của ông rất đặc lực để góp phần làm cho dân số phình lên bằng cách làm phình bụng các cô nàng da trắng. Ông Xasa Ghitory còn đi xa hơn nữa. Ông muốn người bản xứ phải được “văn minh” hoàn toàn. Ông muốn họ phải cấm sừng các ông chồng da trắng cơ! Ông đã hoàn toàn toại nguyện, vì chín tháng sau cuộc “chinh phục”, bà Mácgorit Đênoayê đã sinh hạ được một cậu bé bản xứ. Nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng ông Đênoayê đã không hoan nghênh chú bé bản xứ đó cho lắm. Vốn là một “nhà yêu nước” từ đầu đến chân, nên ông ta muốn rằng chú bé màu da “sôcôla” kia ra đời giá đừng có nhăn nhui và bé nhỏ như thế, mà lại là một người râu ria xồm xoàm, ba lô trên lưng, súng trên vai để “bảo vệ đất nước”, thì quý biết nhường nào.

Ngay cả các trang tiểu thuyết đăng trên báo, người bản xứ cũng đã giành được địa vị của mình. Ông Angiabe, ấy xin lỗi, ông Anbe Giăng chứ - đã chẳng kể chuyện triển lãm Mácxây là gì? Có một chàng Việt Nam kia làm nghề kéo xe đã lọt được vào mắt xanh của một bà đầm xinh đẹp nọ. Sau khi đi thăm triển lãm về, bà bèn cho gọi anh xe đến phòng ngủ lộng lẫy của bà, và vân vân... Người yêu bị cấm sừng của bà bỗng nhiên tới. Bối rối, lẩn núp, vân vân... Nhưng câu chuyện lại ở chỗ khác kia. Nguyên là chàng công tử kia đã đánh cắp được một viên ngọc bích ở gần triển lãm Đông Dương, và đến để khoe với người ngọc của mình (Ôi! Liêm khiết vậy thay!). Người Việt Nam kia đứng nấp đằng sau trông thấy quả tang hành vi đầy tội lỗi, liền nhảy ra đánh cho anh chàng ăn cắp ngã gục, rồi mang vật quý về gian triển lãm.

Không kể các điệu nhạc khiêu vũ và các cuộc triển lãm thuộc địa đã làm cho anh em thuộc địa chúng ta tự hào một cách chính đáng, chúng ta lại còn lấy làm sung sướng được biết rằng từ sang năm trở đi, tất cả các bà đầm thuộc giới lịch sự, sẽ mang

một cái gì của chúng ta trên người và trong người họ: các cửa hàng thời trang to lớn ở Pari, sang xuân tới, sẽ tung ra những kiểu vải thuộc địa và kiểu quần áo thuộc địa. Người ta sẽ đặt cho những bộ áo mặc trong nhà và các quần áo khác đủ thứ tên nào là: Thị Ba, Bămbara, Uôlốp, Lumpholúp, v.v...

Hỡi những người con của thuộc địa! Ngày vinh quang đã đến rồi*.

Báo *Người cùng khổ*, ngày 15-1-1923.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, 1959, tr.47-50

NGUYỄN ÁI QUỐC

* Câu kết này nhại theo câu đầu trong bài quốc ca Pháp: "*Allons! Enfants de la Patrie, le jour de gloire est arrivé!*" (Hỡi những người con của Tổ quốc! Ngày vinh quang đã tới rồi!)

BỘ SƯU TẬP ĐỘNG VẬT

Thật chúng tôi đã nghĩ đến nát cả bộ óc người da vàng của chúng tôi ra, cũng không tài nào mà tìm thấy cái lẽ vì sao mấy ông bà người Pháp lại thành lập một tổ chức kỳ cục là Hội bảo trợ loài vật. Trước hết, chúng tôi sờ dĩ không sao tìm ra được nguyên nhân đó, vì chúng tôi thấy hiện nay còn có biết bao nhiêu là con người cùng khổ đang đòi hỏi được người ta săn sóc đến họ một chút mà cũng chẳng được. Sau nữa vì những con vật đó không đáng được thương yêu đến thế, mà chúng nó có khổ sở gì cho cam. Trừ con sư tử đen* là có ích cho những người có thói quen xỏ chân vào giày da thú, còn hầu hết những con vật đó đều độc ác, rất độc ác.

Cái con chó ngắn mõm** chẳng đã chạy đến nhe bộ răng khả ố của nó ra mà xé toạc cả cơ cấu của Hội nghị Pari đó sao? Thành thử con khỉ Phlamăng và con gà sống Gôloa phải một mình đương đầu với con phượng hoàng Giécmanh ở miền Ruya***.

Trong khi hãy còn bị xích cổ, thế mà con hổ**** chẳng đã nhá nghiêng mắt nhiều bộ của nước cộng hòa đó sao? Người ta chẳng đã phí hàng mấy triệu, mấy tỷ để nhờ hai ông bạn vinh quang của chúng ta là Côn-sắc và Vranghen mua hộ da con gấu Mátxcova, là

* Nhãn hiệu một loại xi đánh giày có tiếng ở Pháp.

** Âm chỉ nước Anh lúc đó.

*** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, vấn đề miền Ruya, một khu vực công nghiệp than và luyện kim quan trọng của Đức, là khâu chính trong những mâu thuẫn giữa các cường quốc châu Âu. Tháng 1 năm 1923, Pháp muốn nắm ưu thế ở châu Âu, đã cùng với Bỉ chiếm đóng miền Ruya của Đức. Con khỉ Phlamăng và con gà sống Gôloa ở đây ám chỉ Bỉ và Pháp.

**** Âm chỉ Clêmăngxô, một chính khách Pháp và Bộ trưởng Bộ Chiến tranh.

con vật ngày nay hơn bao giờ hết, nó không thích để cho người ta tùy ý muốn làm gì thì làm đó sao? (Chao! Con vật mới quái chứ!).

Trong số các bạn hữu ở chính quốc của chúng ta, ai là người không phải phàn nàn về tai hại do loài điều hâu gây ra? Loài quạ* mà lại chẳng phải là những kẻ phá hoại tai hại trong địa hạt tinh thần à? Còn những con mọt già** thì có làm được việc gì ngoài cái việc chỉ chuyên tìm cách lợi dụng những sự bất hòa và những chuyện xích mích trong xã hội? Lại còn con vật nào đó chẳng đã vô sỉ đến nỗi muốn cho phép tất cả các chàng rể láo xược cứ việc dùng tên đó để gọi mẹ vợ họ đó sao? Bọn mèo quý phái*** há chẳng thật sự là những kẻ đã dập tắt cả hạnh phúc gia đình của nhiều nhà đó ư? Và những con chuột cống ở khách sạn**** chẳng đã là những kẻ thù muôn thuở của tất cả những người đi du lịch đó sao?

Chưa kể đến chó sói lúc nào cũng là kẻ có lẽ phải vì đó là kẻ mạnh hơn, và những con chiên ghê là một mối tai họa cho cả một xã hội trung thực, chúng tôi... Nhưng trước khi kết thúc, ta hãy nói một chút về những con vật ở thuộc địa.

Đúng giữa lúc ông Ghinan chuẩn bị để nhờ ông Mănggianh chuyển lên Viện Hàn lâm khoa học một bài nghiên cứu về việc sử dụng da cá mập, thì ông Anbe Xarô lên đường đi Đảo Chó***** đọc một bài diễn văn bộ trưởng của ông tại xưởng ướp cá thu Xanh Pie và Micrông, còn về phần ông Xitorôen thì ông cho "con Sâu"***** khai hóa của ông bò xuyên qua Xahara. Hai cuộc đi công cán này - việc công và việc nửa công nửa tư - chắc

* Chỉ kẻ viết thư nặc danh.

** *Chats-fourrés*: Nghĩa đen là những con mèo lông xù; nghĩa bóng là bọn quan tòa

*** *Poules de luxe*: Chỉ bọn gái điếm sang trọng.

**** *Rats d'hôtel*: Chỉ bọn chuyên trộm cắp hành lý của khách trọ.

***** *L'île aux chiens*.

***** "*Chenille*": Nghĩa đen là con sâu. Về cơ khí, đó là xe tăng. Thường dùng để gọi tất cả các xe chạy bằng xích.

hắn thế nào cũng sẽ thu được kết quả tốt đẹp mà người ta có quyền chờ đợi: tức là làm cho con chuột nhắt đẻ ra những quả núi và củng cố địa vị của những con cá mập thực dân.

Người ta thường quên tưởng rằng các nhà bảo hộ của chúng ta lúc nào cũng thi hành cái chính sách của loài đà điểu*. Nhưng lắm to rồi các bạn ạ! Chả phải thế đâu, này nhé: Chỉ có nhận lời mời của chú cá nục ở hải cảng cũ thôi mà chính phủ thuộc địa đã không ngần ngại chút nào mà không chi tiêu:

1- Đông Dương	13.190.846	Phrăng
2- Tây Phi thuộc Pháp	5.150.000	-
3- Châu Phi xích đạo thuộc Pháp	348.750	-
4- Camorun	390.000	-
5- Mađagátxca	1.837.600	-
6- Máctiních	108.000	-
7 - Guyađolúp	55.000	-
8 - Guyam	62.500	-
9 - Tân Calidôn	75.000	-
10 - Tân Hêbrít	60.000	-
11 - Châu Đại Dương	65.000	-
12 - Ấn Độ	135.000	-
13 - Xômalì	97.000	-
14 - Đảo Rêuyniông	85.000	-
15 - Xanh Pie và Micolông	14.000	-

để đưa vài con lạc đà, vài con bò cái và vài con cá sấu từ các thuộc địa về thành phố Mácxây.

* *Politique de l'autruche*: Đà điểu, một loại chim lớn ở miền nhiệt đới châu Phi, cao tới 2m50, chạy nhanh và có một dạ dày rất khỏe. Từ ngữ Estomac d'autruche nghĩa là dạ dày đà điểu, tiêu hóa được tất cả các thứ. Ở đây, *chính sách đà điểu* là ngụ ý nói chính sách vơ vét tham tàn của bọn thực dân.

Lại cũng phải nhận rằng các nhà đi khai hóa của chúng ta đã không từ một sự cố gắng nào để cấm cho mấy con chim sẻ bản xứ - rất dễ bảo và rất ngoan ngoãn - vài cái lông công làm cho chúng trở thành những con vẹt hay những con chó giữ nhà. Và nếu nhân dân châu Phi và châu Á mà được "hòa bình" và "thịnh vượng" đến như thế này, thì chính những "vị đi gieo rắc dân chủ" không biết mỗi một đó là con nhặng đánh xe* chứ còn ai vào đó nữa?

Nói tóm lại, số phận của tất cả những con vật ấy tương đối đã dễ chịu. Vậy, nếu các hội viên của cái hội cao cả là Hội bảo trợ các loài vật cần phải giết thì giờ, thì nên chăm sóc đến những con khi bị bác sĩ Vôrônốp làm cho đau đớn** và đến những con cừu dân bản xứ khốn khổ kia luôn luôn bị hút trụi lông***, đó có lẽ lại là một việc ích lợi hơn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 11, ngày 1-2-1923.

* *La mouche du coche*: Con nhặng trong câu chuyện ngụ ngôn của La Fonten miêu tả những kẻ tự cho mình là kẻ đi khai hóa chẳng khác gì con nhặng tự khoe mình đã có công đẩy chiếc xe nặng vượt khỏi đường dốc.

** Bác sĩ Pháp gốc Nga Vôrônốp chủ trương dùng khi trẻ hóa sinh dục của người.

*** Tiếng Pháp có thành ngữ *hớt lông* để chỉ sự bóc lột.



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1923
(Ảnh làm hộ chiếu ở Béc-lin để sang nước Nga)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

VIỆN HÀN LÂM THUỘC ĐỊA

Ông bạn Xôra của tôi là một người dễ thương, mặc dầu ông đã ở thuộc địa lâu năm. Nhất là ông lại hóm hỉnh, điều hiếm thấy trong giới ông. Ông có thói quen lạ là khi nói, gập vắn nào bắt đầu bằng Th hoặc H* là cứ lặp lại hai lần, làm cho cách nói của ông trở nên ngọt ngào và thú vị khác thường.

Hôm nọ ông đến thăm tôi. Chỉ nhìn đôi mắt ông nấp sau đôi mục kính to tướng, tôi đoán ngay ra ông sắp sửa ba hoa một điều gì đây. Quả như thế. Ông bắt tay tôi, hỏi ngay:

- Một Viện Hàn... hàn lâm khoa Thuộc... thuộc địa đã được thành lập, ông biết rồi chứ?

- Biết. Vâng, thì sao nào?

- Ở đây có một Ban Địa lý, một Ban Mỹ nghệ, một Ban Giáo dục, nghĩa là có bao nhiêu người cần thu nạp thì có từng ấy ban. Nhưng vẫn cứ còn thiếu một ban, một ban quan trọng nhất khiến một Viện có tầm cỡ nổi hẳn lên.

- Là ban gì kia?

- Tôi gọi là Ban Đạo lý thuộc... thuộc địa.

- Để ngài Xôra làm trưởng ban chứ gì?

- Không! Tôi đâu có thứ Hàn... hàn lâm, song tôi có danh sách những người “lương thiện”, “liêm khiết”, “yêu nước” xứng được đề nghị đưa vào hàng bất hủ hay bất tử như người ta thường gọi. Đây là họ, tên, nghề nghiệp của những người tôi đề cử:

* *Bắt đầu bằng Th hoặc H*: Nguyên văn phải dịch như sau: “Bắt đầu bằng chữ C” (Ví dụ: Co... Colonie nghĩa là thuộc địa, Ca... académie nghĩa là Viện Hàn lâm). Chuyển dịch khác đi (*Th* và *H*) cho hợp với nghĩa dịch tiếng Việt: Thuộc... thuộc địa, Hàn... hàn lâm.

- Các ông:

Angđrê Bắctôlô, Thượng nghị sĩ quận Xen, Quản đốc tuyến đường sắt từ Cônggô Thượng tới vùng Biển Hồ châu Phi.

Lêông Sanhô, Thượng nghị sĩ quận Kroz, Quản đốc Công ty vận tải ở Marôc.

Guyôm Saxtơen, Thượng nghị sĩ quận Girông, Giám đốc Hội hợp nhất Lie - Hamenđa - Tiểu Kabili.

Jăng Côken, Thượng nghị sĩ quận Rôn, Giám đốc Tổ hợp kỹ nghệ và thương mại Bắc Phi.

Hăngri Côxne, Thượng nghị sĩ quận Anđr, Giám đốc Công ty thương mại, kỹ nghệ, canh nông Phi châu.

Frăngxoa Macxan, Thượng nghị sĩ quận Canta, Giám đốc Hội buôn Tây Phi.

Anbe Jêra, Thượng nghị sĩ quận Acđen, Giám đốc Công ty kèn Tân Calêđôn.

Grôxđidiê, Thượng nghị sĩ quận Moz, Giám đốc Công ty vận tải ở Marôc.

Quận công Môngteguy, Thượng nghị sĩ quận Loa Hạ, Quản đốc các đường xe lửa và các mỏ phốt phát tỉnh Gap*.

Marô, Thượng nghị sĩ quận Lôc và Garon, Quản đốc tuyến đường sắt từ Cônggô đến vùng biển Hồ châu Phi.

Juyxtanh Pacsô, Thượng nghị sĩ quận Thủy Anp, đại biểu các Hội bỏ thầu và khai thác ở Đông Dương, Hội quốc tế nghiên cứu và xây dựng ở Marôc và Hội bỏ thầu ở Tây Marôc.

Rulăng (vâng, cả ông này nữa), Thượng nghị sĩ của quận Xen Hạ, Giám đốc Địa ốc ngân hàng của Angiêri và Tuynidi, Quản đốc tuyến đường xe điện từ Orăng đến Hamenben MatJa và Công ty Marôc Rar và Kalôt.

Các ông...

Accamray, đại biểu quận En, của Tân Công ty Phi châu về thương mại, kỹ nghệ và canh nông.

* Gap (Gafsa): một tỉnh ở miền Nam Tuynidi, nơi có nhiều mỏ phốt phát.

Actô, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc Công ty Pháp quốc của Tây Phi, trưởng ban trị sự thương quán Pháp - Maroc và các nhà máy đường thuộc địa.

Banlăng, đại biểu của quận Girông, của Ủy ban liên bang thuộc địa.

Bonaden, đại biểu của quận Anđr, của vùng mỏ Bu-Acpha (Maroc).

Bectôlôni, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty thương mại Lào.

Cămbruz, đại biểu của quận Girông, của công ty Pháp ở Tôgô.

Satxe-Goayông, nghị sĩ quận Xen, Phó chủ tịch Công ty hợp nhất cây bắc Hamenda và Tiểu Kabili.

Jăcken Duyboăng, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty Maroc vôi, xi măng và vật liệu xây dựng.

Faixnat, đại biểu của quận Xôn và Loa, của Tổng công ty Pháp và Đông Dương về lụa.

Frăngxoa Văngđen, đại biểu của quận Mợct và Môden, của các mỏ thiếc và mỏ vonfram ở Bắc Kỳ.

Gaxparin, đại biểu đảo Rêuyniông, của Công ty Pháp ở Tôgô.

Huybe Girăng, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, Giám đốc ngân hàng Xyri và Công ty Maroc.

Anbe Hôê, đại biểu quận En, của Công ty thăm thô thuộc thân vương Ả Rập.

Prôxpe Jôtx, đại biểu quận Ơ, của Pháp quốc ngân hàng nước Phi Xích đạo, của Công ty Phi và Cônggô.

Lusơ, đại biểu quận No, của Tổng công ty các xí nghiệp ở Maroc.

Tôi nói với ông bạn:

- Quả thực đây đích là những người đại diện vừa cho quyền lợi thật sự của cử tri ở quốc hội Pháp, vừa cho quyền lợi nền văn hóa Pháp ở thuộc địa. Nhưng ông...

- Tôi hiểu ông sắp nói gì rồi, Xôra ngắt lời tôi, ông muốn bảo tôi không nghĩ đến đám bán rum hay các công ty độc quyền rượu chứ gì? Nhưng mà danh sách đã dài và “căn nhà chứa” sẽ bé quá, không đủ cho tất cả. Vả lại, kỳ tới tôi còn một đề nghị hay hơn.

Khói thuốc lá ở chiếc tàu* vây lấy Xôra như hương thơm của những đức ông chồng chung thủy bao quanh thánh Jôdêp**. Xôra chậm rãi bảo tôi:

- Ông có biết là Anbe Xarô đã đổ bể rồi không?

- ...?

- Đừng có vờ ngạc nga ngạc ngạc nữa. Tôi nói đến con tàu - con tàu duy nhất của Hải đội Đông Dương - ấy mà... Ông không hiểu thì để tôi nói cho mà nghe. Muốn có một Hải đội Đông Dương, phải có một con tàu Đông Dương. Thế là người ta cho đóng “con tàu”. Rồi người ta ghi vào tấm lái vĩ đại tên của vị Toàn quyền vĩ đại***. Dung lượng con tàu, khi ra khỏi xưởng, chỉ là 3.500 tấn. Vài hôm sau, trong bài diễn văn của người cha đỡ đầu lừng tiếng của nó, dung lượng là 6.000 tấn. Vài tháng sau, theo bài đăng trên một tờ báo lớn thì dung lượng

* Tàu thuốc lá, loại điều ngậm nhỏ xinh mà bọn trưởng giả đương thời ưa dùng.

** *Thánh Jôdêp*: Jôdêp xuất thân là một chàng thợ mộc, sau này lấy bà Mari. Khi Mari còn trẻ, đến tuổi lấy chồng, nhiều chàng trai cập kê dạm hỏi. Người nhà Mari bảo các chàng rể tương lai mỗi người đặt một chiếc gậy cùng vào một chỗ, gậy người nào nở hoa thì người ấy sẽ được kết hôn cùng nàng. Chính chàng Jôdêp đã làm được điều lạ ấy. Sau khi lấy Jôdêp, Mari được thần Gabriel báo cho biết là bà sẽ sinh ra Jêxu là con của thượng đế và là chúa cứu thế. Sau đó, Jôdêp mơ thấy mình được trao nhiệm vụ giữ Mari làm vợ... còn Jêxu là con nuôi. Mari là mẹ nhưng vẫn là đồng trình. Chàng thợ mộc Jôdêp trở thành thánh Jôdêp, mãi mãi là người chồng chung thủy của người vợ suốt đời đồng trình là bà Mari.

*** *Vị toàn quyền vĩ đại*: Trong nguyên văn: *gouvernail* (bánh lái, tấm lái) và *gouverneur* (người cầm lái). Đây là hai từ cùng họ, nhưng *gouverneur* còn có nghĩa là Toàn quyền. Tác giả chơi chữ để mỉa mai Anbe Xarô.

ấy là 60.000 tấn. Nó phải chạy 12 hải lý. Khởi đầu nó chỉ chạy có sáu hải lý thôi.

Bây giờ thì nó tồi quá rồi.

Muốn bịp thiên hạ, người ta dẫn nó sang Trung Hoa. Vì người ta quên không cho nó đi tàu hỏa, đến Thượng Hải, cái của ấy chẳng chịu đi nữa, nó bại hoại, rỉ nước, hỏng nồi supde, nó muốn tự vẫn, nó chỉ còn là một chiếc nút thông lọng*. Tưởng chừng con tàu khốn khổ mắc bệnh giang mai. Nhưng không sao. Đông Dương vẫn kiêu hãnh có hạm đội của mình và những con tàu Xarô của nó.

- Như vậy, ông nói với tôi làm gì?

- Để ông hiểu rằng, tôi sẽ là đồ ngu nếu tôi không cử vị Tổng trưởng thuộc... thuộc địa của chúng ta vào Viện Hàn... hàn lâm.

- Với tư cách là Đô đốc Hạm đội Đông Dương à?

- Đâu phải. Để làm Chủ tịch khoa Giải phẫu.

- ...?

- Vâng. Khoa Giải phẫu. Lão ta ở đây là rất thích hợp. Thế ra ông không nghe lão ta nói về “bảng giải phẫu ở Quảng trường Hòa hợp” sao? Thế ra ông không biết là tất cả Trường Đại học Y khoa nháo nhác cả lên vì bản tuyên ngôn khoa học đó của Cụ lớn à? Ngài yêu thích nhiệm vụ đến quận cả lòng. Lòng đắm say nổi khó nhọc cấp cao gắn những con sốt vào *da thịt* ngài, hòa lửa vào *máu* trong *huyết quản*, vào *tế bào* trong đường *gân*, *thớ thịt* ngài, cứ như chiếc áo lửa của Netxuytx** bám lấy *hông* lấy *cật*.

* *Chiếc thông lọng*: Tác giả lại chơi chữ. Tiếng Pháp *Noeud* vừa có nghĩa là nút, là hải lý, mà *Noeud coulant* lại là nút thông lọng.

** *Netxuytx*: Theo thần thoại Hy Lạp, Netxuytx là một con nhân mã mình ngựa, đầu người, muốn cướp nàng Đêjanía vợ của dũng sĩ Hecquyn, nên bị dũng sĩ dùng tên tẩm máu long xà bắn trúng ngực. Trước khi chết, Netxuytx bày cho Đêjanía lấy một ít máu mình (có lẫn máu long xà tẩm đầu mũi tên) để khi nào Hecquyn ruồng bỏ mình thì tẩm vào một chiếc áo cho Hecquyn mặc, đó sẽ là thứ bùa tình yêu giữ được hạnh phúc. Về sau, Hecquyn mê nàng Iôn, Đêjanía đã làm theo lời dặn của Netxuytx, gửi áo cho chồng. Vừa mặc vào, Hecquyn thấy người nóng ran như lửa, quần quai, đau đớn điên cuồng, muốn cởi ra thì bị rút từng mảng thịt. Biết không qua khỏi cái chết, Hecquyn lên núi Etna lập hỏa đàn rồi tự thiêu.

Ngài Tổng trưởng nói: “Tôi thích nhìn những đội *cháp kích* (*phalange*) của họ* ... Lúc ấy tiếng hô vút lên từ lồng *ngực* tôi... như rót vào *máu* tôi chất độc ác nghiệt mà thánh thần... có những bộ *mặt* tối sầm không bao giờ có ánh sáng lung linh soi đến... những lời xưa kia thốt lên từ đáy trái *tim* vĩ đại nhất... vân vân...”. Ông nghĩ xem, với những bắp thịt, đường gân, cái... bộ mặt và những *đội phalange* ấy, người ta có thể nặn thành một vị khai hóa cừ lắm chứ, trừ phi...

Nhưng thôi, hãy đi uống chơi một cốc bia. Ông đi chứ?

Báo *Người cùng khổ*, số 12, tháng 2-1923 và số 14, tháng 4-1923. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội - 1985

NGUYỄN ÁI QUỐC

* *Cháp kích*: Trong nguyên văn tác giả dùng chữ *phalange* vừa có nghĩa là đội *cháp kích* (thời Hy Lạp cổ), vừa có nghĩa là *đốt* (đốt ngón chân, ngón tay). Nghĩa sau (*đốt*) cũng lại hợp với mạch các từ về thân thể trong đoạn văn trên như: lồng, da, máu, huyết quản, gân, thịt, đốt, ngực, mặt, tim... Tác giả chơi chữ thật tài tình để mỉa mai Anbe Xarô.

Y NHƯ NƯỚC MẸ

Cho đến nay, trên thế giới chỉ có thành phố Tuynlơ* là có thể tự hào đã có những bức thư nặc danh vang dội. Ngày nay, xứ Nam Kỳ với lòng hiếu thảo và mong muốn tỏ lòng trung thành không bờ bến đối với nước khai hóa văn minh cho mình - vừa rồi cũng có cái vụ thư nặc danh "của nó". Nhưng xứ thuộc địa này đã "bắt chước" vụng về vì không phải là một vụ nàng Lavan diễm lệ mà là vụ một hương chức An Nam già nua vừa bị bắt bỏ tù, không phải vì đã lạm dụng thư nặc danh mà vì đã bị thư nặc danh tố cáo. Việc ấy thực chất như thế này.

Một đêm tháng 12 năm 1922, cụ hương cả An Nam đang mơ màng thì bỗng nghe tiếng mõ huyền não báo cho dân làng biết có cướp ở trên sông cái, ngay trước mặt Chợ Lách! (Ô! Vậy thì cái nền an ninh mà các nhà chức trách từng ca tụng ở đâu nhỉ?). Cụ hương cả nhà ta vùng dậy vớ lấy khẩu súng - nguyên cụ hương cả cũng đồng thời là trưởng tuần của một trại ấp lớn - và lập tức cùng với hai gia nhân xuống thuyền bơi ra sông.

Vừa đến nơi, cụ hương cả và hai gia nhân liền bị bọn cướp nổ súng bắn; một trong hai gia nhân bị trúng đạn giữa ngực và vài phút sau thì tắt thở. Cụ hương cả bắn trả bọn cướp một phát không trúng, trái lại bị bọn cướp bắn bị thương vào tay phải.

* *Tulle*: Một thành phố ở tây nam nước Pháp, cách Pari 464 km.

Rồi chỉ vì thư nặc danh tố cáo, mà cụ hương cả họ đã bị bắt giam về tội là đã giết gia nhân của mình. Mặc dù cha người xấu số và người gia nhân còn sống đã đệ đơn mình oan cho bị cáo nhưng cụ hương họ vẫn còn nằm trong “buồng tối” để chờ “ánh sáng của công lý”.

*Báo Le Paria, số 11,
ngày 1-2-1923.*

NGUYỄN ÁI QUỐC

"VI HÀNH"

(Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả dịch từ tiếng An Nam)

- Hấn đây!

- Đâu phải!

- Đúng mà! Anh đã bảo là chính hấn đây.

- Chắc thật à? Em thì em đã thấy hấn ở trường đua, trông hấn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quần khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

- Thế hay là hấn đã đem tất cả những thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kìa! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xéch ấy, vẫn cái mặt búng như vỏ chanh ấy à*?

- Ừ nhỉ, thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hấn đến đây làm gì nhỉ trong đường xe điện ngầm này, và tại các ông quan bà kiếc** đi theo thì đâu cả?

- Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga để đi chơi vi hành đây.

Đây, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngẫu nhiên trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

* Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng búng.

** *Ses mandarins et mandarines*: Chơi chữ, do trong tiếng Pháp *Mandarin* có nghĩa là ông quan và *mandarine* có nghĩa là quả quýt; theo quy tắc từ vựng học thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực trong giống cái phải thêm "e" sau từ chỉ giống đực. Ở đây, chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: ông quan bà kiếc.

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đấng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

- Hấn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hấn đeo lên người hấn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

- Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chính ta nào?

- Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái rương của Hêra Miecten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta * sắp cạn ráo như B.Đ.D ** vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

- Đổi xe ở đây chứ *** anh yêu ời?

- Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

- Em thì em thích Sáclô **** hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

- Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở nhà hát ca vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưỡi phrăng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư

* Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin “thời sự” giật gân để dẫn dắt quần chúng sao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều “ly kỳ”, có thật, xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

** Nguyên bản B.I.C (*Banque d'Indochine*): Ngân hàng Đông Dương.

*** Tiếng Pháp chỉ nói “đổi”; thường nói “đổi xe” nhưng thật ra là “đổi tuyến xe”. Hệ thống xe điện ngầm Pari gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó, có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

**** *Charlot*: Vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn nổi tiếng Anh Sáclê Saplin sáng tạo.

thánh xứ Cônggô^{*}; hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu nhà hát múa rối^{**} có định ký giao kèo thuê đây...

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang thành dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Aléxăngđê nhất^{***} có được sung sướng, có được uống nhiều rượu, và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám "dân"^{****} bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, bây giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời của các cậu công tử bé^{*****}.

* *Les aerobates du marabout de Congo*. Cả danh hiệu sư thánh đạo Hồi ("Marabu"), cả tên nước Cônggô ở đây đều là phiếm chỉ.

** *Le manager du Guignol*. (Guignol là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng ra để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lăng).

*** *Alexandre Millerand*: Tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi Tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: "Aléxăngđê nhất", là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn, đồng thời là để nêu rõ sự lỗi thời của vua chúa, tức cũng là để châm biếm Khải Định chưa cay hơn.

**** Trong nguyên bản chữ "dân" được viết bằng chữ Việt.

***** *Petits ducs*: Có nghĩa là tiểu công hay công tước bé. Ở đây, tác giả giễu cợt rất tinh vi và chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga mà tước hiệu là đại công (*grand-duc*) là những tay ăn chơi bừa bãi.

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đáng hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng, thế là cái bánh xe vô lượng nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hóa, thì đến bây giờ tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "hắn đấy!" hay "xem hắn kìa!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, chính phủ bèn đối đãi với tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thâm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác nào bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy để giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuống cả lên nếu mất hút thôi chỉ trong dăm phút! Cô thử nghĩ xem, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Báo *L'Humanité*, ngày 19-2-1923.

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đang bọ nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Rilô Đê Hanây rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêândorô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài. Tên cảnh sát chẳng thêm trả lời nữa, rút súng lục ra, bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quăng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đồ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Săn con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác.

Cuối cùng, anh không chọi nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lằm nhảm bài *Quốc tế ca* khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra tòa. Anh bị kết án 30 năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mượn nhiều trạng sư cãi cho bạn; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hêxô được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phần đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mùng 8 tháng 2, Hôxê ra tòa xử lại án. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mỗi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécđra và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Tòa xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen, ngả mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

Báo *Người cùng khổ*, số 25, tháng 5-1924. Bản dịch: Phạm Huy Thông.
Truyện và ký. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, trang 43-44



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với một số đại biểu dự
Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V (7/1924)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ *

Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai họa thật sự đối với người da đen và là một bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là tục hành hình kiểu Linsơ.

Linsagior là do từ Linsơ mà ra. Linsơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viecginia vừa là địa chủ vừa là quan tòa. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập** hãn thủ tóm

* Sau những ngày bí mật đi qua nước Đức để đến hoạt động ở Liên Xô, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài này, đăng lên nhật báo *Diễn đàn thế giới* (*Die Weltribüne*) của Đảng Cộng sản Đức (số ra ngày 9 tháng 10 năm 1924) tại Meccolen-bua, và trên tạp chí *Thư tín quốc tế* (*La correspondance internationale*) số 59, năm 1924.

Gần đây, báo *Chân trời* (*Horizon*), Cộng hòa dân chủ Đức, số 37, năm 1974, đã đăng lại toàn văn bài báo đó (do Colao Haiđếch sưu tầm được ở thư viện trường Đại học Tổng hợp Rôxtôc) và giới thiệu bài báo đó như sau: “Bản cáo trạng này vẫn giữ nguyên vẹn tính thời sự của nó. Nó nhắc chúng ta nhớ lại rằng những bọn đế quốc chủ nghĩa dù mọi màu sắc, thời đó cũng như ngày nay, đều luôn luôn là những kẻ thù của loài người... Với bản cáo trạng này, Hồ Chí Minh đã xuất hiện như một chiến sĩ chân chính của chủ nghĩa quốc tế vô sản và người bảo vệ nhân quyền và tự do của tất cả những người bị áp bức, dù họ cư trú ở bất kỳ nước nào”.

** *Chiến tranh giành độc lập* (1775-1783): cuộc chiến tranh giải phóng của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ chống lại Anh, giành độc lập, đi đến thành lập nước Mỹ.

toàn bộ quyền hành trong quận. Những người thuộc phái bảo hoàng và những người thuộc phái bảo thủ bị hấn trừng phạt rất dã man, không cần xét xử, không cần án tù gì cả. Nhờ bọn chủ nô, nhờ Đảng Ku-Klux-Klan và những tổ chức bí mật khác, nên tục hành hình kiểu Linsơ, một tục không hợp pháp và man rợ, trở thành phổ biến và kéo dài mãi ở các bang trong Liên bang Mỹ. Sau khi người da đen được giải phóng, tục đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt chĩa vào người da đen.

CÁC BẠN HÃY TƯỞNG TƯỢNG...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng loạn. Quả đấm nắm chặt, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyên rủa... đám đông ấy đang bị lôi cuốn bởi cái thú cuồng loạn được phạm tội ác mà không phải lo sợ gì cả. Họ vũ trang bằng gậy gộc, đuốc, súng lục, thừng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi, tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết hoặc làm bị thương được.

Các bạn hãy tưởng tượng giữa đám đông ấy, là một đồng thịt đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, rách da, róc thịt, chửi rủa, bị đá đi đá lại, đầm máu, bất động.

Đám đông ấy chính là những kẻ tham gia hành hình. Cái xác người rách nát kia, đó là người da đen, là nạn nhân.

Trong cơn sóng hấn thù và thú tính, những kẻ tham gia hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một quảng trường công cộng nào đó. Họ trói người đó vào gốc cây, tưới dầu lửa vào người đó, lấy những chất dễ cháy phủ lên người đó. Trước khi châm lửa họ bẻ dần từng chiếc răng một của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng nhúm tóc xoắn bị rút khỏi đầu, mang theo từng mảng da, để lộ ra một sọ người đầm máu. Nhiều miếng thịt nhỏ rời khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa: lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gí vào. Toàn thân người ấy quần quai

như một con rắn bị đánh dở sống dở chết. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái chà! Nó mới đen làm sao! Nó mới đáng tởm làm sao! Thế là bọn đàn bà rách nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét: “Châm lửa lên đi!” Một kẻ khác góp thêm: “Đốt vừa đủ để thui nó từ từ thôi”.

Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chết hai lần mới đáng đời. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng hơn là treo cái xác đã không còn là một cái xác nữa lên. Và bây giờ, tất cả những người không được tham dự cảnh thiêu sống ấy, vỗ tay. Hoan hô!

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống. Cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đôla. Bọn đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và để lấy khước.

Thế là “Công lý nhân dân” - như ở đó người ta vẫn gọi - đã được thực hiện. Đám đông đã dịu đi, khen ngợi những kẻ “hành sự” rồi tản dần đi, vui vẻ như vừa dự xong một bữa tiệc, và hẹn gặp nhau một bận khác.

Trong khi đó thì trên mặt đất nhày nhựa mỡ và khói; một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vàng dương đang lặn rằng: “Đó là văn minh ư?”

MỘT CHÚT THỐNG KÊ

Từ 1889 đến 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ năm 1919, có 11 người bị thiêu sống, ba người bị thiêu sau khi đã bị giết, 31 người bị bắn chết, 3 người bị hành hạ cho đến chết, 1 người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm chết, 11 người bị giết bằng nhiều cách khác.

Đứng đầu là bang Gioócgĩa với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mitxixipi với con số 12. Trong cả bang thứ nhất và bang thứ hai đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống thì ở bang Gioócgĩa có 4 người và 2 người ở bang Mitxixipi. Trong 34 vụ hành hình có tính toán trước và có tổ chức hẳn hoi thì bang Gioócgĩa cũng lại đứng đầu với 5 vụ. Thứ hai đến bang Mitxixipi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919, thì:

1 người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập);

1 người đã truyền bá những sách báo cách mạng;

1 người đã dám quá tự do lên tiếng công kích những vụ hành hình kiểu Linxơ;

1 người đã bình luận về những vụ xô xát giữa người da trắng và da đen ở Sicagô;

1 người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen;

1 người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong ô tô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Linxơ và năm 1923 có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do ghen ghét về kinh tế mà ra, hoặc do thấy những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng hoặc do thấy công nhân da đen không chịu bị bóc lột đến xương tủy. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không bao giờ bị làm rầy rà, chỉ đơn giản là vì họ luôn luôn được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay đã xảy ra một vụ hành hình kiểu Linxơ thế là báo chí chớp ngay lấy, coi là dịp may hiếm có để

tăng số phát hành. Báo chí tường thuật sự việc với dụng tâm đưa ra rất nhiều chi tiết. Không một lời trách móc nào hướng vào bọn giết người. Không một lời thương xót nào đối với những nạn nhân. Không một lời bình luận nào.

Báo *Bang Tân Oóc-lê-ăng** ngày 26 tháng 6 năm 1919 đăng nổi bật tin sau đây bằng cỡ chữ 25 phân suốt chiều ngang trang nhất: Hôm nay một tên da đen sẽ bị 3.000 công nhân thiêu chết. Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xú: Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung thái tử chạy trốn. Báo *Tin tức hàng ngày ở Giắc-xông* cũng số ra ngày hôm đó, in trên hai cột đầu của trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

TÊN DA ĐEN J.H.

SẼ BỊ DÂN CHÚNG Ở ENLISVINLO

THIÊU CHẾT, VÀO NĂM GIỜ CHIỀU NAY

Tờ báo chỉ quên không thêm “khẩn khoản mời toàn thể dân chúng đến tham dự”, nhưng tinh thần là như vậy.

VÀI CHI TIẾT

“Hồi 7 giờ 40 phút tối nay, J.H. đã bị hành hạ bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu. Một đám đông khoảng hơn 2.000 người,... có nhiều đàn bà và trẻ con, đã tham dự vụ thiêu... Sau khi người da đen bị trói trước pháp trường, người ta liền đốt một đồng lửa. Cách đó một quãng, một đồng lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và gí vào người da đen. Người này hoảng lên, vội nắm lấy thanh sắt. Thế là không khí sặc sụa mùi thịt cháy khét... Thanh sắt đỏ được gí vào nhiều nơi trên mình tên da đen, tiếng kêu la và rên rĩ của nó dội vào tận trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tước ết xăng vào tên da đen và đốt đồng củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh người da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một

* Nguyên văn: *New Orleans States*.

phát đạn. Những lời năn nỉ của nó làm cho người ta lớn tiếng chế nhạo” - *Thời báo Sa-tanôcca* ngày 13 tháng 2 năm 1918.

“15.000 người vừa đàn ông đàn bà, và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội Gadôlin lên người tên da đen và châm lửa. Họ đâm đá nhau, la hét, và xô đẩy nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

Một người khác định cắt gót tên da đen... Đám đông nhấp nhô và di chuyển để ai nấy đều được nhìn thấy tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết, còn trơ xương ra và khi cái thân hình trước kia chỉ còn là một cái xác rách nát bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chòn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn còn mê mải đứng xem...” - *Báo Menphit Poréc*, ngày 22 tháng 5 năm 1917.

“... đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đây, những bà khác cũng từ các ngả gần đấy kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người ta hăng hái tranh nhau những mẫu dây thừng” - *Bưu báo buổi chiều Vicksburg* ngày 4 tháng 5 năm 1919.

“... một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó tìm cách bám lấy dây thừng, người ta liền chặt phăng các ngón tay đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương... Nó bị kéo lên rồi hạ xuống đám lửa hồng, rồi lại bị kéo lên và hạ xuống, cứ thế mãi... Cuối cùng, một người ném dây thòng lọng tròng vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa để lôi cái xác chạy khắp các phố Oacô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên thị trưởng. Ông này thản nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên suốt chặng đường, tất cả mọi người đều tham gia băm vằm tên da đen. Khắp mình nó, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Hàng nghìn người cùng reo vui vang dội, khi ngọn lửa được châm lên... Một lúc

sau, cái xác được kéo lên cao, để ai nấy đều có thể ngắm nhìn được, nên người ta vỗ tay như sấm dậy...” - báo *Coritsil*, tháng 7 năm 1916.

NHỮNG NGƯỜI DA TRẮNG BỊ HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ

Chẳng cứ gì người da đen mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Harriet Bichơ Stao* tác giả cuốn *Cái lẽu của chú Tôm* chẳng hạn. Eligiát Lôvagiôi** bị giết. Giôn Brao*** bị treo cổ. Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ**** bị ngược đãi, bị đánh đập và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phôxtơ đã viết như sau: “Khi tôi nhìn tay chân tôi bị đánh nát như, tôi nghĩ rằng để giam giữ tôi nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã 4 lần mở cửa xà lim đón tôi, đồng bào tôi đã 24 lần lôi tôi ra khỏi nhà thờ của họ, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi đến sụn lưng, một lần khác họ định cùm kẹp tôi, hai lần họ phạt tiền tôi. Có lần, 1 vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Linsơ, và tôi đã bị đánh bị thương 20 chỗ, ở đầu, cánh tay, cổ...”

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Linsơ, người thì vì đã tổ chức bãi công,

* Harriet Bichơ Stao (*Harriet Beacher Stowe*, 1811-1896): tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Cái lẽu của chú Tôm*. Với tác phẩm này, Harriet Bichơ Stao được coi là người phụ nữ da trắng đã góp phần vào chiến thắng của lực lượng tiến bộ đòi hủy bỏ chế độ nô lệ trong cuộc nội chiến.

** Eligiát Lôvagiôi (*Elijah Lovajoy*): một người tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của người da đen, chủ bút báo hàng ngày *Người quan sát Inlinâyxơ*. Ngày 7-11-1877, bọn côn đồ thù hận chủng tộc giết chết Lôvagiôi và đốt cháy nhà in của báo nói trên.

*** Giôn Brao (*John Brown*, 1800-1859): một trong những người đấu tranh giải phóng người da đen ở Mỹ, tổ chức ra Hội đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ, lập nhà trường cho... người da đen. Ông cầm đầu một nhóm người da trắng và đen đánh chiếm kho vũ khí của chính phủ bang Viécginia. Trong khi đánh nhau, hai con trai của ông bị giết và ông bị bắt. Ngày 2-12-1859, ông bị xử treo cổ.

**** Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ (*Thomas Beach và Stephen Foster*): những người hoạt động có tiếng trong cuộc đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ ở Mỹ và đòi giải phóng người da đen.

người thì vì đã đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiểu Linxơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập toàn bộ những tội ác của nền “văn minh” Mỹ.

Tạp chí *Thư tín quốc tế* (*Corres-pondance internationale*) số 59, năm 1924, trang 628-629* Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I, Hà Nội, 1980, trang 269-277

NGUYỄN ÁI QUỐC

* *Hành hình kiểu Linxơ...* ngoài bản tiếng Pháp, còn được đăng trên *Thư tín quốc tế* (bản tiếng Đức), số 114 (1924), tr.1483-1484; *Tạp chí Prôgiecto* (tiếng Nga), số 16 (1924), tr.13-15

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

Viết bằng tiếng Pháp, Dịch theo cuốn sách xuất
xuất bản lần đầu tiên tại Pari bản lần đầu tiên và đã đổi
(Pháp) năm 1925, xuất bản lần chiếu với cuốn xuất bản năm
đầu tiên ở Việt Nam năm 1946 1946 ở Việt Nam.

Ký tên: NGUYỄN ÁI QUỐC

CHƯƠNG I *

THUẾ MÁU

I - CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bản thiêu, những tên "Annamít" bản thiêu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đờn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa **. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do". Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mácơ, hoặc trong bãi lầy

* Bản in năm 1925 có lời giới thiệu của Nguyễn Thế Truyền.

** Nguyên văn: *Nos gouverneurs plus ou moins généraux.*

miền Sămpanhơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "bôso"*, nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khắc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!

II - CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên. Từ 1915-1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khổ đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "*vật liệu biết nói*" châu Á, thì vật liệu này không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "*vật liệu biết nói*" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ những lạm hết sức trắng trợn.

* "*Boches*". Từ có nghĩa xấu chỉ quân Đức.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị "chúa tể" - mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tể" - ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu D* thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh "cho Tổ quốc", đã trình trọng tuyên bố rằng:

* Nguyên văn: *Le Système D.* D, chữ đầu của từ *débrouillard*, có nghĩa là xoay xở, tháo vát.

"Các bạn đã *tập nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trù mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khổ đơ*, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người An Nam phần khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân "tập nập" và "không ngần ngại"?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu**.

Bản bố cáo của phủ toàn quyền còn cần thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với "lòng tốt rõ rệt" và "độ lượng lớn lao" của chính phủ thì "các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả".

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitorát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khôn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ mà lánh xa được càng lâu càng tốt

* Bản tiếng Pháp: "les tirailleurs".

** Bản tiếng Pháp: "... qui ont été étouffées dans le sang" chỉ có nghĩa "bị dìm trong máu".

những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*

* *

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênegan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để "nêu gương"! Một người đàn bà công con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà trụ thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.

*

* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chằng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: "Giữa trưa ngày 3 tháng 3 năm 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixơ và Đaca* rồi tóm tắt cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi bảo vệ văn minh ngay, nên người ta rước họ lên ô tô cam không mời về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

"Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya** cho nước mẹ.

Nhưng theo tướng Mănggianh***, người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân để đem nướng trước mùa đông".

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây, vốn là cựu binh, đã từng làm "nghĩa vụ" trong cuộc chiến tranh "vì công lý". Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người Batuala**** đã được bảo vệ như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra lòng trung

* *Rufisque et Dakar*. Tên những hải cảng của nước Xênegan.

** *Ruhr*. Vùng công nghiệp của Đức, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925.

*** *Mangin*. Tướng Pháp (1866-1925) đã tham gia chiến thắng Vécđoong, từng chỉ huy đội quân xâm lược Xuđăng, Bắc Kỳ, Maroc.

**** *Batouala*. Tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi.

thành của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôđê* thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: "Năm 1915, khi ông M.Nuphla, thống đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là các nạn nhân của việc xúc phạm bí ối đó, tôi đã làm nghĩa vụ của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ.

"Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

"Người ta đã cướp của tôi:

100 phrăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 - cừu;

10 - dê;

60 - gà;

8 tấm vải quần mình;

5 áo mặc ngoài;

10 quần;

7 mũ;

1 dây chuyền bằng bạc;

2 hòm đồ vật.

"Đây là tên những người bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng đã bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

* Régismanset et Hauser. Tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

"Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiêu ậy của ngài thống đốc Nuphla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay...".

Chắc bọn "bô sơ" của vua Ghiôm cũng không làm được hơn thế.

III - KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người Nêgrô* lẫn người "Annamit" mặc nhiên trở lại "giống người bản thiu".

Đề ghi nhớ công lao người lính An Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v. trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào nồng nhiệt bằng một bài diễn văn yêu nước. "Các anh đã bảo vệ Tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!", đó sao?

Thế là những "cựu binh" - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã dùng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

*

* *

* *Negro*. Từ chỉ người da đen.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quảng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ đền bù được một phần của cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*

* *

Theo tục lệ An Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay giã như họ vẫn thường làm. Nhưng nền văn minh hiện đại được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ.

Những ngày hội ở Biên Hòa

"Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài *kỷ niệm người An Nam trận vong* của tỉnh Biên Hòa, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

"Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vườn**, nào là *chợ phiên*, nào là *khiêu vũ ngoài trời*, v.v., tóm lại, *sẽ có nhiều và đủ thứ trò chơi* để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa *một cách thú vị nhất đời*.

"Quý ông phi công ở sân bay Biên Hòa có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

"Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải *bỏ dở cuộc vui* để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, *sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ*, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được *hài lòng*.

"Ngày 21 tháng 1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hòa, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình vui tươi*, vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ An Nam ở Biên Hòa thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ".

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

Sài Gòn, ngày...

"Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của "công lý" và "chính nghĩa". Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và "trò vui công cộng" trong thành phố này ngày 11 tháng 11 làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo

* Nguyên văn: *Garden - Party*.

bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyền vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v... Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xi nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sác lô, nào bọn cao bồi, nào những người "lính quang vinh" lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn - Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quát túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại "cướp" được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy đến tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỗi tay này thì đổi tay khác. Những người "nhà quê" phải chạy dõn xuống đường; nhưng vì say sưa với "chiến thắng" của mình, ông người Pháp quý hóa ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông tóm lấy và "đả" cho một trận nên thân"...

IV - HÀNH VI QUÂN PHIỆT TIẾP DIỄN

Bước chân đến Cadablanca*, thống chế Liôtây gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Maroc một bản nhật lệnh như sau:

"Bản chức có vinh dự được Chính phủ nước Pháp cộng hòa phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

* *Casablanca*. Hải cảng lớn của nước Maroc.

"Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Maroc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực trên đất nước này*, cũng như vì lợi ích của quốc gia* bảo hộ, v.v."

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14 tháng 4), lại có bản thông cáo sau đây:

"Trong một cuộc giao chiến với bọn Boni Bude** ở Bápen Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương".

Khi người ta nhớ rằng đã phải tổn xương máu của một triệu rưỡi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài thống chế - khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách khai hóa kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!

*

* *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15 tháng 8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ An Nam đi Xyri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn khoảng mười phrăng chứ không phải 2 phrăng 50, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng phrăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

* Bản tiếng Pháp: "nation protectrice".

** Beni - Bouzert. Quân khởi nghĩa do Ápdén Crim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Maroc, lãnh đạo.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc "chiến tranh vì văn minh và công lý", vẫn còn chưa đủ hay sao?

*

* *

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói "giáo dục" người bản xứ bằng đá dít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặt cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

"Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 ở Medong - Carê*. Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Terie quê ở Ténét** thuộc lớp quân dịch năm 1921.

"Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5 tháng 8, anh lính trẻ Terie đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết.

"Cụ thân sinh ra Terie nhận được một bức điện báo tin rằng người con độc nhất của cụ đã chết và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

* *Maison - Carée*. Một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri.

** *Ténès*. Hải cảng của Angiêri.

"Đau xót đến cực độ, cụ Terie đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 ở Medông - Carê. Ở đây cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maiô (Mà làm sao xác Terie lại chờ đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chờ xác anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

"Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; người ta bảo hãy chờ đã.

"Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho cụ biết là việc phẫu nghiệm *không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả*. Nói xong hắt bỏ mặt cụ đứng đó, *không cho phép cụ vào thăm xác con*.

"Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Terie đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khổ đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Terie và đã được trả lời là *con ông chết vì ngộ độc!*".

CHƯƠNG II

VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên đảng cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ thuộc địa, thì ngài là người cha hiền của dân bản xứ, ngài rất quý mến người An Nam và được người An Nam quý mến lại.

Để nhồi nhét văn minh "Đại Pháp" cho người An Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cứ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa.

"Kính gửi ông công sứ,

"Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của nha thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông tổng giám đốc nha thương chính Đông Dương.

"Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kê tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

"Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Cao Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng việc buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

"Về phần chúng tôi, thì những viên chức lưu động trong khi đi kinh lý sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

"Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố".

"Ký tên: Anbe Xarô".

Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vven vven mười trường học.

Trước khi có bức thư quý hóa trên, hằng năm người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ em.

*

* *

"Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầu điều hâu rĩa rồi mãi không thấy no".

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 chương lý;

1 biện lý;

1 lục sự - chương khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có:

- 1 thiếu tướng;
- 1 trung tá;
- 2 quân y sĩ cao cấp;
- 1 thiếu tá;
- 2 đại úy.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

- 1 công sứ;
- 1 giám đốc tài chính;
- 1 tổng giám đốc ngân khố;
- 1 thanh tra bưu chính;
- 1 giám đốc trước bạ;
- 1 quan cai trị;
- 2 giáo sư, v.v..

Và cuối cùng là: ngài Clêmăngten đáng kính, nghị viên hạt Puyđơ - Đôm.

*

* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây, ông Xarô lớn tiếng ba hoa: "Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!". Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu* đáng yêu của Mađagátxca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hòa hợp

* Tác giả dùng chữ *crocodile*, *caiman*, chúng tôi tạm dịch là cá sấu cả.

tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hòa bình của các loài thú thuộc địa, chệch cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mền khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị toàn quyền nọ, thanh gươm của viên công sứ Đác-lơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huát-xa*.

Gian hàng Camorun được đặc biệt chú ý. Ở đây có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

"Trước kia người Đức nhập vào Camorun rất nhiều rượu.

"Ngày nay người Pháp lại cấm rượu".

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng An Nam, kèm theo lời phê:

"Thế mà người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đây!".

*

* * *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên công sứ Sơn Tây đã ra công một năm đẩy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên công sứ được thăng cấp và được khen.

* *Houasas*. Tên một bộ tộc ở châu Phi.

Ông đờ C... khẳng định rằng một viên công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: "Số rượu tiêu thụ trong phủ X, đã tụt xuống dưới con số Z, cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?". Viên công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiều theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế - nếu không phải bằng cách hợp pháp - mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hàng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em, kể cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải uống thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ đe dọa ấy, đã kêu với viên quan người Pháp "của họ" rằng:

"Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả". Quan đáp: "Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rượu để có thể mua rượu của nhà nước".

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người An Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héc-tô-lít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương mỗi ngày cứ bán 500 héc-tô-lít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít, mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nho nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu phrăng.

Xem thế, đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra - nếu không phải là những chức vụ thực sự - thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám công chức từ Pari gán sang, cho nên Chính phủ đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

CHƯƠNG III

CÁC QUAN THÔNG ĐỐC

I. ÔNG PHUỐC

Ông Phuốc, thông đốc xứ Đahômây, cai trị giỏi đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra giỏi đến nỗi chưa thềm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng*.

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của Ủy ban hành động Pháp - Hồi ở Poóctô - Nôvô** trong đó có những đoạn chính như sau:

"Trước lúc người Pháp đến Đahômây rất lâu, ở Poóctô - Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

"Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

* Bản tiếng Pháp: "Cheluici inspecte si bien qu'il f... le camp", viết tắt của từ *foute le camp*, có nghĩa là "chuồn thẳng". Từ này bắt đầu bằng chữ f như tên ông thông đốc Fourn.

** *Porto Novo*. Thủ phủ Đahômây.

"Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến không được sửa đổi.

"Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

"Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiôi Paredô dựa vào thế của thống đốc đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốt Xô cô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốt Xô cô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

"Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốt Xô cô một cách hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín đồ đạo bái vật, được chính phủ che chở, nên hắn cử tên Lavani Cốt Xô cô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng của người Hồi giáo.

"Kể ra, nếu Lavani Cốt Xô cô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ.

"Lavani Cốt Xô cô sinh ở Lagôt (xứ Nigêria thuộc Anh). Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

"Ông thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Áplăngcăngtăng, v.v... Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi những lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

"Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Atpatxa tại Poóctô - Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá hủy điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng rồi bồi thường cho chúng tôi năm nghìn phrăng.

"Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 phrăng.

"Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ".

"Khi viên phó Imăng Býtxiriu - người nắm giữ chìa khóa kết - chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khóa kết. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biển thủ số tiền 2.775 phrăng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban.

"Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với ông thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi.

"Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxiô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô - Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hòa hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn".

II - ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của đại tá Bécna gửi cho báo *La Republique Française*, ngày 6 tháng 12 năm 1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

"Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang giảm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không*

hệ đặt thêm được một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào. Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí, Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hóa nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho tám công chức đang mọc đầy rẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được Nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Long đã xin Nghị viện cho phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có lợi ích cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích lũy được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa vào nền nếp".

III - ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, toàn quyền đảo Mađagátxca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa "của mình": tiền bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v.. Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt

lên trên tất cả những ngón bíp bọm cũ rách ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bíp khác (hay đúng hơn ngón bíp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

"Phải chăng phái đoàn thanh tra của bộ đã không có đủ xà phòng để xát* lên đầu quan toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái đốc, trên đó cụ lớn phải trượt ngã về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mãi đời trọn kiếp?"

"Phải chăng để cứu vớt thể diện cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó, chúng đã phải chạy bỏ hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?"

"Phải chăng bọn tay chân của quan toàn quyền đã định làm một lá đơn ái mộ xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?"

"Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc thân ái này: "Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!"".

IV - ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người An Nam tốt số đang nằm trong tay ông Mácxian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: "Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?". Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambia, sau giữ chức phó thống đốc Tây Phi, rồi lên làm thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét cái văn minh đầy ân huệ của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

* *Savonner*: Nghĩa đen là xát xà phòng, nghĩa bóng là khiển trách kịch liệt.

Đúng đây! Nhưng đó là cái "môt". Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại Bộ Thuộc địa, một viên quan cai trị cũ Đông Dương ngồi chễm chệ tại vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách châu Phi xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđăng phụ trách những vấn đề về Mađagátxca; còn đại diện cho xứ Camorun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camorun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương khai hóa cho người Đông Dương, quan toàn quyền Méclanh định bắt đầu khai hóa những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là những người đã hy sinh vì tổ quốc, vì công lý, và vì *vân vân* ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy, Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên An Nam được trợ cấp phải theo cụ đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích, nên Cụ bỏ phất đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dần bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyến luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người An Nam chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: "Ngài toàn quyền ôi! Xin c... cảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho!"*

* M... merci à toi,... F... nous la paix! Trong Pháp văn chữ M viết tắt, người ta thường hiểu là Merde, là một tiếng chửi rửa rất tục, cũng có nghĩa là phân; chữ F. là Foutre, có nghĩa là cút, xéo đi, để yên... (Foutre le camp, Foutre la paix...). Đây là lỗi chơi chữ của tác giả.

V - ÔNG GIÊRÊMI LÔME

Chúng tôi đọc tờ *Annales coloniales* thấy mẩu tin ngắn như sau:

"Chúng tôi được tin Giêrêmi Lôme, cựu thống đốc thuộc địa, cựu nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước tòa. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Phrodun làm quản trị - ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

"Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy".

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới thống đốc và nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI - ÔNG UTORÂY

Ông Utorây là một nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P. Lôti là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là nghị viên ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông nghị viên chính này có một đồn điền 2.000 héc-ta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ thì ông trả lời: c... ảm ơn. Vì ông ta là nghị viên nên người ta không động đến ông.

Đã có một cái thời, cái ông Utorây ấy đã giữ chức quyền thống đốc Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một ông thống đốc cai trị, viên thống đốc này do sắc lệnh tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người An Nam, gọi là hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của hội đồng này là hằng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu do *người An Nam nộp*,

còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!*) là phải được chi tiêu cho những công cuộc có lợi cho người An Nam; tóm lại là *quyền lợi của người An Nam* được giao phó cho cái hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người An Nam: có 18 người Pháp*, thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông v.v., và 6 người An Nam. Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An Nam kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế chính phủ cứ việc tùy ý mà dự toán và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền thống đốc Utorây nay là nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm*. Việc tăng thuế này đã làm tên tuổi Utorây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An Nam, nó đã làm cho các đại biểu người An Nam trong hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utorây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri An Nam phải bầu. Trước ngày bầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utorây đưa ra nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utorây.

CHƯƠNG IV

CÁC QUAN CAI TRỊ

I - ÔNG XANH*

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người An Nam, người Mađagátxca hoặc người... v.v.. Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy, tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này, nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy, thì anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố quốc vương Tuynidi đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh) thì

* *Saint*. Vừa là tên viên khâm sứ, vừa có nghĩa là thánh. Đây là lỗi dùng chữ của tác giả để chế giễu viên khâm sứ Sain, dựa theo điển tích Chúa ba ngôi - thánh cha, thánh con, thánh thần (*Sainte Trinité; Saint père, Saint fils, Saint Esprit*).

dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú "nhóc con" bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các "quan bảo hộ" thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn "giã cho một trận" thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là khâm sứ cả!

Mặc dầu: "sự việc nghiêm trọng" ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội "thất bại chủ nghĩa"; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hòa bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một "người anh em da trắng" như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milơrăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng trung thành vô hạn và lòng tôn kính sâu sắc với vị quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơmi ra ngoài quần đây.

II - ÔNG ĐÁC LƠ

Tập *Cahier des droits de l'Homme* vừa mới đăng một bức thư của ông Phécđinăng Buytxông, chủ tịch Hội nhân quyền, gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đác lơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đác lơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đác-lơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vền vền có 200 phrăng tiền phạt.

Cái ông Đác-lơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đác-lơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là tỉnh trưởng, vừa là thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mõ tòa, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành: Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạn rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hòa đã có nhã ý gửi sang để khai hóa cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung vào lính khổ đơ và vì thế họ phải đi khám sức khỏe. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan công sứ đã chửi bới, đâm đá và lấy gậy phang túi bụi.

Ba người lính khổ xanh để xồng một người tù, đã bị ông Đác-lơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường tòa sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan công sứ thường lấy thanh gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dẩy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một chiếc xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ỉ ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hóa của chúng ta vừa quở trách một nhân viên người Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, vớ thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người An Nam chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến khi họ ngắc ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan công sứ quay lại đánh người lính, cũng bằng cây súng ấy. Bà công sứ, người vợ xứng đáng của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan công sử dùi gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc cao cả khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là các quan toàn quyền, quan khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần "cương quyết" và "đức độ rất cộng hòa" của ông ta, những vị này đã thăng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III - QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOANH VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo và quan cai trị liêm chính Lanô vừa rời khỏi chưa kịp nguội thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà khai hóa điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

"Làng Tân An, nơi ly sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

"Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyệt (ông Buđinô), đã khéo xoay xở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhường không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhường không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cự tinh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đều đặn không thể tưởng tượng nổi".

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Tê. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

"Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Lanô, lại đến vụ Tê.

"Ông Tê là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, giám đốc thương chính, và tặng trước ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan nhà nước. Chắc là ông Tê có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội".

Nếu như ông Đácơ, công sứ khát máu ở Thái Nguyên mà được cử làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoanh, người đang được quan tòa Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức toàn quyền Đông Dương, thì các ông Tê và Buđinô ít ra cũng nên được gán tội mới phải.

CHƯƠNG V

NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Xin hỏi: có phải ở sở mật thám của phủ toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp là C... không? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên, đã bắt người An Nam ở đây gọi hắn bằng "Quan lớn", và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế nào? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lệ không? À, té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*

* *

Giữa tháng 12 năm 1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp* của sở cảnh sát đô thị Sài Gòn, "say mềm", đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả*, và chối phăng là *hắn không say*.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự* kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người khai hóa ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động dũng cảm của anh ta.

* Bản tiếng Pháp: *sous brigadier européen* (phó cảnh binh người Âu).

*

* *

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng.

Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người "bồi", và người này thường thường lại bị dùng làm "người hầu gái vạn năng".

Đầy tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người về nước.

Chẳng hạn như ông Giảng Lơ M...rinhy ở phố Các nô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giảng Lơ M...rinhy muốn sai người "được bảo hộ" của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hóa dành cho, nên người con của xứ An Nam không chịu đi.

Thế là nhà cự khai hóa kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi nhà*, nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiềng, quần áo, v.v., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh ta đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trở hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm cảnh cùng khốn ghê gớm.

*

* *

* Bản tiếng Pháp: *f... l'Annamite à la porte...* (đuổi người An Nam ra khỏi nhà).

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đói sống đất đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè nặng lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hai ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những căn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v, mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất là viên toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: "Sang Bắc Kỳ, các ông toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được..."

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hóa thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ

say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: "Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi".

Cũng với ý nghĩ thắng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Le Journal de Genève* (à, lại có quý sứ ở Gionevơ chẳng?) đã nói toạc ra rằng: "Chính phủ cộng hòa đã đi tìm thuộc địa để gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870. Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như một sự đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu, và bọn quân nhân thì vớ được dịp để trở tài trong những trận thắng dễ dàng".

Nghe những lời chứng có thâm quyền như thế, mà các bạn vẫn cứ khẳng khẳng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh khai hóa và nhân đạo không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

*

* *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 phrăng. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, ông chủ tốt bụng và nhà khai hóa vĩ đại đó đã đem họ ra tra điện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà khai hóa khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

2. Ông Vônla, nhà khai hóa kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ ông đốc công hỏi hộ anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: "Bảo cái con lợn ấy lấy C... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Việc này xảy ra ở Tuynidi, năm 1923, ngay giữa lúc ông tổng thống Milorăng đi kinh lý ở đó.

*

* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người An Nam gặp hắn trên đường phải lạy chào hắn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mãi đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hóa nắm viên thư ký lại, buộc anh ta phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà quá hào hiệp đó, và tỏ thái độ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thóa mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hắn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn thống đốc, công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tí

chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy vì họ biết rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cầm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cầm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ)* vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. Một hôm ông cầm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây yêu sách quái gở của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cầm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cầm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cầm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp bênh người bán gỗ bản xứ và viết thư cho ông cầm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Môrixơ Lông, vẫn không chịu thu hồi "trát đòi" người bán gỗ và cho biết rằng nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lần tránh cơn tức giận "khai hóa" của vị quan da trắng.

*

* *

* Bản tiếng Pháp: *Chchichine* (Nam Kỳ).

Bảy người An Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoàn khuất sau đám cây đước trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau tay lái. Một thủy thủ trên thuyền nhà đoàn gọi, bảo xuồng kia dừng lại, người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoàn đi chậm không đuổi kịp. Viên đoàn liền cầm súng oanhstor bắn theo. Đoàn! Đoàn! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàn! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuồng tới, cũng tham gia đột kích "bọn cướp" kia ở một khúc ngoẹo. Đoàn! Đoàn! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch.

Một hôm khác, cũng viên đoàn ấy đi với sáu thủy thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngậm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để lộ ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ rất khéo. Viên tây đoàn liền bắt và chặt đầu "tên cướp" ấy đem về tòa sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanhstor trên tay. Số là bọn nhà đoàn vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hấn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoàng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có

biết mạng của một người An Nam đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một trinh! Thật đấy.

- Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn một phát mà "hạ sát" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ.

Một đôi kẻ súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè đề đòi tiền chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt cả làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng chung quanh Hưng Hóa như vậy.

Một người An Nam đang đi lão đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thùng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc súng gươm nện vào người An Nam để bắt họ làm việc.

Người An Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta coi những người An Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn, một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tổng Duy Tân, sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng, đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng, một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta vẫn

không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một mảnh. Người ta báo thù ông ngay cả khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã "hạ" một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách của một thủy thủ An Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khổ xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đây, một nhà khai hóa khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rục giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân đã giết một nhân viên hỏa xa người An Nam bằng cách xô anh vào đồng than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*

* *

Ông Vinhê Đốctông viết: "Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa".

Một nhà du lịch khác viết: "Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã ném mùi chiến

tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bắt lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giết. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng".

Một nhà du lịch thứ ba viết: khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người An Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người An Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền và đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều coi rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người An Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người An Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hóa này đánh đập tàn nhẫn một chị người An Nam đang có mang, chỉ vì tuy chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụy thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người An Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết: "Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được". Nhà văn ấy còn viết tiếp: "Ở châu Âu người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điều ngoa, xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật".

Có những sĩ quan đã giật râu thầy cúng ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh như đòn một viên chức người An Nam, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên toàn quyền Đông Dương đáp: "Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến".

*

* *

Chúng tôi xin trích nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

- Trong khi "những người từng ở Bắc Kỳ" đang vui chơi nhõn nhõn trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người An Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mắt công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điều, khuy quần, mẫu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bán xứ chẳng!). Đôi khi để đùa vui, một anh sếp phơ hất một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên,

mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuống va chạm vào nhau lộc cộc.

"Ngay bên dưới chân tôi, một người An Nam bị dội nước sôi, *bồng từ đầu đến chân*, phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi khác do một bàn tay thành thạo lại dội xuống; thế là đến lượt *chính người đi cứu, bị luộc chín*. Tôi trông thấy anh ta giãy giụa trong thuyền, da bị lột ra trôi thịt đỏ rói gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. *Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!*".

Ở một trang khác, anh lính viết:

- Trong thời kỳ tôi ở đây (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn kẻ cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một con người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*

* *

Ông Dume, cựu toàn quyền Đông Dương, đã trình trọng phát biểu tại Hạ nghị viện như sau: "Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*".

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để "được lòng dân". Phải nói ngay rằng, nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối

với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói chuyện thương tâm xảy ra tại khóm lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do "nhiệt tình yêu nước", đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội ấy bị bắt đã bị kết án và hành hình. Dù máu người An Nam nhuộm đỏ "đồng Mả ngụy" có phai đi với thời gian chẳng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ góa, những đứa con cô không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ, chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cảnh ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để giữ gìn vệ sinh. Hắn bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Kỳ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái "cửa cống" tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh "được lòng dân" đặt ra nữa; nên người dân An Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất, nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: "Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện".

*

* *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người An Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắt trong vài giây, hắt đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

*

* *

Một nhân viên hỏa xa người Pháp ở Bắc Kỳ, lấy roi mây quất vào một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Béc đâm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Brét thầu khoán, trói một người An Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Dépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đầy tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố; cửa nhà ông vừa mở; một chị An Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo "con gái"* của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

Một người Pháp đem ngựa của hắt buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của người một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắt liền đánh người bản xứ ấy học máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của Chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hắt trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hắt hạ anh ta xuống. Anh hồi

* Hội Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt Nam vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là "con gái". Khi một người Pháp nói "ma con gái" (đứa con gái của tôi) cũng như nói "mon boy" (người bồi của tôi) vậy.

ting, hấn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dờ sống dờ chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

Vân vân và vân vân.

Tòa án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà khai hóa ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*

* *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ôliu của hấn. Hấn bảo vợ đem súng đạn ra; nấp vào bụi rậm, hấn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amduni và Ben Benkhia. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo họ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khôn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

* *

Một người An Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở sở xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người An Nam khác giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng 4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì *một xuồng máy công đi đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xưởng đóng tàu hải quân đi sẵn về*. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phát còi đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hăm hăm đi về phía người An Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của văn minh, thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: "Đồ súc sinh! Tại sao mày không mở cầu ra?". Vốn không biết tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hẩn bằng cách trở tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hẩn ta nhảy xô vào ông Tài và *sau khi đánh ông như tử, hẩn xô ông vào một đồng than hồng gần đó*.

Người An Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn thịnh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây, người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia, người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rêna chỉ bị sướt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phrăng tiền bồi thường.

*

* *

Công cuộc khai hóa người Maroc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Duavơ* đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: "Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Maroc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hóa và làm giàu cho chúng ta".

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Maroc đã bị người châu Âu cướp mất 379.000 héc-ta đất trồng trọt, trong đó 368.000 héc-ta đã lọt vào tay những người Pháp khai hóa. Diện tích Maroc có 815.000 kilômét vuông; nếu công cuộc khai hóa cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Maroc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên Tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

* *Zouaves*. Danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng Zouagha, một địa phương miền núi nước Angiêri, giáp Tuynidi.

Nguyễn-Aĩ-Quốc

محكمة الاستعمار الفرنسية
法蘭西殖民中之審判行爲

LE PROCÈS

de la

Colonisation Française

- Première Série -

Mœurs Coloniales

LIBRAIRIE DU TRAVAIL. Quai de Jemmapes, 96 - PARIS

Sách Bản án chế độ thực dân Pháp của
Nguyễn Ái Quốc xuất bản lần đầu tiên
tại Pháp năm 1925.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG VI

TỆ THAM NHỮNG TRONG BỘ MÁY CẠI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 phrăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 phrăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 phrăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000 phrăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân An Nam khôn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con Rồng tre xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poóctôttxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phrăng (tức là 400.000 phrăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 phrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi người An Nam ở Pháp, 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khố xanh dùng để "bồng súng chào" Cụ lớn và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết, ngoài bọn có thể lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên

chức cao cấp ở các thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Cannobie* mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 phrăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phrăng.

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan toàn quyền, xe hơi và xe luych vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 phrăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, nha kinh tế (?) đã làm hại phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 phrăng.

Tại trường thuộc địa, nơi "chế tạo" ra những nhà khai hóa tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn phrăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách 785.168 phrăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tẻ lụi như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" không chính thức, ngân khố Máctiních "nhẹ bồng đi" mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Maroc từ 17 triệu lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

* *La Cannebière*. Tên một đường phố đông đúc ở Mácxây.

*

* *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!". Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000 phrăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thỏa mãn, họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn phrăng).

Có thể nói một số phiên họp của hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giết công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu phrăng rồi. Ông đồng lý sự vụ nọ, đại diện của chính phủ trong hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có voi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại ở một

tỉnh nợ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 phrăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xà lúp đã bắt công quỹ hoàn lại cho các ngài khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xà lúp.

Các tay chào hàng cho văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu D.

*

* *

Một cựu toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy rẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người An Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng, mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 phrăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 phrăng, ấy là chưa kể những khoản "chi phí linh tinh" mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 80.000 phrăng.

Quan toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một

biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải "è lưng ra gánh".

Năm 19... một tay nước ngoài* tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rút cuộc xứ Nam Kỳ tội nghiệp phải tính sổ trả 75.000 phrăng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thể mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ mã cận vệ và không bao giờ hấn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các tòa sứ đều có thể từ 6 đến 11 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã**, v.v.. Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm, và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mảnh lời kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách nhà nước phải chịu.

*

* *

* Nguyên văn: *Un Tartempion de marqué étranger*. *Tartempion* là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó.

** Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: *victorias, muiyords, tilburys, malabars*, v.v..

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chặn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

1 viên đội làm quản gia, 1 đầu bếp, 3 bồi, 2 phụ bếp, 3 người làm vườn, 1 hầu phòng, 1 người đánh xe, 1 người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: 1 thợ may, 2 thợ giặt, 1 thợ thêu ren, 1 thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính hầu đứng chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

CHƯƠNG VII

BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

"Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến".

VINHÊ ĐÓCTÔNG

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ 5 hào đến 1 đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42, 47, hoặc 64 xăngtimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 xăngtimét, non hơn tất cả các thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cằn rãnh mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thế các ngài công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc

các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng.

*

* *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả, nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo nghị định ngày 11 tháng 12 năm 1919 của thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người An Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bỏ tù.

Để bù vào số đồng bạc bị sụt giá, toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của các tài khóa rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Định (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 héc-ta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 héc-ta ruộng, và người dân An Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hóa cũng giống như thế. Và lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lá, sau

đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilôgam ấy được phân phối cho ba bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người An Nam rất sợ bọn nhà đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vút ngay giữa đường những thúng muối, thúng cau, hoặc thuốc lá của họ: thà vút đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi không thôi. Ở một số vùng, nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Prabăng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*

* *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa, và báo chí của họ - một thứ báo chí vô tư - khoa chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kể cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn bắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vay nợ cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột kết của chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột kết không đáy kia. Thế là cái nhà

nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về các ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức mua công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

- Thế đây. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi! Rồi "quan lớn" quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

- Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

- Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

.....

Công trái đã mở. Viên thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh lý hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

Nghe báo cáo là 73.000 đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ, và lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua được nhiều hơn thế kia mà*.

Viên thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà

giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Để cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

- Phải biết, nếu cứ ỳ ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*

* *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Sổ chấm công thợ hàng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan công sứ bỏ túi.

Quan lớn công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan công sứ thanh liêm nhà ta một món quà nhỏ gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn công sứ cứ cho phép những kẻ thừa hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng.

Để đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gán mề đay ấy.

Việc nhượng trưng bắt hợp pháp mấy héc-ta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hóa, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt "công trái Chiến thắng" - xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm lại có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 phrăng, theo hối suất một đồng ăn 10 phrăng 25, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sứt giá chỉ còn 6 phrăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các giá cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22 tháng 12 năm 1922: "Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả*".

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một "hiện tượng" tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều lấy làm lạ.

"Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên, và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

"Người ta bắt một nhân viên, rồi một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả các nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

"Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.500 phrăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rồi beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham. Song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy: điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng rã mà vẫn được bình yên vô sự*".

*

* *

Trong dịp nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương 375.000 phrăng, Tây Phi 100.000 phrăng), ông Môrinô, nghị viên Angiêri, có nói về việc này:

"Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Times* đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó ông *Xitrôen*, nhà công nghiệp "*chí công vô tư*" cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ (*Vỗ tay*).

"Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? *ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện*

vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ô tô dây xích.

"Đồn Túcguốc và đồn Uácglá vừa đặt mua hai chiếc - tin này gần đây quan toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết.

"Tất cả các đồn bót khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.

"Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bót nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn.

"Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ô tô dây xích. Thế là tất cả các đồn bót ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận đều đặn (Vô tay)".

(Trích Công báo ngày 22 tháng 1 năm 1923).

*

* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh tòa sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu châu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều tùy theo ý thích của các quan công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay 10.000 dân đi làm cho xong con đường V.L.*, để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có

* Có lẽ con đường từ Vinh sang Lào.

lý trường từng làng áp giải, đi nạo vét bùn một con sông. Đến nơi một số lớn trong đoàn nhân công không lờ ải không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đồng ruộng đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ải. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; 10.000 dân phục dịch ở sông nói trên, rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta tập trung họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chẳng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chẳng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bắt chấp công việc đồng áng, bắt chấp tất cả những ngày hội tôn giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lang Biên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn, hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu Loan* được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 phrăng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 phrăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải đặt dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm xâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quan dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân An Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

* Một phần lãnh thổ Trung Quốc ở phía Đông Nam thành phố Quảng Châu, bây giờ là thuộc địa của Pháp.

*

* *

Nói chung, người An Nam đều phải ề ra mà chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải ề ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hóa và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giết từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến An Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thỏa lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ và hằng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi và cứ như thế mà tiếp tục. Người An Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bén mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều héc-ta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiêu nài. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô

liêm si ấy chỉ dừng lại ở đó thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn ăn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 héc-ta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giết được hợp pháp hóa. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày An Nam - cũng như người Andát-xơ năm 1870, - đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kéch sù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hẹn nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đáng cứu thế phần hồn nữa. Các đáng này, trong khi thuyết giáo "đức nghèo" cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và

hối lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay nhà chung (hội thánh).

Các viên toàn quyền lớn, toàn quyền bé được nước mẹ ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đều cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thỏa mãn mọi yêu cầu của nhà chung. Chính vì thế mà một hội viên toàn quyền đã nhường cho nhà chung 7.000 héc-ta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đáng nguyên rủa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh Chúa.

*

* *

Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói. Để giải quyết tình trạng ấy, chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn "người đói" đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người Cammê* giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúc-en Acba, ở Ghiđa, Uét Molidơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

* *Khammès*. Danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lính canh ruộng chỉ được hưởng một phần năm hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng Arập là *Khams*, có nghĩa là một phần năm).

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*

* *

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mực nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của chính quốc, đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa thề mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình, nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhọc nhằn.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi "lính tình nguyện" thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món "bình đẳng".

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất "nhân chủng - quân sự" ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

*

* *

Một người bản xứ làm thế nào để có thể nhập quốc tịch Pháp? Đạo luật ngày 25 tháng 3 năm 1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

Điều 1. - Những người dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương Angiêri, Tuynidi hoặc Marốc, đã cư trú ở Pháp, Angiêri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp và có được một trong những điều kiện sau đây thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đầu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi cho nước Pháp.

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kẻ gì luật pháp và, như những tên ngu xuẩn tò mò ưa soi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A- Vợ con có nói tiếng Pháp không?

B- Họ có mặc Âu phục không?

C- Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v. không?

D- Và ghé dựa nữa?

E- Ăn trên bàn hay trên chiếu?

P- Ăn gì?

G- Ăn cơm hay bánh mì?

H - Anh có tài sản không?

I- Vợ có tài sản không?

J - Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu?

K - Anh theo tôn giáo gì?

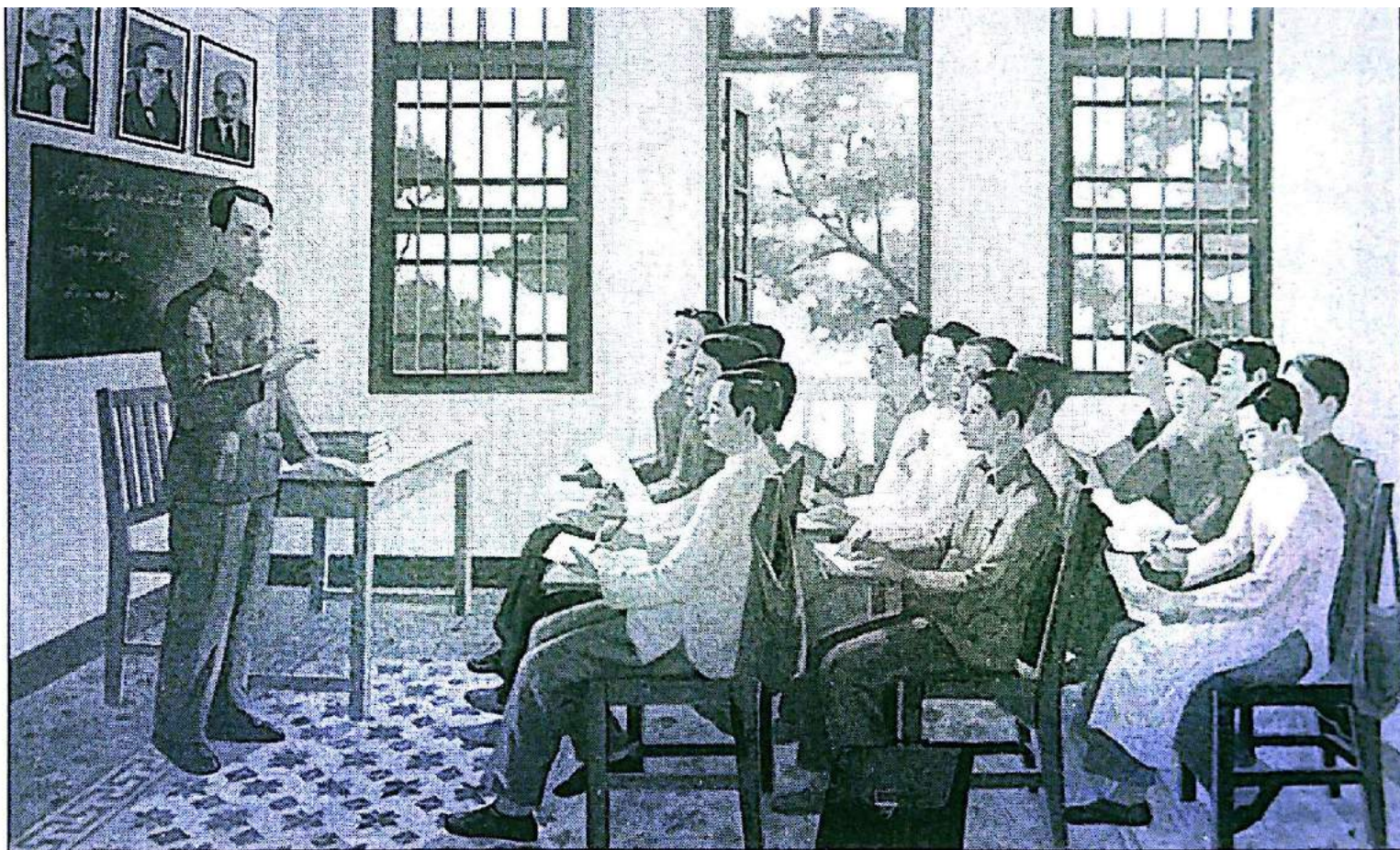
L - Anh vào những hội nào?

M - Trong các hội ấy, anh giữ chức vụ gì?

N - Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì có gì anh lại xin nhập quốc tịch Pháp? Có phải để làm viên chức không? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O - Bạn bè thân thiết là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cảm S... lên đầu anh không!



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc giảng bài tại lớp huấn luyện
cán bộ cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu Trung Quốc

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG VIII

CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa tình nhân đạo, như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm mà không được uống nước, không? Có phải người ta đã quệt tanhtuya điốt lên mũi phạm nhân để nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*

* *

Báo *L'Indépendant* ở Mađagátxca số ra ngày 13 tháng 7 năm 1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh "dịch hạch", chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

"Vô số nhà bị đốt, trong đó, có cái nhà khá đẹp của Racôtômanga ở phố Galiêni cũng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc đắt tiền quá (50.000 phrăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gia khá dài, có lẽ là sáu tháng?

Chúng tôi xin nói thêm rằng, ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả nông dân Pháp.

*

* *

Cũng ở Mađagátxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước tòa, các bị can khai rằng, ông chủ đồn điền Đơla Rôsr đã cam kết với họ: 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba mươi ngày công là 10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơla Rôsr chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hóa làm sao, lần này chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem.

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơla Rôsr là đoàn viên, liền điện cho quan toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơla Rôsr và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn "mua việc" vào mình, quan toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* *

Tòa án binh Lidơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ* trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người tại Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam

* *Roncq*. Tên một làng miền Bắc nước Pháp.

Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia "hạ sát" một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đồng than hồng cho chết, v.v. và v.v. lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đâm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cấm quanh "cây chiến thắng", chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

Phải rồi, An Nam và Angiêri đều là những xứ bị chiếm - cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm - nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải lũ "bôso", cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ "bôso" thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là văn minh! Mà Annamít và Angiêriêng đâu phải là người! Đó là bọn "nhà quê" bản thiu, bày "bicôt"* bản thiu. Cần quái gì phải có công lý với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không làm khi ông viết: "Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có ba toong, súng ngắn, súng dài, đây mới là thứ xứng đáng với lũ rồi bọ ấy!".

*

* *

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người An Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng

* *Bicot*. Nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người Arập nói chung.

ông ta cứ muốn xoay tiền bằng bất cứ giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bất làng xã phải chịu trách nhiệm* (Điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mảnh khóe ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế - những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay - khai rằng làng sở chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy bằng cách ủy cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lý hoặc phủ lý, huyện lý làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* *

Đông Dương là cô gái cung, rất xứng đáng với nước mẹ Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có chính phủ của nó, những bảo đảm của nó, công lý của nó và cũng có âm mưu phiến loạn nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà điệu hiên, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới thì cán cân

đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tàu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc 1916, những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp bảo hộ đã nếm mùi công ơn khai hóa trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đầy ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ vừa xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn Bôn-sê-vích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương - y như con nhái trong truyện ngụ ngôn* - cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

Một quan lớn Tây (quan công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin đã có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, tòa đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

* Truyện ngụ ngôn của La Fontaine, kể rằng: có một con ếch thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi tòa đã phán quyết như thế rồi thì những người An Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ uy tín cho kẻ đi chinh phục! Muốn thế, lẽ ra chỉ gán huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người An Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái - dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hằm hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là thân người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *La Dépêche Coloniale*, tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài An Nam:

"Tòa án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án *nhẹ*. Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lãng nhãng để *ca tụng ân huệ của tự do*".

Các bạn thấy không, đối với người An Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng* ấy của các quan tòa và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v."

Và cũng lại tờ *La Dépêche Coloniale* ấy đã *vui mừng* ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của tòa án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: "*những người An Nam ở Pari*, cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan tòa của chúng ta và tuyên bố rằng tòa án đã xử đúng, vụ án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thỏa mãn*". Không đâu! Ông Puvuôcvin ạ, ông bị đời vừa chứ!

*

*

*

Tờ *Le Journal France-Indochine* có đăng việc sau đây: Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với sở mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, sở mật thám lập tức mở một cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm và chúng tôi vui mừng được tin rằng một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người An Nam giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng lõa của chúng nữa.

"Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ, cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra tòa về tội ăn trộm và đồng lõa...".

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý Hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm. Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ uy tín của chủng tộc thượng đẳng. Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người An Nam thì lại kê cả tên lẫn họ, và không gọi là ông nữa mà gọi là những "tên".

*

* *

Ngày 10 tháng 10 năm 1922, chính phủ vừa ra sắc lệnh quyết định một cuộc chuyển quan trọng trong ngạch quan tòa thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luycaxơ và Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan tòa này.

Ông Luycaxơ lúc làm phó trưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải thừa nhận rằng, "cuộc điều tra cũng đã phát giác ra sự tham gia của ông Luycaxơ và các vụ phạm pháp

có thể làm cho ông ta phải gánh phần TRÁCH NHIỆM NẶNG NỀ NHẤT".

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án tòa thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Đuyếchgri, nhân viên hãng buôn Pêrítxác ở Cănggăng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Đuyếchgri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Đuyếchgri được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đền, và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm phrăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, dọa bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta "xếp" vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông chủ trương lý ở Đaca. Ông chủ trương lý liền phái ông biện lý Oabrăng đi điều tra. Ông Oabrăng đến Cănggăng, ngủ ở nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế ông Oabrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa đã báo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22 tháng 12 năm 1922). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thêm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Cănggăng về, ông Oabrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông

bạn Cudanh đòi Lavalie gửi đến biểu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oabrăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng công minh mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm biện lý Đaca (?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đácơ, bọn Bôđoăng, bọn Oabrăng và bọn Luyxơ thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*

* *

Tòa tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Etxolanh và mụ góa Giero, mỗi người 13 tháng tù; Gioócgiơ Coócđiê 10 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một kilôgam thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilôgam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người An Nam trên *mười lăm vạn* kilôgam thuốc phiện.

*

* *

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đầy biệt xứ. Trong số ấy có ông tiến sĩ Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức giáo thụ và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng

hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khổ ở Hà Nội, chính phủ đã cho áp giải cha, mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục kích cảnh tàn sát long trọng những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để "dạy cho dân chúng một bài học", người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ thứ XVIII, tức là xóc đầu lâu những người Giacôbít* bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhắm mắt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản - bao giờ cũng vậy - là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, **TRONG VÒNG HAI TUẦN LỄ, MỘT VIÊN GIÁM BINH ĐÃ XỬ TỬ BẢY MƯƠI LĂM LÝ HÀO!**

* *Jacobites*. Tên gọi những đồ đảng của Vua Anh Giaccơ II bị dòng Orănggiơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688.

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị.

Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc "bình định" cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

CHƯƠNG IX

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa được dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền văn minh không những đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: "Việc lưu hành báo chí bằng bất cứ thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan toàn quyền.

"Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

"Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị".

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể im được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử hội đồng thành phố Sài Gòn, viên thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử hội đồng

thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người An Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các "Cụ lớn" thuộc địa: Sở bưu điện và sở mật thám Nam Kỳ (giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt - bất cứ với lý do gì - những thư từ, bài vở, v.v. gửi cho báo *Le Paria* xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Le Paria* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhùng lậm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần

thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đường trường học kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên An Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong nghị định ngày 20 tháng 6 năm 1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

"Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan toàn quyền cho phép*. Quan toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan thủ hiến kỳ và quan giám đốc nha học chính.

"Trước khi lên đường, người đó phải đến nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan toàn quyền chứng thực.

"*Làm cho dân ngu dễ trị*", đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

* *

Báo *L'Humanité* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagátxca khi cuộc chiến tranh vì công lý đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Mađagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Le Paria*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông thống đốc gian lận Bôđoanh đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

* *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Le Paria*; Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; Chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *L'Avenir social*, ông Liôtây đuổi chủ nhiệm tờ *La Guêpe Maroicaine* ra khỏi Maroc (người ta chỉ cho nhà báo một giờ để thu xếp hành lý).

*

*

*

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoanh, quyền toàn quyền Đông Dương, đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *L'Argus Indochinois* trưng bày, vì tờ báo này có những lời phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Clêmăngti, chủ nhiệm tờ báo, đã bị bắt và tổng giam.

CHƯƠNG X

CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hoảng hốt để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì tảo đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ "chân đi đất, quần xắn đến hông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch".

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kinh, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của giáo hoàng, ngũ hạng bậc đầu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 phrăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: "Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có đến 300 đến 400 giáo dân cùng lính bộ và lính thủy Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!... Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 phrăng, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn

trả!. Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội danh thép này: "Việc cướp bóc tập thể do giám mục Phaviê điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngấm bị đổ vỡ".

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phavie truyền giáo theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: "Khi lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa".

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây xin kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bán xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục dọa bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái An Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 phrăng. Một cha khác đã đánh gần chết một học sinh chủng viện người bán xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ công lý của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh - xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính - thì công lý thế tục đã dọa những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: "Dè chừng! Các con ạ! Chớ có kiếm chuyện, nếu không thì...". Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người An Nam đó sao? Còn đức cha P... thì chả nói rằng Chúa cho cây mọc cạnh m... ông người An Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao.

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đinh trên cây thánh giá trở về cõi

thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy "các môn đồ trung thành" của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm cái vốn bé xiu 10 triệu phrăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: "Điều mà người thực dân phải dựa vào nhà nước để làm - thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của nhà chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người An Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô!".

Amen! Lạy Chúa tôi.

*

* *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đáng sáng thế tối cao. Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa - dù đến Ăngtiơ, Mađagátxa, Tahiti hay là Đông Dương - cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài phẩm thực dân được mục vợ Napôlêông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng latin gọi cái công việc ấy là gì, chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là làm gián điệp.

Bọn Gácniê, bọn Rivie và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vài trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: "Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta", hay là "tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta" (GI.B). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình "non". Đô đốc R. dờ Gionuiy trong một bản báo cáo với Bộ Hải quân đã viết rằng: "Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền An Nam để ký kết một hòa ước, nhưng đã gặp trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một hòa ước với người An Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thỏa mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Penloranh đã nhiều lần nói như thế và đó cũng là ý kiến của giám mục Lophevro".

Phải chăng đó là vì yêu nước? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rõ rằng, "những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp có những mục đích riêng tư".

Mẫu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây. Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp

viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cô đạo đến bảo: "Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông". Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: "Tại sao lại nói dối?" - "Thưa tướng quân, nếu để các vị giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh".

Đây là những hành động phúc âm mà các "Cha nhà ta" nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

CHƯƠNG XI

NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ An Nam được các nhà khai hóa của chúng ta "bảo hộ" như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ*, *con bú dũ* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp, - bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lổi!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lâm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác - cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ - có được tôn trọng hơn không?

Ở Phết Mòdala (Angiêri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số

người này có những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những người phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêrich đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hấn đồ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hấn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khôn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hấn làm hấn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hấn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mộ cai. Mộ cai thưa với viên đoan. Viên

này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hóa đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xarô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho đòi chồng bà già đến, - ông này mù, - ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nợ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*

* *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giày hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và khai hóa cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được quá nhiều tiền nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hằng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* *

Trước chiến tranh, ở Máctiních, giá đường là 280 phrăng một tấn, rượu rom 35 phrăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 phrăng, rượu rom 400 phrăng.

Như thế bọn chủ được lời 1000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 phrăng, nay từ 3 phrăng 75 đến 4 phrăng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng phrăng vào sự chênh lệch ghê gớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2 năm 1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác, bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Máctiních, một anh 18, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Le Paria*, số ra tháng 5 năm 1923, đã đăng tin dưới đây:

"Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu, bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý đối với dân nghèo khổ.

"Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến Viện Cứu tế Torinitê bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng "chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời dọa dẫm".

"Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ *muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thẩm*.

"Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thầy thuốc ở mãi Pho đơ Phrăngxơ^{*}, cách đây 32 kilômét, đến khám.

"Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có

^{*} *Fort de France*: Thủ phủ Máctiních.

ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?

"Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng cảm phần thường tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

"Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người "được tuyển dụng" bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thủy, y như dưới thời đại nô lệ.

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

"Ở Côngxtăngtin^{*}, từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một người trong đám người cùng khổ đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẩm sữa con nhỏ.

"Từ Bôgari đến Gienpha^{**} vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

"Họ chỉ còn là những bộ xương, quần áo tồi tả. Người ta cảm họ lảng vảng đến các ga".

*

* *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trình tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói bạo dân thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể

^{*} *Constantine*. Tên một quận ở Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy.

^{**} *Boghari, Djelfa*. Tên những địa phương ở Angiêri.

lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hóa" và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến say mềm, đem thiêu sống trong một đồng lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay nhau hãm hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngựa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giờ nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, xác một cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, lóng xầy, vàng óng như da lợn quay.

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khỏe mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ An Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn liền đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi. Cũng vẫn người ấy kể lại: "Một ngày lễ nọ, một anh lính trong con vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắt lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng sẵn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắt bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy".

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa.

Nhiều phụ nữ bản xứ khôn khéo, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nộp thuế.

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu ty*. Không sao kể xiết tất cả sự nhùng nhằng chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thể nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ".

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng, để nuôi béo lũ cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên - mà kẻ cũng đáng ngạc nhiên thật - khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây*, để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

"Như thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đây, viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già, trẻ, đàn ông, đàn bà".

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở công nhà lao như sau: "Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bần thủ, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can là cha, chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình".

Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ*. Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm dăng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ*.

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con, những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị "thực dân hóa" đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người An Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, chính phủ đóng cửa các

trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh lỵ, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh, đã đốt nhà một phụ nữ An Nam, vì người ấy không chịu tiếp hấn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hấn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước tòa đại hình, hấn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người An Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngời nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có người Đức đã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hòa bình, nhân đạo, cộng hòa và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt! Ô! Hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính - là con em công nhân hay chính là công nhân - đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

(Không phải sách báo)

Nguyên thư

Đường Kách mệnh

Không có lý luận kách mệnh, chỉ không
có kách mệnh vận động... Chỉ có theo
lý luận kách mệnh tiến phong, đồng kách
mệnh mới làm nổi trách nhiệm kách
mệnh tiến phong.

Đỗ - nin .



Bộ Áp Dụng Văn Tọa Liên Hợp Hội Tuyên Truyền Bộ
Ái - Hân

Cuốn sách Đường kách mệnh, tập hợp những bài giảng của
Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1925 -1927,
tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG XII

NÔ LỆ THỨC TỈNH

I - Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bán xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai, dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại - do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế - và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại, và chúng ta đừng quên rằng bản phận của chúng ta - những người lao động ở chính quốc - không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và phương pháp tổ chức.

II - Ở ĐÀHÔMÂY.

Lo sợ về giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách di chuyển nền thống trị của nó qua các thuộc địa. Tại đó, nó vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy và

sử dụng những lực lượng phản động và lạc hậu* để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và nghị sĩ tổ chức những cuộc diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút quan liêu và những người nói khoác ấy không tìm đâu ra đủ lời lẽ để ca ngợi công ơn khai hóa "của họ" và lòng trung thành của người bản xứ.

Đôi khi các ngài ấy trơ tráo đến mức đem lòng... nhân từ của họ đối lập với sự cướp bóc của thực dân Anh; họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô bạo" và quả quyết rằng cách làm của người Pháp là đầy công bằng và từ thiện!

Chỉ cần nhìn qua các thuộc địa Pháp một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hóa đó là "đẹp đẽ và nhân từ" biết chừng nào!

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế vốn đã quá nặng đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa, ruộng nương để đi làm "những người bảo vệ văn minh". Người ta cấm người bản xứ mua sắm và sử dụng vũ khí để chống thú dữ thường phá hoại sạch trơn hàng loạt làng xóm. Giáo dục, vệ sinh đều thiếu. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây "được bảo hộ" phải chịu cái chế độ "dân bản xứ" đáng phi nhỡ, một chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm ô nhục cho cái thế giới gọi là văn minh. Dân bản xứ không cam chịu nhục được mãi, phải vùng lên. Thế là đàn áp đẫm máu. Người ta dùng những biện pháp cứng rắn. Người ta điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hóa nhân từ là như thế đây!

III - Ở XYRI⁽²⁹⁾

Dân Xyri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gurô, các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại.

* Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... et du matériel humain pour sa contre révolution" (sử dụng nhân lực để chống lại cách mạng).

Tháng 3 năm 1922, ông Muxxtapha Kêman đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xyri dựng một cái khải hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: "Thổ và Arập là anh em!", "Xin chớ quên những người anh em Xyri", "Hãy giải phóng cho chúng tôi", v.v...

Việc ông Muxxtapha Kêman đến thăm Adana đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong trào phục quốc ở Ängchiôsơ và Alêchxăngdrét đã dương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ ủy trị Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xyri, nghe đâu ông Muxxtapha Kêman đã nói: "Một trung tâm văn minh đã tồn tại* từ bao thế kỷ như Xyri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được".

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguôi được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một "Liên bang" gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới, người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xyri thành "một số quốc gia", cao ủy Pháp ở Bâyrút lại lập một "Liên bang" Xyri, gồm các "nước" Alép, Đamát, và Alauit**. Một lá quốc kỳ đã được

* Bản tiếng Pháp năm 1946: "*Un foyer qui date...*" (một trung tâm đã tồn tại).

** Alep, Damas, Alauouites. Alep là một thành phố của Xyri; Damas là thủ đô của Xyri; Alauouites là lãnh thổ của Xyri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực tự trị từ năm 1924 đến năm 1930.

bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ An Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang một miếng "cờ bảo hộ", ở góc trên gần cán. Ngày 11 tháng 12 năm 1922 là ngày lễ "long trọng", lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bâ, chủ tịch liên bang, đã nói nào là "nước bảo hộ rộng lượng", nào là "người hướng đạo chân thành", nào là "những vị tướng lĩnh chiến thắng", và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rôbe đơ Ke, quyền cao ủy, cũng đọc đít của rất dài. Ngoài những điều khác ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, "nước Xyri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được Pháp săn sóc từ trong nôi", v.v.. Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xyri - Palestin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất - chân chính - của nước Xyri ở Hội nghị Lôdannơ đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *La Tribune d'Orient*, và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

"Thưa ngài,

"Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevơơ đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc Arập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc Arập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

"Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hóa mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn là những miếng cờ tam tài lên lá

cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là "Liên bang Xyri". Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với các dân tộc Ả-rập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xyri bất hạnh. Nước Xyri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xyri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình. Người ta đã buộc Xyri phải dính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

"Thưa ông chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gán cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

"Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

"Hiến chương Hội quốc liên" quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dúi dất đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội quốc liên công nhận?

"Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

"Kính mong, v.v...

"Thay mặt trưởng đoàn đại biểu

Xyri - Palesten

Tổng thư ký

EMIA SEKIP ACXLAN"

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

"Thưa ngài Thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xyri nói chung.

"1. Cái hội đồng liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

"2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta không muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các nghị quyết của hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của cao ủy, cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

"3. Chính ngay cơ sở của hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải dựa trên cao ủy quyết định.

"4. Người ta giới thiệu hội đồng này như một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách đất nước nữa, vì đã là một hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thể thế giới, nó lại có thể được coi

như là cơ quan đề đạt nguyện vọng của nhân dân Xyri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

...

"Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

"a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xyri.

"b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc hội đồng liên bang sẽ được triệu tập.

"c) Thành lập một chính phủ chịu trách nhiệm trước quốc hội, và quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

"Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri".

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom của Quảng Châu do một người An Nam ném, là những quả bom ở Ăngtiơ, những vụ bãi công đẫm máu ở Guyađolúp, những cuộc biểu tình không kém đổ máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Bidécơ*, ở Hammănlíp** và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

IV - CÁCH MẠNG NGA VỚI CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải

* Bizerte. Quân cảng của nước Tuynidi.

** Hammanlif. Một thành phố của nước Angiêri.

đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt sẽ mọc ra.

Cách mạng Nga hiểu rất rõ điều đó. Cho nên không dừng lại ở việc đọc những bài diễn văn lý tưởng đẹp đẽ và thông qua những kiến nghị nhân đạo để ủng hộ các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh. Cách mạng Nga giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất như Lênin đã viết trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học Phương Đông.

Hiện nay, Trường đại học Phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế - chính trị, v.v., v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt.

Trường có 10 ngôi nhà lớn dành cho sinh viên. Lại có một rạp chiếu bóng, thứ năm và chủ nhật chiếu cho sinh viên xem không lấy tiền, các ngày khác thì cho một người hầu thuê. Có hai thư viện với 47.000 quyển sách giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi bồi dưỡng tư tưởng và đi sâu vào việc nghiên cứu. Mỗi dân tộc hoặc "nhóm" lại có một tủ sách riêng gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí rất có mỹ thuật, và có đầy đủ các báo hằng ngày và tạp chí.

Sinh viên tự mình cũng ra một tờ báo có "một bản duy nhất" dán vào một cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được điều trị trong bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê được dành riêng cho những sinh viên mới ốm dậy. Chính phủ Xôviết tặng nhà trường hai trại nghỉ gồm có chín ngôi nhà. Mỗi trại có một nhà chăn nuôi để nghiên cứu việc chăn nuôi. Đồng chí bí thư nông nghiệp của trường không giấu nổi niềm tự hào khi nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Trại còn có 100 héc-ta đất để cho sinh viên trông trọt. Trong các kỳ nghỉ, sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân.

Nhân đây cũng nói thêm rằng, một trong hai trại nghỉ ấy trước kia là tài sản của một đại công tước Nga*. Thật là ngộ nghĩnh khi trông thấy lá cờ đỏ kiêu hãnh phấp phới trên đỉnh ngọn tháp được trang điểm bằng chiếc mũ hiện đại công tước và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni chuyện trò và vui đùa không chút kiêng nể trong phòng lễ của "hoàng tử điện hạ".

Sinh viên ăn, mặc, ở đều không mất tiền. Mỗi tháng, mỗi người còn được lĩnh năm rúp vàng để tiêu vặt.

Để sinh viên có những kiến thức cơ bản về khoa nuôi trẻ, nhà trường nhận đỡ đầu một nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ xinh xắn.

* Tước của thái tử thời Nga hoàng.

Mỗi năm Trường đại học Phương Đông chi tiêu đến 516.000 rúp vàng.

Các đại biểu của 62 dân tộc trong Trường đại học lập thành một "công xã". Chủ tịch và các cán sự của công xã đều do đầu phiếu phổ thông bầu ra, ba tháng một lần. Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản lý kinh tế và hành chính. Tất cả các sinh viên đều lần lượt thay phiên nhau làm bếp, làm công tác thư viện, câu lạc bộ, v.v.. Tất cả những vụ tranh chấp và "phạm pháp" đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Mỗi tuần, công xã họp một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế thế giới. Thỉnh thoảng lại tổ chức những cuộc mít tinh và những buổi tối giải trí, trong đó có những nghệ sĩ tài tử đột xuất làm cho anh em được thưởng thức nghệ thuật và văn học muôn màu muôn vẻ của những đất nước xa xôi.

Một điểm đặc biệt làm nổi bật sự "dã man" của những người bôn-sê-vích là không những họ coi những người dân thuộc địa "thấp kém" ấy như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Những sinh viên khi ở quê hương mình chỉ là những "dân thuộc địa", "dân bị bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác ngoài quyền nộp thuế, những người không được góp ý kiến vào công việc của nước mình, không được phép bàn bạc chính trị, thì nay được tham gia tổng tuyển cử của nhân dân để bầu những đại biểu của mình vào các Xôviết. Mong rằng những anh em của tôi ở các thuộc địa đang hoài công tốn của cầu cạnh xin xỏ thay đổi quốc tịch mãi không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản xem!*

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng chịu đau khổ và trông thấy cảnh đau khổ. Tất cả đều sống dưới "nền văn minh cao đẳng" và dưới sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản nước

* Bản tiếng Pháp xuất bản năm 1946: "... la démocratie bourgeoise et la démocratie ouvrière!" (nền dân chủ tư sản và nền dân chủ của công nhân).

ngoài. Cho nên, tất cả đều phấn khởi và thiết tha học hỏi. Họ rất hăng hái và nghiêm túc. Họ hoàn toàn không có vẻ công tử ăn chơi nhàn nhã* như những thanh niên Phương Đông du học ở Pari, Ôxpho, hoặc Béclin. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường đại học Phương Đông ấp ủ dưới mái của mình tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và Viễn Đông, kể từ Xyri đến Triều Tiên - chỉ tính những nước thuộc địa và nửa thuộc địa thôi - có một diện tích rộng hơn 15 triệu kilômét vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người. Tất cả những nước rộng lớn ấy hiện đang ở dưới ách của chủ nghĩa đế quốc tư bản. Và mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn trong bản thân một sức mạnh vô cùng to lớn mà họ chưa biết! Việc thành lập Trường đại học Phương Đông đánh dấu một kỷ nguyên mới; trong khi tập hợp những người trẻ trung, hoạt bát, thông minh của các nước thuộc địa lại, nhà trường đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại là:

a) Giáo dục cho các chiến sĩ tương lai ấy nắm được nguyên lý đấu tranh giai cấp là nguyên lý mà một mặt, những cuộc đấu tranh chủng tộc, mặt khác, những tập tục gia trưởng đã làm cho mơ hồ, lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này; chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

* Nguyên bản: *Ils n'ont pas du tout l'air boulevardier et quartier latiniste*. Có nghĩa là: họ không có vẻ hạng người rong chơi trên các đại lộ hoặc ở khu phố latin.

c) Làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Nêu lên cho giai cấp vô sản ở những nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể làm và phải làm cho những người anh em của họ đang bị nô dịch.

V- HỒI ANH EM VÔ SẢN VÀ NÔNG DÂN CÁC THUỘC ĐỊA!

Cuộc chém giết đẫm máu thế giới đã mở mắt cho hàng triệu vô sản và nông dân các thuộc địa thấy rõ hoàn cảnh sinh sống không sao chịu nổi của mình. Một loạt những cuộc bùng nổ cách mạng mãnh liệt, nhưng chưa được tổ chức, đã đánh dấu sự kết thúc của chiến tranh thế giới. Lực lượng tự phát không gì ngăn nổi và khát khao chiến đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn. Ấy, là do giai cấp tư sản dân tộc bản xứ tổ chức và lãnh đạo. Lớn mạnh lên trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp tư sản dân tộc đó không muốn nằm mãi trong nanh vuốt của chủ nghĩa đế quốc và để cho chúng nắm phần to lớn nhất trong việc bóc lột "công nhân và nông dân của mình" nữa. Khẩu hiệu đấu tranh giải phóng dân tộc của giai cấp tư sản trẻ tuổi ở thuộc địa đề ra, được quần chúng lao động ở Ấn Độ, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v. hoan nghênh nhiệt liệt và ủng hộ mạnh mẽ.

Quốc tế Cộng sản đấu tranh không ngừng chống bọn cá mập tư sản ở tất cả các nước trên thế giới. Có thể nào nó lại giả vờ quay lưng lại với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được không?

Không! Quốc tế Cộng sản đã công khai tuyên bố ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh ấy, và trung thành với mục tiêu của mình, Quốc tế Cộng sản vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh ấy.

(Trích Tuyên ngôn của Ban Chấp hành Quốc tế thứ ba)

VI - MỘT BẢN HIỆU TRIỆU CỦA QUỐC TẾ NÔNG DÂN GỬI NÔNG DÂN LAO ĐỘNG CÁC THUỘC ĐỊA

Quốc tế Nông dân mới đây họp Đại hội lần đầu tiên ở Mátxcova đã ra lời kêu gọi dưới đây để tỏ rõ sự quan tâm của mình đối với nông dân lao động các thuộc địa:

Hỡi anh chị em nông dân lao động các thuộc địa!

Hỡi anh chị em nông dân thuộc địa, anh chị em là những người nô lệ hiện đại: hàng triệu anh chị em ngoài đồng ruộng, trên thảo nguyên và trong núi rừng của hai lục địa, đang rên xiết dưới hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài và bọn chủ bản xứ.

Họp lần đầu tiên ở Mátxcova để thành lập một tổ chức đấu tranh mà cho đến nay nông dân chưa có, Đại hội Quốc tế Nông dân kêu gọi ý thức giai cấp của anh chị em và yêu cầu anh chị em hãy ra nhập hàng ngũ tổ chức đó.

Anh chị em còn khốn khổ hơn các bạn nông dân ở chính quốc, vì ngày công quá dài, vì đói khổ, vì ngày mai bấp bênh.

Anh chị em thường bị cưỡng bức lao động như khổ sai, bị bắt đi khuôn vác đến chết người và đi lao dịch không thời hạn.

Anh chị em bị đè bẹp dưới thuế khóa.

Chủ nghĩa tư bản bóc lột dìm anh chị em trong cảnh tối tăm ngu dốt, áp bức anh chị em về mặt tư tưởng và tiêu diệt nòi giống của anh chị em bằng rượu và thuốc phiện.

Chế độ bản xứ bỉ ổi do bọn đế quốc tư bản đặt ra, tước mất của anh chị em mọi quyền tự do cá nhân, mọi quyền lợi chính trị và xã hội, do đó, đã hạ anh chị em xuống thân phận trâu ngựa.

Đẩy anh chị em vào cảnh cùng khổ và phá sản như vậy chưa đủ, chủ nghĩa tư bản còn bắt anh chị em lìa bỏ gia đình, đồng ruộng, đưa anh chị em ra làm bia đỡ đạn, ném anh chị em vào những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đánh lại

nhân dân bản xứ khác hoặc chống lại nông dân, công nhân ở chính quốc.

Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung!

Công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa thành công muôn năm!

Quốc tế lao động muôn năm!

Quốc tế Nông dân muôn năm!

VII- TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN Ở THUỘC ĐỊA

Trích biên bản phiên họp ngày 27 tháng 6 năm 1923, kỳ họp thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế Công hội đỏ.

Đấu tranh công đoàn ở thuộc địa

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Theo quan điểm đó, việc tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa có một tầm quan trọng đặc biệt. Thế mà đoàn viên của Quốc tế Công hội đỏ hầu như chưa hề làm được gì ở Ai Cập, ở Tuynidi và ở tất cả các nước đương nằm dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Mỗi liên hệ hiện có giữa các nhóm công nhân ở các thuộc địa Pháp và các công đoàn Pháp chỉ là do ngẫu nhiên. Không có một hoạt động có hệ thống nào cả, mà rõ ràng là nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa. Việc cần thiết hiện nay là phải phát động một cuộc tuyên truyền rộng lớn để thành lập các tổ chức công đoàn ở các nước thuộc địa

và phát triển các công đoàn hiện có dưới hình thức phôi thai. Ngoài ra, chúng ta cần phải tỏ rõ tình hữu ái giai cấp thực sự giữa người lao động thuộc mọi dân tộc, mọi chủng tộc để khắc phục sự nghi kỵ của những người lao động thuộc địa đối với những đại diện của những chủng tộc thống trị. Mỗi liên hệ hữu cơ giữa công đoàn thuộc địa và công đoàn chính quốc chỉ có thể là kết quả của một quá trình công tác rất lâu dài trong các thuộc địa.

Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

*

* *

TUYÊN NGÔN CỦA "HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA", TỔ CHỨC CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

"Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một tai họa ghê gớm, những người cầm quyền nhà nước đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em đồng tình góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một tổ quốc mà người ta nói là của anh em, nhưng thật ra cho đến khi đó, anh em chỉ biết có cái đầu óc thống trị của nó mà thôi.

"Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên làm lóe lên trước mắt anh em những quyền lợi mà sự hợp tác với họ sẽ đưa lại cho anh em. Nhưng qua cơn bão táp rồi, thì đâu lại hoàn đó, anh em vẫn phải sống trong chế độ bản xứ, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá

con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị.

"Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nạn sưu dịch nặng nề mà nhân dân oán ghét, vẫn phải đóng thuế muối, vẫn bị đầu độc và cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, vẫn bị đi gác đêm để canh giữ tài sản cho bọn cá mập thực dân, như ở Angiêri.

"Lao động như nhau, nhưng công sức của anh em lại bị trả tiền ít hơn các bạn người Âu của anh em.

"Cuối cùng, người ta hứa hẹn với anh em đủ mọi thứ trên trời dưới biển, nhưng giờ đây anh em thấy toàn là những lời lừa dối cả.

"Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

"Vận dụng công thức của Các Mác^{*}, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

"*Hội Liên hiệp thuộc địa* thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy.

"Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

"*Biện pháp hoạt động*: Để thực hiện sự nghiệp chính nghĩa ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí và ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và bằng tất cả mọi biện pháp mà chúng ta có thể làm.

^{*} Nguyên bản: *Formule de Karl Marx*. Công thức này Mác nêu trong Điều lệ của Hội Liên hiệp lao động quốc tế: "Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân".

"Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quý quyết ấy giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn."

"Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

"Hội Liên hiệp thuộc địa"

PHỤ LỤC

GỬI THANH NIÊN AN NAM

Ông Đume, nguyên toàn quyền Đông Dương đã viết: "Khi nước Pháp đến Đông Dương, thì dân tộc An Nam đã chín muồi để làm nô lệ". Từ đó đến nay hơn một nửa thế kỷ đã trôi qua. Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tổng cổ lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hòa vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Airlan, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đầu tranh đấu dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ.

Hãy nghe đoạn văn khôn nạn này của một tên khách An Nam trong một bữa tiệc hai trăm người ăn, tổ chức ra để chiêu đãi bọn Utorây, Valuyđơ và bè lũ để được ngửi mùi bát tất thối của bọn "liên minh dân tộc" này. Anh chàng An Nam ấy đã không ngại bỏ ra 85 quan cho một bữa chè chén. Hắn đọc diễn văn tại bữa tiệc.

"Tôi lấy làm tự hào được thay mặt cho toàn thể cử tọa nói lên tấm lòng tôn kính sâu sắc, niềm vui mừng và lòng biết ơn của chúng tôi đối với các vị. Đối với con mắt khâm phục của chúng tôi, các vị thật là những người tiêu biểu cho chính phủ của dân tộc Pháp vinh quang.

"Tôi không tìm ra được danh từ nào đủ đẹp để nói lên cho thật đúng ý nghĩa của tư tưởng sâu kín trong chúng tôi, nhưng thưa các vị, các vị hãy tin ở tình gắn bó thủy chung, ở lòng trung thành, ở sự sùng bái của chúng tôi đối với nước Đại Pháp, là người đỡ đầu và bảo hộ, đã coi chúng tôi như con, không phân biệt màu da và chủng tộc.

"Mỗi người chúng tôi đều đã tự mình nhận thấy tất cả những ân huệ mà Nhà nước chí tôn và những vị đại diện cho nước Đại Pháp đã ban cho chúng tôi bằng cách áp dụng đúng đắn và sáng suốt những luật pháp rộng rãi và khoan hồng".

Trong đám tang viên toàn quyền Lông, ông N.K.V, tiến sĩ luật, tiến sĩ khoa chính trị và kinh tế, làm việc tại tòa biện lý Sài Gòn, đã quả quyết rằng, nếu có thể phát biểu thay toàn thể nhân dân Đông Dương, thì ông sẽ đau đớn nói lên lời cảm tạ thiết tha đối với quan toàn quyền về tất cả những gì mà Ngài đã làm cho dân tộc An Nam. Rồi ông V. kêu to lên rằng:

"Những người mà nhờ những biện pháp bao dung của Ngài, ngày nay đang được cùng các vị đại diện của Nhà nước bảo hộ góp phần vào sự phồn vinh không ngừng tăng lên của xứ Đông Dương, những người ấy cảm tạ Ngài tự đáy lòng và sùng bái hình ảnh của Ngài. Kinh tế là vấn đề mà Ngài lo nghĩ đến nhiều nhất. Ngài đã muốn cho Đông Dương có đủ trang bị kinh tế để trở thành một nước Pháp thứ hai, một nước Pháp hùng cường ở Viễn Đông, một chi nhánh của nước Pháp Cộng hòa!

Còn ông Cao Văn Sen, kỹ sư, hội trưởng hội những người Đông Dương tại Pháp, thì nói rằng việc ông Lông chết quá sớm là một cái tang cho Đông Dương. Rồi ông kết thúc bài điệu văn bằng những lời sau đây:

"Thưa quan toàn quyền, chúng tôi chân thành thương tiếc Ngài vì đối với tất cả chúng tôi, Ngài là một ông chủ bao dung, khoan thứ như một người cha!

Từ những việc trên, tôi xin kết luận rằng, nếu quả thật tất cả mọi người An Nam đều rập mình sát đất như bễ lũ tay sai ấy của chính quyền thì người An Nam có phải chịu số kiếp nô lệ cũng là đáng đời.

*

* *

Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên - công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào các việc... chơi bời a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chôn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên - công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm *thực sự* chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn: "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động".

Họ đã làm như thế này: vừa đặt chân lên đất nước người là tất cả những người có năng khiếu giống nhau và cùng muốn học một nghề thì tập hợp lại thành nhóm để vận động xin việc với bọn chủ. Khi được nhận vào xưởng thợ hay nhà máy, thì cố nhiên là họ bắt đầu bằng cách học việc, rồi sau trở thành thợ. Đối với nhiều người đã được nuôi dưỡng trong cảnh giàu sang và được gia đình chiều chuộng, thì làm những việc nặng nhọc là một điều gian khổ. Nếu họ không có một quyết tâm vững chắc, không được một sức mạnh tinh thần phi thường thúc đẩy thì phần lớn đã phải chùn bước. Nhưng cho tới nay, tất cả vẫn tiếp tục làm việc. Một trở lực thứ hai là ngôn ngữ bất đồng, họ đã

khắc phục được trở lực ấy là nhờ biết lợi dụng khiêu quan sát, cái khiêu gần như là một bản năng đặc biệt của những người Viễn Đông chúng ta. Nếu họ không hiểu được hay hiểu một cách khó khăn những lời chủ họ nói, thì họ chăm chú quan sát những cái mà chủ chỉ cho họ.

Họ kiếm không được bao nhiêu tiền. Với số tiền công ít ỏi, trước hết họ phải tính sao cho đủ sống. Và, họ coi việc không xin tiền chính phủ, không xin tiền gia đình là một vấn đề danh dự. Sau nữa, tùy theo số tiền kiếm được họ trích một phần để đóng vào quỹ tương tế do họ lập ra. Quỹ này nhằm hai mục đích: 1) giúp đỡ những sinh viên đau ốm có giấy chứng nhận của thầy thuốc, và những sinh viên thất nghiệp có giấy chứng nhận của chủ; 2) trợ cấp một số tiền trong một năm cho tất cả những người mới học nghề xong để giúp họ bổ túc nghiệp vụ.

Lao động ở nước nào, họ cũng xuất bản ở đấy một tờ tạp chí (luôn luôn là do sinh viên - công nhân đóng góp). Tạp chí ấy viết bằng chữ Hán, cung cấp tin tức của Tổ quốc và đăng những vấn đề thời sự lớn trên thế giới, v.v.. Tạp chí dành một mục cho độc giả trao đổi những điều bổ ích cho việc học nghề của họ, báo cho nhau biết sự tiến bộ của từng người, khuyên nhủ và động viên nhau. Ban ngày họ làm việc, ban đêm, họ học tập.

Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các "ông chú trẻ tuổi"* của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50.000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỷ luật và kỹ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như: hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng

* Từ "chú" thường dùng để chỉ Hoa kiều ở Việt Nam ("chú khách" hay "khách trú").

mênh mông, rùng rú bao la; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thể công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi!

Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh.

CON RÙA

(Truyện)

Cốc! Cốc! Cốc!

- Ai đấy? Ông Xã, lý trưởng làng La Lo*, vừa hỏi to vừa bước ra mở cổng cái vườn con... Chào ông anh ạ! Ông nói với người vừa ló ra. May mắn làm sao tẻ xá lại được vinh hạnh đón tiếp ông anh quá bộ lại chơi thế này?

- Trời bao nhiêu sao thì xin mừng bác phúc lộc bấy nhiêu, khách lạ trả lời. Chả là tôi mang đến bác tờ trát của quan sứ.

Xem lướt xong lệnh của quan trên, ông Xã gãi đầu gãi tai. Ông có vẻ quýnh lắm.

- Gì thế, ông? Bà vợ lo lắng hỏi.

Ông Xã không đáp, chỉ ra hiệu cho người bạn đời thân quý của ông đi theo ông.

Khi chỉ còn hai người, ông nói: "Hiền thê ta ơi! Sự thể như thế này. Quan sứ đòi tôi lên dinh ngài. Nhà nó cũng biết đấy: Quan là một ông Tây tốt chỉ thích của tốt, cho nên mình mà vào nhà ngài hai tay rỗng không thì khi ra khỏi nhà ngài là đôi mông no đòn. Thế nhưng nhà mình có gì coi được: gà, thỏ, vịt, gà tây, thì đã bán sạch để nộp thuế cả rồi còn đâu! Lấy gì dâng quan bây giờ?".

* *La Lo*, tên làng đặt hài hước bằng cách gộp yếu tố ngữ pháp Pháp *la* thường đứng trước danh từ, có thể coi tương đương như *sự*, *cái*, *nỗi*... và từ Việt *lo* (lo lắng).

Đến lượt bà vợ ông Xã trở nên tư lự. Bà biết rằng cái con người đáng sợ mà ông chồng thân yêu của bà sắp phải lên trình diện này, trước kia - trong thời kỳ bình định - đã từng chặt 75 cái đầu hào mục xứ Bắc Kỳ. Lên làm quan sứ, ông ra lệnh nện đòn bắt luận tên dân An Nam nào, đàn ông hay đàn bà cũng thế, qua cổng nhà ông mà không hạ mũ nón. Tính ông hung bạo làm dân chúng khiếp vía. Muốn vui chuồng gà, ông mượn gà mái của dân trong vùng, rồi chẳng bao giờ trả lại sau khi đã có cả trứng lẫn gà con. Nói tóm lại là bà biết rằng ông quan đa trắng này dữ tợn lắm, và bà run sợ sẵn khi nghĩ trước đến cảnh tượng chồng bà sẽ được tiếp đón như thế nào nếu không mang gì đến đấm cái mồm công sứ.

- Tôi nghĩ ra rồi, im lặng mấy phút rồi bà nói, nghĩ cái hay lắm!

...

Đặt xong xuôi con rùa ngay ngắn trên cái khay bạc thuê của chính nàng hầu quan sứ, bày xong xuôi cả khay lẫn rùa lên chiếc chiếu trải trước cửa phòng giấy ngài công sứ, ông Xã đến trình diện với tất cả nỗi niềm cung kính tất phải có đối với vị đại diện của Nhà nước bảo hộ.

- Lạy quan lớn, ông vừa thưa vừa quay lại phía chiếu, dám xin quan lớn nhận cho, của mọn thôi ạ! Cái món qu... qu... *

Ông không nói hết được tiếng quạ, vì thoát nhận ra rằng trên khay thế là đã khuất bóng rùa. Cái con vật, không buộc, đã thừa lúc ông Xã khốn khổ nhà ta quay đi mà chuồn mất.

Nhưng quan sứ - ngài khoan hòa rất mực - reo lên:

* Nguyên bản: *Ce petit ca... ca...* (Chơi chữ: Mời quan ăn lễ nhận "quà", "quà" trong tiếng Pháp là *cadeau*, nhưng cuống không nói hết được, lấp bắp thành *ca... ca...*; mà *caca* thì có nghĩa là phân người. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa nhạo sang tiếng Việt.

- Ô cái khay đẹp quá thôi! Để ta phải gửi lên biểu quan toàn quyền mới được! Đúng hôm nay lại là ngày lễ sinh nhật toàn quyền phu nhân, hẳn bà sẽ thích lắm đấy!

"Và ông thì ông sẽ thăng cấp cho ta", ngài công sứ nghĩ thầm thêm trong bụng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 32, Theo bài in trong sách
tháng 2 và tháng 3-1925 *Truyện và ký* Nguyễn Ái Quốc
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr.39-41.

NHỮNG TRÒ LỖ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Do sức ép của công luận ở Pháp và Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan toàn quyền Varen sẽ "chăm sóc" ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài Gòn kéo dài chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

* *

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quần quít lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vồ, áp ủ trong mớ bông bong những buổi chiều đái, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đây là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng

đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe* kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bồ phanh đò lồm lồm; những xôi lạp xường lũng lảng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rồn của một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tám bắc đầu bội tinh** hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây dừa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: "Cái giống tằm nhà mày! Có cút đi không, cái giống tằm!". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lạng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

- Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thàm thì.

- Ô! Cái áo dài đẹp chưa! Một chị con gái thót lên.

- Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.

- Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thở dài.

- *Rậm râu, sâu mắt****! Một nhà nho lảm bảm.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "*Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!*"****.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

* Trong nguyên bản, từ "xe" viết tiếng Việt.

** Tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương của Pháp.

*** - "*Rậm râu, sâu mắt*". Ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương (Chú thích của tác giả).

- Trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt, "*Dậm râu, sâu mắt*" có dịch ra tiếng Pháp và giảng nghĩa trong chú thích của tác giả.

**** Câu này trong nguyên bản cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay ra tiếng Pháp.

*

* *

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của hoàng triều: Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mẽ đay.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

* *

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lơ chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này đang mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, đầy đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

- Tôi đem tự do đến cho ông đây! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gong to kình đang xiết chặt Phan Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hóa và công lý.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

"Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trắc; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu

của tôi, Guyxtavơ, Aléchxăng, Arixtít, Anbe, Pôn và Lêông*. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm toàn quyền...!".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai Phan Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"**, và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sững sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đây làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tình, thì đó chỉ là vì Phan Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu Bội Châu.

*

* *

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đây, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính đồng An Nam bỗng sừng chào ở cửa

* *Gustave, Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour, Léon Jouhaux* (Chú thích của tác giả).

- Chỉ dùng tên trước để gọi một cách thân mật, nhấn mạnh sự quen biết nhau. Với cách gọi thân mật không đầy đủ tính danh đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên Đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên toàn quyền, thượng thư, thủ tướng, tổng thống, v.v..

** Một ngụm nước mà nông dân Bắc Kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: "Không cần câu!" (Chú thích của tác giả).

ngực là cứ bảo rằng, nhìn qua chân song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lưng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mím cười, mím cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy*.

T.B. - Một nhân chứng thứ hai của hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chằng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Bội Châu** đã nhổ vào mặt Varen; cái đó thì cũng có thể.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 32, Theo bài in trong sách tháng 2 và tháng 3-1925 *Truyện và ký* Nguyễn Ái Quốc, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr.31-37.

* - "Cười ruồi": lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói: "cỡ cân ruồi", "chim ruồi", "tàu ruồi") (Chú thích của tác giả).

- "Cỡ cân ruồi" chỉ loại nhẹ cân trong các đấu sĩ môn quyền Anh.

"Chim ruồi" chỉ loại chim sâu rất nhỏ.

"Tàu ruồi" chỉ thứ tàu thủy nhỏ chạy chơi sông hồ.

** Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà gọi trống không Varen. Cũng cùng gọi trống không cho "thân" nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai chữ thân có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân quý mến đối với Phan Bội Châu, thân coi thường đối với Varen.

TRUYỆN NGỤ NGÔN

Quảng Châu, năm 1925

Hãy nghe câu chuyện ngụ ngôn này. Tất cả các bạn, hãy im lặng và lắng nghe!

Loài vật tranh nhau công trạng

Con rồng mây râu óng ánh, mào và vẩy rực rỡ lên tiếng trước tiên:

- Ta là thủy tổ của giống nòi An Nam từng chứng kiến sinh ra biết bao vị anh hùng lừng lẫy.

Đến lượt tôm: "Anh bạn nói đùa đấy chứ. Phận tôi còn sướng hơn phận người An Nam. Anh hãy nhìn thân hình tôi. Nó còng xuống là theo ý trời, trong khi đó con cháu anh thì xương sống gập xuống dưới gánh nặng sưu thuế và khổ sai.

Cừu nói: - Lời anh nói khiến tôi buồn. Thực ra người An Nam cũng tựa như loài thỏ. Anh biết đấy, mỗi năm tôi bị cắt lông có một lần, còn những con người tội nghiệp kia thì bị Pháp bóc lột tứ thời.

Bò lên tiếng: - Chưa hết đâu nhé. Tôi dám khẳng định rằng người An Nam còn khổ hơn loài bò. Chúng tôi có nước da tươi tắn, bụng đầy cỏ và xương sườn dạng mo cau, nhưng chúng tôi có thể kiêu hãnh vì được hưởng một thứ tự do còn lớn hơn thứ tự do của họ.

Cua cười chua chát mà rằng:

- Chúng tôi hơn đứt những người An Nam đang cúi mình trước mọi sự đồng đánh của người Pháp và những kẻ nô lệ tội nghiệp kia vẫn cam phục vụ bọn chúng mà không hề hể răng nửa lời.

Rắn nói: - Các chị chiêm chọc mĩa mai nữa kia. Thử xem, ai là người chiến thắng bằng sự cao quý của tình cảm? Tôi, hay là

những người Pháp khẩu Phật tâm xà mà người An Nam đưa vào nước họ?

Voi nói: - Người An Nam sẽ muôn đời phải gánh chịu hậu quả những lầm lỗi mà họ vô tình phạm phải. Họ đã rước voi về giày mà tổ lại còn bỏ mặc cho người Pháp cái quyền lãnh đạo cả Tổ quốc của họ nữa.

Lươn nói: - Nghĩ đến người An Nam mà tôi buồn.

Họ để cho đồng tiền cám dỗ cứ như mật dụ ruồi. Với những kẻ nô lệ ấy, cúi mình hạ nhục cốt để kiếm chút danh tước bạc béo có hề gì.

Chuột nói: - Hãy xem loài chuột chúng tôi, ai cũng có bản mệnh của mình. Còn người An Nam không còn nghĩ gì đến đất nước của họ nữa. U mê vì của cải và giàu có, họ đang thờ ơ can dự vào cuộc diệt chủng giống nòi và vong quốc.

Gà trống nói: - Ta là ông hoàng trên sân gà. Ta sống hòa hợp với các ả thần dân của ta và chúng ta không bao giờ tranh nhau miếng ăn ngon lành như bọn người An Nam vì tiền bạc mà bội bạc phản trắc.

Cá chép: - Nước với tôi cùng nhau sung sướng, rồi nhất định có ngày hóa được thành rồng, tôi sẽ bay đến tận cung tiên. Còn người An Nam thì suốt đời chỉ khoanh tay quý gối trong cảnh nô lệ mà không dám vùng lên.

Ếch: - Hỡi anh em, suy đi tính lại, nếu thực sự chúng ta thương xót người An Nam thì hãy cùng nhau đi cứu họ. Loài ếch hèn mọn chúng tôi nhờ có kêu ca mà làm trời phải mủi lòng, và lẽ nào vô cớ trời lại bỏ ngoài tai lời cầu khẩn mà để loài ếch bị tận diệt? Nếu họ đồng tâm và đồng sức, nếu họ kết liên trong, ngoài thì người Pháp sẽ mất tinh thần, kinh hãi và phải trả lại cho họ những quyền tự do của họ.

Ôi, những người An Nam, các anh phải luôn nhớ rằng đoàn kết làm nên sức mạnh!

*Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp,
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.*

NHẬT KÝ CHÌM TÀU⁽³⁸⁾

(Qua các bản sưu tầm đã được công bố)

LỜI MỞ ĐẦU:

Một chiếc tàu thủy của Pháp bị chìm ở biển khơi. Hầu hết hành khách đều bị chết đuối. Chỉ có ba anh Pôn (Paul), Zô và Râu, một người Âu, một người Phi và một người Việt* làm công trên tàu còn sống sót. Họ bị giạt vào một hoang đảo. Về sau có chiếc tàu Nga đi qua, thủy thủ thấy họ, bỏ xuống xuống cứu, rồi mang về nước. Trong thời gian ở Nga, họ đã được đối đãi rất tử tế. Không những được bồi dưỡng sức khỏe, họ còn được tham quan đây đó, trò chuyện và tìm hiểu về đời sống của công nhân và nông dân Nga, tìm hiểu về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa... của Nhà nước Xô Viết đầu tiên trên thế giới. Cuối cùng, theo nguyện vọng của họ, ba anh em được các đồng chí Nga cho về sứ sở.

Nhật ký chìm tàu kể lại những điều mắt thấy tai nghe của ba nhân vật ấy trên quê hương Cách mạng tháng Mười dưới hình thức hồi ký du lịch, đã gửi cho Đảng Cộng sản Đông Dương để lưu hành, đăng quần chúng xem biết.

* Trong bài của Phạm Lân và Tống Trần Ngọc (đã dẫn) thì tên của ba người là Pôn, Ba và Râu, nhưng đồng chí Bùi Quán và nhiều người nữa nói chắc rằng tên của họ là Pôn, Zô và Râu. Chúng tôi tạm ghi lại để bạn đọc tham khảo. Zô là một tên người, gọi tắt, thường được dùng ở châu Phi da đen. Râu, qua câu chuyện được tường thuật lại, ta được biết đó là một người Việt Nam. Trong bản của Ninh Viết Giao ghi tên của ba nhân vật như trên.



Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

CHƯƠNG I.

Ba anh Pôn, Zô và Râu là những người dân mất nước hoặc nô lệ, quyết chọn đường đi tìm chân lý đầy chông gai, khổ cực, ấp ủ hoài vọng được thấy tận mắt chân trời tươi sáng độc lập tự do. Họ bị mất quyền chính trị, kinh tế nên cùng nhau đem bán sức lao động cho tư bản Pháp trên một chiếc tàu thủy. Trong một chuyến đi, chiếc tàu này vớt được rất nhiều nguyên vật liệu của xứ thuộc địa Đông Dương mang về nước Pháp như các thứ khoáng chất vàng, bạc, đồng, thiếc, rêu than, gỗ quý, các loại ngà voi, sừng tê giác v.v... Ngoài ra chiếc tàu cũng chở khá nhiều trâu, bò, dê... Bọn thực dân Pháp mang các sản vật ở thuộc địa về để cống hiến cho đế quốc Anh, Mỹ, hòng trừ nợ khoản chiến phí trong cuộc Âu châu đại chiến (từ 1 tháng 8 năm 1941 đến 11 tháng 11 năm 1918).

Do tham lam chở nặng quá, đi được một số ngày đường, ra đến giữa biển khơi, tàu bị đắm. Nhiều người Âu, người Phi, người Việt khác trên tàu đều bị chết. Ba anh Pôn, Zô và Râu ôm được một mảnh ván. Sóng đánh giạt các anh vào một hoang đảo. Thật là:

*Mênh mông trên biển dưới trời
Một hòn hoang đảo ba người lưu ly.*

CHƯƠNG II.

Đã bị uống nước nhiều, lại phải nhịn đói lâu ngày, ba người nằm trên hoang đảo chỉ chờ chết. Có lúc họ lết đi quanh đảo, nhưng đảo này toàn cát trắng, vỏ ốc hoa, xà cừ và các loài chim cò đến ỉa rác. Họ đã xé áo, buộc vào một cái que làm cờ hiệu rồi cắm lên để họa may có chiếc tàu nào đi qua biết mà đến cứu.

Đang lúc thần chết đến kề bên thì may thay có một chiếc tàu Nga đi tuần tiễu trên hải phận quốc tế. Nhờ có kính viễn

vọng nên nhìn lên hoang đảo, thuyền trưởng tàu này nhìn thấy bóng cờ trắng rồi nhận ra ba người. Họ được thủy thủ cập xuống đến cứu. Lúc đó, ba người đã gần như bất tỉnh. Đưa lên tàu, họ được cứu chữa ngay. Các thủy thủ Nga đưa áo quần cho ba anh thay, làm ấm phòng cho ba anh sưởi, đem bơ sữa cho ba anh ăn. Khi tỉnh hẳn, ba anh cảm động và biết ơn những người đã cứu mình vô cùng. Vì ngôn ngữ bất đồng, nên ba anh không trao đổi ý kiến được nhiều mà chỉ biết đây là thủy thủ một chiếc tàu Nga đã cứu mình. Dần dần, bằng nhận xét thực tế, ba anh thấy rõ chiếc tàu Nga này khác hẳn chiếc tàu Tây về nhiều mặt: về quan hệ giữa người với người trên tàu, về thái độ đối xử với nhau, về chế độ đãi ngộ, chế độ lao động, v.v... tất cả đều bình đẳng, tự giác, thân ái. Đặc biệt mọi người xưng hô với nhau bằng danh từ “đồng chí”. Ba anh chú ý nhất là cây cờ búa liềm và hai bức chân dung khổ lớn có lồng khung treo trang trọng ở phòng sĩ quan; hỏi ra thì một bức là Các Mác, một bức là Lênin. Ba anh đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

*Lạ thay trong chiếc tàu này,
Cái gì cũng khác tàu Tây mình làm.*

CHƯƠNG III.

Chiếc tàu Nga cứu ba anh xong liền đánh điện về nước. Khi tàu cập bến Nga, ba anh thấy dưới bóng cờ đỏ chói lợi, nhân dân Nga đứng chờ khá đông. Một ít anh em Hồng quân cũng có mặt. Từ thân phận thấp hèn phải đi làm công, bị mắng, bị đánh, bị cúp tiền lương, ba anh không ngờ mình lại được đón tiếp một cách long trọng, niềm nở như vậy. Bao nhiêu suy nghĩ xốn xang, bao nhiêu câu hỏi náo nức trong lòng. Cảm động quá, ba anh không nói được câu nào trước thái độ vồn vã và cởi mở của những người bạn Nga. Một bầu không khí dạt dào, vừa triu mến thân thương, vừa dằm thắm chí tình bao phủ lấy họ:

*Gió cao tiếng hạc càng cao,
Ba quân chỉ ngọn cờ đào kéo ra**

CHƯƠNG IV.

Pôn, Zô và Râu được coi là những khách quý. Ba anh được các đồng chí Nga đưa tới một khách sạn Ôđétxa để nghỉ chân. Vừa mới bước tới ngưỡng cửa, có một cô gái xinh đẹp khoảng hai mươi tuổi ra chào, rồi mời ba anh vào phòng thay quần áo. Mặc những bộ quần áo mới thơm tho xong, ba anh được cô gái ấy bung sữa tới mời uống. Tiếng họ ngạc nhiên nhất vẫn là tiếng “đồng chí”. Ai cũng là đồng chí.

Không phải chỉ cô gái ấy mà những người phục vụ khác cũng đều niềm nở vui tính, cởi mở. Lúc nào họ cũng coi ba anh em như anh em ruột thịt. Cả khách khứa ra vào cũng thế, ai cũng tay bắt mặt mừng. Tất cả đều tận tình với một tinh thần quốc tế vô sản rất trong sáng:

*Rằng nay bốn bể một nhà,
Cùng là bè bạn, cùng là thân yêu.*

CHƯƠNG V.

Sau ba tháng trời nghỉ ngơi, tắm bờ, giải trí ở Ôđétxa, Pôn, Zô và Râu, được các đồng chí Liên Xô đưa đi thăm quan từ nhà máy này đến nông trường khác. Công cuộc cơ khí hóa của Liên Xô đang được tiến hành. Ba anh thấy nhiều máy móc thay thế sức người. Máy làm việc nặng, người làm việc nhẹ. Máy chạy rầm rầm. Bất cứ chỗ nào việc sản xuất ra của cải vật chất của chủ nghĩa xã hội cũng được Chính phủ công nông tổ chức một cách quy mô, có kế hoạch. Công nhân làm chủ các

* Hai câu này không khớp lắm với nội dung chương III, nhưng nhiều người kể như vậy, nhiều bản ghi như vậy, nên vẫn giữ nguyên, không lược bỏ, chờ xác minh sau.

nhà máy. Đoàn kết trong các tổ chức công hội, họ quản lý xí nghiệp. Họ làm việc một cách tự giác, phấn khởi với ý thức kỷ luật cao.

Cũng như nhà máy là của công nhân, nông trường là của dân cày. Có hai loại nông trường: nông trường quốc doanh (sovkhos) và nông trường tập thể (kolkhos). Nông trường quốc doanh do Nhà nước quản lý. Nông trường tập thể do nông dân tập thể quản lý. Nông trường nào cũng có nhiều máy móc thay thế sức người và sức trâu bò, như máy cày, máy bừa, máy gặt, máy cắt cỏ, máy đưa cỏ về cho trâu bò ăn...

So với trước Cách mạng, công nông Nga đã thay đổi hẳn:

*Công nông Nga có ngày nay,
Cũng đã nếm mật nằm gai mấy lần.*

CHƯƠNG VI.

Trên đường đi tham quan các nơi, ba anh lại được đi an dưỡng. Họ an dưỡng tại một khu vực dành riêng cho thợ thuyền. Ở đây, họ thấy một số thợ già yếu, mệt mỏi, được Nhà nước cho đến nghỉ ngơi, nhưng vẫn được bồi dưỡng, được hưởng lương cùng mọi quyền lợi khác như khi đang làm việc. Những cụ già ngoài sáu mươi tuổi kể cho ba anh nghe rằng: Dưới chế độ Nga hoàng, chúng tôi đã phải lao động mười bốn tiếng đồng hồ một ngày mà chưa đủ cơm ăn, áo mặc. Bao nhiêu tật bệnh đến hoành hành. Bao nhiêu cảnh thất nghiệp, đói khát đe dọa. Rồi bị đánh, bị phạt. Thân hình chúng tôi tiều tụy, con cái nheo nhóc. Nghèo đói bám riết lấy chúng tôi. Bây giờ Chính phủ cách mạng thi hành luật lao động mới. Mỗi người làm việc tám giờ một ngày. Ai làm những công việc nặng nhọc, thời gian lao động có thể ít hơn. Lao động có thành tích thì được khen, thưởng. Ấy là chưa kể các chính sách bảo hiểm lao động khác để giữ gìn sức khỏe cho công nhân. Cách mạng Nga mới thành

công được một thời gian ngắn mà số người sống trên sáu mươi tuổi đã tăng hẳn lên so với trước:

*Sung sướng thay thợ thuyền Nga,
Ngày làm ngày nghỉ đều là có lương.*

Râu nghĩ đến Công xã Pari (18 tháng 3 năm 1871) sáng tác mấy câu thơ:

*Công xã thất bại nhưng mà
Ảnh hưởng công xã sâu xa vô cùng:
Nước Nga cách mạng thành công
Cũng bởi công xã treo gương sau này.
Anh em hỡi gặp ngày kỷ niệm (18 tháng 3)
Nghiên cứu tường kinh nghiệm lớn lao
Rồi đem phổ biến cho nhau...*

CHƯƠNG VII.

An dưỡng thêm một thời gian, ba anh em được đi thăm một vùng nông thôn. Ba anh em được biết rằng, sau khi Chính phủ Xô viết giành chính quyền, bọn cu lác đã bị phân hóa, rồi sau đó bị tiêu diệt. Nông thôn ngày càng xích hóa. Bọn mensêvích và bọn torótkít cũng lần lượt bị quét sạch. Bao nhiêu ruộng đất đều chia cho dân cày nghèo. Gặp những người nông dân đang chăm chỉ, vui vẻ cày trên những cánh đồng mênh mông bát ngát thẳng cánh cò bay, do mình làm chủ, ba anh em được nghe họ nói lên những lời biết ơn cách mạng, biết ơn Đảng của giai cấp vô sản Nga, Đảng Bôn-sê-vích. Đúng là:

*Bản nông có ruộng mà cày,
Cũng bởi Cách mạng ra tay đỡ đần.*

CHƯƠNG VIII.

Có ruộng đất rồi, nông dân không còn làm ăn riêng rẽ. Trước khi thành lập các nông trường, họ xây dựng các hợp tác

xã nông nghiệp. Khắp mọi nơi đều có hợp tác xã. Sự ăn ở đều có tổ chức. Ruộng đất, sức kéo, công cụ canh tác đều là của chung. Việc làm có giờ giấc và được quản lý chặt chẽ. Ai cũng có ý thức làm chủ, do đó, lợi người, lợi công, lợi của. Nhờ vậy, họ có điều kiện học thêm văn hóa, nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, luyện tập thể dục thể thao, xem chớp bóng, diễn kịch, thưởng thức ca nhạc, đọc sách báo... Rõ ràng là:

*Lẽ loi đã tốn lại hao,
Chung nhau hợp tác, đường nào lợi hơn.*

CHƯƠNG IX.

Pôn, Zô, Râu đến thăm một cái chợ hàng sách. Ba anh thấy không biết cơ man nào là sách. Họ được biết ở Nga cứ một vùng thì có một cái chợ hàng sách. Các chợ hàng sách mới có vào khoảng đầu kế hoạch 5 năm xây dựng kinh tế lần thứ nhất (1928 - 1933). Sách in nhiều và ở đâu cũng có bán như vậy là vì 95% nhân dân Nga đã biết chữ. Ở đây, học trung học mới gọi là học. Dân Nga ai cũng đi học. Trẻ con học trong các trường phổ thông. Người lớn học tại các lớp học ban đêm, các lớp học ngoài giờ lao động. Sách là người bạn của dân Nga. Sách đã góp phần nâng cao dân trí:

*Sách là bổ ích tinh thần,
Sách mà vào tới tai dân mới là...*

CHƯƠNG X.

Rời chợ hàng sách, ba anh vào thăm một thư viện. Ở Nga, mỗi nhà máy, công trường, nông trường, trường học... đều có một thư viện. Mỗi thư viện có nhiều loại sách báo của các nước. Ngoài Nga văn, còn có Anh văn, Pháp văn, Trung văn, Quốc tế ngữ...

Ba anh giờ một cuốn sách nhỏ có thể bỏ túi được. Đó là cuốn huấn luyện chính trị thường thức. Ba anh lật nhiều cuốn

khác, nào luận cương chính trị, duy vật sử quan, lịch sử nhân loại, vấn đề dân tộc... Đọc qua những cuốn sách ấy, ba anh thấy mình mở mắt được ra nhiều, biết thêm nhiều điều mới lạ mà trước đây còn mờ mịt. Bất giác Râu nhớ câu: “Đọc thư bất vong cứu quốc, cứu quốc bất vong độc thư” (nghĩa là: đọc sách chớ quên cứu nước, cứu nước chớ quên đọc sách) mà trước đây anh đã đọc.

Trong thư viện, ba anh thấy các độc giả, nam có, nữ có, già có, trẻ có, đang chăm chú đọc sách. Có ba anh đến thăm, họ đưa mắt nhìn với vẻ tò mò rồi lại say mê đọc sách:

*Sách là thuốc chữa tội ngu,
Dân Nga ham sách nên mau thịnh cường.*

CHƯƠNG XI.

Rời thư viện, ba anh đi thăm một số đơn vị bộ đội và công binh xưởng. Ba anh thấy rõ một điều là ở Nga, mọi công nhân đều có nhiệm vụ tòng quân. Tạm biệt quê hương để đi nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc, là một vinh dự lớn, ai cũng tự nguyện, phấn khởi. Quan hệ giữa sĩ quan và binh lính cũng khác hẳn: bình đẳng, thương yêu. Các quân nhân luyện tập về chiến thuật tác chiến, về kỹ thuật chiến đấu, và được học nhiều về chính trị văn hóa.

Ở Liên Xô, kỹ nghệ quốc phòng được đặt vào hàng trọng yếu. Mà kỹ nghệ quốc phòng cũng phải độc lập. Mặt khác, vũ khí cũng phải nằm trong tay nhân dân, vũ khí không thể hay thế sức người. Sức mạnh căn bản để bảo vệ nước nhà là công nông. Ba anh tin tưởng rằng nếu mai đây có xảy một cuộc chiến tranh xâm lược đất nước Liên Xô thân yêu, thì Liên Xô có khả năng, có điều kiện để thực hiện “toàn dân vi binh”, và nhất định giành chiến thắng về mình:

*Công nông gìn giữ nước nhà
Dân là dân lính, lính là lính dân.*

CHƯƠNG XII.

Có lính, có vũ khí rồi mà không có lương ăn cũng chẳng làm nên trò chống gì. Pôn, Zô, Râu được nghe giới thiệu về nhân dân Nga đang ra sức thi đua xã hội chủ nghĩa để vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong kế hoạch này, lúa mì sẽ không những đủ ăn mà còn bán ra nước ngoài. Rồi các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm cũng sẽ phát triển. Có như thế thành trì mới giữ vững, quần chúng mới yên vui. Đế quốc chẳng dám ngo ngoe. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mới được thực hiện chưa được hai năm mà công nghiệp Liên Xô đã khá lắm. Thật là “Túc thực, túc binh, dân tin chi hĩ” (nghĩa là: lương đủ, binh đủ, dân tin - chế độ sẽ vững vậy). Ta cũng có câu: “thực túc binh cường, non lương xếu rêu”^{*}.

.....
**
.....

CHƯƠNG XIII.

Nhà nước Xô viết phát triển kinh tế, cố nhiên là sẽ mở thêm nhiều hải cảng, lập thêm nhiều nhà máy, sản xuất thêm nhiều mặt hàng... để làm cho đất nước phồn vinh. Kỹ nghệ nặng được ưu tiên phát triển. Nhiều nước đã đặt mua hàng của Nga.

Trong bước đầu thực hiện nền công nghiệp hóa vĩ đại của nước nhà, nhân dân Liên bang Xô viết đã phải tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, cần cù sáng tạo trong lao động, nêu một tấm gương chói lọi cho vô sản năm châu: Dù rằng “canh điền

^{*} Câu này là thành ngữ của địa phương Nghệ - Tĩnh.

^{**} Những chỗ chấm chấm là những câu lục bát chưa tìm ra.

nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm” (cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống), song Liên Xô vẫn nghĩ nhiều đến việc giúp đỡ vô sản năm châu. Bởi cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ thành công trong một nước mà sẽ thành công trong nhiều nước. Vô sản năm châu đang đói cơm khát nước. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội là thúc đẩy vô sản các nước đấu tranh.

.....

.....

CHƯƠNG XIV.

Ba anh được đến xem một phòng triển lãm. Tại đây, người ta giới thiệu cho ba anh, bằng hiện vật và bằng tranh ảnh, lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản từ khi học thuyết Mác ra đời cho đến ngày Cách mạng tháng Mười thành công. Ba anh cũng chú ý đến một gian phòng thể hiện giai đoạn lịch sử nhục nhã của nước Nga. Cũng bởi vì chế độ Nga hoàng hà khắc, tham lam muốn chiếm Bắc Mãn Châu, bán đảo Liêu Đông, thành Phụng Thiên và nhiều nơi khác... nên đem công nông Nga ra chiến trường đánh nhau với một tên cướp hung hãn khác là Nhật Bản, và cuối cùng bị Nhật Bản đánh thua liểng xiểng. Trong cuộc chiến tranh như bản ấy, bao nhiêu công nông Nga đã bị đâm chém bởi lưỡi lê của đế quốc Nhật Bản. Một trận ở thành Phụng Thiên, quân đội Nga hoàng đã mất mười hai vạn người. Bao gia đình tang tóc.

Hết những khốc liệt ấy đến Đại chiến thế giới thứ nhất. Ngày 1 tháng 8 năm 1914, Đức tuyên chiến với Pháp. Sau đó Nga cũng tham chiến. Chiến tranh xảy ra ác liệt. Chiến tranh đế quốc đã lấy đi hàng triệu mạng người, chết trận, bị thương, chết vì bệnh dịch. Chiến tranh tàn phá nền kinh tế quốc dân Nga. Đảng cộng sản (B^{*}) ra khẩu hiệu:

* Bôn-sê-vích

- Đả đảo đế quốc chiến tranh.
- Đòi đế quốc chiến tranh ra chiến tranh cách mạng.
- Thiết lập chính quyền công nông.

Được nhân dân hưởng ứng, Nga hoàng đánh đổ, Chính phủ cộng hòa Liên bang xã hội Xô viết được thành lập, bao gồm mười sáu dân tộc.

Hết sức phấn khởi trước thành công của Cách mạng tháng Mười và việc chấm dứt cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, nhưng ba anh cũng không khỏi buồn ngủi khi nghe nói đến những đau thương do chiến tranh đế quốc gây ra. Càng căm thù chủ nghĩa đế quốc, ba anh càng thấy phải tiến hành cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và giai cấp.

.....

.....

CHƯƠNG XV.

Đại chiến thế giới lần thứ nhất vừa kết liễu thì sau đó mười bốn nước đế quốc thi nhau phá hoại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Rồi bọn tư sản, địa chủ, bạch vệ... cũng nổi dậy khắp nơi trong nước. Liên Xô đã phải qua một thời gian chống thù trong giặc ngoài vô cùng gian khổ, song cũng vô cùng anh dũng. Mãi năm 1921, nhân dân Liên Xô mới đánh bại bọn phản động, tay chân của đế quốc, và đề bẹp các cuộc tấn công bằng quân sự của tư bản quốc tế, chuyển sang thời kỳ hòa bình khôi phục nền kinh tế quốc dân, thực hiện chính sách kinh tế mới. Đó là “an nhi tư nguy, trị nhi tư loạn” (nghĩa là: trong lúc yên mà nghĩ đến lúc nguy, trong lúc trị mà nghĩ đến lúc loạn). Tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh càng được nâng cao. Thật là “Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tác tinh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế nhi lực, hà hữu ư

ngã tai” (nghĩa là: Mặt trời mọc đi làm, mặt trời lặn về nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, quyền lực hoàng đế, với ta có gì).

CHƯƠNG XVI.

Hiểu rằng nếu quốc phòng không củng cố, không phát triển thì không bảo vệ được đất nước, cho nên trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Liên Xô đã mở rộng việc chế tạo tàu thủy, bắt đầu chế tạo được tàu ngầm và tàu phá băng để chuẩn bị đi qua miền Bắc cực. Như vậy là hải quân của Liên Xô sẽ lớn mạnh.

Còn về không quân thì máy bay của Liên Xô đã đuổi được “con chim đại bàng”, một loại máy bay của Đức. Máy bay của Mỹ lúc đó còn phải lánh “con chim đại bàng”. Nhưng Liên Xô vẫn chưa bằng lòng với mình. Các kỹ sư hàng không Liên Xô đang ra sức nghiên cứu để chế tạo nhiều loại máy bay tinh xảo hơn, tối tân hơn.

.....

.....

CHƯƠNG XVII.

Pôn, Zô, Râu đi thăm một số nơi khác. Các làng mới ở liên Xô không khác gì các thị trấn. Ở đây, nhiều làng đã có máy điện và máy thu thanh. Nông dân người nào cũng có nhà ở. Họ được tự do hội nghị, tự do bầu cử, ứng cử. Họ không phải luôn cúi, phải “tha phương cầu thực” như ngày trước nữa. Cái quý nhất đối với họ là tự do.

Còn ở thành thị thì các nhà máy cũ đang được củng cố, mở rộng, các công trường xây dựng nhà máy mới chỗ nào cũng có. Ngoài ra, là các công sở. Cũng như nông dân, công nhân đều có nhà ở, trái hẳn với nước Mỹ, hàng chục vạn công nhân

không có nhà ở, trong khi bọn tư bản có những tòa nhà cao ngất trời. Công nhân ở nga là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Họ có Đảng tiên phong (B) vô cùng anh hùng và sáng suốt. Chính Đảng này đã đem lại tự do thực sự cho các dân tộc, cho vô sản giai cấp, cho quần chúng trong Liên bang:

*Nước Nga có chuyện lạ đời
Biến người nô lệ thành người tự do.*

CHƯƠNG XVIII.

Ở chương này ba anh trích dịch một đoạn trong một bài học ở nhà trường phổ thông, đại ý như sau:

Do hai nguyên nhân chính về chính trị và kinh tế mà sinh ra bất bình đẳng. Tư bản có chính phủ, chính phủ của giai cấp tư bản. Bọn chúng đưa người ra làm vua, làm tổng thống. Bọn chúng là giai cấp thống trị. Về chính trị, chúng không cho những người bị trị, những người lao động một chút tự do. Về kinh tế, bọn chúng bóc lột sức lao động của người bị trị bằng thặng dư giá trị. Tiền lương chúng trả quá bất công. Ví dụ, trong khi chúng trả cho những kỹ sư tay chân của chúng 1.200 đồng một tháng thì lương công nhân chỉ 6 đồng. Đó là chưa nói bọn tư bản ngồi mát ăn bát vàng. Người công nhân đói khổ không biết kêu ai. Chỉ có tự cứu lấy mình bằng cách liên hiệp lại làm cách mạng. Chỉ bằng con đường ấy mới thoát khỏi cái cảnh:

*Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.**

CHƯƠNG XIX.

Dưới chế độ phong kiến, Nga hoàng rất dâm bạo, tàn ác, bao nhiêu cô gái đẹp phải làm “đồ tiến” - món hàng chơi - cho

* Có người nhớ chữ quét là cướp.

vua. Nếu không cũng bị vua hay bọn quan lại hãm hiếp. Mang uất hận này, Narêđin đã làm náo động hoàng cung để cứu Miara, người yêu của mình, ra khỏi hang hùm nọc rắn.

Đâu phải chỉ Nga hoàng nhiều vợ mà bọn tư bản, bọn culắc đưa nào cũng lắm vợ không chính thức.

Còn công nhân và nông dân, những người khổ rách áo ôm, rất khó khăn trong việc lấy vợ, lấy chồng.

Chế độ Nga hoàng bị đánh đổ, Nhà nước Xô viết đã thi hành luật “nhất phu nhất phụ”, nam nữ bình đẳng bình quyền. Trong xã hội không còn cái cảnh:

*Trai làm nên năm thê bảy thiếp
Kẻ nghèo hèn suốt kiếp không chồng.**

Đàn bà ở Nga được hưởng mọi quyền tự do, hạnh phúc như nam giới, có nhiều người làm chủ tịch các nông trường, làm thủ trưởng các cơ quan của Nhà nước:

*Khắp năm châu phận đàn bà,
Có đâu mà được như Nga bây giờ.*

CHƯƠNG XX.

Ba anh được đến thăm một trại nhi đồng (ấu trĩ viên). Nhà nuôi dạy trẻ này sắp xếp các cháu nhi đồng theo lứa tuổi lớn bé khác nhau. Những người cử ra chăm sóc thường là phụ nữ. Họ có nhiệm vụ nuôi các cháu: chóng lớn, chóng khôn, không chết. Ở đây các cháu được tập chơi, tập hát, tập giữ vệ sinh, tập ăn nói... tập làm một công dân tí hon của Nhà nước Xô viết. Nhiều cháu khôi ngô, ngoan ngoãn và hết sức bụ bẫm. Các cháu hiểu biết rất nhanh. Có cháu mới lên năm tuổi đã biết nặn tượng theo hình vẽ truyền thần và nhiều hình khác. Những người phụ trách trại nhi đồng nói cho anh Pôn, Zô và Râu biết rằng: đó là

* Không: tiếng Nghệ nghĩa là chồng.

mầm non, là tương lai của Tổ quốc, của chế độ xã hội chủ nghĩa, nên phải hết sức nâng niu, nuôi dạy:

*Từ khi mới lọt lòng ra,
Trẻ con đã được dân Nga phù trì.*

CHƯƠNG XXI.

Các em thiếu nhi từ những trẻ chăn dê, cừu, trâu bò... ngoài đồng cũng được tổ chức thành đội ngũ cách mạng gọi là đồng tử quân (pionnier). Các em được các bậc huynh trưởng bày dạy cho hiểu cách mạng từ khi lên bảy, tám tuổi, ngoài việc học văn hóa trong các trường phổ thông. Nhà trường và đoàn thể phối hợp với nhau để giáo dục cho các em: lòng yêu Tổ quốc, tính thật thà, dũng cảm, tính ham học, biết trọng người lớn...

Râu liên tưởng đến những người anh hùng dân tộc từ lứa tuổi trẻ măng, như Thánh Gióng phá tan giặc Ân; Đinh Bộ Lĩnh thừa bé chăn trâu cùng với các bạn mục đồng, lấy bông lau làm cờ tập trận, thao luyện quân sự; Trần Quốc Toản mới tuổi thiếu niên đã tham gia cùng cha anh cầm quân đánh thắng giặc Nguyên; Hoàng Hoa Thám lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, đã từng đi hầu hạ người ta, chăn trâu vất vả...

Ba anh được nghe những mẩu chuyện về thiếu nhi Liên Xô đã anh dũng thông minh trong cuộc kháng chiến vệ quốc:

*Trẻ sao khôn lớn lạ đời
Cũng bởi cách mạng dạy cách nuôi phải đường.*

CHƯƠNG XXII.

Ngoài các trường học khác, ở Liên Xô còn có trường học làm cách mạng. Đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tại Mạc Tư Khoa, đã có trường dành riêng cho các nước, thuộc đủ các lục địa, các màu da. Liên Xô không xuất cảng cách mạng, nhưng

đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước. Liên Xô đặc biệt chú ý đến châu Á, nên đã xây dựng riêng cho các dân tộc phương Đông một ngôi trường lớn. Người các nước sang học không những học chủ nghĩa Mác - Lênin, học phương pháp làm cách mạng, học Liên Xô, mà còn học lẫn nhau để cùng tiến bộ. Học sinh học tại các trường ấy đối xử với nhau rất thân ái, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt màu da, không phân biệt trình độ văn minh. Họ coi nhau như ruột thịt. Bởi họ cùng mang một lý tưởng cao đẹp là giải phóng nhân loại ra khỏi ách áp bức, đưa loài người đến chỗ no ấm, tự do. Cho nên:

*Rằng đây bốn bể một nhà,
Vàng đen trắng đỏ đều là anh em.*

CHƯƠNG XXIII.

Ba anh Pôn, Zô, Râu, được các đồng chí Nga đưa vào học tại một trường huấn luyện cán bộ. Càng học ba anh càng thấy học thuyết Mác - Lênin vô cùng quý giá. Lần đầu tiên đọc bản luận cương tóm tắt của Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng thuộc địa, Râu nhận thấy sức thuyết phục và sức hấp dẫn vô cùng mãnh liệt của học thuyết Lênin đối với những người dân mất nước khát khao độc lập tự do. Anh nghĩ rằng: cách mạng thuộc địa là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới; cách mạng thế giới chẳng khác gì con chim có hai cánh mà khối liên hiệp các dân tộc thuộc địa là một trong hai cánh đó. Rằng: chủ nghĩa tư bản chẳng khác gì một con đĩa đói có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản trong nước và một cái vôi bám vào giai cấp vô sản các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nếu người ta muốn giết con vật đó thì phải đồng thời cắt cả hai vôi; nếu chỉ cắt một cái vôi thôi thì cái vôi kia vẫn tiếp tục sống và cái vôi đã bị cắt sẽ lại mọc ra...

Râu đọc xong, đặt tài liệu lên án sách, tiếp tục nghiên ngẫm, phẩn khởi, hồ hởi, nhưng vẫn không nén được nỗi niềm

cầm hờn uất ức chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc thực dân Pháp nói riêng. Anh có mấy dòng thơ:

*Đế quốc Pháp!
Mày ơi mày,
Nạn đào thoát
Về phương Tây...
Sắp đến ngày
Mày tan xương*

Học thuyết Mác - Lênin, đó là cái chìa khóa để mở ra con đường độc lập, tự do, hạnh phúc, con đường cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, giải phóng loài người. Ba anh muốn Việt Nam và các nước khác cũng đi theo con đường mà Liên Xô đã dẫn đầu.

Tiếp đó, ba anh gặp một cuộc họp của Quốc tế cộng sản tại Mạc Tư Khoa. Ba anh mừng rỡ thấy trong số đại biểu đi họp và trúng cử vào Ban chấp hành có một người Việt Nam. Như vậy là người Á Đông biết làm cách mạng:

*Dân Nga cách mạng thành công,
Dạy cho dân tộc Á Đông cách làm.*

CHƯƠNG XXIV.

Trong thời gian ở Nga, ba anh đã được nghe kể nhiều chuyện, đi thăm nhiều nơi, đã được học ở trường Đảng. Ba anh nghĩ đến xứ sở quê hương, muốn đem những điều mình học được, hiểu được về nói cho bà con nghe để bà con nghĩ đến thân phận nước mình, người mình. Song người nào cũng có tâm trạng: ở cũng tiếc mà ra về cũng tiếc. Cuối cùng ba anh quyết tâm ra về. Anh người Âu và anh người Phi dùng dằng mãi vì thấy nước Nga đẹp quá, tốt quá, cái gì cũng lạ, cũng tài. Song một người Nga nói: “muốn thế cũng khó mà cũng không khó. Nước Nga đã làm được chắc các nước khác cũng làm được”. Anh Râu thì nghĩ rằng Việt Nam nhất định làm được. Nhiệt liệt

cám ơn nhân dân Liên Xô đã làm cho họ giấc ngộ, một buổi sáng, cũng tại cửa biển Ôđétxa, ba anh xuống tàu về nước:

*Bâng khuâng muốn ở muốn về,
Đem lời vàng đá đền nghì công nông.*

*

Phần kết luận nhìn lại bao quát quá trình chiến thắng của cách mạng Nga, sự lãnh đạo sáng suốt, dũng cảm, tài tình, nhân đạo cao cả của Lênin và Đảng Cộng sản bôn-sê-vích vĩ đại:

*Không bột sao gột nên hồ
Tay không xốc nổi cơ đồ, cừ không!*

CHÚ ÉCH VÀ CON BÒ

Một chú ếch nhìn thấy một con bò, trong bụng rất thèm được to như bò, bèn cố hết sức bình sinh ra phình người rõ to để mong được như bò. Vì cố sức quá, cái thân bé tí của ếch ta đã bị nổ tung và chàng ếch không biết lượng sức mình cũng ô hô toi mạng. Đó là câu chuyện ngụ ngôn của Pháp.

Những người như kiểu chú ếch kia trên thế giới này quả không ít. Mút-xô-lini đánh Hy Lạp, dẫm phải đinh, là một ví dụ. Thấy quân Nadi* một ngày nuốt trôi được cả Đan Mạch và Lục Xâm Bảo**, hai tuần lấy được Hà Lan và Bỉ, 18 ngày chiếm được Ba Lan, một tháng chinh phục được nước Pháp, "Hắc y" tể tướng không cảm nổi sự thèm thuồng những "cao công vĩ tích" của Hít-le. Thế là y cũng đem hết sức bình sinh ra làm "chiến tranh chớp nhoáng, hồng nuốt chửng nước Hy Lạp, đặng ra oai với họ Hít. Không ngờ quân Ý xúi quẩy to, kể từ khi khai chiến, nhiều phen bị thất bại, thậm chí có nơi thua "mảnh giáp không còn". Áo tưởng thắng lợi của họ Mút cũng vỡ toang như chú ếch kia. Ông anh Hít-le của y chắc hẳn cũng chửi thề: "Cái thằng vô tích sự. Mày chỉ làm tăng nhuệ khí của kẻ thù, mất cả oai phong phe trọc! Poucos Madona!"***.

BÌNH SON

Cứu vong nhật báo (Trung Quốc),
ngày 24-11-1940, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

* Chỉ quân phát xít Đức.

** Luxembua.

*** "Lạy Đức Thánh Mẫu".

ĐÁNH DU KÍCH NHƯ ĐÁNH CỜ *

(Trích)

I

*Một ông già, một sợi dây,
Làm cho điều đứng một bầy địch nhân.*

Một người nông dân ở tỉnh H.B., tên là Trần Trí, vì già yếu mà không được vào đội du kích. Ông Trí nghĩ rằng già yếu cũng là quốc dân. Quốc dân thì phải giúp nước kháng chiến, không được vào bộ đội, một mình ta cũng đánh du kích được.

Một đêm, trời tối như mực, lại thêm mưa phùn, ông Trí ăn cơm xong rồi liền từ nhà ra đi. Vợ con hỏi ông đi đâu, ông nói qua chơi làng bên cạnh. Vì muốn giữ bí mật, nên ông phải nói dối. Kỳ thực ông đi đánh du kích.

Hôm trước, ông Trí đã dò biết rõ ràng ở làng Kim có 100 lính địch đóng. Xung quanh đồn, chúng cắm cọc chằng dây thép và treo nhiều đục đặc, phòng đêm bị du kích đánh úp, đục đặc kêu âm ỉ, chúng sẽ biết mà chống giữ. Gần đồn thì có một đám nghĩa địa...

* Để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, từ năm 1941, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị tổ chức Đội tự vệ vũ trang ở Cao Bằng. Từ những năm đó cho đến khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi trong toàn quốc, Người đã tự tay biên soạn một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích, Người còn sáng tác một tập truyện ký, gồm mười hai chương và một phần kết luận.

Mở đầu tác phẩm đó là lời đề từ: “Đánh du kích không cần phải có sức mạnh... Hề là người có lòng yêu nước, không chịu làm nô lệ, lại có một chút gan dạ và mưu trí, thì bất kỳ trai gái, già trẻ, bất kỳ có súng hay không đều có thể đánh du kích”.

Chúng tôi trích in tác phẩm này, dựa theo văn bản in lần thứ hai, năm 1948, của Nhà xuất bản Sự thật. Đầu đề chung cho các đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, dựa theo ý một câu thơ của tác giả trong chương XII tác phẩm này.

Tối hôm đó, ông Trí khe khẽ bò đến gần đèn, cột dây thừng vào một sợi dây thép, rồi lại khe khẽ bò ra núp vào nơi nghỉ địa.

Chừng 9, 10 giờ tối, ông Trí cầm dây thừng giật mấy cái. Đục đục kêu om sòm, quả nhiên lính địch nghe tiếng động tưởng du kích đánh vào. Trời lại tối đen không trông thấy gì hết. Lính địch ra sức bắn một hồi lâu, không thấy du kích xung phong, mới dám thôi bắn.

Cách vài tiếng đồng hồ, ông Trí lại giật. Lính địch lại bắn. Mỗi lần ông Trí giật là mỗi lần giặc tứ tung.

Bốn, năm lần như thế, thì trời gần sáng. Ông Trí bò vào mở dây thừng ra, cuộn lại tử tế rồi đi đường tắt về nhà, bình yên vô sự. Chỉ mất ngủ một đêm mà ông Trí đã làm cho địch hao tổn bao nhiêu tinh thần, và mất hàng vạn viên đạn chỉ nhờ một sợi dây!

II

Tuổi nhỏ mà gan thì to

Đem hai trứng bán cho quân thù

Em Nam 11 tuổi là nhi đồng làng Thượng Xá. Em giúp việc giao thông cho đội du kích. Nhưng mỗi khi đi đánh úp, đội trưởng không dám cho em đi theo, vì em còn ít tuổi.

Ngày gần hết, địch kéo đến gần làng Hạ Xá. Dân làng đã làm “vườn không nhà trống”, của cải, trâu bò, lương thực đã sơ tán sạch. Địch không tìm được một hạt gạo, một con gà nào, đói lắm. Muốn đi nữa thì mệt quá rồi, và trời gần tối, không dám đi xa nữa.

Em Nam biết vậy, về nhà lấy ba quả trứng gà, đi xuống làng Hạ Xá. Gần đến cổng làng thì thấy 6, 7 lính địch đang thơ thẩn ở đó. Em Nam cố ý làm cho chúng nhìn thấy mấy quả trứng gà đang cầm ở tay.

Quả nhiên, bọn lính địch thấy trứng thì ùa nhau lại. Khi chúng đến gần em Nam chừng mười thước, thì thành lĩnh có một tiếng nổ long tai điếc óc, và cả 6 tên địch đã ngã lăn xuống trong vũng máu. Còn Nam cũng biến đi đâu mất.

Sự thật là thế này: Khi em Nam đi xuống làng Hạ Xá, trong tay thì cầm ba quả trứng mà sau lưng thì giắt một quả lựu đạn. Khi bọn lính địch đến gần thì Nam tung quả lựu đạn vào giữa đám chúng rồi vút luôn cả trứng, chui nhanh vào bụi lèn về nhà.

Quân địch nghe tiếng nổ, tưởng là du kích đã xông đến, vội vàng kéo nhau ra bắn lung tung. Thế là một em bé 11 tuổi chỉ mất có ba quả trứng mà giết được 6 lính địch, lại làm cho lính địch hoảng sợ và hao tổn rất nhiều đạn.

Thường thường, các em nhi đồng thấy địch đến đóng chỗ nào, thì chẳng những đi do thám rồi báo tin cho du kích, các em đó lại phao tin cho đến tai địch rằng mấy trăm nghìn du kích sắp từ đâu kéo đến, làm cho địch hoảng sợ không dám đóng lại trong làng.

III

*Tuổi già, gan lại càng già,
Làm cho địch biết tay bà cao mưu.*

Quân địch kéo gần đến làng Phú Mã. Dân làng làm xong “vườn không nhà trống” tản cư hết, trừ những thanh niên thì nấp kín ở các bụi bờ, chờ dịp đánh úp quân địch.

Bà cụ Trương, 70 tuổi, nhất định không tản cư, dù con cháu, bà con khuyên dỗ mấy, bà cụ cũng không nghe. Bà cụ lại bảo con cháu để lại một ít lương thực và chăn chiếu. Thấy vậy, ai cũng tưởng bà cụ muốn ở lại lâu trong làng.

Quân địch đến, lùng khắp làng, chẳng thấy vật gì ăn được. Khi đi đến nhà bà cụ Trương, thấy giường chiếu sạch sẽ, lại có gạo, có thức ăn. Hơn nữa còn mấy chai rượu! Cố nhiên, chỗ tốt như thế, phải để cho quan địch đóng.

Nào... tham mưu trưởng, gì gì trưởng, tất cả 9 người quân địch đến đóng tại nhà bà cụ Trương. Trời tối, bụng đói, chúng lập tức bắt cụ Trương làm cơm cho chúng ăn.

Chà! Thức ăn bà cụ làm khéo quá! Rượu của bà cụ ngon quá! Không ngon sao 9 người chưa uống hết hai chai mà đã

gục lên gục xuống. Sau nửa tiếng đồng hồ, chúng đều nằm ngáy khò khò.

Bà cụ thông thả cời lấy 9 khẩu súng lục và mấy cái cặp da đựng giấy. Ôi! Nặng quá, mang sao hết. Bà cụ chỉ mang được vài khẩu, còn bao nhiêu thì giấu vào bụi kín. Xong đâu đấy, bà cụ khóa trái cửa lại, nhen bốn góc nhà bốn đám lửa, rồi lên ra khỏi làng.

Bọn thanh niên thấy lửa cháy đánh úp vào. Trong thì cháy, ngoài thì du kích ủa vào, mấy quan chỉ huy chết cháy hết, quân địch như rắn không đầu, người bị du kích giết, người chạy trốn.

Thế là do mưu trí và lòng hy sinh mà bà cụ đã 70 tuổi cũng đánh du kích thắng lợi. Đội du kích nam nữ trong làng lại nhờ được bà cụ Trương mà lấy được nhiều súng ống của địch.

*

* *

Một bà cụ nữa thì giúp đội du kích một cách khác.

Lều bà cụ ở một bên đường. Trên đường đó, xe địch thường đi qua. Đội du kích muốn đánh úp các toán xe của địch, nhờ bà cụ do thám. Địch có nhiều thứ xe, nào xe tăng, nào thiết giáp, xe cam nhông, v.v... Bà cụ không biết chữ để chép, nhớ thì nhớ sao cho hết, mà tin tức không chính xác thì du kích không đánh được.

Bà cụ nghĩ ra một cách rất khéo. Cụ lấy mấy thứ đậu, đậu xanh, đậu đỏ, đậu trắng, v.v... Thấy một xe ô tô đi qua, cụ bỏ một hạt đậu xanh vào một cái bát; một xe tăng đi qua thì bỏ một hạt đậu đỏ. Mỗi thứ đậu đại biểu cho một thứ xe.

Mỗi ngày một lần, bà cụ bí mật gửi cho đội du kích một nắm đậu, không cần nói gì hết. Đội du kích cứ xem nắm đậu mà đặt kế hoạch. Trận nào địch cũng bị thua.

Thế là: có lòng sốt sắng yêu nước, thì không mưu cũng nghĩ ra mưu, không gan rồi cũng có gan, mà ai cũng có thể đánh du kích, giúp du kích.

IV

*Không súng thì đánh bằng dao,
Có mưu, có kế, súng nào thiếu chi.*

Anh Nhân là một học sinh, 23 tuổi, ở tỉnh S. Anh cùng 12 người công nhân, nông dân và bạn học, tổ chức một tiểu đội du kích, chỉ có giáo mác, chuyên môn đi phá hoại. Tuy phá hoại có thành công, nhưng ai cũng băn khoăn vì không có súng.

Một hôm, quân địch kéo qua làng. Dân làng biết trước đã làm “vườn không nhà trống”, kéo lên núi hết. Đội du kích của anh Nhân ở lại trong làng, bị quân địch bắt làm phu chở khí giới cho chúng.

Mấy người đẩy xe nhỏ, chở lương thực và súng đạn đi trước, bốn người đẩy một khẩu đại bác đi sau. Quân địch kéo đi sau hết. Trời nắng to, đường thì đường núi. Quân địch mệt mỏi, chậm rãi đi theo. Máy người phu rần sức đẩy xe lên núi.

Khi lên đến một chỗ dốc rất cao, lại có đường rẽ, thành thành cả xe, cả đại bác từ trên lăn xuống như mưa sa, sầm dậy. Bọn lính đi trước tránh không kịp bị xe dằn chết hết. Bọn đi sau tưởng bị du kích đánh úp, đâm đầu chạy hết.

Khẩu đại bác lăn xuống dốc rồi rơi xuống hố. Máy xe lương thực, súng đạn thì chuồn vào rừng. Còn mấy người công nhân lên theo đường tắt mò xuống hố, tháo khẩu đại bác ra từng đoạn rồi mang về rừng.

Thế là đội du kích anh Nhân, chỉ có hai bàn tay trắng, nhưng nhờ có gan, có mưu, mà giết được 20 lính, lấy được rất nhiều khí giới.

Từ hôm đó, đội anh Nhân chẳng những có súng mà lại có cả đại bác. Chẳng những đủ súng cho các đội viên mà lại còn thừa súng và giáo mác để mộ thêm đội viên mới.

Hơn nữa, nhờ trận thắng lợi đó mà danh tiếng của đội lừng lẫy, càng được dân chúng ủng hộ và phát triển rất mau.

V

*Du kích mà có mưu cao,
Ít người có thể tiêu hao quân thù.*

Bốn chàng thanh niên làng Ngũ Phúc do anh Kha cầm đầu, hăng hái, muốn tổ chức đội du kích. Nhưng khôn nổi không có súng ống, chỉ có mấy con dao. Vả lại ít tuổi, kêu gọi ít người nghe. Song anh Kha là người bền gan, thường bảo ba người kia rằng: một là phải luyện tập, hai là do thám quân địch, ba là phải chờ dịp tốt.

Dịp tốt quả nhiên đến, không phải chờ lâu.

Tại làng Đa Thọ, cách Đa Phúc 14 cây số, có 50 lính địch đóng. Bốn thanh niên ta dò biết từng ly từng tý chúng nó canh gác thế nào, ăn ngủ thế nào, v.v...

Một đêm mưa to sấm sét như trời sa đất lở, bốn chàng thanh niên lặng lẽ vác dao đi. Mò gần đến cửa đồn, hai người bò đến sau lưng hai tên lính gác. Chưa đầy nháy mắt, hai tên lính địch đã rơi đầu. Rồi thì bốn người, hai dao, hai súng, xông vào đồn. Lúc họ vào đồn thì như cọp vào bầy dê, vì quân địch đang còn ngủ kỹ, tha hồ họ chặt.

Sau khi đã giết được hơn mười tên địch, bọn kia tỉnh dậy mắt nhắm mắt mở, hoảng hốt không biết là du kích đông hay là ít, đưa thì vợ được cái áo, đưa thì vợ được đôi giày, rồi đâm đầu chạy.

Trận đó chỉ có 4 thanh niên, mà đốt được một cái đồn, giết được 25 tên địch và lấy được hơn 40 khẩu súng.

Cách vài hôm sau, đội du kích anh Kha từ 4 người đã phát triển thành 100 người, vừa dao vừa súng.

VI

*Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan.*

Bà cụ Triệu là người buôn bán nhỏ, đã 60 tuổi (...) Khi bà đi khuyên dân tổ chức du kích, thì ai cũng cười... là dân không có súng đánh thế nào... một cụ già, cầm quân khiến tướng sao được?

Ai cười mặc họ, lòng bà đã quyết, bà nhất định làm được. Cách ít lâu, bà tổ chức được một đội gần 100 người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa trẻ con.

Tại vùng Tân Dân, có một đại đội địch đóng, hơn 300 người. Một đêm, trời tối, trong một lùm cây rậm, cách địch chừng vài cây số, thoạt có hai tiếng chim kêu. Một chốc, có một tiếng đàn bà khe khẽ hỏi: Xong chưa? Một tiếng khác khe khẽ trả lời: Thưa cụ, xong rồi.

Đến chừng canh một, về phía đông của quân địch, bỗng có tiếng ồn ào, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng, tiếng hàng nghìn người la hét. Chắc là đại đội du kích kéo đến. Tiếp đến tiếng súng đùng đùng của địch trong đồn bắn ra, sau vài mươi phút mới im lặng.

Qua canh hai, canh ba, canh tư, thì phía tây, phía nam, phía bắc lại có du kích ồn ào đến như trước. Địch trong đồn cũng bắn ra dữ tợn như trước.

Gần sáng, bà cụ Triệu và gần 90 nam nữ đội viên lặng lẽ mò vào đồn địch. Lúc bấy giờ, một mặt quân địch nghĩ rằng: trời gần sáng rồi, du kích không dám quấy rối nữa, một mặt cả đêm chúng không được ngủ, tên nào tên ấy đều mỏi mệt gần chết. Đội của bà cụ Triệu nhân dịp đó kéo vào, tha hồ tung hoành.

Vì khéo dùng nghi binh (bốn đám du kích ồ ạt cả đêm, đều là dân làng đánh trống đánh mõ, đốt pháo reo hò, chứ có phải du kích thật đâu) mà bà cụ Triệu đem một sức rất nhỏ, đánh được một toán địch rất to.

Từ đó, nhân dân và các đội du kích đều gọi bà cụ Triệu là "Mẹ du kích". Mà địch nghe nói đến tên bà cụ Triệu là sợ.

VII

*Chớ rằng son phấn là hèn
Cô Lan đã tỏ mấy phen anh hùng*

Cô Lan là nữ học sinh, 20 tuổi.

... Ngày địch chiếm H.N. và các tỉnh xung quanh, cô Lan giả làm một người nông dân chạy đến phủ Đ. Cô xin làm con nuôi một bà cụ già mà con cháu đã bị địch giết chết. Giúp việc nhà bà cụ rồi, cô đi giúp việc hàng xóm. Tắm rửa cho trẻ con, xay lúa giã gạo, gặp việc gì cô cũng làm. Thành thử ai cũng yêu. Đầu thì cô kết nghĩa làm chị em với đàn bà trong làng, sau thành chị em của cả đàn ông. Cả làng đều hóa ra bà con của cô, vì cô khéo ở khéo nói, cho nên ai cũng nghe lời. Lúc đó cô bắt đầu tổ chức đội du kích.

Bất kỳ ở đâu, nói đến tổ chức du kích, thì người ta hỏi: súng đâu? Bất kỳ bao giờ, những người đứng ra tổ chức đều trả lời: phải cướp súng của địch. Cô Lan cũng thế.

Trước hết, cô Lan cho mấy người vào phủ do thám kỹ càng, địch đóng những nhà nào, đường nào, súng đạn, lương thực chúng cất ở đâu, v.v...

Biết rõ tình hình của địch rồi, cô Lan phái một số nông dân vào ở lẫn với dân trong phủ. Hôm sau phụ nữ trong phủ đi hái củi, khi đi thì ít, khi về thì đông. Trong mỗi bó củi đều có lựu đạn hoặc gươm dao.

Khuya hôm đó, thành linh lửa cháy tứ bề. Địch lo cứu kho lương thực. Còn du kích thì trong đánh ra, ngoài đánh vào. Địch chạy phía nào cũng bị đánh chặn. Một trung đội của địch bị tiêu diệt hết.

Trận này thắng lợi to, một là vì cô Lan mưu cao, gan cả. Hai là nhờ chị em phụ nữ gan góc, kiên quyết. Ba là nhờ dân trong phủ sẵn sàng hy sinh, mình tự đốt nhà mình mà không tiếc. Tiêu diệt xong quân địch, mọi người ra sức chữa lửa.

Bao nhiêu lương thực, tiền bạc lấy được của địch đem phát cho dân. Còn khí giới thì đem về để phát triển đội du kích.

VIII

*Du kích phải cho khôn ngoan,
Tuy người ít cũng đánh tan quân thù.*

Ông Lê Ba là một vị giáo sư gần 30 tuổi... Ban đầu, ông Lê cùng mười cậu học sinh tổ chức một đội du kích, mỗi người chỉ có một con dao để hộ thân, ngoài ra chẳng có khí giới gì khác.

Mỗi đêm trời tối, thầy trò dắt nhau đi, mò đến xung quanh nơi địch đóng, đốt mấy cái pháo. Thế là địch bắn tứ tung. Thầy trò lại kéo nhau đến nơi khác. Mục đích ông Lê là cốt làm cho địch tổn đạn dược và tinh thần.

Dần dần có nông dân vào đội, được vài khẩu súng kíp, ông Lê chỉ đánh úp bọn địch lẻ tẻ như đội vận tải nhỏ và những lính địch đi tìm thức ăn. Đánh trận nào cũng được. Địch giận quá, treo giải thưởng 10 vạn đồng để bắt ông Lê. Từ đó, tiếng ông Lê lại càng to.

Chiều ngày 1 tháng 2 năm 1943, một bọn lính địch súng ống hẵn hoi, giải một người đeo gông đến phủ T.Đ. để giao cho quân địch đóng ở đó. Địch giở giấy xem thì thấy trong giấy viết rằng: người đeo gông tức là Lê Ba.

Địch mừng rỡ, xúm nhau lại xem Lê Ba.

Bất thành lình Lê Ba quát một tiếng, gông liền rơi xuống, dao rút ra ngay. Trong nháy mắt bọn địch xung quanh đều hồn về chín suối. Mấy người giả làm quân địch ào ạt xung phong, người thì dùng dao, người thì ném lựu đạn.

Vì xuất kỳ bất ý, địch ngơ ngác trở tay không kịp, hơn 60 tên bị tiêu diệt hết, không còn mống nào.

Ông Lê ba lấy một số súng ống, còn bao nhiêu phát cho dân ở phủ, tổ chức ngay một đội du kích mới, rồi để lại một người có kinh nghiệm giúp họ.

IX

*Tiếng đồn du kích công nhân,
Đánh đâu được đó xa gần ngợi khen.*

Hai mươi anh em công nhân xe lửa N. tự tổ chức một đội du kích do anh Phi Hồ chỉ huy. Cũng như các đội du kích khác, đội Phi Hồ lúc đầu cũng chẳng có khẩu súng nào. Về sau cướp được của địch mới có súng mà dùng.

Đội Phi Hồ mỗi đội viên chỉ có một cái búa, một cái kim và một vài thứ đồ sắt lặt vặt. Họ chuyên môn tháo đường xe lửa, làm cho địch đã bị đổ xe nhiều lần, chết người, hại của vô số.

Sau mấy lần, địch đổ xe, đội Phi Hồ hồi được súng, thì chuyên môn hai việc, một mặt phá xe lửa, một mặt đánh úp đội vận tải của địch.

Cách đội Phi Hồ làm rất giản đơn. Trước hết phải do thám rõ ràng xe địch đi đường nào. Hai là chiều tối chúng đến nơi nào. Biết rõ ràng rồi, đội Phi Hồ tìm chỗ có địa thế tốt, có cây cối, căng một sợi dây thép bên này qua bên kia đường, cao bằng nửa đầu xe. Rồi im lặng mai phục hai bên đường.

Trời chiều, bóng cây tối. Lính lái xe vội chạy cho mau. Xe trước húc vào dây thép, hoặc đổ lăn ra, hoặc lao xuống vệ đường. Thế nào xe sau cũng húc vào xe trước. Thế nào lính địch cũng nhảy xuống xe. Lúc đó, đội du kích nấp sẵn trong bụi cây, cứ mỗi viên đạn là một tên địch.

X

*Nói ra chắc ít người tin
Hai mươi du kích phá nghìn địch quân.*

Nếu ai nói rằng hai mươi đội viên du kích giết hơn một trăm địch và cản hơn một nghìn địch không tiến lên được, thì chắc ít người tin. Sự thật lại có như vậy.

Huyện T.Đ. trước bị địch chiếm. Sau một đội du kích đánh bật địch ra khỏi huyện, lấy làm căn cứ địa tạm thời.

Cách T.Đ. chừng 30 cây số, làng Phú An, có địch đóng. Từ Phú An đến T.Đ. hai bên đều núi, giữa chỉ có một con đường.

Đội du kích dò biết rằng: bọn địch ở Phú An quyết đến đánh trả thù. Nhưng vô luận thế nào cũng phải ngăn địch lại một ngày mới đủ thì giờ bố trí.

Tiểu đội trưởng Lai xin đem 20 người cảm tử đi cản địch.

Trời lờ mờ sáng, địch vừa kéo đến một đoạn đường thì thành linh nghe một loạt súng hai bên núi bắn xuống. Địch không kịp phòng bị, đã thiệt hơn 10 tên. Mấy người du kích nấp chỗ này bắn một phát, rồi lại chạy nấp chỗ kia bắn một phát. Thành thử địch không biết du kích đông hay ít. Địch phái lính lên núi dò. Tên nào trèo lên nửa chừng cũng bị đá trên núi lăn xuống chết hết. Kết quả là suốt ngày đó, địch chết hơn 100 tên, mà không qua lọt, đành phải kéo lui.

Thế là 20 người có gan, có mưu, biết lợi dụng địa thế, đã đại thắng địch quân.

XI

*Tiếng đồn du kích Văn Tân,
Dùng địch quân đánh địch quân mới cừ.*

Văn Tân cũng là một đội du kích có tiếng. Nhiều khi đội đó kéo đến một làng gần nơi địch đóng, rồi bảo dân làng đi báo. Dân làng không biết mưu của họ, không nỡ đi báo, sợ địch làm hại đến anh em du kích. Phải khuyên mãi dân làng mới chịu đi.

Địch nghe tin, hăm hở kéo đến vây đánh. Nhưng chưa đến nơi, đã bị đội Văn Tân mai phục đánh cho tan hoang.

Một hôm trời tối, đội Văn Tân chia ra, kéo đến hai làng gần nhau, rồi bảo cả hai làng đi báo cho hai nơi có địch đóng biết. Đồng thời phái đội viên nấp sẵn các nẻo đường địch phải đi qua. Địch đến đâu thì chạy về báo cáo ngay.

Khi biết tin hai toán địch đã gần nhau, đội Văn Tân mò vào quăng giữa bắn lung tung. Hai toán địch bắt đầu bắn lại, thì đội du kích chuồn đi im phăng phắc.

Toán địch này tương toán địch kia là du kích. Toán địch kia tương toán địch này là du kích. Hai toán đều ra sức bắn nhau. Khi biết là lâm thì đã thiệt hại nhiều rồi.

Lúc hai toán địch còn đang “anh xin lỗi tôi, tôi xin lỗi anh” thì lại bị đội Văn Tân lên đánh úp sau lưng cả hai toán. Địch lại chết một mẻ nữa.

Thế là, nếu du kích không khéo, thì có thể lấy súng địch bắn địch, dùng lính địch đánh lại địch.

XII

*Du kích cũng như đánh cờ,
Mưu cao, kế khéo bao giờ cũng ăn.*

Ai đánh du kích thì phải nhớ kỹ bốn điều này: một là phải dò rất rõ ràng, kỹ lưỡng quân địch; hai là tin tức phải hết sức nhanh chóng; ba là việc của mình phải hết sức bí mật; bốn là kế hoạch rất đầy đủ và khôn khéo.

Đội L.H. luôn luôn thắng lợi, là vì dùng đúng bốn điều đó.

Một đội 25 chiếc xe địch sắp từ N.L. kéo đi, Đội L.H. dò biết rõ ràng, tính đúng giờ nào nó sẽ đi đến đâu, mai phục sẵn sàng. Khi đoàn xe địch đi qua, bị du kích đánh tan hết.

Người tướng địch cũng giỏi. Nó đoán rằng theo phép dùng binh, du kích không bao giờ liên tiếp mai phục hai lần ở một chỗ. Vậy nên nó lại phái 25 chiếc xe cứ đi qua đường đó.

Nhưng đội L.H. lại giỏi hơn tướng địch. Đội L.H. nghĩ rằng địch chắc ta không dám mai phục lần nữa, vì vậy nó không đề phòng. Lần này chắc lại thắng lợi. Quả nhiên lần thứ hai địch cũng thua tan tành.

Tướng địch tức giận. Nó cho phao tiếng đồn rằng sẽ có một toán xe nữa đi đường đó. Trước khi xe đi, nó đã phái quân đến mai phục sẵn.

Nhưng khi quân địch đến chỗ chúng muốn mai phục, thì đã bị bộ đội L.H. mai phục trước, đánh cho chúng hoảng một lần thứ ba.

Thế là đội L.H. thắng luôn ba trận tại một chỗ, trước hết là vì suy đoán giỏi.

KẾT LUẬN

... Hễ có lòng yêu nước, ghét địch, hễ có một chút mưu trí, thì bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già trẻ con, ai cũng có thể đánh du kích. Thiếu súng thì cướp của địch mà dùng... Không trực tiếp đánh du kích được, thì cũng có thể giúp nhiều công việc cho đội du kích, như do thám quân địch, đưa tin tức, giúp lương thực, áo quần, phá hoại đường sá, cầu cống, giúp đỡ những đội viên bị thương, v.v...

Đồng thời mỗi đội du kích, mỗi đội viên du kích phải nhớ rõ câu này:

*Du kích như cá, dân chúng như nước.
Được dân chúng yêu, việc gì cũng được.*

Muốn dân chúng tin mình, phục mình, yêu mình, thì mình phải kính trọng, yêu thương dân chúng. Bất kỳ việc to, việc nhỏ, phải ra sức giúp đỡ dân chúng. Dù một cái kim, một sợi chỉ cũng không xâm phạm đến của dân. Đối với sự tôn giáo, tín ngưỡng của dân chúng, mình phải kính trọng. Có như thế, dân mới yêu. Dân có yêu, du kích mới vững.

Các đội viên du kích lại phải siêng nghiên cứu để học thêm kinh nghiệm, mới có thể mỗi ngày một tiến bộ...

*Tổng tập văn học Việt Nam, tập 36, Nhà
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980,
trang 791-803.*

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP⁽³¹⁾

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời nói bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập*⁽³²⁾ năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*⁽³³⁾ của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong các bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cần để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh⁽³⁴⁾ đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng⁽³⁵⁾ và Cựu Kim Sơn⁽³⁶⁾ quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm
Trường Điện ảnh Việt Nam (10/2/1960)

*Ảnh: Đinh Đăng Định
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN⁽³⁷⁾

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia đẳng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

Bút tích lưu tại Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.

KINH NGHIỆM DU KÍCH PHÁP *

*Pháp gian cũng như Việt gian
Cũng đồ bán nước cũng quân hại nòi.*

Năm 1940, Pháp bị Đức đánh quy, phải đầu hàng. Gần 2 triệu lính và 150 tướng Pháp bị Đức bắt làm tù binh. Cả nước Pháp bị quân Đức chiếm. Bọn Pháp gian, do thống chế Pétan và thủ tướng Lavan đứng đầu, ra tổ chức Chính phủ bù nhìn. Một mặt, chúng cùng phát xít Đức khủng bố những người Pháp ái quốc. Một mặt, chúng bắt hàng triệu người Pháp bỏ nhà cửa, làng nước, qua Đức làm nô lệ.

Cũng trong lúc đó, bọn thực dân Pháp ở đây đầu hàng Nhật và ra tay khủng bố cách mạng Việt Nam.

Nhân dân Pháp bắt đầu nổi dậy. Đầu thì họ bí mật tổ chức những *tiểu tổ trừ gian giết địch*. Dần dần tổ chức những *đội du kích* to lớn.

Quân đội Đức trả lời bằng cách đại khủng bố. Dân Pháp giết một người Đức, thì quân Đức giết hàng chục người Pháp đang bị giam ở nhà pha.

Song, những người bị giam nhấn bảo những người ở ngoài rằng: “Anh chị em cứ ra sức giết địch. Chúng tôi chết, nhưng Tổ quốc ta sẽ sống”.

Các tiểu tổ du kích có khẩu hiệu: “Địch đánh ta một vố, ta phải đánh lại 10 vố, để trả thù cho những đồng bào bị giết”.

Còn bọn bù nhìn thì giúp cho Đức lòng bắt những chiến sĩ hoạt động. Sau đây là một tờ yết thị của bọn bù nhìn:

* Tài liệu này chưa xác minh được thời gian viết. Theo chúng tôi có thể Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1947).

“Lời kêu gọi cùng dân Pari và quận Xen

Mặc dầu lời khuyên bảo ân cần của thống chế Pétanh, những bọn phản đối sự đoàn kết toàn dân Pháp và thù với Tổ quốc vẫn cứ tiếp tục tội ác của chúng.

Chúng bí mật và dè hèn âm mưu động chạm đến nhân viên của quân đội Đức, những nhân viên đó chỉ làm nhiệm vụ quân nhân của họ.

Đối với những tội ác đó, đồng bào phải tỏ lòng phẫn uất bất bình.

Đồng bào phải giúp sở cảnh sát. Phải phát giác bọn đó.

Nhờ sự hiểu biết, sự trấn tĩnh, sự chính đáng và sự giữ kỷ luật của đồng bào trong lúc khó khăn đau đớn này, đồng bào sẽ làm tròn bốn phận xứng đáng của những người Pháp, nghĩa là phải tôn trọng những lời hứa để xây dựng lại xứ sở.

Ký tên: Magny, chủ tịch quận Seine,

Peuch, chủ tịch Paris.

Đức giám mục Baudrillart,

Đức giám mục Suehard,

Baudouin, chủ tịch đại học thuốc,

Bellessort, chủ tịch hàn lâm viện Pháp,

và 28 vị thân sĩ ở Paris”.

Lời kêu gọi này giống hệt những lời kêu gọi của ông Lê Văn Hoạch nhà ta!

Mặc dầu bọn Đức khủng bố, mặc dầu Pháp gian phình phờ, nhân dân Pháp, nhất là thanh niên nam nữ Pháp, vẫn ra sức trừ gian sát địch.

Anh hùng từ thuở thiếu niên

Đã hăng hái lại thêm kiên quyết lòng

Quan năm Phabiêng, 25 tuổi, là vị anh hùng nổi tiếng nhất trong công tác trừ gian sát địch.

Ông Phabiêng sinh năm 1919. Thân sinh ông là một người thợ làm bánh mì, ở trong một phố nghèo khổ nhất tại Pari.

Lúc lên 10, Phabiêng làm đội trưởng một đội nhi đồng.

Lúc lên 11 tuổi, gặp cuộc bãi công của thợ mỏ, Phabiêng tổ chức các em nhi đồng đi quyền tiền giúp cho con cái thợ bãi công.

13 tuổi, Phabiêng đi ở học nghề làm bánh. Một hôm bị chủ đánh một bạt tai, Phabiêng cầm soong sữa bò ném vào mặt chủ, rồi cậu cầm đầu chạy về nhà.

15 tuổi, vào nhà máy học nghề thợ sắt.

Phabiêng có đức tính hăng hái, quả quyết, chịu khó, siêng học.

Năm 1936, phát xít đánh dân chủ cộng hòa Tây Ban Nha. Công nhân các nước tổ chức đội quân Quốc tế để giúp nhân dân Tây Ban Nha, Phabiêng cũng tình nguyện đi. Đến kinh đô Tây Ban Nha, vị chính trị viên ra điểm danh. Thấy Phabiêng trẻ tuổi quá, bèn hỏi: Đồng chí mấy tuổi?

Phabiêng trả lời: Thừa 17 tuổi.

Chính trị viên nói: Thế thì đồng chí không được đi đánh.

Phabiêng vội vàng nói: Cha mẹ tôi đã bằng lòng cho tôi đi kia mà.

Chính trị viên nói: Theo lệ định phải 18 tuổi.

Phabiêng phải ép lòng ở lại sau mặt trận, giúp việc giao thông.

Phabiêng làm việc rất hăng hái, gan góc, lại cẩn thận. Cho nên được thăng chức mau. Cuối năm 1937, được làm chức quản trong bộ tham mưu.

Một hôm trong hạ tuần tháng 10 năm đó, tổng tham mưu phái Phabiêng đưa một mệnh lệnh cho một bộ đội. Bộ đội này đang bị địch vây. Số đông binh sĩ và các người chỉ huy, các chính trị viên, hoặc chết hoặc bị thương. Tình hình rất nguy, Phabiêng lập tức nắm lấy quyền chỉ huy. Mặc dầu địch bắn dữ dội, Phabiêng thu thập được 250 người, tổ chức lại trận thế phản công lại quân địch. Cầm cự gần một ngày, khi có một trung đoàn đến tiếp viện, Phabiêng giao lại sự chỉ huy cho đoàn đó, và trở về báo cáo.

Sau trận đó, Phabiêng được vào học trường quân quan học hiệu, do đội quân Quốc tế tổ chức.

Tháng 3 năm 1938, sau khi đánh nhau ròng rã 17 ngày, đoàn thứ 14 đội quân Quốc tế bị địch tấn công kịch liệt. Các người chỉ huy và chính trị viên đều chết hoặc bị thương. Một lần nữa, Phabiêng ra phụ trách cầm quân. Chẳng bao lâu, bị địch bắn lưng bụng. Đoàn trưởng vội vàng chạy lại, gắn cho huân chương Độc lập và thăng chức làm quan hai. Vào nhà thương, 3 tháng mới khỏi. Anh em quyết định Phabiêng phải về Pháp, vì sức còn yếu quá, không thể ra mặt trận nữa.

*Cứu Tổ quốc, cứu đồng bào
Nhờ nơi chiến sĩ, nhờ vào toàn dân.*

Năm 1939, trước ngày chiến tranh bùng nổ, chính phủ Pháp ra lệnh giải tán các công hội, và bắt những người công nhân thường hoạt động. Phabiêng là một tay thanh niên hoạt động, vì vậy cũng phải bị bắt giam và bị đánh như tử. Cách ít lâu, Phabiêng vượt ngục, trốn đến Macxây bí mật tổ chức thanh niên và hoạt động trong đám lính thủy.

Năm 1940, Phabiêng 21 tuổi, nhưng đã là chủ bút và chủ nhà in một tờ báo bí mật xuất bản đầu tiên ở miền Nam nước Pháp.

Tờ báo đó tên là *Tiên phong*. Trong lời kêu gọi có câu: “Không bao giờ một dân tộc như dân tộc ta mà chịu làm nô lệ. Sự hy vọng giải phóng cho Tổ quốc, cho xã hội là ở nơi quần chúng nhân dân”.

Trong một cuộc hoạt động, một số đồng thanh niên bị bắt. Phabiêng suýt cũng bị bắt, nhưng may trốn được. Chạy qua Lyông, chỉ huy tập thanh niên ở đó.

Một hôm thống chế Pétanh với tất cả nhân viên chính phủ bù nhìn đến thăm thành phố Tuludơ. Trống rung, cờ mở, đủ đáng bù nhìn. Bỗng chốc truyền đơn trên trời bay xuống, chẳng những quần chúng lượm được mà nó bay vào cả xe thống chế và xe các

bộ trưởng bù nhìn. Làm cho các vị bù nhìn rất căm tức, mà dân chúng thì vui cười.

Đó là Phabiêng với thanh niên Tuludơ tổ chức. Họ đặt truyền đơn trên một miếng ván. Đặt miếng ván trên cái máng nước. Một sợi dây bí mật từ miếng ván ròng xuống bên đường. Lúc đoàn xe bù nhìn đi qua, một chàng thanh niên giả cúi xuống bên đường để cột dây giày. Vừa cột giày, vừa giựt sợi dây kia, thì truyền đơn phấp phới tung bay.

Từ đó, truyền đơn và khẩu hiệu chống Đức, chống Pháp gian thường thường thấy ở các nơi.

Tháng 6 năm 1941, Đức phải kéo nhiều bộ đội ra khỏi nước Pháp để tấn công Nga. Sợ dân Pháp nhân dịp đó nổi lên, Đức càng ra tay khủng bố. Chỉ một thành phố Pari hơn 7 vạn rưởi người bị giết.

*Cũng việc sát địch trừ gian
Có chút mưu mẹo, chút gan là thành*

Thanh niên ái quốc trong các tiểu tổ hăng hái dũng cảm có thừa. Nhưng khí giới và kinh nghiệm rất thiếu. Vì vậy, ngoài việc phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, thì trừ gian sát địch chỉ có tiếng mà chưa thực hành.

Phabiêng phụ trách chỉ huy mấy tiểu tổ, và quyết làm kiểu mẫu cho anh em bắt chước.

9 giờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1941, trong trạm xe điện dưới hầm, hành khách tấp nập chờ xe, người qua kẻ lại như mọi ngày thường. Trong số, có vị đại tá Đức, áo quần bánh bao, bộ dạng kiêu ngạo, cũng như mọi quan binh Đức. Lại có 4 chàng thanh niên lẫn lộn trong đám hành khách, thường liếc mắt nhìn trộm vị quan Đức.

Xe đến. Ai cũng sửa soạn, vị quan Đức sắp bước lên xe, thì thành linh ngã gục xuống đất.

Phabiêng vừa chạy vừa la: Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Còn 3 thanh niên kia chuẩn bị sẵn sàng nếu xảy ra sự ngăn trở thì cứu cho Phabiêng chạy thoát.

Đó là lần đầu tiên mà một quan địch bị thanh niên ái quốc giết, thanh niên ấy là Phabiêng.

Lẽ tự nhiên, việc đó đồn rầm khắp Pari, khắp nước Pháp. Và từ đó, những người ái quốc càng hiểu rằng: có một chút mưu mẹo, có một chút gan góc thì địch dù hung hăng cũng không đáng sợ, và phong trào trừ gian sát địch từ đó cũng bắt đầu bùng bột hơn.

Không súng thì lấy ở đâu?

Lấy súng của địch, đánh đầu địch nhân.

Bọn địch và bọn bù nhìn chửi rủa họ, gọi họ là quá khích, là tội nhân, là phản quốc. Chúng ra sức lùng bắt họ. Song ít khi tìm thấy họ, không biết họ là ai, không biết họ ở đâu. Vì họ rất *cẩn thận*, rất *bí mật*. Ban ngày, họ đi làm ăn như thường. Tối họ lại đi rình những nơi có địa thế. Mỗi tối, họ *gọi đi* vài ba quan, năm bảy người lính địch. Thế là họ lấy súng địch đánh lại địch. Mỗi đêm năm ba khẩu, tích trữ hàng tuần, hàng tháng thành một số nhiều.

Vấn đề cần kíp nhất và khó giải quyết nhất là vấn đề súng. Nay họ đã giải quyết xong.

Phong trào đó khởi đầu ở Pari, dần dần lan khắp các thành thị, thôn quê. Nơi này kho đạn của địch cháy. Nơi kia xe lửa của địch đổ. Hôm trước kho lương của địch bị đốt, hôm sau đầu tàu của địch bị thiêu.

Càng làm, họ càng hăng. Nơi này thi nhau với nơi khác, người này thi đua với người kia. Ban đầu chỉ có công nhân, thanh niên hoạt động. Về sau thì học sinh, công chức, dân cày, thợ thuyền, phụ nữ, giáo viên. Lớp nào cũng tham gia.

Trong lúc đó, địch cũng hoạt động ráo riết. Chúng tung mật thám Đức và bọn Pháp gian ra khắp mọi nơi. Có những cụ già hơn 70 tuổi, những trẻ em chưa đầy 14, 15 tuổi cũng bị chúng bắt giết. Nhưng địch càng khủng bố, dân càng phần uất, càng ra sức giúp các chiến sĩ.

Trong những cuộc bắt bớ và chống bắt bớ đôi khi xảy ra những việc buồn cười. Thí dụ: Rôbe là một thanh niên làm nghề thợ vẽ, rất hoạt động trong việc phá hoại địch. Trong 2 tháng, Rôbe đã gởi được 3 lính địch và xoay được 3 khẩu súng. Một hôm, hai Pháp gian và 1 mật thám Đức đón bắt được Rôbe, xích tay Rôbe lại, chúng sắp dẫn về nhà pha. Nhưng Rôbe quyết không chịu đi bộ. Nếu dùng dằng mãi thì sợ nhân dân ở đó ra cứu Rôbe, cho nên một Pháp gian và người mật thám Đức đành phải đi tìm xe để chở Rôbe. Trong lúc 2 thằng đi tìm xe, để một Pháp gian ở lại canh gác Rôbe, bất thành linh Rôbe vùng dậy, dùng xích tay đánh bẻ đầu tên Pháp gian, rồi cố sống cố chết chạy. Chạy vào một nhà nông dân. Sau khi nghe kể đầu đuôi, người nông dân mở xích tay cho Rôbe, lấy bánh cho ăn, lấy áo cho thay, cho một món tiền đi đường, rồi dẫn Rôbe vào rừng cây cạnh làng chỉ đường cho Rôbe tẩu thoát.

Gêcanh, một công nhân 20 tuổi, người rất nhã nhặn, trong phố ai cũng yêu. Anh phụ trách kho khí giới bí mật. Một hôm mang thuốc nổ đi đến giữa đường gặp 5, 6 lính cảnh sát Pháp. Gêcanh nói thật với họ. Họ hoa tay, bảo Gêcanh “Muốn tốt thì chạy nhanh đi!”. Rồi họ cứ đi đường họ. Song có một tên xung xăng muốn bắt Gêcanh. Gêcanh cho nó 2 viên đạn vào đầu, rồi cứ khoan thai đi như thường. Mấy người cảnh sát kia biết vậy, nhưng cũng để mặc.

Các chiến sĩ và nhân dân

Như cá với nước, phải gần gũi nhau.

Từ trước đến nay, những người ái quốc chỉ hoạt động lẻ tẻ, từng người, hoặc từng tiểu tổ. Bây giờ số người khá đông, khí giới khá nhiều, tổ chức khá vững, họ định làm những vũ to hơn.

Phabiêng đề nghị: trước hết làm ở Pari để lấy ảnh hưởng.

Ngày 14 tháng 11 năm 1940, 5 học sinh cùng với 3 tiểu đội thanh niên do Phabiêng chỉ huy, đánh úp và phá hủy một nhà sách to nhất ở Pari, toàn chứa những sách phát xít.

Lời nói của Phabiêng rất đúng. Vì sau cuộc đó dân Pari rất hăng hái. Nhiều người sẵn sàng tiếp tế các chiến sĩ và giấu ẩn họ trong nhà. Nhiều học sinh và giáo viên tham gia các cuộc tranh đấu.

Cứ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, họ đem nhau vào rừng tập quân sự, đọc tin tức tranh đấu ở Pháp, ở Nga, ở các nước và bàn định kế hoạch hoạt động cho tuần lễ sau. Mấy ông nghị viên cũ thì lo dàn xếp với dân trong và ngoài thành phố, để khi cần đến, họ giúp đỡ chiến sĩ.

Họ được một kinh nghiệm to tát là: càng hoạt động thì càng được dân chúng ủng hộ. Càng được dân ủng hộ thì tranh đấu càng dễ thành công.

Lúc đó, đoàn thể chiến đấu tung ra một khẩu hiệu:

“Mỗi người yêu nước, phải gởi một tên địch”.

Đức và Pháp gian treo giải thưởng, lùng bắt Phabiêng. Nhờ có dân chúng ủng hộ, Phabiêng vẫn hoạt động ở Pari, mà vẫn an toàn vô sự.

Một hôm, vào hồi tháng 3 năm 1942, Phabiêng đến chỗ chứa súng bí mật, thì thấy một tên mật thám Đức đã ngồi chờ ở đó. Bất thành linh Phabiêng cho nó một đá vào bụng. Nó lăn xuống, mà Phabiêng thì ra sức chạy.

Sau đó, đoàn thể phái đội Phabiêng đi phụ trách một tỉnh khác.

*Chiến thuật du kích rất hay
Bí mật, nhanh chóng, đánh bay quân thù.*

Bất kỳ ở nước nào, ở nước Pháp cũng như ở Việt Nam, ở Nam Tư, cũng như ở Trung Quốc, trong cuộc tranh đấu giải

phóng, có hai vấn đề ở đâu cũng giống nhau. Một là người càng đông càng thấy thiếu súng, và chỉ có một cách giải quyết là cướp súng của địch mà dùng. Hai là đánh du kích thì phải bí mật, nhanh chóng, đi không ai biết, về không ai hay, và phải có dân chúng vui lòng ủng hộ.

Lúc bấy giờ, có một số người Pháp bị đem qua làm công bên Đức, họ trốn trở lại. Một số công nhân thà chịu đói, chịu khát chứ quyết không làm với địch. Một số lính trốn về, một số thanh niên nam nữ muốn trừ gian sát địch. Phabiêng đến, liền tổ chức những người đó. Chia thành đội ngũ, tìm nơi ẩn nấp. Đặt ban huấn luyện, phân phối công tác. Đặt kế hoạch cho mỗi bộ phận đi du kích để cướp súng.

Ngày 20 tháng 9 là một ngày kỷ niệm của Pháp. Năm 1942, đến ngày đó, địch hạ lệnh giới nghiêm. Nhưng khắp nước các đội du kích làm đổ 12 chuyến xe lửa. Nhiều lính địch thiệt mạng. Nhiều súng địch lọt vào tay các đội viên.

Các chiến sĩ tranh đấu càng mãnh liệt thì lòng dân càng hăng hái, các tầng lớp tham gia tranh đấu càng đông, mà địch càng bối rối.

Từ tháng 11 năm 1943, có những cuộc thợ thuyền bãi công, phụ nữ biểu tình.

Bảy công nhân xe lửa bị địch bắt và làm án tử hình. Mấy ngàn công nhân xe lửa vùng đó lập tức bãi công. Mấy ngàn phụ nữ kéo nhau đi biểu tình đòi tha 7 người bị án.

Địch thấy dân hăng quá, phải nhượng bộ, 7 người kia được tha.

Tục ngữ có câu “*Mềm thì nắm, rắn thì buông*”. Thật là đúng sự thật. Hễ dân nhút nhát do dự, thì địch càng hung hăng. Nếu dân cương quyết mạnh dạn, thì địch phải lùi bước. Đức cũng thế, Pháp cũng thế, ở đâu cũng thế, bao giờ cũng thế.

*Công nhân xe lửa anh hùng,
Ra tay phá hoại, địch càng phải kinh.*

Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, công nhân xe lửa lãnh một phần quan trọng, và kết quả cũng khá to. Họ dạy cho các đội du kích phá đường một cách giản đơn mau chóng. Tự họ ra tay phá cũng nhiều.

Tháng 12 năm 1941, một tiểu đội công nhân xe lửa, do ông Poty chỉ huy, làm đổ một chuyến xe địch. Kết quả 2 đầu tàu, 30 toa xe đổ, hơn 300 quan và lính chết và bị thương. Đây là báo cáo giản đơn về kết quả phá hoại trong một ngày:

Ngày 15-2-1943.

- Đường Oadơ: đổ xe chở lúa và than với 15.000 lít rượu, 5 lính gác xe bị bắt. Đường bị tắc 55 giờ.

- Đường Sômơ: 1 đầu tàu, 8 toa xe đổ, bắt được 4 lính gác xe. Đường tắc 65 giờ.

- Đường No: 1 đầu tàu hỏng. Đường tắc 18 giờ.

- Đường Vilem: 160 thước dây nối bị cắt đứt.

- Đường Cale: 1 đầu tàu hỏng, đường tắc 10 giờ.

- Đường Đue: 3 đầu tàu, 11 toa xe hỏng. Đường tắc 45 giờ.

- Đường Xanhhêgôn: trừ 1 Pháp gian rất có tiếng. Lật 1 đầu tàu xuống hố.

- Đường Lanxơ: phá một ổ máy trong xưởng.

- Pari: phá 1 máy trong xưởng lương thực.

- Vùng No: đánh nhau với đội tuần binh địch. 1 địch chết, nhiều bị thương.

- Vùng Loa: đánh nhau với 1 đội địch. Địch chết 1, bị thương 1. Ta lấy được 1 súng máy, 1 súng trường và 5 súng lục.

Xem đó thì biết rằng: Du kích Pháp chỗ nào phá được là họ phá, chỗ nào đánh được thì họ đánh. Họ ra sức *quấy rối* địch. Mục đích là: *góp nhiều thắng lợi nhỏ thành một thắng lợi to.*

*Bất kỳ sớm tối gần xa
Canh gác cẩn thận thì ta an toàn.*

Tháng 11 năm 1942, Phabiêng cùng một tiểu đội vừa đi phá hoại về. Kết quả rất khá; 1 chuyến xe địch lặn xuống hồ. Vì trời mưa to, cả đội ướt đầm dề và rét như dao cắt. Anh em đem nhau vào một quăng rừng, đốt lửa lên sưởi. Ai cũng chắc rằng dân vùng đó rất tốt, cho nên không canh gác cẩn thận. Đang sưởi, bất thành lình nghe tiếng súng. Ngoảnh lại đã thấy địch bao vây bốn phía. Phabiêng bị thương nơi mặt, nhưng còn bắn lại, rồi gắng sức chạy thoát vòng vây, bơi qua sông mình trần, chỉ có một cái quần lót. Nhờ một người nông dân nuôi và cho thuốc, gần một tháng mới khỏi. Còn tất cả tiểu đội đều bị hy sinh.

Kinh nghiệm đau đớn đó, bảo cho mọi người biết rằng: *Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, cũng phải canh gác cẩn thận.* Khinh thường sơ suất là nhất định hỏng.

*

* *

Cuối tháng 11, Phabiêng về Pari có việc. Thành lình địch vây cả một dãy phố, xét giấy, bắt người, Phabiêng cũng bị bắt.

Trong ba lần tra khảo, Phabiêng bị 150 roi gân bò, bị dằn ngón chân, ngón tay, máu me đầy cả mình mẩy, chết đi sống lại mấy lần. Không đứng, không ngồi, không nằm được. Chân bị cùm, tay bị xích cả ngày cả đêm. Đã như thế, lại bị nhốt trong ngục tối. Sau ba tháng như thế, địch đưa Phabiêng đến một nhà pha khác, to hơn, rộng hơn.

Trong mỗi nhà giam có 60 người, phần đông là tù chính trị, Phabiêng liền tổ chức một nhóm du kích ở đó, và một ban huấn luyện về khoa học, văn hóa, chính trị, v.v...

Với những miếng giấy gói quà của hội từ thiện gửi đến, Phabiêng cùng các bạn trong nhà tù ra một tờ báo bí mật.

Lúc mới đến nhà giam này, Phabiêng đã có một kế hoạch trốn. Chẳng may cái địa đồ Phabiêng vẽ rơi vào tay địch. Thành thử mấy chục anh em đều bị phạt vào ngục tối mấy hôm.

Nhưng Phabiêng với một người đồng chí nữa vẫn cố trốn cho được. Họ xé chăn, áo để bện dây thừng. Họ ăn cắp dao để đào mạch. Họ chờ dịp tốt để thi hành. Lại may bên cạnh phòng giam đó là một phòng để trống. Nhờ vậy, nửa đêm ngày 1 tháng 6 năm 1943, Phabiêng và người đồng chí kia mạo hiểm trốn khỏi nơi địa ngục.

Khi về đến trong xóm, Phabiêng mới biết rằng ông thân sinh, người anh rể và 93 chiến sĩ nữa đã bị địch bắn chết hồi tháng 8 năm ngoái. Cả nhà Phabiêng chỉ còn lại một đứa con gái 4 tuổi.

*Quốc dân đồng lực đồng tâm
Kháng chiến thắng lợi chắc chắn trong tay*

Mặt trận du kích càng ngày càng lan rộng.

Lúc bấy giờ, tất cả những người ghét địch, yêu nước, đều đoàn kết thành một khối, không chia giai cấp, không chia gái trai, không chia già trẻ, không chia đảng phái. Tất cả mọi người, chỉ có *một mục đích chung: giết giặc và cứu nước*.

Có nơi, có những người bị địch bắt ép ra làm cảnh sát. Họ phải làm nhưng trong nhà họ chứa người du kích. Đêm lại, họ vác súng tham gia du kích.

Trong thời kỳ đó nảy nở ra những người anh tài mà ngày thường người ta không thể tưởng đến. Thí dụ: một cậu học sinh công giáo 17 tuổi, chỉ huy một đội du kích ở Bơđăngxông. Cậu lấy tên một chiến sĩ thanh niên cộng sản bị địch giết để đặt tên cho đội của mình. Tranh đấu hơn một năm, lập được nhiều chiến công rực rỡ. Sau cậu bị địch bắt xử tử hình. Trước khi bị hành hình, cậu viết thư cho cha mẹ, trong thư có câu:

“Xin cha mẹ nói với bà con, bầu bạn rằng: Con rất tin tưởng Tổ quốc sẽ thắng lợi. Con mong cho Tổ quốc tự do và đồng bào

sung sướng. Xin cha mẹ chớ phiền lòng, con vui vẻ đến phút cuối cùng, con vẫn hát bài cứu quốc ca mẹ dạy cho con lúc con còn nhỏ.

Con không viết được nhiều nữa. Bọn lính địch đã đến đưa con đi bắn. Xin cha mẹ chớ rầu rĩ. Con chết cho đồng bào, cho Tổ quốc. Có cái chết nào vẻ vang như thế!

Sẽ có hàng ức, hàng triệu chiến sĩ trả thù cho con. Sẽ có hàng ức, hàng triệu người ái quốc trả thù cho con.

Con hôn cha mẹ ngàn hôn. Tổ quốc muôn năm!”

Lòng dũng cảm của mọi người tỏ ra trong những kết quả rực rỡ. Chỉ trong vùng Xavoa và chỉ trong 5 tuần, mà kết quả như sau:

2-9-43: Phá kênh. Tàu bè mấy ngày không đi được.

16-9: Phá một máy và đốt 2 kho lúa của địch.

20-9: Toàn một xưởng chữa máy của địch bị đốt phá.

21-9: Ba lính địch chết, nhiều bị thương.

3-10: Đội X., đêm đi 30 cây số, phá 3 cái cầu.

4-10: Trừ 3 Pháp gian nổi tiếng.

5-10: Đánh một đoàn xe lửa. Đường bị tắc 14 giờ.

8-10: Phá kênh L, tàu bè không đi được 3 tuần.

10-10: Phá ga M, máy móc hỏng hết.

Vùng này phá hoại thế, vùng khác cũng không chịu làm kém hơn. Du kích làm cho địch ăn không yên, ngủ không yên.

*Khi dân đã đứng cả lên
Thì sức tranh đấu đã bền lại to*

Thấy địch lòng rất quá, đoàn thể phải cho Phabiêng đi nơi khác. Phabiêng lập tức tổ chức nông dân, dùng khí giới để bảo hộ việc gặt lúa và giữ gìn trâu bò, không để cho địch cướp.

1943 trở đi du kích đã từ những người ô hợp, những đội lẻ tẻ, gặp đâu đánh đó, mà trở nên một đội quân có liên lạc, có kế hoạch chung, có chỉ huy thống nhất.

Phabiêng lúc đó 23 tuổi, phụ trách chỉ huy đội du kích phương bắc. Trong ba ngày kỷ niệm, 10, 11, 12 tháng 11, khắp nước có 55 cuộc đánh đổ xe lửa, 156 cuộc phá hoại.

Mà công tác phá hoại thì lan khắp mọi ngành, mọi nơi. Đường sá, cầu cống, xe lửa, mỏ than, nhà máy, kho tàng, trại lính, tàu bè... bất kỳ cái gì địch dùng là du kích tìm cách phá cho được.

Du kích càng hoạt động, càng được dân chúng ủng hộ. Vì vậy Phabiêng và các đồng chí khác, đến đâu cũng có thể tổ chức ban huấn luyện quân sự và huấn luyện thông tin.

Công việc thông tin và tình báo, hoàn toàn do *chị em phụ nữ phụ trách*. Họ cũng phụ trách dò xét địa hình, địa thế nữa. Chị em rất hăng hái, rất chịu khó và tổ chức rất khéo. Họ tổ chức các trạm khắp nước. Tùy theo hoàn cảnh khi thì họ đi bộ, khi đi ngựa, khi đi xe. Họ luôn luôn làm việc và đưa tin cả ngày đêm. Nhờ vậy, tin tức của du kích rất mau chóng. Ba ngày một lần, chị em làm một bản báo cáo chung, tóm gộp tất cả mọi cuộc hoạt động trong nước. Các đội du kích nhờ đó học lẫn kinh nghiệm của nhau.

*Phụ nữ cũng là công dân
Trong cuộc kháng chiến gánh phần vẻ vang.*

Các chị em phụ nữ, chẳng những khôn khéo, hăng hái mà lại gan góc vô cùng. Thí dụ: Cô Gimbéc 17 tuổi, trưởng ban trinh thám; bị bắt, sau trốn được kể chuyện thế này:

Sau khi bị bắt, chúng bắt cô cởi hết áo quần, rồi 6 đứa dùng roi gân bò, nịt da và báng súng đánh cô, một đứa lấy tay bóp cô. Cô nhất định không khai. Chúng tra cô bằng dây điện. Khắp mình cô, máu chảy lai láng. Tai cô như điếc, mắt cô như mù.

Khi cô chết ngất đi, thì chúng cho cô sống lại, rồi chúng lại tra khảo. Mỗi lần tra khảo chúng lại lột hết áo quần. Đánh chán rồi châm dây điện. Châm dây điện rồi, thì trối vào lò nước nóng.

Mặt mũi mình mây cô đều bầm tím. Nhưng tinh thần cô luôn luôn tỉnh táo.

Một hôm nhân lúc báo động, cô trốn được, lại trở về làm việc với đội du kích như trước.

Lại còn những hạng nữ anh hùng khác, tuy không tỏ ra công trạng oanh liệt rõ rệt, nhưng cũng kiên quyết hy sinh vô cùng. Phụ nữ tổ chức:

Những đội giặt gia quần áo cho chiến sĩ,
Những đội may vá,
Những đội tiếp tế lương thực,
Những đội sắp xếp chỗ ở bí mật,
Những đội chăm nom chiến sĩ bị thương,
Những đội giúp đỡ gia đình các chiến sĩ,
Những đội canh gác trừ gian,
Những đội do thám,
Những đội úy lạo,
Những đội tuyên truyền.

Nói tóm lại, chị em phụ nữ gánh vác rất nhiều công việc. Nhờ chị em mà đội du kích đi đến đâu là có cơm ăn chỗ ở hẳn hoi. Thành thử chiến sĩ chỉ lo tranh đấu giết giặc, chứ không phải lo những việc vặt vãnh.

Ngoài ra chị em phụ nữ lại thi đua nhau, con khuyên cha, vợ khuyên chồng, em khuyên anh, ra sức tham gia du kích, hoặc giúp đỡ du kích. Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, phụ nữ đã dự một phần rất vẻ vang.

*Nhi đồng, tuổi nhỏ anh hùng
Tham gia du kích đi cùng thanh niên*

Có những xưởng máy, tất cả công nhân bí mật tham gia đội du kích. Họ vừa làm công việc phá hoại. Ban ngày thì đi làm, ban đêm thì đi đánh. Có những làng, cả làng tham gia du kích.

Chẳng những người lớn và thanh niên, mà cả các em nhi đồng cũng hăng hái tham gia. Đây là gương oanh liệt của một em nhi đồng:

Trong một cuộc đánh úp, một em nhi đồng và mấy người du kích bị địch bắt được. Địch đem mấy chiến sĩ đó ra bắn. Em bé tên là Hăngri, 12 tuổi, khoan thai nói với người quan địch: “Anh để cho tôi về hôn mẹ tôi, rồi tôi trở lại cho anh bắn”.

Tên quan địch nói: “Mày muốn trốn à? Mày sợ chết à?”

Em Hăngri nói: “Không, tôi không sợ. Một chiến sĩ du kích không bao giờ sợ chết”.

Tên quan địch nói: “Đồ chó chết! Tao thử cho mày đi. Mày chạy đường trời cũng không khỏi tay tao”.

Em bé nghe vậy, vụt ra chạy một mạch.

Bọn địch hớn hờ cười. Các chiến sĩ bị bắt thì lo sợ cho em bé.

Một hồi lâu, người ta thấy em Hăngri chạy trở lại, ai nấy đều sững sốt. Hăngri thông thả đứng dựa lưng vào một gốc cây, hai tay khoanh lại, mắt nhìn bọn địch, mà nói rằng: Tôi đã hôn mẹ tôi rồi, bây giờ chúng bay bắn thì bắn đi.

Bọn địch chĩa súng bóp cò. Trước khi chết, em Hăngri hô to:

“Kháng chiến thắng lợi muôn năm! Tổ quốc độc lập muôn năm!”

Bọn địch giết em Hăngri, nhưng trong lòng rất kính phục em, và rất sợ.

Sợ là vì chúng biết rằng một dân tộc mà trẻ con cũng yêu nước như thế, cũng gan góc như thế thì không ai chinh phục được. Một dân tộc như thế, nhất định sẽ thắng lợi.

Trong cuộc chiến tranh du kích, các trẻ em giúp sức rất nhiều, và cũng nhiều em hy sinh rất oanh liệt. Chuyện em Hăngri chỉ là một thí dụ.

*Lửa khởi nghĩa đã nổ bùng
Bao nhiêu lực lượng vào chung một đường*

Đầu tháng 7 năm 1944, Phabiêng phụ trách tổ chức đội xung phong trong cuộc khởi nghĩa ở Pari.

Trước hết, Phabiêng ra lệnh phá hoại xe vận tải của địch, cách phá hoại rất dễ dàng: Những miếng sắt vụn queo thành ba khóa bỏ rải rác trên đường. Thế nào cũng có một khóa lòi lên. Xe hơi đề nhăm, thì nhất định hỏng bánh.

Các công nhân làm ra hàng triệu cái chông đó. Hàng vạn người tham gia vào việc rải chông đó. Các sông, các đường, các kho đều có những ban phụ trách phá hoại. Thành thử kết quả đầu tiên, là giao thông vận tải của địch bị hỏng. Phabiêng - bây giờ là quan năm Phabiêng - ra lệnh như sau:

“Chúng ta phải bạo dạn, bạo dạn nữa, bạo dạn luôn luôn. Đồng bào thủ đô phải nhen ngọn lửa sát địch, phải làm cho phong trào khởi nghĩa lan khắp nước.

Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, cần phải:

Chỉ huy thiết thực các cuộc hành động. Mệnh lệnh phải rõ ràng, giản đơn, thiết thực, ai phụ trách công việc gì, địa điểm nào, ngày nào, giờ nào, phải làm xong.

Những việc sau này cần phải thi hành ngay:

a) Phá hoại giao thông vận tải của địch, dùng chông, dùng bẫy, phá đường, phá băng, đốt xe, đốt kho.

b) Tấn công các đội địch và Pháp gian lẻ tẻ.

c) Phá hoại đường xe lửa.

d) Tấn công và phá hoại các kho chứa dầu và sở chứa xe.

e) Mục đích những cuộc hành động đó là: cướp lấy tất cả mọi thứ khí giới, để vũ trang bộ đội cứu quốc”.

Pari bắt đầu có những cuộc bãi công và biểu tình.

Địch tăng gia sự khủng bố.

Dân Pari tổ chức những đội chiến đấu.

Truyền đơn khởi nghĩa dán khắp các phố ở thủ đô.

Phabiêng lãnh đạo các cuộc tấn công cướp súng địch. Bị đạn vào chân, sau hai ngày mới gắp được đạn ra. Què nhúc nhắc, nhưng Phabiêng vẫn không rời bộ đội.

*Nhờ lực lượng của toàn dân
Thì đều thắng lợi mười phần vẹn mười.*

19 tháng 8 năm 1944, thủ đô bắt đầu khởi nghĩa.

Hàng vạn chai dầu xăng, axít ném vào phá xe tăng của địch.

Thanh niên và nhi đồng núp trên nóc nhà. Hễ thấy lính địch đi qua là bắn. Các phố, các ngõ đường, chướng ngại vật mọc lên như nấm.

Địch bị nghĩa quân vây các phía, bị ép vào từng xóm. Tuy địch có chuẩn bị mìn, nhưng chúng không dám dùng, vì nếu mìn nổ thì chúng nó chết trước.

Phabiêng đóng bản doanh trong một quán cà phê, ba em bé con gái làm giao thông. Mặc dầu súng bắn tứ tung, ba em vẫn đem mệnh lệnh từ khu này qua khu khác.

Ngày 21 tháng 8, các địa điểm của địch hoàn toàn bị nghĩa quân bao vây.

Địch và Pháp gian thấy nguy hiểm bèn đề nghị đình chiến. Phabiêng ra lệnh: Hễ ai nói đến đình chiến thì sẽ xử theo quân luật.

Vòng vây càng thắt càng chặt. Tất cả dân Pari tham gia công tác. Đồ đạc trong nhà đều đem làm chướng ngại vật. Thậm chí giường thờ, khung cửi, lò bếp cũng ném vào đó để cho nó cao hơn, chắc hơn.

Phabiêng phụ trách đánh vào đại bản doanh của địch. Theo kế hoạch, khắp các nơi đều tấn công, làm cho địch không thể cứu viện nhau. Xung quanh đại bản doanh địch, nghĩa quân bố trí cẩn thận, ai phụ trách đánh phía nào, giữ phía nào, ai tiến trước, ai tiến sau, đều định trước rõ ràng. Một khi có lệnh tấn công, thì

thanh thế của nghĩa quân như núi nhào bẻ lở. Địch chống không nổi, phải xin hàng.

Ngày 22 tháng 8, thủ đô được giải phóng. Quan năm Phabiêng liền tổ chức bộ đội tiêu diệt quân địch ngoài thủ đô.

Tuy trong mấy năm chiến đấu, đội du kích bị hy sinh rất nhiều, nhưng đến ngày kháng chiến thắng lợi cũng còn hơn 15 vạn chiến sĩ, già có, trẻ có, trai có, gái có, các đảng phái, các tầng lớp nhân dân đều có. Mà 15 vạn người đó ai cũng đồng ý rằng: Phabiêng là anh hùng nhất.

THƠ DU KÍCH

*Bọn phát xít,
Cướp nước ta,
Nó cướp của,
Nó đốt nhà,
Nó đánh chết trẻ con,
Nó hãm hiếp đàn bà,
Nó bắn thanh niên,
Nó giết người già.*

*

* *

*Khổ thế này,
Chịu sao qua,
Ta muốn sống,
Phải tham gia,
Đánh du kích,
Đuổi địch ra.
Bất kỳ trẻ hay già,
Đàn ông hay đàn bà,
Đều ra sức tham gia,
Đánh du kích,
Đuổi địch ra!*

*Hỡi quốc dân đồng bào,
Tiến lên cả xem nào!
Không có súng,
Ta dùng dao,
Ta dùng cuốc,
Ta dùng cào,
Ta lấy đòn ghình,
Ta nhổ cọc rào.
Hễ thấy địch,
Cứ xông vào,
Đánh cho chúng nhào.*

*

* *

*Mỗi người là một chiến sĩ,
Mỗi làng là một chiến hào,
Ta nhất định thắng lợi,
Cờ Độc lập phát cao.*

Kinh nghiệm du kích Pháp dạy cho ta:

1. Muốn đánh thắng địch mạnh, thì phải dùng du kích.
2. Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, ai cũng đánh du kích được.
3. Du kích muốn thắng, phải bí mật, cẩn thận, kiên quyết, nhanh chóng.
4. Du kích muốn thắng phải có nhân dân ủng hộ.
5. Muốn nhân dân ủng hộ, phải tốt với nhân dân.
6. Việc giải phóng dân tộc ở trong tay dân tộc.
7. Nếu có toàn dân đoàn kết, thì kháng chiến nhất định thắng lợi.

Kinh nghiệm du kích Pháp. In lần thứ hai, Nhà xuất bản Sự thật, Việt Bắc, 1948.

GIÁC NGỦ MƯỜI NĂM

Tôi là Nông Văn Minh, người Nùng Cao Bằng. Sinh năm 1920.

Cha tôi là Nông Văn Quang, người mạnh khỏe, tính thật thà. Ngày mùa thì ra đồng cày cấy. Hết mùa thì vào phố làm thuê. Khó nhọc cả năm đến tối. Nhưng cũng không được ấm no. Một phần thường bị mất mùa. Một phần vì sưu cao, thuế nặng.

Cha tôi lại thường phải đi phu. Mà mỗi lần cha tôi đi phu, là tôi phải nhịn đói. Năm tôi mới lên mười, cha tôi cho tôi đi ở chăn trâu cho cụ Bá ở làng bên cạnh.

Cụ Bá hiền lành, cả ngày không nói một tiếng. Cụ bà ngoa ngoắt, cần nhằn như khi cả ngày. Tệ nhất là bà ta cứ bắt tôi ăn đói. Chị Thìn con gái cụ Bá, tốt người, đẹp nét, cả ngày tươi cười. Chị thường giấu cơm hoặc khoai cho tôi, bảo tôi ra ngoài bụi mà ăn, chớ cho cụ bà thấy thì chết.

Ở với cụ Bá chừng mười năm, tôi trở về nhà để lấy vợ. Vợ tôi tên là Xuân, cùng một lứa tuổi và cùng ở một làng với tôi. Cuối năm, Xuân đẻ cho tôi một đứa con gái. Cha tôi đặt tên nó là Đào. Từ đó, ba cha con cặm cụi làm ăn, nhưng vì sưu thuế nặng, phu phen nhiều, cho nên nghèo lại hoàn nghèo, khổ vẫn cứ khổ.

Hồi đó, một thanh niên tên là anh Ba, quê quán ở đâu tôi không biết, thường đi lại nhà chúng tôi. Anh Ba chỉ đến ban đêm. Mỗi khi anh đến thì nói chuyện thì thào với cha tôi thật khuya. Gần sáng, cha tôi thổi cơm cho anh ấy ăn. Ăn xong, chưa sáng, anh ấy đã ra đi. Cha tôi dặn vợ chồng tôi chớ nói cho ai biết có anh Ba đến nhà.

Một hôm, nhân lúc vợ tôi đi vắng, anh Ba và cha tôi bàn tán chuyện đánh Nhật, đánh Tây. Tôi cũng ngồi nghe. Rồi tôi hỏi:

- Súng ông chẳng có, lấy gì mà đánh?

Cha tôi nói:

- Cướp của nó mà đánh chứ lý!

Anh Ba gật gù tán thành cha tôi.

Ngày qua tháng lại, đến hôm 9 tháng 3 năm 1945, bất thành lình Nhật choảng Tây một vố, Tây chết la liệt. Những đứa sống sót bị Nhật bắt giam, rồi cũng bị máy bay Mỹ ném bom chết tiệt.

Cách đó mấy hôm, anh Ba lại đến nhà. Lần này, anh Ba có vẻ sung sướng lắm. Anh ấy bảo cha con chúng tôi chuẩn bị và dặn dò tỉ mỉ làm thế này, làm thế kia.

Vào khoảng rằm tháng 8, anh Ba với một người nữa đến. Anh Ba viết tên vào một miếng giấy, rồi bảo cha con chúng tôi đi mời những người có tên trong giấy, đến tối ra ngoài đồng khai hội. Tối hôm đó, đến dự hội 52 người, đàn ông có, đàn bà có, anh Ba bày cách cho chúng tôi chuẩn bị khởi nghĩa đánh Nhật để cướp chính quyền. Nói chuyện chừng nửa tiếng đồng hồ, rồi anh ấy hỏi:

- Anh chị em đã hiểu rõ cả chưa? Có ai muốn nói điều gì nữa không?

Ai cũng trả lời:

- Hiểu rõ rồi.

Anh Ba nói thêm:

- Vậy thì xin anh em chị em cứ thế mà làm. Nhưng mọi người phải hết sức giữ bí mật mới được.

Bây giờ tôi mới hiểu rằng anh Ba là cán bộ Việt Minh. Và trong làng nhiều người vào hội đã lâu, nhưng vì giữ bí mật

không ai nói cho ai biết. Thậm chí cha con, vợ chồng cũng không cho nhau biết. Cha tôi chỉ biết những hội viên nông dân, tôi chỉ biết những hội viên thanh niên, vợ tôi chỉ biết những hội viên phụ nữ. Khéo thật!

Đánh Nhật, khởi nghĩa, cướp chính quyền, Việt Minh công khai, Cụ Hồ tuyên bố Việt Nam độc lập, đặt Chính phủ Dân chủ Cộng hòa. Sướng quá! Vui quá! Chẳng bao lâu, bọn Quốc dân đảng Việt Nam lưu lạc ở ngoài theo Tàu về nước. Chúng nó bắt cóc, tống tiền, giam đàn ông, hiếp đàn bà, chẳng kém gì bọn Nhật, bọn Pháp. Mặc kệ chúng nó. Chóng hay chầy, chúng nó cũng phải cút. Không thì dân cũng đánh đổ chúng nó đi.

Dân hả hê được ít lâu, thì giặc Pháp lại quấy rối. Ta phải kháng chiến.

Tỉnh có giấy tổ chức dân quân du kích, đoàn thể cũng có giấy bảo ai có sức thì nên hăng hái vào dân quân

Tất cả thanh niên cứu quốc và một phần lớn nông dân cứu quốc làng tôi vào dân quân du kích, phụ nữ cứu quốc cũng xin vào, nhưng đoàn thể bảo ở lại để tăng gia sản xuất. Có chị vì không được vào du kích mà khóc hu hu.

Cha tôi đi đánh giặc được ba tháng, thì bị một viên đạn xuyên qua đầu gối bên phải. Vào nhà thương, cưa mất một chân.

Tôi thì nhờ bắn súng khá, được chọn vào Vệ quốc quân. Đầu tiên đánh ở Lạng Sơn. Sau đổi qua Bắc Giang. Rồi đổi đến Bắc Ninh. Đến đây, tình cờ tôi gặp anh Ba làm đại đội trưởng, chỉ huy đội của tôi. Vừa gặp nhau, anh mừng rỡ lắm, ôm quàng lấy tôi, rồi hỏi thăm mọi người trong làng.

Đồng bào Bắc Ninh tốt thật. Súng giặc bắn ầm ầm cả ngày, mà họ coi như thường. Bộ đội ta kéo đến đâu cũng được dân giúp đỡ. Nhất là các chị em phụ nữ, họ tranh nhau giúp nấu cơm, gánh nước, giặt áo, vá quần cho bộ đội, họ coi các chiến sĩ như

anh em ruột. Vệ quốc quân và dân quân du kích Bắc Ninh đánh cũng hăng. Mỗi lần đánh thắng là dân đua nhau đến úy lạo. Tha hồ gạo và thịt.

Tháng 10 năm 1947, đội của tôi lại được điều đi đánh tại đường số 4.

Người ta nói dân ở gần mặt trận ai cũng hăng. Có gì lạ đâu. Tây nó ác quá. Chúng bắt được đàn bà con gái, thì 7 tuổi đến 70 nó chẳng từ ai. Năm bảy thằng tranh nhau hiếp. Hiếp không chết, thì nó chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, rạch trôn. Có khi chúng bắt con trai hiếp mẹ, cha hiếp con gái, cho chúng nó coi và cười. Không nghe thì chúng giết cả nhà.

Có khi bắt được đàn bà có thai, chúng nó trói lại như trói lợn, rồi đánh đố với nhau. Thằng thì đoán chữa con trai. Thằng thì đoán chữa con gái. Rồi chúng nó mổ bụng người đàn bà chữa, móc đứa con trong bụng ra. Thằng nào đoán trúng thì được tiền hoặc thuốc lá.

Có khi chúng nó bắt đàn bà, trói chân, trói tay lại, lột truồng hết áo quần cho chó con bú cứt cả đầu vú. Người đàn bà vô phúc van khóc chừng nào, thì Tây reo cười chừng ấy.

Bắt được người già và thanh niên, chúng nó chọc tiết, chôn sống, chặt đầu, phanh thây, hoặc treo lòng thòng trên cành cây, chất củi thui. Có khi chúng nó bắt ăn thuốc viên, nói là thuốc chữa bệnh. Nuốt xong chừng mấy phút đồng hồ thì trợn mắt lăn ra chết, cả mình mẩy tím bầm.

Trẻ con thì chúng nó bắt bỏ trong chum, nấu nước sôi dội vào. Hoặc trói 2, 3 em lại một bó, quần rơm và giẻ chung quanh, rồi chúng nó tưới dầu xăng đốt.

Tây ác như vậy, cho nên dân ta cũng hăng máu lên. Họ nói thà đánh Tây mà chết còn hơn để nó hành hạ mà chết.

Trong trận đèo Bông Lau, đánh được một lúc, thì tôi bị thương nơi đầu. Thoạt tiên, không thấy đau lắm. Tôi xé áo lót cột đầu cho máu khỏi chảy, rồi cứ theo anh em xông lên. Ta nhìn rõ giặc. Giặc không thấy ta. Cho nên một loạt súng, là một tốp giặc lặn xuống. Về sau máu chảy nhiều quá, tôi mê đi bao giờ không biết.

Khi tôi tỉnh lại, thì thấy mình nằm trên một cái giường, chăn và vải trắng tinh, lại hơi thơm thơm. Sờ trên đầu không thấy sọ, không thấy đau gì cả. Liếc mắt nhìn xung quanh, thấy cái buồng xinh xinh, sạch sẽ, sáng sủa, lặng lẽ. Trần và vách đều trắng toát. Bên giường có một cái bàn nho nhỏ, sơn trắng. Trên bàn có một cốc sữa đặt trên một cái đĩa bằng thủy tinh. Lại có một cái bình cắm đầy những hoa tươi thơm ngát.

Gần phía chân giường, một cô con gái quần áo trắng toát ngồi trên ghế, quay mặt ra phía cửa, đang xem sách.

Hơi chói, tôi nhắm mắt lại, trong bụng nghĩ: Mình ở đâu nhỉ? Mình ở đâu nhỉ?

Một chốc, tôi mở mắt ra. Cô con gái gập sách lại, đang nhìn tôi. Thấy tôi mở mắt, cô ấy khe khẽ bước lại, ôm tôi hôn lấy hôn để.

Tôi nhè nhẹ lấy tay đẩy cô ta ra, và nói:

- Đồng chí chớ làm thế. Anh em họ cười chết! Đây là đâu, hử cô? Cô là ai?

Cô ấy nhẹ nhàng trả lời:

- Đây là Dinh dưỡng đường Cụ Hồ. Tôi... là...

Nghe nói Cụ Hồ, tôi liền hỏi:

- Cụ ở đâu? Cụ có mạnh khỏe không, đồng chí?

- Cụ vẫn khỏe luôn. Cô ấy vừa nói vừa ghé cốc sữa gần miệng tôi, bảo tôi uống một hớp.

Uống xong hai hớp sữa, tôi hỏi tiếp:



Ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1964

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

- Cô biết bộ đội của tôi nay ở đâu không? Trần Bông Lau thắng chứ?

Cô bé ngáp ngừng một phút rồi nói:

- Bộ đội... ở... hình như đóng ở Thủ đô... Trần Bông Lau... Trần Bông Lau quân ta thắng to.

Nghe nói vậy, tôi mừng quá. Tôi muốn ngồi dậy, đi tìm bộ đội của tôi ngay. Cô bé dịu dàng bảo tôi khoan dậy đã. Quen giữ kỷ luật, tôi cứ nằm im rồi hỏi:

- Thế thì Việt Bắc thế nào rồi? Giặc Pháp thất bại chứ? Tôi đến đây đã mấy hôm?

Cô bé mỉm cười không trả lời. Nhè nhẹ bước qua buồng bên cạnh. Sau một phút trở vào, tay cầm quyển lịch, chỉ cho tôi xem. Tôi lật bầm đọc:

- "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

15 tháng 8 năm 1958"

Tôi giật mình rú lên:

- Trời ơi! Tôi vào đây mười năm rồi sao? Tôi ngủ mười năm rồi sao?

Cô bé lại ôm tôi hôn. Tôi lại nhè nhẹ đẩy cô ta ra.

Cô vừa khóc thút thít vừa nói:

- Cha quên con rồi sao? Cha không nhận được con nữa hay sao? Con là Đào đây mà!

Đào! Con bé mà ngày tôi vào bộ đội, nó mới lên 7, to bằng cái hột mít, sài lơ đầy mình. Con bé Đào mà bây giờ đã lớn bằng ấy! Ma nào đoán được! Ô! Mà phải rồi. Tôi ngủ mê đã mười năm trời kia mà. Trong khi tôi đang ngủ mê chắc có nhiều thay đổi lớn.

Tôi bò dậy nắm chặt tay con tôi, trố mắt nhìn nó, xoa đầu nó. Tôi gắt nó:

- Sao con không nói ngay cho cha biết? Thôi đừng khóc nữa. Ông mày ở đâu? Bu mày ở đâu?

Nó trả lời:

- Ông và bu ở làng. Hôm qua bu vào thăm cha, mới ra về sáng nay. Hai lần bu được giải thưởng Thi đua ái quốc, đồng bào trong xã bầu bu làm Chủ tịch xã...

Tôi ngắt lời nó và hỏi:

- Con làm gì ở đây?

Đào nói:

- Con học thuốc ở trường đại học. Trường cho con đến đây tập, tiện dịp để săn sóc cha.

A di đà Phật! Tôi không tin lỗ tai tôi. Thế nào? Thị Xuân vợ thằng đi ở chăn trâu mà làm Chủ tịch xã? Thị Đào, con đứa ăn vụng cơm bà Bá mà vào Đại học Y khoa? Tôi nghe lầm chăng? Tôi còn ngủ mê chăng? Hay là con tôi nói dối? Hay là thế giới đổi lộn nhào?

Cũng có lẽ. Cũng có lẽ. Nếu Tây thua, nếu Việt Nam thống nhất độc lập thì gì mà ta làm chẳng được! Trước kia một cổ hai tròng, vừa Tây vừa Nhật, Việt Minh chỉ có hai bàn tay trắng mà cũng cách mạng thành công, cũng giành lại độc lập kia mà. Huống chi ta đã có chính phủ, có quân đội, có nhân dân, kháng chiến đã thắng lợi, thì gì ta làm chẳng thành công.

Tôi đang ngẫm nghĩ xa gần, thì Đào rót thêm một cốc sữa, và nói:

- Cha hãy uống thêm cốc sữa, rồi nằm xuống cho khỏe, con sẽ kể chuyện mười năm vừa qua cho cha nghe.

Sau đây là lời con Đào nhà tôi:

"Chắc cha còn nhớ, giặc Pháp tấn công Việt Bắc cuối năm 1947. Song chắc cha không rõ chúng tấn công cách nào.

"Một mặt, chúng theo đường thủy lên sông Lô, đến Tuyên Quang, lên sông Gâm, đến Chiêm Hóa.

"Một mặt, theo đường bộ, từ Tiên Yên qua Lạng Sơn, đến Cao Bằng, rồi xuống Bắc Cạn.

"Chúng là hai gọng kìm.

"Một mặt khác, chúng đánh từ Bắc Ninh, Bắc Giang lên.

"Máy bay thì thả quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Đình Cả, Đại Từ và nhiều nơi khác.

"Mục đích của chúng là ngoài đánh vào, trong đánh ra. Dưới nước đánh lên, trên trời đánh xuống. Chúng đã chắc mẩm như thế thì cơ quan và bộ đội ta có chạy đằng trời cũng không thoát khỏi cái lưới của chúng.

"Nếu ta không khôn khéo, thì có lẽ như thế thật.

"Nhưng Chính phủ ta đã đoán trước âm mưu của giặc. Cụ Hồ liền ra lệnh cho quân đội và nhân dân phải kiên quyết xông ra cản giặc. Bộ Tổng chỉ huy thì cấp tốc điều động bộ đội chặn đánh các đạo quân Tây.

"Về phía thủy, quân ta đại thắng ở Phủ Đotan, ở Tuyên Quang, ở sông Gâm, ở Chiêm Hóa, hàng chục chiến thuyền của Pháp bị ta đánh chìm. Máu chảy đỏ sông, lửa phun ngang núi. Bị chặn đánh liên tiếp, giặc vội vã rút lui. Chúng để lại vô số đạn dược súng ống và nhiều tha ma chôn lính Tây.

"Thế là một gọng kìm của giặc đã bị ta đánh gãy.

"Về phía bộ, quân ta đại thắng ở Bông Lau, Lũng Vài, Đông Khê, Thất Khê... Hàng chục chiếc xe của giặc bị đánh tan. Xác chất thành cồn, máu tràn đầy hồ. Phía đó chúng cũng thất bại và cũng để lọt vào tay ta nhiều súng đạn, thuốc men".

Tôi sướng quá, nắm lấy tay con tôi hỏi:

- Lúc ấy cha ở đâu hở con? Sao con nhớ thế?

Đào trả lời:

- Sau lúc cha bị thương, con được theo mẹ tới thăm cha một lần, lúc đó cha nằm ở một nhà thương của quân y viện. Con nhớ nhiều và kỹ là vì có nhiều sách báo nói về trận Việt Bắc lắm, sau này còn nhiều cái hay nữa. Con sẽ lần lượt thuật lại cha nghe.

Đào kể tiếp:

"Thế là gọng kìm thứ hai cũng bị ta đánh tan.

"Chủ lực của giặc đã thất bại. Quân nhảy dù cũng bị ta tiêu diệt dần. Kết quả là trong 15.000 Pháp lên Việt Bắc, chết và bị thương hơn 5.000, chúng lại mất một số lớn máy bay, tàu thủy, ca nô, súng ống, đạn dược.

"Trong khi rút lui, bọn Pháp không quên để lại những vết tích dã man tàn ác. Bắn trâu bò, đốt thóc lúa, phá hủy đền chùa, triệt hạ làng mạc, hãm hiếp phụ nữ, giết hại thanh niên. Chúng đi qua đâu là tàn phá đó. Chúng tưởng làm như vậy cho dân ta kinh sợ. Kỳ thực dân ta căm thù, càng kiên quyết, càng muốn diệt cho sạch bọn ác quỷ thực dân.

"Trong trận này, quân đội ta anh dũng đã đánh, mà đồng bào Việt Bắc cũng thật oanh liệt. Cả ngày cả đêm, họ kéo nhau đi phá hoại đường giao thông của địch. Nhiều nơi, dân tự động đốt nhà của mình để địch khỏi lợi dụng.

"Các cụ phụ lão và các chị em phụ nữ cũng không kém hăng hái. Có những đội du kích toàn là phụ nữ, có những đội toàn là các cụ già từ 50 đến 60 tuổi. Có cụ đến 65 tuổi còn đi du kích. Những đội du kích đã mạnh bạo xung phong, làm cho giặc mất vía. Còn có nhiều em nhi đồng làm liên lạc trong bộ đội ta, gan góc khôn khéo, thật xứng đáng cái tên tiểu anh hùng, dòng dõi của Trần Quốc Toàn. Có em không may bị giặc bắt được, tra

tấn tàn nhẵn, xẻo thịt cắt gân, mà vẫn không nói, không khai. Khi Tây đưa ra giết, những em đó vẫn không sợ, vẫn tươi cười. Trước lúc chết vẫn cả tiếng hô to:

"Việt Minh độc lập muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!".

"Thất bại ở Bắc, giặc mong vớt vát ở Nam. Chúng tấn công vào chiến khu Đồng Tháp Mười của ta. Nhưng chúng cũng thất bại nốt. Kế đó, giặc bị ta liên tiếp phục kích tại đường Sài Gòn - Đà Lạt và Sài Gòn - Sa Đéc. Trong hai trận này, chúng chết một số khá đông, mất một số xe khá lớn: trận La Ngà trên đường Sài Gòn - Đà Lạt đã làm náo động cả dư luận Pháp.

"Sau những trận ở Bắc và ở Nam, Tây không còn hy vọng thắng lợi về mặt quân sự nữa. Chính những tên lãnh tụ và những báo chí của chúng cũng công khai nhận như vậy.

"Song, chết thì chết nét không chừa. Một mặt, giặc cứ chuẩn bị quân sự để tấn công ta lần sau. Một mặt chúng xoay ra tấn công ta bằng chính trị.

"Chúng đưa Vĩnh Thụy và Nguyễn Văn Xuân ra lập chính phủ bù nhìn toàn quốc. Song chúng lại sợ Vĩnh Thụy đã bị Mỹ lợi dụng, cho nên chúng giao cả công việc cho Xuân.

"Xuân là một người không có quốc tịch Việt Nam, không nói được tiếng ta. Nó là dân Tây, từ bé đến lớn đi làm cho Tây, được Tây cho làm thiếu tướng. Tư cách tài năng chẳng có. Đạo đức danh vọng cũng không. Vì vậy, nhân dân phi nhỏ nó đã đành, thân sĩ cũng chẳng ai thèm làm với nó. Xuân chỉ hợp được một bọn lâu la, tham tiền, vô sỉ, như bọn Phan Văn Giáo, Nghiêm Xuân Thiện, để lập chính phủ bù nhìn.

"Đầu tháng 6 năm 1948, ở Vịnh Hạ Long, thực dân Pháp cùng với Vĩnh Thụy, Nguyễn Văn Xuân tuyên bố chính phủ bù nhìn thành lập. Cờ của chúng nền vàng có ba sọc đỏ. Đồng bào ta gọi là "cờ ba que". Lá cờ bù nhìn đó hiện nay còn trưng bày ở

Viện Bảo tàng Hà Nội để nêu cái tội buôn dân bán nước của chúng cho thiên hạ đều xem.

"Để lừa bịp dân ta, bọn thực dân ở đây tuyên bố thừa nhận Việt Nam "thống nhất và độc lập". Nhưng đồng thời chúng bắt Vĩnh Thụy và Xuân ký một tờ giấy bí mật, trong đó có mấy điều:

"Việt Nam không có quân đội riêng, không có ngoại giao riêng, không có tài chính riêng, không có quyền can thiệp đến "nước Tây Kỳ", "nước Thái", và các "nước Nùng", "nước Thổ" mà Tây sẽ đặt ra.

"Cố nhiên dân ta chẳng ai tin cái độc lập thống nhất giả hiệu mà Tây vừa ban cho bọn bù nhìn. Nếu có một ít người nhẹ dạ mà tin chẳng nữa, thì sau vài hôm cũng hết tin. Vì ba bốn hôm sau trò hề ở Hạ Long, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đã tuyên bố rõ giá trị và nội dung của "Hiệp định Hạ Long" trước Quốc hội Pháp.

"Thế là thực dân, bù nhìn đã giấu đầu hở đuôi. Thậm chí các báo Việt gian cũng phải ngơ ngác thất vọng, cũng phải chửi khéo thực dân và bù nhìn.

"Trong lúc thực dân và Việt gian đang loay hoay bối rối như thế, chính sách của ta như thế nào?

"Ngay từ lúc tiếng súng bắt đầu nổ, Chính phủ và nhân dân ta đã có một chính sách nhất định, một chính sách không thay đổi. Tức là kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, kháng chiến bao giờ giành được độc lập và độc lập thật sự mới thôi. Như Hồ Chủ tịch đã nói: "Dù cần kháng chiến 5 năm, hay 10, 15 năm, ta cũng cứ kháng chiến".

"Dân ta ai cũng hiểu rằng: Thà chịu cực khổ, hy sinh mà kháng chiến 5, 10 năm, rồi được tự do độc lập mãi mãi, còn hơn gục mặt, cúi đầu, làm nô lệ như 80 năm về trước. Vì vậy, già trẻ, gái trai, ai cũng nhẫn nại, kiên quyết, hăng hái, quật cường. Ai cũng ra sức ủng hộ Chính phủ, ủng hộ bộ đội.

"Sau những cuộc thắng lợi ở Bắc và Nam, ta lại tiến lên một bước mới, một bước để kháng chiến lúc đó và kiến quốc ngày sau".

*

* *

Nói đến đó, Đào ngừng lại hỏi tôi:

- Cha nghe nhiều quá, có mệt không? Hay là để lát nữa, con sẽ nói thêm?

Tôi vuốt đầu Đào mà trả lời:

- Con cứ nói đi. Con cứ nói đi! Cha không mệt đâu. *Bước mới* là gì?

Đào cười và tiếp:

"Lúc đó là mới, bây giờ thì cũ rồi, cha ạ! Ngày nay xem lại, thì bước mới ấy rất là tầm thường. Nhưng mười năm về trước biết nêu nó ra, biết làm cho được, thì không phải là việc dễ.

"Nói tóm tắt, bước mới ấy là phong trào *Thi đua ái quốc* do Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh nêu ra.

"Thi đua ái quốc là một phong trào để hoàn toàn thực hiện cái khẩu hiệu: "Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến".

"Nó là thế này: Bất kỳ hạng người nào, bất kỳ nghề nghiệp gì, ai cũng thi đua nhau

"làm cho mau,

"làm cho tốt,

"làm cho đẹp,

"làm cho nhiều.

"Nhà nông thi đua nhau chăn nuôi, giống giọt cho nhiều, cho tốt để cho đủ ăn, đủ mặc và để tiếp tế cho quân đội ăn no, mặc ấm mà đánh giặc.

"Công nhân thi đua nhau làm súng đạn và các thứ khác cho nhiều, cho tốt, để tiện lợi cho dân và để quân đội có súng ống đầy đủ mà đánh giặc.

"Quân đội thi đua nhau bắn súng cho giỏi, ném lựu đạn cho xa, cho trúng và diệt cho nhiều địch, cướp cho nhiều súng.

"Văn nhân, nghệ sĩ đua nhau sáng tác cho hay, cho nhiều, để cổ động trong nhân dân, tuyên truyền ra thế giới, và để lưu lại cho đời sau những sự tích vĩ đại trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.

"Các nhà chuyên môn, các kỹ sư đua nhau chế tạo máy móc cho nhiều, cho tốt, để cho dân sinh được tiện lợi, kháng chiến chóng thành công.

"Y sĩ, dược sĩ thi đua nhau tìm ra những thứ thuốc dễ chế và hay, để chữa bệnh và giữ gìn sức khỏe cho bộ đội và nhân dân.

"Nhân viên và cán bộ thi đua nhau làm việc cho nhanh chóng và thực hành đúng 4 chữ *cần, kiệm, liêm, chính*; công việc chạy, mà lại được dân yêu, dân phục, dân tin.

"Các nhà giáo dục thi đua nhau tìm cách dạy dỗ cho mau, cho tốt, cho thiết thực với công việc kháng chiến và kiến quốc, để đào tạo ra nhiều cán bộ có tài, có đức cho nhà nước.

"Bình dân học vụ thi đua giết cho mau hết giặc đốt. Con nói thêm cho cha biết rằng anh chị em bình dân học vụ hăng hái lắm. Họ rất xứng đáng với cái tên "Vô danh anh hùng" mà Cụ Hồ đã tặng cho họ. Thi đua bắt đầu từ tháng 6 năm 1948 đến tháng 6 năm 1953, trong nước ta già trẻ gái trai đều biết đọc biết viết hết, chỉ sót một người. Người đó là một bà cụ 70 tuổi, ở làng X. L. Bà cụ vì tai điếc, không muốn học. Khi biết rằng cả nước ai cũng biết chữ chỉ còn một mình bà không biết, bà thề quyết học cho được. Đến đầu tháng 9, bà cụ đã đọc và viết được. Rằm tháng 9, Chính phủ ra lệnh cả nước khai hội ăn mừng: toàn dân Việt Nam thoát nạn mù chữ.

"Ăn mừng là phải. Đó là một thắng lợi mà cả thế giới chỉ mỗi nước ta có. Con xin nói tiếp việc thi đua ái quốc.

"Các nhà giàu có thi đua mở mang doanh nghiệp về canh nông, buôn bán, công nghệ, đã ích cho nước lại lợi cho nhà.

"Các vị già nua thi đua kêu gọi và đốc thúc con cháu làm việc.

"Các em nhi đồng thi đua học hành và giúp đỡ công việc nhẹ cho người lớn. Các em cũng hăng hái lắm. Nhiều nơi, ngoài buổi học, chúng nó tự tổ chức từng tốp nuôi vịt nuôi gà, trồng rau trồng sắn.

"Nói tóm lại là quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngành nào cũng thi đua. Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh, ai cũng thi đua".

Tôi vội ngắt lời Đào:

- Tiếc quá lúc đó cha chưa lành mạnh mà thi đua giết Tây.

Đào nói:

- Lúc đó cha không được thi đua thì bây giờ cha thi đua. Hiện nay toàn dân cũng đang thi đua kiến quốc đấy cha ạ.

Tôi lại hỏi:

- Sau phong trào thi đua ái quốc kết quả thế nào?

Đào nói:

"Chính phủ lập ra các ban cổ động thi đua từ trung ương cho đến các khu, các tỉnh, các huyện, các xã. Chính phủ lại đặt ra giải thưởng. Các đoàn thể cũng vậy.

"Vì thi đua ái quốc là một việc mới lạ, ban đầu không còn bờ ngõ. Nơi thì làm quá sức. Nơi thì mạnh ai nấy làm, không có kế hoạch. Nơi thì kế hoạch không thiết thực, làm được ít lâu rồi nguội dần.

"Song nhờ kinh nghiệm, và nhờ sự giúp đỡ và khuyến khích của Chính phủ cùng các đoàn thể, nhất là nhờ lòng hăng

hái và chí kiên quyết của dân, vài ba tháng sau, các ngành các nơi đều thi đua có ngăn nắp. Từ đó về sau, thi đua tiến lên vùn vụt. Kết quả đầu tiên là: dân đủ ăn, quân đủ súng, đánh đuổi thực dân, tranh lại độc lập.

"Con quen nói rằng: Vệ quốc quân và dân quân du kích là người xung phong đầu tiên trong phong trào thi đua ái quốc. Họ đặt tên riêng cho cuộc thi đua của họ là *Luyện quân lập công*. Bộ Quốc phòng, thì gọi thi đua là *Gây cơ sở, phá kỷ lục*.

"Một mặt thì họ thi đua học tập bắn súng, ném lựu đạn, hành quân. Đồng thời họ thi đua trong những cuộc xung phong đánh giặc. Họ tiến bộ rất nhanh về mọi mặt. Và sự tiến bộ của quân đội lại làm cho nhân dân thêm hăng hái trong cuộc thi đua.

"Cố nhiên giặc Pháp không để cho ta thi đua một cách yên ổn.

"Đến mùa thu đông năm 1948, giặc lại tấn công ta một lần nữa. Sức chúng đã sút nên trận này không được ào ạt bằng trận thu đông năm trước.

"Nhưng chính phủ ta đã sẵn kế hoạch. Quân và dân ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Lại nhờ kết quả của cuộc thi đua ái quốc, mà lực lượng ta hùng hậu hơn trước nhiều... Cho nên địch bị thất bại đau đớn hơn trận trước. Khi bắt đầu tấn công, quân lính nó ba phần, lúc thất bại rút lui ba phần chỉ còn một. Chẳng những chúng bị hao binh tổn tướng nhiều hơn trước, mà tinh thần của binh sĩ chúng cũng sút kém trông thấy.

"Trong hai cuộc tấn công mùa thu đông đó, có hai điều làm cho người ta chú ý. Một là nơi nào làm đúng theo mệnh lệnh của Chính phủ, canh phòng cẩn thận, sơ tán kịp thời, thì không mất mát chút gì hết. Những nơi nào hững hờ, chậm trễ, không ra sức phá hoại và làm vườn không nhà trống đến nơi đến chốn, thì bị giặc phá phách, khủng bố tàn tệ. Khi bị quân ta đuổi đánh, bọn giặc điên lên, hóa ra "chó dại cắn càn"; trên đường rút lui, gặp

nhà đốt nhà, gặp người giết người, bắt được đàn bà thì hiếp đàn bà, không bắt được đàn bà thì hiếp súc vật.

"Hai là, du kích ta rất khôn khéo. Ban ngày giặc đi đến đâu cũng bị du kích ta bám lấy đánh. Ban đêm, giặc đóng ở đâu cũng bị du kích ta quấy rối. Họ làm cho giặc ăn không yên, ở không yên. Đến nỗi nghe lá rụng, chim kêu giặc cũng giật mình sợ du kích, nhìn bụi cây, đám cỏ cũng tưởng bộ đội dân quân. Chúng hoang mang hốt hoảng, mất cả tinh thần. Khi gặp Vệ quốc quân thì giặc đã mệt mỏi, không còn chí chiến đấu nữa. Vì thế mà Vệ quốc quân luôn luôn thắng trận".

Nghe thích quá, tôi buột mồm hỏi:

- Thế là giặc Pháp hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi, kháng chiến hoàn toàn thành công rồi, chứ gì?

Đào nói:

- Thừa cha chưa đâu. Lúc đó cũng có người tưởng như cha vừa nói. Nhưng Cụ Hồ bảo rằng: Con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn có thể cắn. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho giập đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!

"Quả nhiên như lời Cụ nói. Sau khi thất bại, giặc kéo nhau về giữ mấy thành thị lớn, để mưu vật với ta một keo nữa".

*

* *

"Năm 1949, chúng tiếp được viện binh bằng máy bay. Quân ta bắn rơi mấy chiếc, xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của một nước ngoài, chúng lại khởi một cuộc tấn công nữa. Theo kế hoạch của giặc, thì trận ấy phải là một trận khủng khiếp nhất. Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không phải khủng khiếp cho ta.

"Một hôm, bất thành linh từng đàn, từng lũ máy bay, từ trong các thành thị tủa ra như ong. Xung quanh thành và trong những vùng chúng tưởng có cơ quan hoặc quân đội ta đóng, chúng giội bom xuống như mưa. Tốp máy bay này về, thì tốp khác tới, chúng thay nhau ném bom suốt một ngày và nửa đêm. Tiếng nổ long trời chuyển đất, khói lên nghi ngút như mây.

"Quá nửa đêm, chúng tưởng quân ta vây xung quanh thành đã bị bom tiêu diệt hết rồi, quân đội chúng xông xộc trong thành kéo ra. Đến ngoại ô, chúng không thấy một bóng người, chúng càng tin tưởng lực lượng ta không còn gì nữa.

"Quân ta yên lặng, để mặc chúng kéo vào các làng. Bất thành linh, một tiếng hiệu lệnh, bốn phía đạn bay. Quân địch bị ta vây kín. Chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết.

"Trong lúc hai bên đang kịch chiến ở ngoài thì các đội cảm tử của ta lén vào thành từ trước, toán thì đột kích vào các cơ quan của địch, toán thì mò vào phá máy bay, đốt kho dầu.

"Trận đó là trận cuối cùng. Chỉ trong và ngoài thành Hà Nội đã có hơn một vạn giặc chết và bị thương, chưa kể những thành phố khác.

"Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hòa với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta.

"Cuộc đàm phán tiến hành rất nhanh chóng, vì ngay từ lúc đầu kháng chiến, Chính phủ và nhân dân ta đã định rõ lập trường của Việt Nam, lập trường ấy là:

"Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập,

"có quốc hội riêng,

"chính phủ riêng,

"quân đội riêng,

"ngoại giao riêng,

"kinh tế và tài chính riêng,

"Việt Nam bằng lòng hợp tác thân thiện với Pháp trên lập trường bình đẳng và sẽ thừa nhận những lợi ích chính đáng của Pháp ở Việt Nam.

*

* *

"Bạo lực của thực dân đã tan nát. Chính phủ Pháp không thể "cò kè bớt một thêm hai" được nữa. Đoàn đại biểu Pháp ban đầu tuy cũng tìm cách này hay cách khác để cãi lầy được, nhưng rồi cũng phải thừa nhận những điều kiện chính đáng của ta.

"Chỉ một tuần thì hòa ước ký xong.

"Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng *kháng chiến thắng lợi*.

"Ông và bu con nói với con rằng ngày lễ đó vui gấp mười gấp trăm ngày lễ Độc lập tháng 9 năm 1945. Mà vui thật. Cờ đỏ sao vàng đỏ rực thành thị và thôn quê. Đâu đâu cũng kéo cờ, treo đèn kết hoa. Nhân dân ở cách Thủ đô và các tỉnh lý 20, 30 cây số, đều kéo nhau về đó tụ họp. Mỗi người cầm một lá cờ nhỏ, một đoàn dẫn đầu bằng lá cờ to. Thành thử các nẻo đường trở nên những dòng sông người và làn sóng cờ, chạy mãi, chạy mãi không ngớt. Hà Nội chật ních những người là người, phần thì bộ đội kéo về, phần thì nhân dân kéo đến. Ai cũng vui cười hăm hở. Cảm động nhất là anh em chiến sĩ đến đâu là dân bầu lại đó. Người biểu thứ này, kẻ tặng vật khác. Có những cụ già mừng rỡ và vui sướng quá mà khóc như trẻ con.

"Trong bài diễn văn của Cụ Hồ truyền khắp cả nước ngày đó, con còn nhớ những lời này:

"Nước ta ngày nay được thống nhất và độc lập thật sự rồi. Thống nhất và độc lập đó là do mồ hôi nước mắt của đồng bào, do xương máu của chiến sĩ mà tranh được.

"Ta thành công rồi, song chúng ta cũng như người đánh võ thắng lợi. Tuy thắng lợi, nhưng không khỏi chảy máu trầy da. Bây giờ cần phải lo chữa những vết thương đó.

"Bao nhiêu thành phố bị tàn phá, làng mạc bị tan hoang. Bao nhiêu ruộng đất bị tiêu điều, đường sá bị hư hỏng; bao nhiêu đồng bào bị lưu ly thất sở, trẻ con bị mất mẹ lìa cha.

"Đó là những thương tích mà chúng ta phải ra sức cứu chữa ngay.

"Nhờ lực lượng đại đoàn kết mà chúng ta kháng chiến thắng lợi. Từ đây, cũng nhờ tinh thần đại đoàn kết mà chúng ta kiến quốc thành công.

"Nội trong ba năm, chúng ta phải ra sức kiến thiết non sông gấm vóc này thành một nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam no ấm, giàu mạnh, dân chủ, hòa bình".

"Lời kêu gọi của Cụ Hồ được toàn dân hăng hái hưởng ứng.

"Phong trào thi đua ái quốc cứ theo đà tiến mãi, tiến mạnh hơn trước.

"Mai, ngày kia cha khỏe, đi thăm phố và làng, cha sẽ không nhận ra được nữa. Vì bây giờ dân ta, nước ta khác hẳn ngày trước rồi. Từ Nam Bộ đến Bắc Bộ, không còn có một người nào mù chữ, không còn có một người nào đói rách, không còn có một người nào thất nghiệp nữa.

Phố xá làng mạc, nơi nào cũng sạch sẽ, xinh tươi.

"Trường học, thư viện, nhà hát, phòng phát thuốc, sân thể thao, nơi nào cũng có.

"Cờ bạc, hút xách, trộm cắp, điếm đều mất.

"Những phong tục hủ lậu, những vết tích chiến tranh cũng hết sạch.

"Những đại biểu trong Quốc hội, những nhân viên trong Chính phủ, những cán bộ trong các đoàn thể đều là những người có tài, có đức, những người "anh hùng thi đua ái quốc" do nhân dân cử ra. Ai cũng thực hành bốn chữ cần, kiệm, liêm, chính và câu châm ngôn "chí công vô tư".

"Con không biết rõ đời Nghiêu Thuấn thịnh vượng thế nào, chứ nước ta ngày nay thật là một nước lễ nghĩa, một nước tự do, và hạnh phúc.

"Nhưng đồng bào ta không vì thế mà tự mãn, tự túc. Cụ Hồ đã nói: "Chúng ta còn phải cố gắng nữa, để tiến bộ nữa. Còn phải tiếp tục phong trào thi đua ái quốc, để theo cho kịp các nước tiên tiến trên thế giới".

Nghe đến hai chữ thế giới, tôi sực nhớ ngày còn ở bộ đội, anh chính trị viên thường nói chuyện tình hình trong nước và tình hình thế giới. Tôi liền hỏi Đào:

- Tình hình trong nước như con đã nói, còn tình hình thế giới ra sao?

Đào chưa kịp trả lời, thì thấy một đám người kéo vào phòng tôi, đi đầu là một người vạm vỡ, đeo kính trắng. Mọi người tươi cười vui vẻ, tay cầm một cành hoa. Khi vào đông đủ rồi, họ đồng thanh nói lớn:

Hoan hô đồng chí Văn Minh

Giấc mộng mười năm đã tỉnh!

Đào đứng dậy giới thiệu từng người. Té ra bác sĩ Trân, giám đốc nhà nghỉ này, và một số nhân viên. Tôi cảm ơn mọi người. Bác sĩ Trân cho phép tôi tùy ý nằm, ngồi, đi, đứng và hứa ba hôm sau tôi có thể về nhà tôi.

*

* *

Ba hôm sau, tôi ra về.

Về đến nhà, không khỏi tủi tủi mừng mừng, tình xưa cảnh mới. Việc đầu tiên tôi làm là viết một bức thư giao cho Đào dâng lên Cụ Hồ để cảm ơn Người và chúc Người mạnh khỏe. Việc thứ hai là cầm bút ghi lại những điều trên đây:

Trong mười năm bấy nhiêu tình,

Nước mình mình cứu, dân mình mình yêu.

Viết năm 1949. Theo bản in trong sách

Ký tên: Trần Lực *Hồ Chí Minh Truyện và ký*,

Tổng bộ Việt Minh xuất bản của Nhà xuất bản Văn học

In trong sách *Hồ Chí Minh, Truyện và ký*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cháu Trường Thiếu sinh quân Việt Nam ở Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp xâm lược (*Nhân buổi các cháu họp mặt mừng thọ Bác 60 tuổi - 19/5/1950*)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

THƯ TRUNG THU

Gửi các cháu nhi đồng ở vùng tự do, vùng du kích vùng tạm bị chiếm và ở ngoài nước.

Mỗi năm, đến Tết *Trung Thu*, Bác càng nhớ các cháu.

Trung Thu trăng trong gió mát là cảnh thái bình. Mục đích của Bác và Đoàn thể cùng Chính phủ là cốt xây dựng cho các cháu đời sống thái bình, tự do, sung sướng.

Nhưng vì giặc Pháp, bọn can thiệp Mỹ và lũ Việt gian bù nhìn muốn bắt dân ta làm nô lệ cho chúng, chúng gây ra chiến tranh xâm lược, cho nên dân ta phải *ra sức kháng chiến* để giữ lấy độc lập, tự do.

Từ Thu trước đến Thu này, kháng chiến ta có nhiều thắng lợi, mà các cháu cũng tiến bộ nhiều.

Các cháu đều biết yêu nước, ghét giặc, đều chăm học, siêng làm. Các cháu đều biết đoàn kết, thương yêu cha mẹ, giúp đỡ bộ đội và thương binh, giúp tăng gia sản xuất và tiết kiệm.

Có nhiều cháu đã *được khen thưởng*, có cháu đã thành *chiến sĩ thi đua toàn quốc*.

Các cháu ở trong vùng tạm bị chiếm rất gan góc. Nhiều cháu đã hy sinh oanh liệt, để giữ bí mật, để giúp đỡ cán bộ và bộ đội.

Nói tóm lại, các cháu rất ngoan, Bác rất vui lòng.

Chắc các cháu có nghe nói: Không những đồng bào trong nước mà các ông, các bà, các cô, các chú trong phe dân chủ thế giới, nhất là ở các nước bạn như Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, đều nhớ đến các cháu. Cho nên đã lập ra *Ủy ban quốc tế bảo vệ thiếu nhi* và định ngày 1-6 là ngày *Tết Quốc tế* của tất cả nhi đồng ở các nước.

Như thế là các cháu, nhi đồng Việt Nam và Trung Quốc, có hai Tết: Tết mùng 1 tháng 6 và Tết Trung Thu. Càng được săn sóc, các cháu càng phải cố gắng ngoan hơn nữa.

Các cháu thư cho Bác nhiều lắm. Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung Thu, Bác gửi các cháu thư này:

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh?
Tính các cháu ngoan ngoãn,
Mặt các cháu xinh xinh,

Mong các cháu cố gắng
Thi đua và học hành.
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
Tùy theo sức của mình:

Để tham gia kháng chiến,
Để giữ gìn hòa bình.
Các cháu hãy xứng đáng:
Cháu Bác Hồ Chí Minh!

Hôn các cháu

HỒ CHÍ MINH

Báo Nhân dân, số 75, ngày 25-9-1952.

CHẾT MÀ CHƯA HẾT NHỤC

Đế quốc Mỹ thường khoe chế độ chính trị và xã hội Mỹ là bình đẳng, dân chủ, tự do nhất thế giới. Song sự thật thì đế quốc Mỹ rất tàn nhẫn, dã man. Một thí dụ: một hạ sĩ quan tên là Giôn Lát chết ở mặt trận Triều Tiên. Người ta đưa xác y về cho mẹ y, ở châu Ôhiô. Khóc than, chôn cất xong, bà con thân thích vừa ra khỏi nhà, thì dùng một cái..., người ta mang quan tài Giôn trả lại cho mẹ Giôn, và nói: “Xét lại sổ sách, thì Giôn không phải hoàn toàn là nòi da trắng: tổ tiên Giôn là lai Ấn Độ. Vì vậy, Giôn không có quyền được chôn bên cạnh những người da trắng!”

Khi cần có bia đỡ đạn trong chiến tranh, thì đế quốc Mỹ rất “bình đẳng”! không phân biệt nòi giống nào. Ngoài trường hợp ấy ra, thì đế quốc Mỹ chẳng bình đẳng chút nào. Mặt thật của đế quốc “dân chủ” Mỹ là như thế đó.

Anh Giôn chết mà chưa hết nhục, thật là thêm một bài học cho những người tin Mỹ, sợ Mỹ, phục Mỹ.

Báo *Nhân dân*, số 82, ra ngày 13-11-1952.

C.B.

MẬT THẨM MỸ *

MÁCDINI là một cán bộ cao cấp của bộ mật thám trung ương Mỹ. Năm 1946, vì ý kiến chính trị, y từ chức. Sau đó y bị bắt bỏ tù 3 năm. Khi được tha về, năm 1952 y viết một quyển sách tên là *Sự thật về chiến tranh lạnh*. Y nhắc lại những điều tai nghe mắt thấy, và những tài liệu y thu góp được những năm y làm mật thám.

Tướng Gorô là một võ quan Mỹ ở đại sứ quán Mỹ tại Liên Xô. Đồng thời là một đầu sỏ mật thám. Cuối năm 1951, y đến Béclanh để khai hội cùng các đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu. Y mất một quyển sổ tay. Quyển sổ tay ấy lọt vào một ký giả Anh. Ký giả này đưa nội dung quyển ấy đăng lên các báo và in thành một quyển sách. Việc đó làm cho dư luận thế giới rất xôn xao và tướng Gorô bị cách chức.

Hai quyển ấy đều chứng tỏ Mỹ âm mưu gây chiến thế nào, chứng cứ rõ ràng không sao chối được.

Nếu bà con muốn biết nội dung hai quyển ấy, xin tiếp tục xem những kỳ báo sau.

19-4-1954

* Truyện *Mật thám Mỹ* gồm 15 bài đăng trên 15 kỳ báo *Cứu quốc* từ ngày 19 tháng 4 năm 1954 đến ngày 21 tháng 5 năm 1954. Mỗi kỳ đăng có ghi số lần lượt từ 1 đến 15. Nay in thành một bài chia làm 15 đoạn đánh số từ 1 đến 15. Ngày tháng ghi cuối mỗi đoạn, chỉ rõ đoạn đó đăng trên báo *Nhân dân* ra vào ngày nào. Ví dụ: Cuối đoạn 1 ghi: 19-4-1954, nghĩa là đoạn 1 đăng trên báo *Nhân dân* ra ngày 19 tháng 4 năm 1954. Các đoạn khác cũng như vậy.

2

Mácđini viết: Trong một thế giới chia rẽ, một cuộc chạy thi binh bị không lồ, gồm cả những vũ khí khủng khiếp như bom nguyên tử và bom vi trùng. Tranh giành thuộc địa, xui giục nội chiến, đấu tranh kinh tế, tuyên truyền chiến tranh. Đó là những việc đã làm cho tình hình thế giới căng thẳng.

Người ta đổ lỗi cho Liên Xô phụ trách những việc ấy.

Nhưng chính phủ Mỹ thừa biết Liên Xô không có ý muốn chiến tranh và chính những người cầm quyền Mỹ cũng không tin những lời tuyên truyền ghê tởm mà Mỹ đã bịa đặt ra. Chứng cứ là:

10-6-1946, bộ trưởng quốc phòng Mỹ ghi trong nhật ký rằng: y hoàn toàn tin rằng Liên Xô sẽ không có hành động quân sự.

16-7-1946, tổng tư lệnh Mỹ ở Đức nói với bộ trưởng kia: Nga không muốn chiến tranh.

Còn nhiều bộ trưởng Mỹ cũng đều nói...

Họ nói thế nào kỳ sau sẽ tiếp.

21-4-1954

3

15-10-1946 - Cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Hariman báo cáo với bộ trưởng quốc phòng Mỹ rằng: Y không tin rằng Nga sẽ gây chiến nay mai.

3-8-1948 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Smit báo cáo trước ủy ban quân sự Mỹ rằng: Y không hề thấy một chút gì để chứng minh rằng Liên Xô chuẩn bị chiến tranh.

Năm 1950 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Kênan, cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là đô đốc Kiéc đều nói như vậy. Tướng Aixenhao cũng nghĩ như vậy.

Bí mật ở nội bộ Mỹ thì như vậy. Song khi nói công khai thì những người Mỹ lại to mồm vu cho Liên Xô uy hiếp Mỹ và các

nước khác. Bởi vậy chính bọn chúng là những kẻ gây ra chiến tranh lạnh.

Năm 1943 - (Anbeca là một cố vấn tối cao của tổng thống Mỹ đã ghi trong nhật ký của y...) xin xem kỳ sau.

23-4-1954

4

Anbeca viết: Trong những cuộc chuyện trò riêng, các quan lại cao cấp Mỹ và Anh thường bảo nhau rằng: Họ chắc rằng sau cuộc thế giới đại chiến thứ hai này, Mỹ và Anh sẽ lôi thôi với Nga. Họ cho rằng tổng thống Rüdoven đã sai lầm mà đòi quân phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Nhóm người ấy không muốn tiêu diệt quân đội Đức, để ngày sau dùng nó chống Nga.

Đầu năm 1945, trong cuộc hội nghị ở Yanta giữa ba nước Xô, Anh, Mỹ, đã ký hiệp định giữ gìn hòa bình thế giới sau này. Ngay sau đó, các chính khách phản động Anh Mỹ đã mưu phá hoại hiệp định ấy.

Ngay trong lúc chiến tranh chống phát xít Đức đang tiến hành, thì phản động Anh, Mỹ đã chuẩn bị một cuộc chiến tranh khác để chống Liên Xô. Ông Anbeca viết:

Những nhóm người Mỹ có thế lực đang tìm cách khiêu khích Liên Xô. Họ âm mưu trong một thời kỳ gần đây sẽ tuyệt giao và gây chiến với Liên Xô. Bộ tham mưu của tổng thống là một bộ phận trong nhóm đó.

Mácđini viết: Hồi tháng 8, tháng 9 năm 1945, sau những cuộc thử bom nguyên tử, thì Mỹ quyết định thực hiện chiến tranh lạnh. Các chính khách Mỹ, trước hết là tổng thống T'ruman, chắc rằng không nước nào khác có bom nguyên tử. Do đó mà họ càng trắng trợn, T'ruman nói: Ta đã sẵn có trong tay một thứ vũ khí chắc chắn để chống lại Nga. Một viên tướng Mỹ là Atôm đã nói với những lãnh tụ quân sự nước Anh: Người địch thứ hai của chúng ta là Nga. Và các tướng lĩnh Anh cũng đồng ý như vậy.

26-4-1954

Mỹ đã dùng kế hoạch Mácsan, khôi Bắc Đại Tây Dương, chính sách T'ruman, v.v... để che giấu âm mưu gây chiến của chúng. Chúng ra sức tuyên truyền rằng: Mỹ và Xô không thể sống chung.

Tướng Gorô đã trắng trợn viết rằng: chiến tranh bùng nổ càng sớm càng tốt. Bùng nổ ngay lập tức càng tốt nữa.

Trong chương thứ ba, Mácdini đã kể rõ ràng những món tiền lãi khổng lồ mà đại tư bản Mỹ đã thu được trong cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên. Mácdini cũng kể rõ những thống khổ về tinh thần và vật chất mà nhân dân Mỹ đã phải chịu đựng. Đồng thời chiến tranh lạnh đã làm cho nhân dân thế giới nghi ngờ Mỹ và oán ghét Mỹ.

Nhưng phe hòa bình dân chủ thế giới ngày càng mạnh. Âm mưu gây chiến đã thất bại nhiều lần, bọn gây chiến không thực hiện được tất cả những kế hoạch của chúng. Tổng thống cũ là T'ruman đã thất bại. Tổng thống mới là Aixenhao hứa hẹn rất nhiều, nhưng vẫn tiếp tục chiến tranh lạnh.

Mục đích chiến tranh lạnh là gây chuyện với Liên Xô và phe dân chủ hòa bình thế giới. Hơn nữa, mỗi một khi Liên Xô có sáng kiến đề ra những phương pháp nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng thì phản động Mỹ lại cố tìm mọi cách phá hoại hòa bình. Thí dụ như cuộc khiêu khích ở Béclanh ngày 17 tháng 6 năm 1953 và những lời lẽ và hành động trắng trợn của Lý Thừa Vân ở Triều Tiên - đều là những bộ phận trong kế hoạch của Mỹ.

Chính phủ Mỹ đã dùng 100 triệu đôla, và đang chuẩn bị tăng đến 500 triệu vào việc tổ chức những bọn phản động, mật thám phá hoại, biệt kích, v.v... và bí mật thả chúng vào Liên Xô và các nước dân chủ mới. Mácdini kết luận nhân dân Mỹ phải đoàn kết lại để đấu tranh cho hòa bình thế giới và tự do dân chủ cho bản thân mình.

(Kỳ sau: nhật ký của tướng Mỹ mật thám Gorô)

28-4-1954

6

Hồi tháng 8-1951, một ký giả Anh và một ký giả Mỹ gặp nhau tại một quán rượu ở Béclanh. Lúc đó thế giới đang bàn tán nhiều về bức thư thân thiện của Quốc hội Mỹ vừa gửi cho Quốc hội Liên Xô.

Ký giả Anh hỏi ký giả Mỹ: Chuyến này nhóm thống trị Mỹ có vẻ dè dặt nhỉ?

Ký giả Mỹ ngập ngừng một lúc, rồi trả lời: Bức thư ấy chỉ có tiếng mà không có miếng. Sự thực là... đây này.

Dứt lời ký giả Mỹ trao cho ký giả Anh một cuộn giấy và nói khẽ: “Đây là một bản đồ sỏ tay của tướng Gorô, nội dung hay lắm. Nếu tôi công bố nó ra thì tôi sẽ bị, vì tôi là người Mỹ. Nếu không công bố ra thì tiếc quá. Vậy tôi trao cho anh, anh muốn dùng thế nào, tùy ý anh”.

Về đến nhà, ký giả Anh vội vàng mở bản sỏ tay ấy ra xem... thì trời ơi! Vận mệnh của một nước, một dân tộc to lớn như Mỹ mà nằm trong tay một bọn người như tướng Gorô thì thật là nguy hiểm quá.

Trong bản sỏ tay nói những gì? (Kỳ sau tiếp theo).

30-4-1954

7

Trong bản sỏ tay, tướng Gorô viết: Khi tiến công, chúng ta phải nhằm vào chỗ yếu của Nga. Chúng ta phải nhớ rằng chiến tranh này là chiến tranh toàn diện, phải dùng tất cả các vũ khí (nghĩa là cả bom nguyên tử, bom vi trùng). Trong chiến tranh này, dùng những thủ đoạn không chính đáng, tức là rất chính đáng.

26-2-1951, Gorô viết: Hôm nay đã gửi một sỏ thư về tình báo. Nhận được thư của K., y đã đưa thư của tôi cho S. xem (S. là Smit, trước làm đại sứ Mỹ ở Liên Xô, sau làm cục trưởng

mật thám Mỹ, nay là phó bộ trưởng ngoại giao). S. rất thích. Minh giục họ chuẩn bị nhanh. K. nói rằng S. rất thích nhưng chưa hành động gì. S. cũng nhận rằng năm nay là một năm tình hình rất nguy cấp...

3-5-1954

8

Tướng mật thám Gorô không phải là một cán bộ bình thường. Y là một nhân vật quan trọng trong nhóm thống trị của Mỹ. Hẳn giữ chức võ quan ở đại sứ quán Mỹ, quan hệ mật thiết với các cơ quan mật thám trung ương Mỹ và có liên lạc với cả phủ tổng thống Mỹ. Vì vậy ý kiến và hành động của hấn là ý kiến và hành động của chính phủ Mỹ.

23-2-1951, Gorô viết: Thư B. cho biết tất cả tin tức tình báo của mình đều đã đến các ngành quan trọng và đưa đến tận tổng thống.

Sau đây là một đoạn trích trong nhật ký của Gorô vào năm 1951:

8-1 - Tôi ngồi xe đi về phía Nam Maxcova, muốn dò xem những nơi đặt cao xạ và pháo nhưng không thấy gì.

12-1 - Cả buổi chiều tôi cùng L. và A. đi dò xét những đường phố mới. Vẫn không thấy nơi đặt cao xạ pháo. Nhưng được một ít tài liệu có quan hệ về nơi dự định phòng thủ.

20-1 B. và tôi ngồi xe đi về phía đông và đông nam. Tuyết xuống nhiều quá, suốt 3 tiếng đồng hồ tìm thấy 3 nơi đặt cao xạ pháo.

21-1 - Tuyết xuống dày đặc. Chỉ cách vài thước trước mặt cũng không nhìn thấu rõ. Vì vậy hôm nay không tìm thấy gì. Những bức thư về vấn đề cao xạ pháo tôi vừa gửi theo va li thư ngoại giao của đại sứ quán.

28-1 - Ăn xong cơm sáng, đi xe sang vùng Đại học F. Đi loanh quanh mãi, không thấy gì, chỉ thấy mấy nơi nuôi ngựa.

15-2 - T. và tôi điều tra kỹ khu vực công nghệ phía bắc. Không thấy nơi đặt cao xạ pháo.

24-3 - T. lại cùng tôi đi dò tìm nơi đặt cao xạ pháo. Chỉ thấy 2 nơi cũ, nay họ sắp lập một nhà máy ở đó.

Nhật ký của Gorô còn nhiều nữa. Nhưng bấy nhiêu cũng đủ thấy vị quan ngoại giao Mỹ hoạt động thế nào.

5-5-1954

9

Không những quan ngoại giao Mỹ làm mật thám, mà Mỹ còn mua chuộc quan ngoại giao nước khác làm mật thám cho Mỹ. Vài thí dụ trong bản nhật ký Gorô viết:

18-1 - P. đến thăm tôi. Y kiên quyết nói với tôi không tìm ra được nơi đặt cao xạ pháo. Tôi làm thinh. Sự thật là tôi đã tìm thấy 4 nơi, mà y không biết.

14-3 - P. đến thăm. Cùng tôi nói chuyện hồi lâu, ước lượng thực lực quân sự của Liên Xô.

21-3 - P. đến thăm. Y cho tôi biết một ít tình báo về cao xạ pháo ở Leningrat, đúng với tài liệu tôi đã điều tra. Trưa - tôi viết báo cáo về tình hình 1 nhà máy mà tôi đã chú ý điều tra suốt 6 tháng nay.

P. là một quan ngoại giao Anh ở Maxcova.

7-5-1954

10

Chẳng những quan ngoại giao của nước Anh mà quan ngoại giao của nhiều nước đế quốc khác cũng làm mật thám cho Mỹ. Gorô ghi trong nhật ký:

2-3 - Viên quan năm H. ở đại sứ quán Canada đã báo cáo với tôi: Y đã đi đến Q. dò xét hơn 2 tiếng đồng hồ. Nhưng không thấy hoạt động quân sự gì ở đó.

26-1 - S. quan ngoại giao nước Hy Lạp rất mong có chiến tranh. S. là một chiến sĩ hăng hái ở châu Âu.

15-3 - S. đến ăn cơm với tôi. Nói chuyện rất ý hợp tâm đầu. S. tỏ vẻ nóng ruột, vì Mỹ còn chưa quyết định. Tôi cũng vậy. Hai chúng tôi đều tin rằng nếu Mỹ quyết đoán, thì các nước Tây Âu đều theo chúng ta.

Ngoài những người kể trên, còn có nhiều quan ngoại giao của đại sứ quán nước khác “giúp việc” Gorô nữa.

10-5-1954

11

Gorô viết tiếp:

16-4 - Tôi đã ghi được những phù hiệu tàu bay quân sự, và xem thấy vài công việc phòng không.

Trong những đoạn nhật ký sau, Gorô đã kể rõ y và những người giúp việc y đã dò xét tình hình những khu vực khác ở Liên Xô và đã báo cáo kết quả những cuộc dò xét của họ cho y biết. Và Gorô viết tiếp:

Trong tháng 5-1954 hơi thất vọng, vì không dò xét được những điều quan hệ về quân sự. Chỉ có một chiếc cầu đáng chú ý, vì nó là một mục tiêu tốt.

12-5 - Ở X. có nhà máy điện to, gần đó có một vùng đất thỏ, là một mục tiêu tốt.

23-5 - Goróttóp là một thành thị đẹp, ở bờ Tây Bắc sông Đông. Mục tiêu tốt. Ở đó có một chiếc cầu. Nếu phá hoại được thì giao thông sẽ bị chặt đứt.

12-5-1954

12

Gorô viết tiếp:

27-5 - Tôi và V. đến thành phố T. đã 3 hôm. Sáng nay 9 giờ ăn cơm xong chúng tôi đi dò xét.

Chúng tôi ngồi xe đi về phía tây bắc, chúng tôi nghi ở đây có trường xe tăng.

Nói tóm lại, Gorô và bọn của hắn lợi dụng địa vị quan ngoại giao mà làm việc mật thám. Ngoài việc mật thám thì chúng đánh bài. Thí dụ trong nhật ký hắn đã ghi:

29-1 - Chúng tôi đánh bài từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng...

Nhật ký của Gorô lại cho chúng ta biết trong đám ngoại giao Mỹ thường có xích mích với nhau vì lợi quyền cá nhân. Thí dụ:

Vị đại sứ Mỹ cho Gorô những phòng ở nhỏ hơn phòng của những quan ngoại giao khác, mà Gorô đã hậm hực bất mãn.

Có một lần đại sứ Mỹ phê bình Gorô, hắn cũng tức mình. Trong nhật ký hắn mỉa mai báo thù đại sứ Mỹ. Như hắn đã viết:

14-4-1951 - Hình như vợ chồng đại sứ không biết cách làm người, cũng không biết lãnh đạo sứ quán.

Tuy Gorô trong lòng thì khinh đại sứ Mỹ là cấp trên của hắn, nhưng khi nào đại sứ Mỹ khen hắn thì hắn cũng lấy làm đắc ý, ví dụ: tiếp kỳ sau.

14-5-1954

13

Nhật ký của Gorô ghi rằng:

27-3-1951 - Đại sứ xem xong báo cáo của tôi. Báo cáo ấy đoán chắc rằng trong năm nay hoặc trước tháng 7-1952 chắc có hành động chiến tranh, bao gồm cả chiến tranh ở châu Âu. Lời quyết đoán ấy làm cho Đại sứ rất chấn động. Đại sứ cho rằng bản báo cáo của tôi rất đáng chú ý.

Gorô say mê về công việc mật thám, nhưng chưa hài lòng với địa vị thiếu tướng của hắn. Nhật ký của hắn ghi:

4-1 - Tôi mong rằng không phải ở đây mãi, vì quân đội Mỹ mở rộng thì chắc tôi sẽ được một địa vị tốt hơn.

4-6-1951 - Gorô sang Đức khai hội nghị với bọn đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu, nhân dịp đó y không bỏ lỡ cơ hội tìm cách phát tài. Trong nhật ký y đã ghi:

12-6 - Tôi đã nhờ M. đặt một số hàng, tôi mong rằng số hàng ấy sẽ được lãi khá.

2-7 - Mua thêm một số hàng mới.

Cùng ngày tôi đã gửi đi 10 hòm áo quần.

Xem đó thì thấy rằng bọn quan ngoại giao Mỹ có 3 hạng hoạt động: mật thám, đánh bạc, buôn chợ đen.

17-5-1954

14

Gorô và tất cả bọn phản động Mỹ chỉ ước ao một điều - là chiến tranh.

8-1-1951 - Gorô ghi vào nhật ký: Năm nay có thể là năm mà chúng ta trông mong, nghĩa là năm nay có thể có chiến tranh.

29-3 - Theo ý tôi hiện nay thời cơ đánh nhau đã chín mùi.

5-2 - Trong hội nghị bọn đầu sỏ mật thám, Gorô hồng hách nói:

- Chúng ta cần một lời kêu gọi kiên quyết, đánh thép lãnh đạo chúng ta: Cần phải tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản.

Trong cuộc hội nghị mật thám ở Đức đã tổ chức những ủy ban phụ trách về việc sử dụng bom nguyên tử và bom vi trùng, v.v...

Lại có một ủy ban phụ trách nghiên cứu chiến thuật phá hoại. Chúng đã bàn định những kế hoạch mơ màng như Gorô đã ghi trong nhật ký. Ví dụ:

“Sau khi chính quyền Xô Viết đã bị đánh đổ, Mỹ cần phải làm những việc gì?

Phải chuẩn bị sẵn sàng để lập chính phủ bù nhìn thay thế...”
Hội nghị ấy đề nghị... Tiếp theo kỳ sau.

19-5-1954

15

Hội nghị ấy đề nghị về quân sự “dùng tất cả các thứ vũ khí”. Về chính trị “dùng tất cả mọi cách không chính đáng”.

Hội nghị ấy phân công cho các nhóm mật thám Mỹ: “Các cơ quan mật thám Mỹ phải luôn luôn cố gắng, tìm ra chỗ yếu và chỗ

manh, và báo cáo lên cấp trên. Chúng ta dùng bất kỳ phương pháp gì để phá hoại lòng tin cậy của nhân dân Liên Xô đối với chính phủ họ. Chúng ta phải tìm hết cách làm cho họ mất sự tín nhiệm đối với Đảng Cộng sản”.

Gorô nhấn mạnh rằng: “Dùng bất kỳ cách gì, nói thật hay nói dối, cốt sao đầu độc được tâm lý mọi người”.

Những chính sách đúng đắn của Liên Xô làm cho bọn mật thám Gorô cũng phải thừa nhận rằng: “Chúng ta chớ chủ quan rằng nhân dân Liên Xô oán ghét chính phủ họ... Nhân dân Liên Xô sẽ ủng hộ chính phủ họ...”. Cuối cùng Gorô nói một cách tức tối: “Chúng ta quyết không nên mắc sai lầm tưởng rằng đời sống của nhân dân túng thiếu... vì đời sống của họ ngày càng được cải thiện...”

Xem những đoạn trích trong quyển sách và quyển nhật ký của hai người mật thám Mỹ, thì chúng ta thấy rõ:

- Đế quốc Mỹ luôn luôn âm mưu gây chiến.
- Liên Xô luôn luôn cố gắng giữ gìn hòa bình thế giới.
- Phong trào hòa bình thế giới ngày càng mạnh, đã làm cho âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ thất bại.
- Nhân dân thế giới phải luôn luôn tỉnh táo, phải kiên quyết đấu tranh thì nhất định giữ gìn được hòa bình thế giới.

21-5-1954

Báo *Nhân dân*, từ ngày 19-4-1954 đến
ngày 21-5-1954.

Đ.X



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đại biểu quân đội trong buổi họp mặt chúc thọ Người nhân dịp ngày sinh lần thứ 60 (1950) tại Việt Bắc. *Trong ảnh (Võ Nguyên Giáp; Vương Thừa Vũ; Lê Liêm; Hà Văn Lâu; Trần Đại Nghĩa)*

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

MẪU CHUYỆN VỀ ĐIỆN BIÊN PHỦ

I. "NÓI LÁO TRÊN TRỜI DƯỚI ĐẤT NGHE"

Những mẫu chuyện anh dũng của quân và dân ta các báo đã kể nhiều. Đây tôi chỉ kể vài mẫu chuyện *không anh dũng của địch*. Trước hết là bọn Chính phủ phản động Pháp rất thạo nghề nói láo. Vài thí dụ:

- Tháng 5-1947, Bộ trưởng Quốc phòng là Côt Phôrê nói: "Quân đội Pháp chiếm đóng tất cả các thành thị và đường giao thông. Vậy ở Đông Dương không có vấn đề quân sự nữa".

- Tháng 3-1949, Côt Phôrê lại nói: "Tôi sẽ làm tròn phận sự, tôi sẽ không để chiến tranh tê liệt".

- Tháng 10-1950 - Sau khi Pháp thất bại ở biên giới, Bộ trưởng Quốc phòng mới là Plêven nói: "Từ nay, Pháp sẽ bắt ép quân đội Việt Minh rời xa căn cứ của họ, Pháp sẽ chọn những mặt trận có lợi cho mình để trả thù cho những binh sĩ Pháp đã hy sinh ở Cao Bằng và Lạng Sơn".

- Tháng 11-1950, Bộ trưởng "Khối liên minh Pháp", là Lotuôcnô nói: "Pháp rút lui khỏi biên giới để tận trung thêm quân dự bị. Đồng thời để bắt ép Việt Minh phải kéo dài đường giao thông của họ, do đó mà làm cho địch yếu thêm".

- Tháng 12-1951. Plêven lại nói: "Kế hoạch của Pháp hiện nay sẽ đưa đến thắng lợi trong 15 hoặc 18 tháng".

- Tháng 10-1953, Thủ tướng Lanien nói: "Kế hoạch Nava sẽ tăng cường bộ đội cơ động Pháp, sẽ bình định xong đồng bằng Bắc Bộ và sẽ chủ động trong những cuộc tiến công lớn... Lực lượng Pháp ngày càng tăng, về bộ đội cũng như về vũ trang".

- Tháng 2-1954, khi sang Đông Dương, Plêven nói: "Tôi sang đây để giúp Nava chuẩn bị kế hoạch tiến công". Khi trở về

Pháp, Plêven nói: "Tướng Nava đoán chắc rằng Chiến dịch Điện Biên Phủ sẽ không đưa lại kết quả gì cho Việt Minh".

Thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ đã chứng tỏ rằng: Bọn chúng *chủ quan và nói láo mất mùa*.

II.

NỘI BỘ PHÁP LŨNG CÙNG

Khi thất bại, thì bọn chính trị Pháp đổ lỗi cho bọn quân sự. Bọn quân sự lại cãi lại.

Ngày 29-4, tờ báo tư sản Pháp *Người xem xét* đăng những ý kiến của một số lãnh tụ quân sự Pháp, tóm tắt như sau:

- Khi đã phải rút khỏi Lai Châu và Nà Sản, mà Pháp lại đưa gần hai vạn quân Pháp vào thung lũng Điện Biên, đó là một tội ác chính trị... Đến mùa mưa, thì quân đội Pháp hoặc chết đuối hết, hoặc là đầu hàng.

- Hầu hết những tiểu đoàn tinh nhuệ Pháp đã đưa đến Điện Biên Phủ. Những cuộc đánh nhau ở đồng bằng, nhất là trên đường số 5, ngày thêm dữ dội. Điều đó làm cho Pháp rất lo ngại... Các lãnh tụ quân sự Pháp đều cho rằng Bắc Bộ như đã mất rồi. Ở Sài Gòn người ta bắt đầu lo sợ.

- Quân đội Bảo Đại không được 5 vạn người có sức chiến đấu. Phần đông chỉ chờ dịp để chuồn. Quân đội kháng chiến, dù là bộ đội địa phương, cũng không kém quân đội Pháp.

- Mặc dầu những thất bại ở Hòa Bình và Điện Biên Phủ, tinh thần sĩ quan Pháp vẫn khá vững. Nhưng khi họ hiểu rằng họ phải hy sinh cho lợi ích của Mỹ và của Bảo Đại (tên vua cỏ mà cả quân đội Pháp đều khinh rẻ) - thì họ rất tức tối.

- Máy bay Mỹ dội đạn lửa khắp xung quanh Điện Biên Phủ không làm núng quân đội kháng chiến, mà chỉ tàn phá những làng mạc đông dân. Sự can thiệp của Mỹ đối với ảnh hưởng chính trị thì rất tai hại, đối với kết quả quân sự thì không ăn thua.

- Nói tóm lại: Các lãnh tụ quân sự đều nhất trí rằng Pháp không thể giữ Bắc Bộ nữa. Và nếu thất bại ở Điện Biên Phủ thì tình hình Pháp sẽ càng khó khăn.

Trên đây là ý kiến của một nhóm lãnh tụ quân sự Pháp.

Nhưng chúng ta *chớ vì những ý kiến ấy mà chủ quan khinh địch*.

III

PHÁP VỠ ĐẦU, MỸ CÀNG MÉO MẶT

Điện Biên Phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, càng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ. Vì Mỹ đã định ra kế hoạch Nava, đã giúp tiền bạc và vũ khí để thực hiện kế hoạch ấy.

Hồi tháng 10-1953, các nhà báo tư sản Pháp đã viết: Chính phủ Pháp vâng lệnh Mỹ kéo dài chiến tranh. Mỹ xuất tiền, Pháp thì xuất xương máu. Binh sĩ Pháp đã thành một quân đội đánh thuê. (*Báo Thế giới*).

Mỹ sợ Pháp đàm phán và bắt ép Pháp bơi theo cuộc chiến tranh thất vọng. (*Báo Chiến đấu*).

Trong trận Điện Biên Phủ, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đã nói: Mỹ sẽ hết sức giúp cho Pháp giành lấy thắng lợi.

Tổng thống Mỹ đã viết thư khuyến khích bộ đội Pháp ở Điện Biên Phủ. Đến khi Pháp thất bại Tổng thống Mỹ lại gửi điện vuốt đuôi: "Tôi tỏ lòng kính trọng quân đội Pháp anh dũng... Thất bại tạm thời cũng không thể làm giảm bớt lịch sử vẻ vang của quân đội Pháp".

Tháng 2-1954, đoàn đại biểu Quốc hội Mỹ sang xem xét Đông Dương. Khi trở về Mỹ, họ báo cáo rằng:

"Về quân sự, 8 năm nay Việt Minh đã giành được nhiều thắng lợi. 18 tháng nay, Pháp dùng nhiều chiến thuật tiến công, nhưng không có kết quả, dù quân Pháp có 50 vạn người chống

lại 30 vạn người của quân Việt Minh. Dù sao, Mỹ cũng cần tiếp tục giúp Pháp, nếu không thì Pháp không thể chiến tranh nữa".

Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta.

IV

TRỜI ĐẤT VIỆT KHÔNG DUNG GIẶC PHÁP

Địch cậy rằng chúng đã đưa phần lớn quân đội tinh nhuệ đến Điện Biên Phủ, cho nên chúng rất chắc ăn.

Hôm 21-1, bọn chỉ huy Pháp thách: "Võ Nguyên Giáp có giỏi thì đến đánh Điện Biên Phủ".

9-3, Nava nói: "Việt Minh sẽ bị đánh tan ở Điện Biên Phủ".

13-3, ta tấn công đợt 1, Pháp thất bại. Nhưng hôm 15-3, Nava và Cônhi vẫn múa mép: "Chắc rằng Pháp sẽ thắng".

Bọn chỉ huy Pháp huênh hoang như vậy, nhưng tinh thần binh sĩ Pháp thì thế nào?

Ngay sau hôm ta tấn công đợt 1, tên quan năm chỉ huy pháo binh địch tự tử; tên quan năm tham mưu trưởng bị đuổi về Hà Nội.

Báo Thế giới (22-4) viết: "Quân nhảy dù Pháp chẳng còn tinh thần gì mà nói... Mặt người nào cũng tái mét. Họ viết "Di chúc" để lại. Dốc hết cốc rượu cuối cùng, họ bắt tay nhau, im lặng không nói một lời, bước lên máy bay. Rồi họ phó mặc trời. Họ biết rằng nếu nhảy sai một chút, thì may phúc lắm là trốn đời làm tù binh của Việt Minh".

Báo ấy viết tiếp: "1 quan năm chỉ huy đội máy bay mặt mày hốc hác, nói một cách mỉa mai: "Chúng ta có nhiều máy bay; chúng có lẽ ngày nào Việt Minh cũng bắn rơi mấy chiếc. Phi công thì người nào cũng mệt như. Chính tôi đây, hôm nay tôi đã bay suốt 17 tiếng đồng hồ. Nếu tôi phải bay một lần nữa, thì tôi không đảm bảo máy bay của tôi sẽ ra sao!".

Báo ấy viết thêm: "Tính đến 22-4, Bộ tư lệnh Pháp nhận đã mất 23 chiếc máy bay. Kỳ thật đã mất 55 chiếc ở Điện Biên Phủ".

Địch thả dù viện binh và tiếp tế xuống Điện Biên Phủ, phần lớn dù đã lọt vào tay ta. Như: ngày 4-5, chúng thả 234 dù, thì 222 chiếc ta đã tóm được.

Tối 4-5, chúng thả 280 dù, thì 200 chiếc ta tóm được.

Hôm 5-5, chúng thả 759 dù thì 337 chiếc bị ta tóm được.

V

QUAN BINH PHÁP KHÔNG THƯƠNG THƯƠNG BINH PHÁP

Hôm 3-5, Tổng chỉ huy địch ở Điện Biên Phủ là Đờ Cát đồng dục tuyên bố: "Chúng tôi quyết giữ Điện Biên Phủ cho đến người cuối cùng! Chúng tôi quyết không chịu hàng!"

Nhưng 4 hôm sau, đến trận cuối cùng, cờ đỏ sao vàng của ta tung bay tới đâu thì cờ trắng xin hàng của địch lơ nhô tới đó. Cả quan lẫn lính kéo nhau từng đàn ra hàng. Năm chiến sĩ ta là các đồng chí Luật, Lâm, Hiền và hai đồng chí nữa đánh thốc vào bộ tư lệnh địch. Tướng Đờ Cát với 4 tên quan năm, 6 tên quan tư và 10 tên sĩ quan nữa giơ tay xin hàng.

Thế là ta toàn thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16. 000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1. 000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh Pháp thế nào? Hãng thông tấn U. P Mỹ (7-5) viết: "Hơn 1. 000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngột thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, Tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy...".

VI

TỪ BIÊN GIỚI ĐẾN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Tháng 10-1950, trong trận giải phóng biên giới, ta tiêu diệt và bắt sống hơn 4. 500 địch, trong đó có 3 tên quan năm. Trận ấy đã làm cho *cả nước Pháp xôn xao*. Các báo Pháp đã nói: "Đó là thất bại to nhất trong lịch sử thực dân Pháp".

Tiếp đến những trận Hòa Bình, phủ Nho Quan, vân vân, Pháp cũng thất bại.

Đến Điện Biên Phủ thì làm cho *cả thế giới xôn xao*. Bạn ta và nhân dân cả châu Á thì vui mừng. Phe đế quốc, nhất là Pháp - Mỹ thì ngơ ngác. Một mặt vì trước chúng tuyên truyền quá huênh hoang. (Cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ còn múa mồm nói: Pháp chắc thắng lợi ở Điện Biên Phủ - Eisenhower predicts Điện Biên Phủ victory) - Mặt khác, chúng thất bại cũng nặng thật: mất 25 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất, gần 20 tên quan năm và 1 tên thiếu tướng...

Báo chí phản động Pháp - Mỹ đã phải nhận rằng: "Điện Biên Phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu".

Tin Điện Biên Phủ thất bại về đến Pháp đúng vào ngày cả nước Pháp đang tung bừng sắm sửa ăn mừng "thắng" Đức (1945). Thành thử cuộc ăn mừng cụt hứng mà hóa ra là cuộc truy điệu.

Ảnh hưởng của Điện Biên Phủ: Hiện nay, kiều dân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, vân vân, đều chuẩn bị cuốn gói chuồn. Các nhà tư bản Pháp ở vùng tạm bị chiếm thì rút lui vốn liếng có trật tự, mỗi đồng bạc Mỹ trước kia đổi 34 đồng Đông Dương, nay đổi 100 đồng. Tinh thần binh sĩ Pháp chán nản. Ngụy binh rất hoang mang, đã có những nhóm vác súng chạy theo ta. Thực dân Pháp thì trách Mỹ không hết sức, không kịp thời cứu vãn. Đế quốc Mỹ thì trách Pháp hèn hạ, bất tài. Nội bộ Chính phủ Pháp lục đục, tên này đổ lỗi cho tên kia. Bại tướng Nava bị cách chức. Tên tướng Ely sang thay...

Càng thất bại thì địch càng hung dữ, càng gần thắng lợi thì ta càng gặp nhiều khó khăn. Thật vậy, hiện nay ở Hội nghị Giơnevơ, ngoài mồm thì địch nói muốn thương lượng, nhưng sự thật thì chúng đang gấp rút điều binh khiển tướng để tiếp tục chiến tranh.

Để tranh lấy thắng lợi mới, chúng ta phải ra sức vượt khó khăn mới; quân, dân và cán bộ ta, mỗi người phải ra sức thi đua làm tròn nhiệm vụ, tuyệt đối chớ khinh địch, chớ chủ quan. Nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta.

Đ. X.

Báo Cứu quốc, các số:
2605 ngày 26-5-1954,
2606 ngày 28-5-1954,
2608 ngày 31-5-1954,
2610 ngày 2-6-1954,
2611 ngày 4-6-1954,
2613 ngày 7-6-1954.

LIÊN XÔ VĨ ĐẠI

Viết xong tháng 10-1957. Nxb. Sự thật xuất bản thành sách năm 1957.

Ký tên: TRẦN LỰC.

Theo cuốn sách do Nxb. Sự thật xuất bản năm 1957.

Thưa bà con,

Cùng với nhân dân Liên Xô anh em, lúc này tất cả bà con trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa và giai cấp lao động khắp thế giới đều vui vẻ sắm sửa ăn mừng ngày kỷ niệm thứ 40 của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Đó là một cuộc kỷ niệm to lớn và vẻ vang xưa nay chưa từng có.

Nhân dịp này, chắc bà con ta muốn hiểu rõ hơn nữa tình hình của Liên Xô. Hiểu rõ thêm để tin tưởng thêm, để yêu quý thêm.

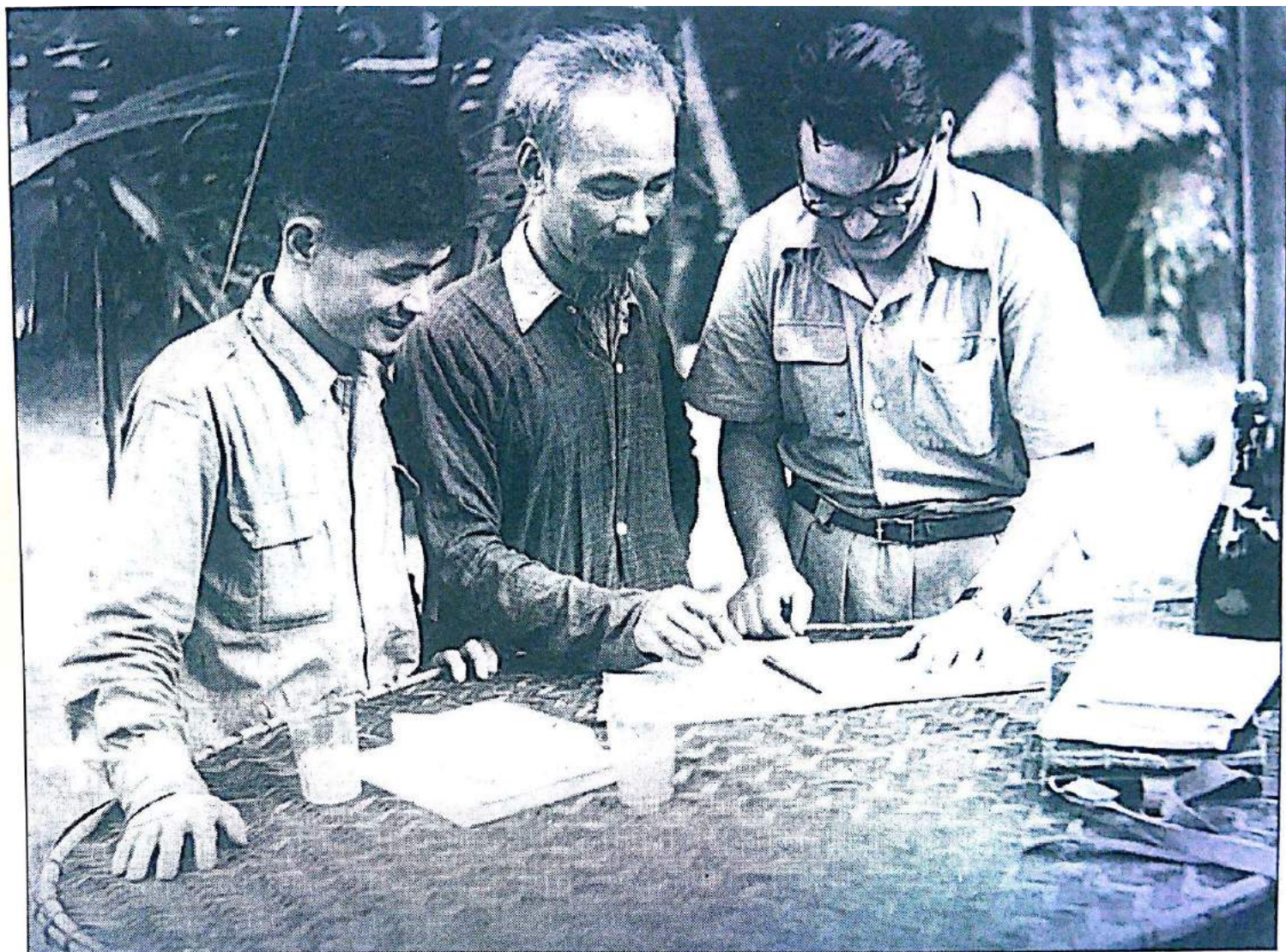
Để hiểu rõ thêm thì có một cách tốt nhất, là mời bà con cùng tôi đi thăm Liên Xô.

Xin bà con chớ ngại, cuộc đi thăm này không khó khăn tốn kém gì, vì nó là một cuộc đi thăm bằng tinh thần. Bà con ngồi nghe tôi kể chuyện và cứ tưởng tượng như mình đã đi đến nơi đó, đã gặp người kia, thấy việc nọ...

Xin bà con đặc biệt chú ý một điều là: Muốn thấy rõ cái gì hơn, cái gì kém, cái gì ít, cái gì nhiều, thì phải *so sánh*. Muốn so sánh thì không gì hơn là nêu *con số*. Vì vậy cho nên trong cuộc du lịch này, chúng ta sẽ gặp nhiều con số.

Xin mời bà con đi.

Đây, trước mắt chúng ta là một dải đất rộng mênh mông, từ Âu sang Á, nó chiếm một phần sáu quả đất. Đó là Liên Xô. Liên Xô là một nước to nhất trên thế giới, có 22 triệu 40 vạn cây số vuông,



Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng chí Lê-ô-phi-giê,
Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp tại Việt Bắc - 1950
(Bên cạnh Người là đồng chí Lê Văn Lương)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

to gấp ba nước Mỹ. (Cả nước Việt Nam ta có 32 vạn 8 nghìn cây số vuông). Chúng ta đang đứng ở đảo Rátmanốp là phía cực đông của Liên Xô, bây giờ là 5 giờ sáng, nhưng lúc này ở hồ Baican là chính giữa Liên Xô thì vừa 12 giờ khuya, mà ở Mátxcova là phía tây, thì đã 7 giờ tối.

Từ đông sang tây là như thế, còn từ nam đến bắc thì độ 4.000 cây số. Khi ở phía nam là mùa xuân, thì ở phía bắc chính là mùa đông giá rét.

Biên giới Liên Xô tiếp giáp với 12 biển, 3 đại dương và 12 nước. Những nước ấy là Na Uy, Ba Lan, Phần Lan, Tiệp Khắc, Hunggari, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Ápganixtan, Mông Cổ, Triều Tiên và Trung Quốc. Hình trạng đất nước Liên xô, phía trái là vùng đồng bằng mênh mông; phía phải là những núi non trùng điệp. Cao nhất là vùng Pamia, có ngọn núi Xtalin cao 7.495 thước. Ở vùng này, ban đêm thì rét, nước đông thành đá, ban ngày thì nóng hổi như lò nung.

Ở Liên Xô từ vùng này sang vùng khác, khí hậu khác nhau rất nhiều. Thí dụ: mùa xuân đến vào khoảng tháng 2 ở phía nam là Tuốc-mê-ni, xuống đến Mátxcova khoảng tháng 5 và đến tháng 6 mới đến Bắc Xibêri; nghĩa là từ nam sang bắc mùa xuân khác nhau 5 tháng. Ở Bắc Xibêri tuyết phủ trong một năm và khi ở đó rét dưới 70 độ âm, thì ở Nam Giê-ôóc-gi khí trời ấm áp, hoa nở đầy vườn. Nóng hay rét đều có tác dụng của nó. Nơi rét thì cây lâu lớn, nhưng chất gỗ cứng chắc. Nơi nóng thì lúa, bông, hoa quả chín nhanh. Xưa kia cực Bắc là một vùng băng tuyết mênh mông, không có người ở. Nhưng từ sau cách mạng thành công, thì có những thành phố mới xây dựng lên. Và nhờ khoa học mà người ta đã trồng được các thứ cây cối hoa quả xứ nóng.

Liên Xô là một nước rất giàu. Ở những vùng như Uc-ren, Cuban, Vônga, Tây Xibêri là những nơi có hàng chục triệu mẫu đất ruộng phì nhiêu, sản xuất đủ các thứ hoa màu, khoai lúa. Ở Cô-ca-dơ, Tianchan và những vùng núi khác là những nơi tiện lợi cho nghề chăn nuôi và có rất nhiều thứ hầm mỏ, do đó công

nghiệp rất phát triển. Như trên đã nói, Liên Xô tiếp giáp với nhiều biển và đại dương, cho nên việc giao thông vận tải rất tiện lợi, rất giàu về cá, muối.

Một điều thú vị là do việc xây dựng nhiều xưởng to và đào nhiều kênh lớn, Liên Xô có những cái biển nhân tạo rất to, như biển Ximlianxcaia, biển Goócki, biển Cubisép, v. v..

Bây giờ chúng ta đi sang phía Nam Liên Xô. Những trũng cát mênh mông đó là Caracum và Kixicum. Ở đây rất ít mưa và bà con có thể đặt trứng gà trên bãi cát thì nó khắc chín. Trước kia, đây là một vùng hoang vu, vì thiếu nước không trồng trọt gì được. Ngày nay Liên Xô đã đào nhiều kênh dẫn nước, kênh to nhất là kênh Caracum trước mắt chúng ta, kênh này dài gần 1.000 cây số. Có nước thì trũng cát trở nên ruộng tốt, cho nên vùng này hiện nay sản xuất rất nhiều bông.

Liên Xô đất rộng, của nhiều, người đông, Liên Xô có 200 triệu nhân dân. Trong số đó có non trăm dân tộc khác nhau về nhiều mặt. Như dân tộc Nga có hơn 100 triệu người, trình độ văn hóa rất cao, còn ở Côcadơ có một dân tộc chỉ vven vven mấy trăm người ở trong một làng. Các dân tộc Liên Xô nói hàng trăm thứ tiếng khác nhau. Có những dân tộc khai hóa đã lâu đời, lại có độ 40 dân tộc thì sau cách mạng thành công mới có chữ viết. Nhưng bất kỳ số người đông hay là ít, trình độ thấp hay là cao, dưới chế độ xôviết tất cả các dân tộc đều đoàn kết thành một khối, đều bình đẳng bình quyền.

Một điều đáng chú ý là số người ở các thành thị tăng lên rất nhanh. Trước cách mạng, số người ở thành thị chiếm hơn 17% tổng số nhân dân. Năm 1956 số đó tăng đến hơn 43%. Thủ đô Mátxcova có 5 triệu nhân dân, nếu kể cả ngoại ô thì hơn 8 triệu.

Một điều đáng chú ý nữa là: trong một nước to lớn như vậy, người nhiều như vậy, mà khắp cả nước không có một người thất nghiệp, không có một người tư bản, không có một ai bị người bóc lột hoặc bóc lột người.

*

* *

Bà con ta đã biết qua núi sông, phong cảnh, khí hậu, nhân dân Liên Xô. Bây giờ chúng ta hãy xét xem tình hình kinh tế của Liên Xô, trước hết là *công nghiệp*.

Trước cách mạng, Nga là một nước người đông nhất, đất rộng nhất, nguyên liệu nhiều nhất, so với các nước Âu, Mỹ. Nhưng về mặt công nghiệp thì Nga lại lạc hậu, đứng vào bậc chót. Nga không sản xuất được máy móc, xe hơi, máy cày, v. v.. Về trang bị máy móc, Mỹ nhiều hơn Nga gấp 10 lần. Nhiều nhà máy và hầm mỏ ở Nga đều do bọn tư bản nước ngoài làm chủ.

Cách mạng tháng Mười thành công, tình hình ấy thay đổi hẳn, từ một nước công nghiệp lạc hậu, nay Liên Xô đã trở thành một nước công nghiệp tiên tiến vào hạng nhất ở châu Âu và hạng nhất hạng nhì trên thế giới.

Năm 1956 các nhà khoa học tính ra trong một tiếng đồng hồ Liên Xô sản xuất hơn:

4.000 tấn gang

5.500 tấn thép

48.000 tấn than

628.000 thước vải, v. v..

Kết quả đó, nhân dân Liên Xô đã phải đấu tranh gian khổ mấy chục năm trường mới giành được.

Trải qua bốn năm Thế giới chiến tranh lần thứ nhất, rồi năm năm nội chiến và quân đội 14 nước tấn công, tiếp đến mấy năm bị các nước tư bản bao vây, kẻ địch bên trong và bên ngoài tìm mọi cách phá hoại, kinh tế của Liên Xô bị điêu tàn gần hết. Thiếu nguyên liệu, thiếu lương thực, thiếu máy móc, thiếu tiền vốn, cái gì cũng thiếu. Thật là khó khăn không thể tưởng tượng. Lúc bấy giờ Liên Xô lại là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, cô độc một mình, chưa có nước anh em giúp đỡ.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và kiên quyết của Đảng Cộng sản, nhân dân lao động Liên Xô đã cắn răng buộc bụng, nhịn ăn, nhịn mặc, vượt mọi khó khăn, góp sức góp tiền để khôi phục lại nền kinh tế. Ngoài việc nghĩa vụ lao động và thi đua yêu nước, mỗi tháng lĩnh lương, tất cả mọi người công nhân và viên chức đều góp ít nhiều vào quỹ "khôi phục kinh tế". Nông dân được chia ruộng đất, cũng hăng hái giúp tiền giúp sức vào việc xây dựng lại nước nhà. Nhờ vậy, đến năm 1926 tức là chín năm sau cách mạng, kinh tế đã khôi phục bằng mức trước chiến tranh. Song như thế vẫn chưa đủ. Để đứng vững, để làm kiểu mẫu cho vô sản thế giới. Liên Xô cần phải tiến hơn nữa về mặt kinh tế, để đuổi kịp rồi vượt qua các nước tư bản. Cách mạng thành công, Nhà nước tức là toàn thể nhân dân lao động đã làm chủ đất ruộng, nhà máy, vận tải, ngân hàng, mậu dịch, v. v... Trên cơ sở tự lực cánh sinh, gia tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm, Nhà nước và nhân dân đồng tâm hiệp lực, thì nhất định đủ lực lượng xây dựng và phát triển kinh tế.

Năm 1928 bắt đầu thực hiện *kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*. Kế hoạch này đến năm 1932 thì xong. Nó nhằm trang bị cho công nghiệp và nông nghiệp những máy móc mới.

Ban đầu nhiều người không tin kế hoạch ấy có thể thành công, vì máy móc thiếu, kinh nghiệm thiếu, cán bộ thiếu. Nhưng với sự cố gắng không ngừng của nhân dân lao động, các xưởng làm máy kéo, xe hơi, hóa học; các xưởng đúc gang đúc thép; các trạm điện, v. v. lần lượt được xây dựng ở nhiều nơi.

Phong trào thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm đã góp phần to lớn cho công cuộc xây dựng này. Tiếp đến *kế hoạch 5 năm lần thứ hai* (1933 đến 1937) thì công cuộc xây dựng kỹ thuật cho toàn bộ kinh tế đã căn bản thành công. So với năm 1913, thì sản xuất về công nghiệp nặng đã tăng gấp 8 lần.

Cũng như kế hoạch thứ nhất, kế hoạch thứ hai đã thành công trước kỳ hạn; và *kế hoạch 5 năm thứ ba* bắt đầu từ năm 1938, nhằm mục đích theo kịp và vượt quá mức sản xuất của các nước tư bản.

Năm 1940, Liên Xô đã có hơn 9.000 xí nghiệp lớn và sản xuất 15 triệu tấn gang, 18 triệu rưỡi tấn thép, 31 triệu tấn dầu lửa, v. v.. Những nhà máy đồ sộ đã được xây dựng ở những vùng Uran, Côcadơ, Xibêri, v. v.. So với năm 1913, thì tổng số sản xuất công nghiệp nặng tăng 12 lần, máy móc tăng 50 lần. Về mặt sản xuất máy móc, Liên Xô đã vào hạng thứ nhất trên thế giới.

Kế hoạch thứ ba đang tiến hành rất thuận lợi, kinh tế đang phát triển vùn vụt, thì phát xít Đức bất thành lĩnh tấn công Liên Xô.

Những vùng bị giặc phát xít chiếm đóng là những vùng giàu có, trước đây đã sản xuất 58% thép, 60% than, 68% gang.

Phát xít Đức đã đốt phá:

1.710	thành phố
70.000	làng mạc
31.850	nhà máy
82.000	trường học
6.000.000	nóc nhà
Làm cho 25.000.000	người mất chỗ ở.

Liên Xô đã thiệt hại hơn 679.000 triệu rúp, và năm năm chiến tranh chống phát xít đã làm chậm trễ mất 10 năm cho sự phát triển kinh tế của nước nhà.

Bắt đầu chiến tranh, Liên Xô đã đòi được 1.300 xí nghiệp lớn về hậu phương và xây thêm nhiều nhà máy mới; nhờ vậy mà cung cấp đầy đủ các thứ cho quân đội để đánh thắng giặc.

Sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai mà Liên Xô đã bị hy sinh nhiều nhất, trong lúc các nước tư bản chưa hàn gắn xong vết thương do chiến tranh gây ra, thì chỉ trong 5, 6 năm, Liên Xô đã khôi phục lại tất cả nền kinh tế.

Trong *kế hoạch 5 năm thứ tư* (1946 đến 1950), 6.000 xí nghiệp lớn đã được xây dựng. So với trước chiến tranh, sản xuất than đã tăng 50% mà sản xuất các loại khác thì tăng gấp 2, gấp 3.

So với năm 1940, thì sản xuất công nghiệp của *kế hoạch 5 năm thứ năm* (1951 đến 1955) đã tăng hơn gấp 3 lần. Riêng về sản xuất máy móc tăng gấp 5 lần. Gang, thép, than, điện... thì Liên Xô đứng đầu tất cả các nước Âu châu.

Hiện nay, nhân dân lao động Liên Xô đang thi đua thực hiện *kế hoạch 7 năm* (1956 đến 1962).

Nếu lấy năm 1940 làm mức 100% thì đến cuối kế hoạch thứ sáu, sản xuất công nghiệp của Liên Xô sẽ tăng đến 530%. Vài con số thú vị: năm 1947, thép của 3 nước Anh, Pháp, Tây Đức cộng lại thì nhiều gấp 2 Liên Xô. Năm 1956, thì Liên Xô sản xuất thép hơn 45 triệu tấn, mà 3 nước kia cộng lại là 54 triệu tấn, nghĩa là chỉ hơn Liên Xô non 9 triệu tấn, tức là 1/6. Năm 1960, Liên Xô sẽ sản xuất 429 triệu tấn than.

Hiện nay, Liên Xô sản xuất những kiểu rất mới về tàu thủy, xe hơi, đầu tàu, máy bay. Máy bay phản lực "T. U. 104" chở được hơn 50 người, bay cao 12 cây số, bay nhanh 1.000 cây số một giờ. Mỹ và Anh đều chưa có thứ máy bay như thế này để chở khách.

Mỗi năm Liên Xô sản xuất hơn 30 vạn máy kéo và năm 1960 sẽ sản xuất 65 vạn camminhông cho các nông trường.

Về *công nghiệp nhẹ*, thì việc sản xuất các thứ cần dùng hằng ngày cho nhân dân, như đồ ăn, vải vóc, đồ dùng, so với năm 1913 thì năm 1937 đã tăng gấp 6 lần rưỡi. Trong những năm chiến tranh chống phát xít, sản xuất công nghiệp nhẹ bị giảm sút. Đến năm 1950 sản xuất đã khôi phục và vượt mức năm 1940. Vài thí dụ: Riêng Nhà máy dệt Camisin ở Vônga mỗi ngày sản xuất 1 triệu thước vải và lụa. Các nhà máy đồ hộp ở Ama Ata mỗi ngày sản xuất 140.000 hộp thịt.

Năm 1950 Liên Xô đã sản xuất:

5.500 triệu thước vải

754 triệu thước lụa

268 triệu thước len

314 triệu đôi giày

4.530 nghìn tấn đường

1.370 nghìn tấn bơ và bánh sữa, v. v..

So với năm 1913, thì năm 1956 công nghiệp nhẹ tăng gấp hơn 11 lần. Hơn 1.500 nhà máy mới chuyên môn sản xuất hàng hóa cần dùng cho nhân dân. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ sáu, công nghiệp nhẹ được thêm nhiều nhà máy hơn nữa.

Theo nghị quyết của Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, năm 1960 sẽ sản xuất:

7.270 triệu thước vải

1.074 triệu thước lụa

363 triệu thước len

455 triệu đôi giày

6.530 nghìn tấn đường

3.950 nghìn tấn thịt

2.500 nghìn tấn bơ sữa.

Thế là so với năm 1956, công nghiệp nhẹ vào năm 1960 sẽ phát triển rất nhiều; do đó, nhân dân Liên Xô càng ngày ăn càng ngon, mặc càng đẹp hơn mãi.

Vì bà con ta đi du lịch, cho nên chúng ta cũng nên nói tóm tắt về việc *giao thông vận tải* của Liên Xô.

Liên Xô có: 120.700 cây số đường sắt. Nhiều đầu tàu chạy bằng điện, đã sạch sẽ, lại rẻ tiền. Trong kế hoạch thứ sáu sẽ bắc thêm 6.500 cây số đường ray. Vận tải bằng đường thủy rất phát triển ở các biển, các sông, các kênh đào.

206.900 cây số đường xe hơi chạy khắp trong nước.

Máy bay của Liên Xô đi lại khắp trong nước và trên thế giới. Nhân dân Liên Xô còn dùng máy bay vào những việc như gieo giống mạ, tìm luồng cá, bảo vệ rừng, cấp cứu người ốm, v. v..

So với năm 1913 thì năm 1956 việc giao thông vận tải tăng gấp hơn 10 lần.

*
* *

Trong các xí nghiệp Liên Xô, phần lớn công tác đều làm bằng máy. Số nhà máy tự động ngày càng nhiều. Ở các nhà máy tự động, việc sản xuất từ đầu đến cuối đều do máy làm, không cần đến sức người. Chỉ cần một số ít người để xem xét công việc. Thí dụ xưởng điện Niép (Dniepr) có chín hệ thống máy chạy bằng 650.000 kw điện và nhiều thứ máy móc khác, mà chỉ có sáu người thợ chuyên môn trông coi.

Một điều rất mới trong công nghiệp, là ba năm nay Liên Xô đã dùng sức nguyên tử trong công cuộc sản xuất. Nhà máy nguyên tử đầu tiên trên thế giới ở gần Mátxcova, sản xuất 5.000 kw. Trong 24 tiếng đồng hồ nó chỉ tốn 30 gam chất uranium. Nếu dùng than thì phải tốn 100 tấn. Trong kế hoạch thứ sáu xưởng nguyên tử sẽ tăng đến 420.000 kw nghĩa là tăng gấp 84 lần. Người ta dùng sức nguyên tử vào công nghiệp, nông nghiệp, chữa bệnh và những ngành kinh tế khác, cho đến máy đếm chai rượu, bia...

Vài con số sau đây chứng tỏ mức sản xuất của Liên Xô phát triển nhanh chóng thế nào:

Sản lượng của cả năm 1920"

Về điện, thì năm 1955 chỉ sản xuất trong: 24 giờ

Về gang, : 36 -

Về đường cát, : 168 -

Về dầu lửa, : 192 -

Về than đá, : 480 -

So sánh về mức phát triển sản xuất của Liên Xô với các nước tư bản và lấy năm 1929 làm mức 100%, thì chúng ta thấy

năm 1955 bình quân các nước tư bản tăng 193% và Liên Xô tăng 2.049%.

Sở dĩ Liên Xô phát triển nhanh như vậy là nhờ *năng suất lao động* tăng rất cao, như năm 1955 tăng gấp tám lần năm 1913 và gấp ba lần năm 1940. Mà năng suất lao động tăng là nhờ kỷ luật lao động rất nghiêm, tổ chức lao động ngày càng tiến bộ, tinh thần lao động của mỗi người đều rất cao. Ai cũng hiểu điều sâu sắc rằng lao động là vẻ vang.

Oenxơ (Wells) là một văn sĩ người Anh nổi tiếng. Năm 1920, ông sang thăm Liên Xô, sau khi nghe Lênin nói về kế hoạch điện khí hóa, ông Oenxơ đã ngạc nhiên và nói: "Kế hoạch ấy là một ảo tưởng. Ai mà cả gan tưởng tượng ra một kế hoạch *gan liền* như vậy ở một nước rộng mênh mông và đầy rừng núi, kỹ thuật đã thấp kém, đa số nhân dân lại mù chữ, công nghiệp và thương nghiệp thì tiêu điều... ". Sự thật thì ngày nay Liên Xô đã hoàn thành mấy kế hoạch to hơn kế hoạch mà ông Oenxơ cho là ảo tưởng.

Nói tóm lại, cuối kế hoạch 5 năm thứ sáu, sản lượng công nghiệp của Liên Xô sẽ nhiều gấp năm so với sản lượng năm 1940.

Trong 40 năm, nhân dân Liên Xô đã phải *trải qua 18 năm phấn đấu gian khổ và chiến tranh*, chỉ có 22 năm có hoàn cảnh hòa bình để đưa cả lực lượng vào công cuộc xây dựng. Vì vậy Liên Xô hết sức chống chiến tranh, quyết tâm giữ gìn hòa bình thế giới. Liên Xô có sức người và sức của dồi dào để phát triển nhanh, phát triển mạnh và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Liên Xô hùng mạnh như vậy, nhưng Liên Xô vẫn luôn luôn chủ trương chung sống hòa bình. Liên Xô đã tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên khắp thế giới. Liên Xô sẵn sàng giúp đỡ các nước tiến chậm trong việc phát triển kinh tế, sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế và văn hóa với các nước trên thế giới. Đặc biệt là Liên Xô rất thiết tha đòi cấm chỉ vũ khí nguyên tử và vũ khí khinh khí và tích cực đấu tranh để thực hiện việc tái giảm quân bị. Chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô ngày càng được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới hết lòng ủng hộ.

*

* *

Chúng ta đã xem qua công nghiệp của Liên Xô, trước khi đi thăm *nông nghiệp* Liên Xô, tôi xin nhắc lại một chuyện cũ. Năm 1908, trong một bản báo cáo, Bộ Nội vụ của vua Nga viết: "Năm nào cũng có một số rất đông nông dân bị nạn chết đói đe dọa".

Hồi đó hầu hết ruộng đất đều là của bọn địa chủ. 30.000 đại địa chủ chiếm hết hơn 70 triệu mẫu tây, mà 10 triệu gia đình nông dân cũng chỉ có độ chừng ấy ruộng đất, 65% nông dân là dân cày nghèo, sống một cách rất cực khổ.

Cách mạng tháng Mười đã chia cho nông dân lao động hơn 150 triệu mẫu tây ruộng đất và trâu bò tịch thu của địa chủ phong kiến. Nông dân rất sung sướng được chia ruộng đất, nhưng cách cày cấy làm ăn vẫn cũ kỹ và riêng lẻ. Trong cả nước có hơn 25 triệu gia đình nông dân như vậy. Mà như vậy thì đời sống của nông dân khó cải thiện và nông nghiệp khó tiến bộ. Muốn cải thiện sinh hoạt và sản xuất tiến bộ thì cần phải tổ chức *hợp tác xã nông nghiệp* (hay là *nông trường tập thể*).

Nhưng đối với hợp tác xã nông nghiệp, nông dân còn ngập ngừng, lo ngại, không tin, vì đó là một việc mới lạ. Bọn phản động lại tìm mọi cách phá hoại.

Đảng và Chính phủ vừa ra sức tuyên truyền giải thích, vừa ra sức tổ chức nông trường nhà nước để làm kiểu mẫu. Nhờ vậy mà đến năm 1929 hợp tác xã nông nghiệp đã được tổ chức khắp cả nước. Năm 1930 Đảng và Chính phủ phái về nông thôn 25.000 công nhân đặc lực để giúp các hợp tác xã. Năm 1937 thì 93% nông dân đều vào hợp tác xã và đã sản xuất 27.200 ngàn tấn lúa mì cho thị trường, tức là nhiều hơn trước cách mạng 65.000 tấn. Đó là một thắng lợi to. Thế là nông nghiệp cũng đã bắt đầu tiến dần theo công nghiệp và đời sống của nông dân được cải thiện rất nhiều. Nếu so với năm 1913, thì năm 1956 khoản thu

nhập của nông dân tăng gấp 19 lần. Ở nông thôn không còn cảnh đói rách, dốt nát nữa.

Trong mấy năm chiến tranh chống phát xít Đức, lực lượng của hợp tác xã và của nông trường nhà nước càng biểu hiện một cách rõ rệt. Bọn phát xít Đức đã đốt phá:

98.000 hợp tác xã nông nghiệp

70.000 xã

1.876 nông trường nhà nước

2.890 trạm máy cày

chúng đã cướp đi hoặc giết làm thịt:

17 triệu con bò

7 triệu con ngựa

hàng chục triệu con dê và cừu,

hàng chục vạn người đã bị chúng bắn chết hoặc bắt đi.

Nếu hồi đó mà không có hợp tác xã và nông trường nhà nước, thì chắc rằng nông nghiệp đã phá sản, nhân dân và bộ đội đã bị đói. Lúc đó hầu hết đàn ông và trai tráng đều đi đánh giặc; ở hậu phương chỉ có người già, đàn bà, trẻ con. Thế mà nhờ cách tổ chức của hợp tác xã và nông trường nhà nước. Nhờ lòng nồng nàn yêu nước của nông dân, cho nên sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vững và bộ đội cùng nhân dân vẫn được cung cấp lương thực đầy đủ.

Hiện nay, Liên Xô có 87.500 hợp tác xã nông nghiệp với 397 triệu mẫu tây ruộng đất và 5.134 nông trường nhà nước với 89 triệu mẫu. Ngoài ruộng đất và của cải chung của hợp tác xã, mỗi gia đình nông dân có riêng một đám vườn, một con bò, vài con lợn, mười con dê và một số gà vịt.

Các xã viên ai làm được nhiều *ngày công* thì được chia nhiều tiền và hiện vật. Một thí dụ:

Hợp tác xã "Rạng đông" có 1.200 gia đình, 9.000 mẫu tây ruộng đất. Họ trồng khoai, trồng bắp, trồng gai, nuôi bò, v. v...

Do sự cần cù cố gắng của các xã viên, năm 1956 mỗi mẫu đã sản xuất từ 160 tạ đến 300 tạ khoai. Họ đã bán cho Nhà nước 2.000.000 lít sữa. Tổng số thu nhập cả năm của hợp tác xã là 15 triệu rưỡi đồng rúp. Nhà anh Đusencô có 5 người lao động, cả năm làm được 1.450 ngày công. Cả nhà anh đã được chia 4.480 ký lúa mì.

14 tấn khoai.

140 ký rau xanh

43.500 đồng rúp.

Hợp tác xã "Rạng đông" có một trường trung học đến cấp 3, có câu lạc bộ, nhà đọc sách, rạp chiếu bóng, nhà cho thuốc. Nhà nông dân nào cũng có máy thu thanh, có đèn điện, nước máy... Một hợp tác xã nông nghiệp mà không khác gì một thành phố nhỏ.

Khoản thu nhập của nông dân hợp tác xã ngày càng tăng:

Năm 1940, tổng số thu là 20.700 triệu đồng rúp.

Năm 1955, tổng số thu là 75.600 triệu đồng rúp.

Nông trường nhà nước có:

257 vạn máy cày

63 vạn máy gặt

69 vạn xe camminhông và vô số máy móc khác.

360 vạn bò và ngựa

5 triệu con lợn

12 triệu con cừu, v. v..

Năm 1956 trung bình mỗi mẫu gặt được hơn 31 tạ lúa mì, hoặc 36 tạ bắp hạt.

Có nhiều nông trường mỗi năm đã nộp cho Chính phủ hơn 65.000 tấn lúa mì.

18% tổng số ruộng đất trong nước thuộc về nông trường nhà nước.

27% tổng số lúa mì, 15% tổng số thịt và 18% tổng số sữa là do nông trường nhà nước cung cấp.

Để giúp các hợp tác xã nông nghiệp, Liên Xô có 9.000 *trạm máy cày và máy gặt* gồm có: 1.389 nghìn chiếc máy cày, 338 nghìn máy gặt, mỗi trạm có hơn 15 người chuyên gia và 200 công nhân. Ở các hợp tác xã và nông trường, từ việc cày ruộng, hái bông, cho đến việc vắt sữa bò phần nhiều đều làm bằng máy.

Năm 1919, Lênin nói: "Nếu một ngày kia chúng ta có thể cho họ 10 vạn chiếc máy cày tốt, với dầu mỡ, với người cầm máy... thì tất cả trung nông sẽ nói: Chúng tôi tán thành cộng sản". Hiện nay lời ước ao của Lênin đã thực hiện gấp hơn 10 lần. Ở nông thôn, 99% việc cày bừa làm bằng máy; 94% việc gieo cấy và 83% việc thu hoạch đều làm bằng máy.

Cũng là nông thôn, nhưng trước kia người nông dân Nga quanh năm chân bần tay lấm, hì hục với 7.800.000 cái bừa gỗ và 4.200.000 cái cày sắt. Khó nhọc suốt năm, đói lại vẫn đói. Ngày nay thì nông dân các hợp tác xã làm gì cũng làm bằng máy. Cách làm ăn cũ và mới khác nhau như trời với vực. Vì vậy cho nên mức sản xuất ngày nay đã tăng gấp ba ngày xưa. Các thứ máy cày, máy gặt đã tiết kiệm được sức lao động cho 22 triệu người làm công. Với sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp, người ta đoán rằng trong ít năm nữa việc trồng trọt và chăn nuôi ở Liên Xô sẽ hoàn toàn làm bằng máy hết.

Nhờ có máy móc mà diện tích ruộng đất từ 118 triệu mẫu tây (năm 1913) đã tăng lên gần 186 triệu mẫu (năm 1956).

Chỉ trong ba năm gần đây, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, hơn 350.000 thanh niên đã vỡ thêm 35.500 ngàn mẫu đất hoang.

Nông trường nhà nước có nhiệm vụ rất quan trọng về việc cung cấp lương thực. Như năm 1956, nông trường nhà nước đã sản xuất 52.800 ngàn tấn lúa mì, trồng 24.000 mẫu tây ngô, mỗi mẫu thu hoạch bình quân được 200 tạ hạt. Chỉ riêng nông trường nhà nước Udobêkixtan đã sản xuất hơn 2.800 ngàn tấn bông.

Tôi xin giới thiệu với bà con đây là đồng chí Tuaxuncunốp. Đồng chí là xã trưởng một hợp tác xã trồng bông, liên tiếp trong mấy năm mỗi mẫu đã sản xuất 36 tạ rười bông. Do thành tích ấy, đồng chí đã ba lần được thưởng Huân chương Anh hùng lao động.

Và đây là nữ đồng chí Ghêta. Năm 1935, người trồng củ cải đường giỏi nhất cả nước là những đồng chí Đensencô, cũng chỉ sản xuất được mỗi mẫu 500 tạ. Nay đồng chí Ghêta thu hoạch mỗi mẫu được 1.025 tạ.

Về gia súc, năm 1956 Liên Xô có:

70.400.000 con bò

56.400.000 con lợn

129.800.000 con cừu, v. v..

Có thứ lợn mỗi năm đẻ được 30 con, sau một tuổi mỗi con nặng đến 200 ký. Có những giống bò mỗi năm vắt được hơn 5.200 lít sữa.

*

* *

Người lao động trí óc Liên Xô đã góp phần xứng đáng trong việc phát triển nông nghiệp. Hiện nay Liên Xô có 100 trường đại học và 782 trường trung học nông nghiệp, 1.100 nơi nghiên cứu nông nghiệp do 15.000 chuyên gia phụ trách. Năm kia hơn 2.500.000 người nông dân đã theo học các lớp chăn nuôi trồng trọt. Một thí dụ: chỉ việc nghiên cứu trồng bắp, người ta đã tập trung được 12.000 giống bắp khác nhau của 65 nước trên thế giới. Mỗi hợp tác xã nông nghiệp đều có phòng thí nghiệm. Nhờ học thuyết của Míturin, người ta đã gây ra được những giống bò nhiều sữa, giống củ cải nhiều đường, nhiều thứ cây ăn quả mới, những thứ cây xứ nóng có thể trồng được ở xứ lạnh, v. v..

Nông dân cố gắng rất nhiều, nông nghiệp tiến bộ rất nhiều. Đầu năm nay gần 110.000 người lao động chân tay và trí óc đã được thưởng Huân chương nông nghiệp, 462 người được tặng danh hiệu Anh hùng lao động nông nghiệp.

Năm 1955, hơn 159 nghìn chuyên gia cao cấp và 254 nghìn chuyên gia trung cấp đã phục vụ nông nghiệp. Kế hoạch 5 năm thứ sáu, đào tạo thêm 125 nghìn kỹ sư canh nông, 112 nghìn chuyên gia máy móc và 87 nghìn chuyên gia chăn nuôi.

Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô dùng mọi cách để khuyến khích nông nghiệp. Trong ba năm vừa qua, Đảng và Chính phủ đã phái hơn 300.000 chuyên gia từ các thành thị về nông thôn. Trong kế hoạch 5 năm thứ sáu tiền vốn chi cho nông nghiệp nhiều gấp 14 lần trong kế hoạch 5 năm thứ nhất. Kết quả đầu tiên là tổng sản lượng nông nghiệp tăng 70% và sản lượng lúa mì là hơn 180 triệu tấn. Sản lượng chung càng tăng thêm thì đời sống riêng của nông dân cũng càng sung sướng. Năm 1955 mỗi người nông dân hợp tác xã được chia tiền và hiện vật nhiều gấp đôi năm 1950. Trong kế hoạch 5 năm thứ năm khoản thu nhập của nông dân đã tăng gấp rưỡi, trong kế hoạch 5 năm thứ sáu lại tăng 40% nữa.

*

* *

Chúng ta đã biết qua tình hình công nghiệp và nông nghiệp của Liên Xô, bây giờ bà con ta hãy xem tình hình văn hóa thế nào.

40 năm trước, ngày cách mạng mới thành công, bọn tư bản đều nhao nhao lên: "Ôi thôi rồi! Bọn cộng sản dốt nát sẽ tiêu diệt hết văn hóa".

Sự thật đã chứng tỏ rằng, văn hóa chẳng những không bị tiêu diệt, mà lại phát triển hơn bao giờ hết, phát triển hơn nước nào hết.

Trước cách mạng, 3 phần 4 người Nga không biết đọc biết viết nhiều dân tộc thiểu số không được học hành gì hết. Có dân tộc không có chữ viết.

Một số rất ít người thường dân có thiên tài đặc biệt, mới trèo được lên cầu thang văn hóa, như các nhà văn hào Goóc-ki,

Sépsencô, v. v.. Còn hàng trăm triệu người công nông thì phải chịu đốt nát mù tối.

Cách mạng đã mở toang cửa văn hóa cho quần chúng lao động và cho tất cả các dân tộc. Bước đường văn hóa mới đầu rất chật vật, vì nhân dân đã bị đốt nát lâu đời, vì mê tín, vì thiếu cán bộ, vì địch phá... Nhưng Đảng Cộng sản, Chính phủ và quần chúng lao động đã quyết tâm và đã vượt được những khó khăn đó.

Năm 1919 Lênin đã ký sắc lệnh như sau: "Để cho toàn dân có thể tham gia sinh hoạt chính trị của Nhà nước một cách sáng suốt, tất cả công dân từ tám đến 50 tuổi mà không biết đọc biết viết, thì đều phải học cho biết đọc biết viết tiếng mẹ đẻ của mình, hoặc tiếng Nga, tùy ý muốn của họ".

Từ đó hàng triệu đàn ông đàn bà bắt đầu học i tờ. Công nhân và nông dân ngày đi làm, tối về học đánh vần, học viết. Những câu họ học đầu tiên là: "Chúng ta không phải là nô lệ. Chúng ta không chịu làm nô lệ".

Năm 1923, những người trí thức yêu nước đã giúp anh chị em công nông tổ chức những hội "Xóa nạn mù chữ", do đồng chí Calinin lãnh đạo.

Vì chữ Nga khó học và vì nhiều dân tộc bắt đầu mới có chữ viết, cho nên đến năm 1940 mới căn bản thanh toán xong nạn mù chữ, nghĩa là 89% đàn ông đàn bà đã biết đọc biết viết.

Nhiều người trước đây mù chữ, mà nay trở thành những cán bộ phụ trách nổi tiếng. Vài thí dụ:

Bà Ranimôva là người xứ Bacu, năm 1920 bà còn mù chữ, đi làm công cũng mang vãi che mặt. Ngày nay bà là một kỹ sư giỏi.

Bà Tairôva là người xứ Tátgiki. Ngày trước xứ này không có người đàn bà nào được đi học. Nay bà Tairôva là Bộ trưởng Bộ Xây dựng nhà cửa.

Ông Egôrôp là người xứ Iécécút, ở bắc cực Liên Xô, sau cách mạng ông mới bắt đầu học. Nay ông là một người khoa học nổi tiếng, đã phát minh và thực hiện những cách trồng trọt mới, rất có lợi cho nông nghiệp xứ Iécécút và những vùng giá rét.

Chúng ta nên nhớ rằng bọn quan lại của vua Nga ước lượng: muốn phổ biến giáo dục phổ thông khắp cả nước, ít nhất cũng phải 125 năm. Nhưng năm 1934, tức là 16 năm sau cách mạng, giáo dục phổ thông đã thực hiện ở khắp Liên Xô.

Trong những năm chiến tranh chống phát xít Đức, việc giáo dục bị đình đốn một phần. Giặc phát xít Đức đã đốt phá mất 82.000 trường học. Hòa bình trở lại, từ năm 1946 đến năm 1955, Liên Xô đã xây dựng thêm 30 vạn trường học cho 30 triệu học sinh.

Trước cách mạng, ở vùng dân tộc thiểu số Tátgiki chỉ có 10 trường tiểu học với 369 học trò. Năm 1956 ở Tátgiki có 2.500 trường học từ lớp 5 đến lớp 10, với 320.500 học trò. Ở các vùng dân tộc thiểu số khác đại khái đều như vậy.

Để so sánh thêm cho rõ, chúng ta nên nhắc lại rằng:

Năm 1915, cả nước có 752 nghìn học sinh.

Năm 1956, cả nước có 30.000 nghìn học sinh.

Hiện nay giáo dục phổ thông là 10 năm. Trong kế hoạch 5 năm thứ sáu, hơn 6.300.000 học sinh sẽ tốt nghiệp lớp 10. Ở các trường, lý luận đi đôi với thực hành; học trò có những giờ thực tập lao động về công nghiệp và nông nghiệp. Có khi thầy trò cùng đi đến nhà máy và nông trường để thực tập.

Ngoài ra còn có 6. 637 trường bổ túc cho những thanh niên công nông vừa làm vừa học. Chương trình dạy đến lớp 10, hiện nay có 1.400.000 thanh niên theo học những lớp bổ túc ấy.

Các nhà máy, các nông trường đều có lớp dạy cho công nhân và nông dân học thêm kỹ thuật. Kết quả là có nhiều công nhân và nông dân tiên tiến viết được báo, viết được sách để phổ biến kinh nghiệm sản xuất của họ. Có khi họ đi giảng dạy ở các trường kỹ thuật. Có người làm ủy viên của hội nghị kỹ thuật ở các trường đại học.

Số sách vở nhiều hay ít cũng chứng tỏ trình độ văn hóa của một dân tộc thấp hay là cao. Trong khoảng 400 năm, từ ngày một

quyển sách in đầu tiên ra đời ở nước Nga đến ngày trước cách mạng, cả nước xuất bản tất cả là 550.000 pho sách.

Sau cách mạng, từ 1918 đến năm 1955 là 37 năm Liên Xô đã xuất bản 1.268.000 pho sách, cộng tất cả hơn 1.800 triệu quyển.

Hiện nay mỗi năm Liên Xô xuất bản hơn 1.000 triệu quyển sách to và nhỏ bằng 122 thứ tiếng các dân tộc ở Liên Xô.

Những sách vở có giá trị ở nước ngoài cũng được dịch và in nhiều ở Liên Xô, như năm 1955 đã xuất bản 71.500.000 quyển.

Sách nhiều thì nhà đọc sách cũng phải nhiều. Liên Xô có 392.000 thư viện với 1.3000 triệu quyển sách. To nhất là thư viện Lênin ở Mátxcova, với 19 triệu quyển sách bằng 160 thứ tiếng, trong số đó 2.200.000 quyển là sách nước ngoài. Mỗi ngày, hơn 5.000 người đến xem sách ở thư viện Lênin.

Các câu lạc bộ, nhà máy, nông trường, cơ quan, trường học nào cũng có phòng sách. Chỉ tính ở nông thôn đã có hơn 110 nghìn thư viện với hơn 300 triệu quyển sách.

Cổ nhiên, gia đình nào cũng có một tủ sách.

Báo chí cũng là một ngành quan trọng của văn hóa. *Trước cách mạng cả nước có:*

1.055	tờ báo
24	thứ tiếng, ra
3.300.000	số 1 ngày.

Ngày nay có:

7.246	tờ báo
57	thứ tiếng, ra
48.000.000	số 1 ngày.

Báo *Pravda* của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô là tờ báo to nhất, mỗi ngày ra 5 triệu số. 16 tờ báo ở 16 thành phố lớn in lại những bài chính của báo *Pravda*.

Về *tạp chí*, Liên Xô có hơn 2.000 thứ, mỗi năm ra 360 triệu số.

Phát thanh là một cách rất rộng lớn để truyền bá văn hóa. Liên Xô có 20 triệu máy truyền thanh bằng 46 thứ tiếng các dân tộc của Liên Xô và 30 thứ tiếng nước ngoài, 75 đài phát thanh, hàng triệu máy nghe, hàng triệu máy truyền hình.

Liên Xô có hơn 60.000 rạp chiếu bóng. Tính đồ đồng thì mỗi người Liên Xô, từ cụ già hơn 100 tuổi đến em bé mới lọt lòng, mỗi năm mỗi người được xem chiếu bóng độ 13 lần.

Các thành phố đều có cung văn hóa và nhiều câu lạc bộ. Ở đó người ta có thể nghỉ ngơi, giải trí, thảo luận các vấn đề chính trị, khoa học, văn hóa, v. v.. Câu lạc bộ lại là nơi đào tạo ra những người nghệ sĩ bình dân về nghề múa hát. Năm 1956, Tổng công đoàn Liên Xô tổ chức một cuộc thi múa hát. Hơn 3 triệu người tham gia, trong đó 3.000 người giỏi nhất đã được chọn đi diễn ở Mátxcova.

Số câu lạc bộ ngày càng tăng. Năm 1927 cả nước có 33.000 câu lạc bộ.

Năm 1956 cả nước có 126.400 câu lạc bộ.

Nói đến văn hóa tức là nói đến *tầng lớp trí thức*. Sau cách mạng, một số trí thức đi theo phản động, một số trí thức thì hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Như các vị đại khoa học Timiriadép, Mítsurin, v. v.. Nhưng số trí thức hồi đó quá ít ỏi. Năm 1913 trong toàn bộ công nghiệp của Nga chỉ có 7.880 kỹ sư và chuyên gia. Ít như vậy là vì chỉ có con em quý tộc và nhà giàu được vào học các trường kỹ thuật. Thí dụ, trong số học trò trường Cao đẳng nông nghiệp Pêtorôtcaia có:

1 bá tước

2 hoàng thân

72 con nhà buôn to

92 con nhà tư bản

94 bà con các giáo chủ

170 quý tộc

196 con các võ quan

322 con em phú nông, địa chủ, v. v..

Sau cách mạng, thành phần học sinh của trường ấy thay đổi hẳn:

626 công nhân

652 nhân viên

826 nông dân...

Để đào tạo cán bộ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô mở rất nhiều trường học để giáo dục lớp trí thức mới, trí thức của công nông.

Dưới thời đại vua Nga, cả nước chỉ có 105 trường cao đẳng với 127.000 học sinh.

Ngày nay có 765 trường cao đẳng với 1.867.000 học sinh.

Một điều nữa đáng chú ý là trước kia rất ít phụ nữ được đi học, ngày nay thì số nữ học sinh chiếm 52% ở các trường; phụ nữ chiếm 70% trong nghề dạy học và 76% trong nghề thầy thuốc.

Các trường đại học và trung học Liên Xô đào tạo các chuyên gia nhiều hơn tất cả các trường Anh, Pháp, Ý và tất cả các nước tư bản Tây Âu cộng lại. Chỉ trong năm 1956 Liên Xô có hơn 760.000 chuyên gia tốt nghiệp các trường ra.

Trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai, Liên Xô có độ 12 triệu trí thức, ngày nay số ấy tăng gần gấp đôi.

Các viện chuyên môn nghiên cứu ngày càng nhiều. Trước đây vài mươi năm chỉ có 1.263 viện. Hiện nay tăng đến 2.796 thư viện. Như Viện hàn lâm khoa học trước đây 22 năm chỉ có 1.000 người tham gia công tác, hiện nay có 12.000 người. Viện này có chi nhánh khắp cả nước. Và các nước Cộng hòa đều có Viện hàn lâm khoa học của mình.

Các Viện khoa học liên lạc rất mật thiết với việc sản xuất và giúp các xí nghiệp cải thiện cách sản xuất của họ.

Một trong những thành tích to lớn mới đây của khoa học Liên Xô là từ năm 1954 đã giải quyết được vấn đề dùng nguyên tử trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế.

Việc Liên Xô thí nghiệm thành công việc thử tên lửa vượt đại dương có thể mang đầu đạn nguyên tử là một thắng lợi quan trọng của Liên Xô, một cống hiến quan trọng của khoa học Liên Xô cho lực lượng hòa bình thế giới.

Bà con chắc có người đã biết rõ rằng Liên Xô còn đang chuẩn bị bắn một vệ tinh nhân tạo cho xoay vòng quanh trái đất để tìm hiểu những điều bí ẩn của không trung.

Để kết thúc đoạn này, chúng ta nên nhắc lại lời so sánh của một tờ báo Mỹ. *Nữ Uớc thời báo* (11-1954) viết:

"Ở Mỹ, bốn năm gần đây, việc đào tạo kỹ sư đã *kém sút* rất nhiều: năm 1950 có 50.000 học sinh kỹ sư tốt nghiệp, năm nay chỉ có 20.000.

"Ở Liên Xô, số kỹ sư ngày càng tăng. Năm 1928 có 11.000 người. Năm 1950 có 28.000 người. Năm 1953 có 40.000 người. Năm nay số học sinh kỹ sư tốt nghiệp *nhiều gấp 2 lần rưỡi của Mỹ*.

"Liên Xô ra sức đào tạo những người đại kỹ sư. Năm 1946 có 3.188 người. Năm 1953 có 8.530 người. Năm nay hơn 25.000 người.

"Ở Mỹ số người đại kỹ sư *giảm sút 56%*; năm 1950 có 9.096 người. Năm nay chỉ có 3.978 người".

*

* *

Chúng ta đã tóm tắt tình hình kinh tế và văn hóa của Liên Xô. Bây giờ mời bà con xem đời sống thực tế của nhân dân Liên Xô thế nào.

Bà con ta ai cũng nhận rằng ngày nay người Liên Xô sống một cách rất sung sướng. Điều đó rất đúng. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng nhân dân Liên Xô đã phải kinh qua *18 năm đấu tranh vô cùng gian khổ*, thất lưng buộc bụng, ra sức xây dựng, mới có kết quả tốt đẹp như ngày nay.

Năm 1930, tức là sau cách mạng 13 năm và giữa kế hoạch 5 năm thứ nhất, nạn thất nghiệp mới hết hẳn. Từ đó trở đi, chẳng những không có nạn thất nghiệp nữa, mà các xí nghiệp lại phải đi tìm công nhân. Càng ngày càng nhiều nhà máy mới xây dựng, Nhà nước phải mở trường học để dạy nghề cho công nhân và cung cấp công nhân cho các ngành. Các nhà máy đều có lớp dạy nghề và chính trị. Có những nhà máy một nửa số công nhân theo các lớp học, và 1 phần 5 công nhân vừa làm vừa học lớp đại học hoặc trung học. Từ năm 1946 đến 1955, hơn 68 triệu người vừa làm vừa học như thế và đã trở nên những người lành nghề.

Hiện nay, cả nước có 439 trường chuyên nghiệp.

Kinh tế càng phát triển thì số người lao động càng tăng thêm. Năm 1913 cả nước Nga có non 13 triệu công nhân và viên chức. Năm 1956 số đó tăng đến 50 triệu.

Số người lao động tăng nhiều, nhưng vẫn chưa thỏa mãn nhu cầu sức lao động của các xí nghiệp, vì vậy phải chế tạo nhiều máy móc để thế cho công người làm.

Thử hỏi người lao động Liên Xô được hưởng những quyền lợi gì?

Cách mạng đã đánh đổ địa chủ và tư bản, cách mạng đã giao cho giai cấp lao động quyền làm chủ nước nhà; đó là một. Cách mạng đã tiêu diệt chế độ người bóc lột người, đồng thời lập chế độ công làm ngang nhau thì tiền lương ngang nhau.

Chế độ *tiền lương* rất quan hệ đến sản xuất và mức sống của người lao động. Khi định tiền lương phải xuất phát từ

nguyên tắc định thể nào cho người lao động thiết thực quan tâm đến kết quả việc làm của họ, làm cho họ cố gắng học tập để tiến bộ mãi về nghề nghiệp và sản xuất. Nói tóm lại, định tiền lương phải dựa vào số lượng và chất lượng của công tác. Thí dụ lương của công nhân nhà in có 8 bậc từ A đến H. Bậc A là người đang học nghề thì mỗi giờ 1 đồng. Bậc B là thợ mới, lương mỗi giờ 1đ20... Đến bậc H là thợ lành nghề, lương mỗi giờ 2đ80. Định tiền lương như thế, mọi người đều cố gắng tiến lên bậc khác. Đối với cá nhân người thợ, như thế có lợi; đối với sản xuất của xí nghiệp như thế cũng có lợi.

Những công nhân làm việc khó nhọc như đào than, thì ăn lương nhiều hơn những công nhân thường từ 15 đến 30%.

Ở các xí nghiệp phần nhiều công nhân làm *khoán*. Đối với những công việc không thể làm khoán, thì ngoài tiền lương chính, công nhân ngành ấy được tiền thưởng tăng năng suất và tiết kiệm nguyên vật liệu.

Khi sản xuất vượt mức kế hoạch, thì các kỹ sư, giám đốc, chuyên môn và các nhân viên cũng được thưởng.

Ở Liên Xô, năng suất lao động tăng mãi, sản xuất tăng mãi, cho nên tiền lương cũng tăng mãi. Như từ năm 1950 đến 1955 tiền lương đã tăng 39%. Kế hoạch 5 năm thứ sáu lại định tăng 30% nữa và đặc biệt tăng cho những người lao động ăn lương thấp nhất.

Vì năng suất tăng nhiều, cho nên đã có thể thêm lương lại có thể bớt *giờ làm*. Từ đầu năm nay đã thực hiện ngày làm 7 giờ ở nhiều nhà máy. Như ở mỏ than Đônét, công nhân đào than ngày làm 6 giờ, các công nhân khác thì làm 7 giờ.

Để cho mọi người lao động đều có quyền đóng góp vào việc xây dựng và bảo vệ xã hội, luật Liên Xô có quy định: người lao động chân tay và trí óc mỗi tháng làm được hơn 370 đồng rúp tiền lương thì đóng góp từ 1 rưởi đến 13%, tùy tiền thu nhập

hiều hay là ít. Người nào phải nuôi ba người ăn thì khoản đóng góp ấy được giảm 30%. Công nhân nam từ 20 đến 50 tuổi, nữ từ 20 đến 45 tuổi, nếu không có con thì phải nộp 6%, có một con thì nộp 1%, có hai con thì nộp 0,5%. Nhà nước dùng khoản tiền này vào việc giúp những người đàn bà có thai, những người mẹ góa chồng, những nhà đông con.

Chúng ta biết rằng mức sống của nhân dân và *vật giá* ở thị trường quan hệ rất mật thiết. Vật giá được ổn định hoặc là giảm bớt thì tiền lương thực tế mới thật sự được tăng thêm, mức sống mới thực sự được nâng cao. Để ổn định vật giá, phải dùng mấy phương pháp: trước hết là tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Thứ hai là Nhà nước cần nắm tất cả các thứ hàng cần dùng cho nhân dân. Thứ ba là trong khi các thứ hàng chưa được dồi dào thì phải hạn chế một cách nghiêm khắc, thắt tay trừng trị bọn đầu cơ tích trữ. Mặc dầu sản xuất rất dồi dào, Liên Xô cũng thi hành cách *hạn chế* đến cuối năm 1947 mới thôi.

Từ năm 1947 trở đi chẳng những đã bỏ hạn chế, mà lại liên tiếp giảm giá hàng và tăng lương nhiều lần. Do đó mà đời sống của nhân dân được nâng cao mãi. Thí dụ: cũng với số tiền ấy mà:

Năm 1947 mua được		Năm 1956 mua được:	
Bánh mì	1kg	Bánh mì	2 kg 850
Thịt	1kg	Thịt	2 kg 800
Đường	1kg	Đường	2 kg 300
Sữa	1 lít	Sữa	1 lít 4

Giá hàng càng giảm, thì sức mua của nhân dân càng tăng và sự ăn tiêu của nhân dân càng thêm rộng rãi. So với năm 1940, thì năm 1956 bình quân mỗi người ăn dùng thêm:

Thịt	62%	Sữa	100%
Đường	87%	Giấy	83%
Cá	92%	Vải vóc	94%

Theo kế hoạch 5 năm thứ sáu ấn định thì đến năm 1960 các thứ ăn dùng hằng ngày của nhân dân so với năm 1950 sẽ tăng thêm:

Đường	75%
Thịt	85%
Sữa	200%
Trứng	200% v. v..

Ngoài việc tăng lương, bớt giờ làm, giảm giá hàng, người lao động Liên Xô còn được hưởng nhiều lợi ích khác. Nếu tính ra tiền thì những lợi ích ấy xấp xỉ 1 phần 3 tiền lương của gia đình. Thí dụ: Khi đau ốm thì được đi nhà thương không phải mất tiền chữa và tiền thuốc men. Nhà đông con thì được phụ cấp. Công nhân và viên chức đàn ông đã 60 tuổi và đã làm việc quá 25 năm, đàn bà đã 55 tuổi và đã làm việc quá 20 năm, đều được lĩnh hưu bổng bằng 50 đến 100% lương trung bình. Những người già yếu mà không có gia đình thì được Nhà nước nuôi. Liên Xô có 900 nhà dưỡng lão, nuôi hơn 120.000 cụ già; và 1.430 nhà nuôi trẻ con mồ côi.

Mỗi năm được 1.500 nghìn nhi đồng con cháu công nhân và cán bộ được đi nghỉ ở các trại hè; các em chỉ phải trả 1 phần 3 phí tổn.

Mỗi năm hàng triệu người lao động được đi nghỉ ở các bờ bể hoặc các khu rừng trong hai tuần trở lên. 20% số người đó không phải trả tiền. Những người khác thì trả 30% phí tổn, còn thì do Nhà nước và Công đoàn trả.

Ở những nơi phong cảnh rất đẹp, thí dụ như vùng Crimê trên bờ biển đen, Liên Xô có hơn 350 trung tâm và hơn 3.000 lầu đài làm chỗ nghỉ mát cho nhân dân lao động; một năm hơn 11 triệu người thay phiên nhau đến nghỉ.

Nhà ở cũng là một vấn đề rất quan trọng đối với đời sống nhân dân. Trước cách mạng, công nhân ở trong những túp lều chật hẹp, bẩn thỉu, đen tối, mà tiền thuê nhà lại chiếm mất 20 đến 25% tiền lương mỗi tháng. Năm 1913, hơn 3 phần 3 nhân dân Mátxcova ở trong các túp lều hoặc ở dưới hầm. Ngay sau cách mạng

thành công, hơn 50 vạn người lao động ở Mátxcova dời vào những ngôi nhà tịch thu của bọn vua chúa và bọn tư bản. Từ đó Liên Xô bắt đầu xây dựng nhiều nhà ở to rộng. Nhưng trong mấy năm 1941 đến 1945 giặc phát xít Đức đốt phá mất hơn 6 triệu ngôi nhà, làm cho hơn 25 triệu người bơ vơ không có chỗ ở.

Hòa bình trở lại, Liên Xô ra sức giải quyết vấn đề nhà cửa một cách thắng lợi. Thí dụ: thành phố Xtalingrát bị phát xít Đức đốt phá trụi, nhưng chỉ trong vòng tám năm, chẳng những nhà ở, xưởng máy, đường sá, vườn hoa được xây dựng lại đẹp hơn trước và nhiều hơn trước chiến tranh, mà còn xây dựng thêm 116 trường tiểu học và trung học, năm trường đại học, 82 thư viện, v. v..

Trong 10 năm, Liên Xô đã xây dựng 250 triệu thước vuông nhà ở trong thành phố và 4.500 ngôi nhà ở nông thôn. Một đại biểu Quốc hội Pháp đã nói: "Trong sáu năm, từ 1947 đến 1952, chỉ riêng Mátxcova đã xây dựng nhà ở nhiều gấp 10 lần Pari và tỉnh Xen ở Pháp đã xây dựng".

Sẵn đây, mời bà con hãy vào thăm nhà đồng chí công nhân này. Nhà này có phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm, hai phòng cho trẻ con, có đèn điện, bếp điện, máy thu thanh. Dưới đất thì có rải thảm, trên tường có treo những bức tranh. Có tủ sách, tủ áo, tủ thuốc. Có giường lò xo rải vải trắng toát. Trên cửa sổ có những chậu hoa thơm tho và đủ màu sắc. Ngoài vườn có các thứ hoa quả, các thứ cây. Nhà ở của công nhân (và nông dân) đều rất sạch sẽ, mát mẻ, xinh đẹp, như nhà này.

Cách ăn ở như vậy cho nên sức khỏe của nhân dân rất dồi dào. Tuy vậy, Đảng và Chính phủ vẫn rất chú ý việc vệ sinh và phòng bệnh. Trước cách mạng cả nước Nga chỉ có 28.000 bác sĩ. Ngày nay Liên Xô có hơn 334.000 bác sĩ, 70 trường thuốc, 250 viện nghiên cứu, 1.290.000 giường ở các nhà thương công cộng. Một thí dụ: Trước kia xứ Udobêkixtan cứ 31.000 người mới có 1 thầy thuốc, nay một thầy thuốc chăm nom cho 895 người.

Riêng xưởng xe hơi ở Mátxcova có đến 15 giáo sư, 138 bác sĩ, 227 y sĩ và bà đỡ đẻ. Xưởng có một nhà thương to, 17 trạm cấp cứu, một tiệm cơm riêng cho những công nhân cần ăn chay...

Tất cả đàn bà có thai và trẻ con chưa đầy năm đều được thầy thuốc luôn luôn theo dõi sức khỏe. Cả nước có hơn 18.000 nhà nuôi hơn 1.000 nghìn trẻ con. Các nhà máy và các nông trường đều có nhà giữ trẻ. Các trẻ em lên ba có thể vào vườn gửi trẻ, bố mẹ chỉ phải trả 1 phần 2 tiền phí tổn.

Tất cả những điều trên đây đưa đến kết quả là số người chết ngày càng giảm bớt. Trước cách mạng (1913) mỗi năm cứ 1.000 người thì hơn 30 người chết. Năm 1956 cứ 1.000 người thì chỉ hơn 7 người chết. Cũng trong năm 1956, ở nước Anh cứ 1.000 người có hơn 11 người chết và ở Pháp thì 12 người chết. Xem đó chúng ta thấy rằng sống lâu hay chết non là tại chế độ kinh tế chứ không phải tại số phận.

Các nhà khoa học cho biết rằng:

Năm 1897 (tức là cách đây 60 năm), đời sống trung bình của người Nga là 32 tuổi.

Năm 1955, đời sống trung bình của người Liên Xô là 64 tuổi.

*

* *

Thưa bà con, chúng ta đã đến Mátxcova rồi. Lâu đài nguy nga đăng kia là điện Kremli, trụ sở chính quyền tối cao của Liên Xô.

Trước khi đi xem Thủ đô cách mạng, xin mời bà con tạm nghỉ chân ở vườn hoa này, tôi sẽ trình bày cách tổ chức chính trị của Liên Xô cho bà con nghe. Tôi chỉ trình bày sơ lược thôi.

Mùa thu năm 1917, trong khi ngọn lửa Thế giới chiến tranh lần thứ nhất đang cháy tràn lan ở châu Âu, thì Cách mạng Tháng Mười, Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga bùng nổ, thắng lợi.

Chính phủ tư sản bị đánh đổ. Một Chính phủ công nông - đầu tiên trong lịch sử và đầu tiên trên thế giới - đã thành lập, do đồng chí Lênin cầm đầu. Việc đầu tiên Chính phủ ấy làm là:

- Tuyên bố hòa bình, không chiến tranh nữa.
- Tịch thu ruộng đất của địa chủ, chia ruộng đất cho nông dân lao động.
- Tất cả tài sản trong nước như nhà máy, ngân hàng, hầm mỏ, xe lửa, v. v. đều thành của công, đều do giai cấp công nhân quản lý.

Thật là một cuộc biến đổi long trời lở đất. Quyền thống trị của phong kiến, tư bản, đế quốc trên thế giới bị đánh tan mất một mảng to và bị lung lay tận gốc. 200 triệu công nông và dân tộc thiểu số đã phá toang xiềng xích nô lệ và trở thành người chủ của nước nhà trên một phần sáu quả địa cầu, đồng thời họ kêu gọi nhân dân bị áp bức bóc lột trên thế giới làm theo họ.

Chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở Nga.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân lao động Nga đập tan bộ máy chính quyền cũ, lập nên bộ máy chính quyền mới.

Theo Hiến pháp mới, thì Liên bang các Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là một Nhà nước gồm có nhiều dân tộc của công nhân và nông dân.

Liên Xô là một nước vô sản chuyên chính, xây dựng trên nền tảng công nông liên minh.

Cơ quan chính quyền cao nhất của Liên Xô là Xôviết tối cao. Xôviết tối cao cũng như Quốc hội ta vậy.

Liên Xô hiện gồm có 15 nước Cộng hòa là:

- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Xôviết Nga
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Ucraina
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Nga trắng
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Uzbekistan
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Cadakhia
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Gêoócghia

- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Adécbaigian
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Lituani
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Mônđavi
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Kiécghidi
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Tátghiki
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Ácmêni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Tuốcmêni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Éttôni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Létônì.

Trong mỗi nước Cộng hòa đôi khi lại có những *Cộng hòa tự trị* của một dân tộc. Như trong Cộng hòa Nga có đến 14 Cộng hòa tự trị: Báchkaari, Buriatô Mông cổ, Đavítxtan, v. v.. Ngoài Cộng hòa tự trị, ở Liên Xô lại có 10 *khu tự trị* (nhỏ hơn Cộng hòa tự trị) rải rác ở trong Cộng hòa Nga, Adécbaigian và Tátgiki.

Và 10 huyện *tự trị* (nhỏ hơn khu tự trị) ở phía bắc Cộng hòa Nga.

Tuy diện tích to nhỏ, số người nhiều ít, trình độ cao thấp khác nhau, các nước Cộng hòa, các dân tộc Liên Xô đều đoàn kết chặt chẽ như anh em ruột thịt, ra sức giúp đỡ lẫn nhau phát triển về mọi mặt; nhất là giúp các nước, các dân tộc nhỏ hơn để họ phát triển kịp các dân tộc lớn. Thí dụ:

Cộng hòa tự trị Iécécút ở về phía Đông - Bắc châu Á, là một vùng rừng cao sông thẳm, tuyết phủ bốn mùa. Nhân dân thưa thớt. Trước đây chỉ còn mấy nhóm thổ dân lơ thơ gần bị mất giống. Iécécút là chốn sơn cùng thủy tận, mà ngày xưa vua Nga dùng làm nơi đày chính trị phạm.

Từ ngày cách mạng thành công, Iécécút được các dân tộc anh em giúp đỡ, tổ chức thành một Cộng hòa tự trị. Nhiều xí nghiệp được mở mang, như xí nghiệp đào than, làm muối, đóng tàu, đào vàng, đào ngọc, v. v.. Nhân dân ngày thêm đông đúc, văn

hóa ngày thêm phát triển. Người Iéc-cút chẳng những đã có chữ viết mới của họ, mà còn xây dựng hơn 600 trường học đủ các lớp và hàng nghìn tổ chức văn hóa tỏa ra các nơi. Cuối năm 1956 Iéc-cút mới mở một Cao đẳng học viện với 1.2000 học viên. Vài năm nữa họ sẽ là những giáo thụ, kỹ sư, bác sĩ, v. v.. Thế là Iéc-cút đã thành một nước Cộng hòa tự trị thịnh vượng về mọi mặt.

Xôviết tối cao của toàn Liên Xô bốn năm cử lại một lần. Xôviết tối cao gồm có 2 viện:

Viện Xôviết liên bang, cứ 30 vạn cử tri thì có một đại biểu.

Viện Xôviết dân tộc thì mỗi một nước Cộng hòa có 25 đại biểu.

Mỗi Cộng hòa tự trị 11 đại biểu.

Mỗi khu tự trị có 5 đại biểu.

Mỗi huyện tự trị có 1 đại biểu.

Hai Viện ấy số đại biểu ngang nhau và quyền hạn cũng ngang nhau. Mỗi năm Xôviết tối cao họp hai kỳ. Trong thời gian Xôviết tối cao không họp thì Chủ tịch đoàn được quyền giải quyết các vấn đề. Chủ tịch đoàn do Xôviết tối cao cử ra, gồm có một Chủ tịch và 15 Phó Chủ tịch. (Mỗi nước Cộng hòa có một Phó Chủ tịch). Chính phủ Liên Xô do Xôviết tối cao cử ra.

Hiện nay Xôviết tối cao Liên Xô có 1.347 đại biểu, trong số đó 348 là phụ nữ. Tất cả các đại biểu đều là những công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân đã có công với sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và được nhân dân tin cậy. Một số khá đông đại biểu là anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua.

*

* *

Mỗi nước Cộng hòa đều có Xôviết tối cao của mình. Số đại biểu thì tùy số nhân dân mỗi nước Cộng hòa mà định, như:

Cộng hòa Nga thì 15 vạn cử tri có 1 đại biểu

Cộng hòa Ucraina 10 vạn cử tri có 1 đại biểu

Cộng hòa Kiécghidi 5000 cử tri có 1 đại biểu

Cộng hòa tự trị Nakhichevan 2.000 cử tri có 1 đại biểu.

Từ Xôviết xã đến Xôviết tối cao toàn Liên Xô đều do nhân dân trực tiếp bỏ phiếu kín bầu ra.

Công dân - không phân biệt gái trai, nòi giống, giai cấp, tôn giáo - hễ đủ 18 tuổi thì có quyền bầu cử và có quyền ứng cử vào Xôviết địa phương.

Đủ 21 tuổi thì có quyền ứng cử vào Xôviết tối cao các nước Cộng hòa.

Đủ 23 tuổi thì có quyền ứng cử vào Xôviết tối cao toàn Liên Xô.

Đó là một cách tuyển cử thật thà dân chủ, trái hẳn với cách tuyển cử giả dân chủ của Mỹ.

Nhân dân Liên Xô ai cũng coi Quốc hội là Quốc hội của mình, Chính phủ là Chính phủ của mình, do đó mà ai cũng coi trọng quyền cử tri của mình. Trong các cuộc tuyển cử thường thường là tất cả cử tri tham gia bỏ phiếu.

Người công dân Liên Xô được hưởng tất cả các quyền tự do dân chủ, đồng thời phải thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của mình là:

Phải giữ gìn pháp luật của Nhà nước,

Phải thật thà lao động,

Phải giữ kỷ luật và thuần phong mỹ tục,

Phải tôn trọng và giữ gìn của công,

Phải bảo vệ Tổ quốc.

Chế độ Xôviết làm cho nhân dân trực tiếp và thiết thực tham gia quản lý nước nhà. Từ Xôviết xã đến Xôviết tối cao toàn Liên Xô có những Ủy ban chuyên môn lo từ việc lớn như kế hoạch kinh tế Nhà nước, đến những việc nhỏ như vệ sinh ở các đường phố. Trong những Ủy ban ấy ngoài các đại biểu, có hàng

chục triệu công nhân nam nữ hăng hái tham gia giúp việc.

Nhân dân Liên Xô lại có những lực lượng tổ chức vô cùng mạnh mẽ như:

Đoàn Thanh niên Cộng sản có 18 triệu rưỡi đoàn viên.

Hợp tác xã tiêu thụ của nông dân có 33 triệu hội viên.

Tổng Công đoàn có 46 triệu người.

Tất cả những lực lượng to lớn ấy đều ở dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô. Luôn luôn nêu cao ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn đi đúng đường lối quân chúng. Đảng Cộng sản đã phát triển rất mạnh. Năm 1917 là năm cách mạng thành công, Đảng có 24 vạn đảng viên. Năm 1956 Đảng có hơn 720 vạn đảng viên.

Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt nhiều khó khăn, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Song thắng lợi không làm cho Đảng choáng váng đầu óc, thất bại không làm cho Đảng nản chí sờn lòng. Ngày nay cũng như hôm qua, Đảng cứ mạnh dạn tiến bước, tiến bước một cách chắc chắn trên con đường Đảng đã định. Con đường đã định tức là chủ nghĩa cộng sản.

*

* *

Trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai, cả thế giới chỉ có 17% đất đai, 9% nhân dân, 10% sản lượng công nghiệp thuộc về hệ thống xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, 26% đất đai, 35% nhân dân, 33% sản lượng công nghiệp đã thuộc về các nước xã hội chủ nghĩa.

Năm 1917, trước ngày Cách mạng Tháng Mười, chỉ có non 25 vạn đảng viên cộng sản Nga; các nước khác trên thế giới, chưa có đảng cộng sản. Ngày nay, trên thế giới có hơn 33 triệu đảng viên cộng sản. Đó là những sự biến đổi to lớn từ ngày Cách mạng Tháng Mười thắng lợi.

Suốt 40 năm lịch sử, gần 30 năm trong giai đoạn trước, Liên Xô đã một mình tay lái tay chèo. Trong thì lo xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngoài thì phải chống lại chủ nghĩa đế quốc xâm lăng. Trong cuộc Thế giới chiến tranh lần thứ hai, Liên Xô đã hy sinh rất nhiều và đã cứu loài người khỏi ách dã man phát xít, đồng thời giúp giải phóng nhiều nước thoát khỏi xiềng xích tư bản.

Hòa bình trở lại, Liên Xô phần thì lo hàn gắn những vết thương chiến tranh để lại, (bà con nên nhớ rằng phát xít Đức đã đốt phá 1.710 thành phố, 7 vạn làng mạc, 31.850 trường học, 6 triệu ngôi nhà; chúng đã bắn giết ngót 17 triệu người) và lo khôi phục và phát triển kinh tế của mình; phần thì ra sức giúp đỡ các nước anh em xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhờ sự giúp đỡ vô tư của Liên Xô mà kinh tế của các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa phát triển rất nhanh chóng. Vài thí dụ: Nếu lấy năm trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai là mức 100%, thì năm 1956 mức sản xuất công nghiệp của mấy nước xã hội chủ nghĩa tăng tiến như sau:

Anbani	tăng 1.150%
Bungari	tăng 638%
Ba Lan	tăng 535%
Hunggari	tăng 380%
Rumani	tăng 330%
Tiệp	tăng 266%
Đức dân chủ	tăng 224%

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc, Liên Xô đã giúp xây dựng 156 xí nghiệp và 21 công trường to, trị giá là 5.600 triệu đồng rúp.

Đối với Việt Nam ta, sự giúp đỡ của Liên Xô thật là to lớn. Có thể nói tóm tắt như thế này:

Nhờ có Đảng Cộng sản Liên Xô dẫn đường chỉ lối, chúng ta mới có Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi Đảng Lao động Việt Nam để lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng.

Nhờ Hồng quân anh dũng đánh tan quân phiệt Nhật, mà tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc Cách mạng tháng Tám của ta thành công.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, nhờ sự ủng hộ của nhân dân Liên Xô và nhờ gương sáng oanh liệt của nhân dân Liên Xô đã khuyến khích, quân và dân ta đã khắc phục gian khổ, chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Từ ngày hòa bình trở lại, Liên Xô đã cùng với các nước anh em khác giúp ta tiền bạc, máy móc, nguyên liệu, chuyên gia để ta làm vốn tự lực cánh sinh, xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa. Một điều rất quý giá nữa là kinh nghiệm Liên Xô đã bảo cho chúng ta biết cần phải ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để nâng cao đời sống của nhân dân, do đó mà lãnh đạo nhân dân đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngoài các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, Liên Xô còn ra sức giúp đỡ các nước bạn như Ai Cập, Xyri, Ấn Độ, v. v..

Nếu chúng ta biết rằng lực lượng đưa ra giúp các nước anh em và các nước bạn cũng xấp xỉ với lực lượng để xây dựng trong nước, thì chúng ta mới biết tinh thần quốc tế cao quý của Liên Xô thật là không bờ bến.

*

* *

40 năm qua là 40 năm thử thách gian nan, 40 năm đấu tranh anh dũng và thắng lợi vẻ vang của Liên Xô, của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời là 40 năm thất bại chua cay của chủ nghĩa đế quốc.

Trong 40 năm qua, hơn 900 triệu nhân dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một đại gia đình xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên

Xô. Gần 1. 500 triệu người, tức là hơn một nửa nhân dân trên thế giới đã giành được tự do, độc lập và đang cùng đấu tranh cho hòa bình.

Nói tóm lại, kết quả và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười trong 40 năm qua thật là vĩ đại.

Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc. Không có lực lượng gì ngăn trở được lịch sử loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được xã hội chủ nghĩa phát triển. Xem những tiến bộ của 40 năm qua, chúng ta có thể đoán biết những tiến bộ của những năm sắp đến. Chúng ta có thể đoán rằng trong 20, 30 hoặc 40 năm nữa, chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện khắp thế giới.

Để kết thúc cuộc du lịch này, chúng ta cùng nhau hô to:

VÔ SẢN TOÀN THẾ GIỚI ĐOÀN KẾT LẠI!

NHÂN DÂN LIÊN XÔ VĨ ĐẠI MUÔN NĂM!

ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ MUÔN NĂM!

**TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI
MUÔN NĂM!**

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MUÔN NĂM!

Tháng 10 năm 1957

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những sách thuộc loại "Liên Xô" (Union Soviétique) viết bằng Pháp văn do Nhà xuất bản ngoại văn Mátxcova xuất bản năm 1957:

- *Liên Xô, Nhà nước của những người lao động* của A. Dénissov và A. Xodkovski.

- *Văn hóa Xôviết* của M. Kim và những sách khác của các tác giả N. Mikhaïlov, N. Anissimov, E. Manévitch, F. Kochelev.



Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Trung Quốc năm 1950 chuẩn bị cho chiến dịch mở thông biên giới (Các nhà chức trách ở biên giới Trung Quốc đón tiếp tại tỉnh Quảng Tây; chụp ảnh lưu niệm của đại tá Lâm Kính giám đốc Trường Văn hóa quân đội Nguyễn Đăng Thọ chụp lại)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

TÌNH NGHĨA ANH EM VIỆT - AN - MIẾN

Thư của L. T.

Em Hương yêu quý,

Chắc hẳn khi tiếp được thư này, em sẽ rất sung sướng. Em sẽ vội vàng đọc lại cho thầy mẹ, các anh, các chị và các cháu nghe. Rồi em thuật lại cho bà con, cô bác trong làng đều biết. Kết quả sẽ là mọi người đều sung sướng vui mừng! Vì:

Trong cuộc Hồ Chủ tịch đi thăm hữu nghị hai nước Ấn Độ và Miến Điện*, anh là một trong mấy cán bộ có vinh hạnh được đi theo Bác.

Em nghĩ xem, đi theo Bác sẽ được học hỏi không ít, đến hai nước bạn lại được nghe thấy thêm nhiều. Tục ngữ có câu "Đi một phiên chợ, học một mớ khôn". Chắc rằng chuyến này sự hiểu biết của anh sẽ tăng tiến. Anh sẽ cố gắng ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, tiếp tục gửi về cho em. Đó cũng là một cách giúp em học hỏi.

4 giờ chiều hôm qua (4-2-1958), chiếc máy bay Ấn sang đón Bác cất cánh từ trường bay Gia Lâm. Cùng đi có cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại, ba đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám, Phạm Hùng, Phan Anh và vài chục cán bộ phụ trách lễ tân, quay phim, đánh máy, bảo vệ, v. v... Đến sân bay tiễn Bác rất đông người, gồm có các đồng chí Trung ương Đảng và Chính phủ, các

* *Miến Điện*, tiếng nước bạn là "Myanma" (nước Myan). Tiếng Trung Quốc dịch thành Myan-điện, điện nghĩa là bờ cõi. Ta dịch theo tiếng Trung Quốc, nhưng "Miến" thì đọc ra "Diễn". Cũng như Canada, tiếng Trung Quốc vẫn dịch, nhưng ta lại đọc thành "Gia Nã Đại", là đọc sai (T. G).

vị đại biểu Quốc hội và Quân đội. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Đoàn ngoại giao, các em nhi đồng... Cùng ra tiễn có đại sứ Kôn, Chủ tịch ủy ban Quốc tế và nhiều bà con Ấn kiều.

Sau khi cùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi duyệt đội danh dự và thân mật chào hỏi các bà con đến tiễn, Bác nói đại ý như sau:

"Mục đích cuộc đi thăm này là thắt chặt hơn nữa tình anh em giữa nước ta và hai nước bạn Ấn Độ và Miến Điện, do đó củng cố và phát triển thêm nữa mối đoàn kết giữa các dân tộc Á-Phi và bảo vệ hòa bình thế giới".

Giữa những tràng vỗ tay nhiệt liệt, Bác kết luận: "Tiễn đi nhớ bữa hôm nay, mừng về xin đợi hôm này hai tuần sau!".

Ở trường bay thì có mưa phùn và gió rét. Nhưng khi máy bay lên cao hơn 2.000 thước, thì có mặt trời nắng ấm như mùa thu.

Từ thủ đô Hà Nội đến Cancútta đường xa non 2.000 cây số. Phải kinh qua ba nước Lào, Thái Lan và Miến Điện, bay liên bảy tiếng đồng hồ. Nhiều anh em lo ngại rằng bay lâu như thế, Bác sẽ mệt. Nhưng suốt đường, khi thì nhìn ra cửa sổ xem phong cảnh, khi thì xem sách báo, Bác không có vẻ mệt nhọc chút nào.

11 giờ khuya, máy bay hạ cánh ở Cancútta. Ra sân bay đón tiếp, có bà Thủ hiến và các vị lãnh đạo xứ Bắnggan cùng các nhân viên cao cấp của thành phố Cancútta.

Anh cần nói cho em rõ: Bà Thủ hiến là bà Naiđu giữ chức Thủ hiến, chứ không phải là "bà vợ ông Thủ hiến" như có người đã hiểu lầm. Bà Thủ hiến là con bà cụ Naiđu, một thi sĩ cách mạng nổi tiếng và cũng đã giữ chức Thủ hiến lúc bà cụ còn sống.

Cùng ra đón có các vị lãnh đạo các nước anh em và mấy nước Á-Phi. Tuy đã đêm khuya, rất đông nhân dân Cancútta vẫn chờ đợi hai bên đường để hoan nghênh Bác.

Về đến dinh Thủ hiến đã 12 giờ khuya. Cơm nước xong rồi thì đã 1 giờ sáng. Mọi người đặt lưng xuống giường là ngủ li bì. Nhưng anh cố gắng viết cho xong thư số 1 này để gửi cho em, vì

sáng sớm ngày mai, Bác và đoàn sẽ tiếp tục đi máy bay đến Đêli, Thủ đô Ấn Độ.

Đêli, ngày 5-2-1958

Cancúttta cách Đêli 1.316 cây số.

Để đón Bác, Tổng thống Praxát đã phái đến Cancúttta một tổ liên lạc để đi với Bác suốt những ngày Bác ở thăm Ấn Độ. Trong tổ gồm có; ba viên trung tá và thiếu tá, đại biểu cho hải, lục, không quân; một người phụ trách báo chí; một người chụp ảnh; một người quay phim; ông Sênapati phục vụ rất tận tụy và rất kín đáo. Hai người luôn luôn ở cạnh Bác, nhưng trong mấy trăm bức ảnh đăng ở các báo không hề có hình ảnh của hai người.

Máy bay của Bác và Đoàn đến cách Đêli độ 100 cây số thì có tám chiếc máy bay quân sự ra đón.

Đến Đêli vừa đúng 12 giờ trưa.

Khi Bác và Đoàn từ máy bay bước xuống, có 21 phát đại bác bắn chào, nhưng tiếng hoan hô của quần chúng hầu như che lấp tiếng súng.

Sân bay bố trí rất long trọng và xinh đẹp, quốc kỳ hai nước Việt Ấn tung bay rợp trời. Từ chỗ máy bay đỗ đến rạp tạm nghỉ đều trải bằng thảm đỏ. Mái rạp rất rộng lớn làm bằng những bức thêu kết lại. Dưới đất thì phủ bằng những tấm thảm nhiều màu sắc. Chung quanh rạp là những chậu hoa đẹp và thơm.

Bên tay phải có một rạp khác, dành cho các quan khách đến đón. Tổng thống Praxát, Thủ tướng Nêru và con gái là bà Indira Găngđi đến tận cầu thang máy bay đón Bác và Đoàn một cách rất thân mật. Các em nhi đồng ríu rít chạy lại tặng hoa.

Tổng thống và Thủ tướng đang đi kinh lý các tỉnh xa, ngày hôm qua mới về Thủ đô để đón Bác và Đoàn. Dù cảm gió, khàn cổ, nhưng Tổng thống vẫn cố gắng đến sân bay đón Bác.

Bác và Đoàn đi bắt tay các Bộ trưởng, các đại biểu Quốc hội các tướng lĩnh, các vị trong Đoàn ngoại giao...

Đội nhạc danh dự cử quốc ca hai nước Việt - Ấn.

Bác đi duyệt đội danh dự gồm có hải, lục, không quân.

E rằng Tổng thống quá mệt, Bác kiên quyết khuyên mãi, cụ Praxát mới chịu về nghỉ. Trước khi thay mặt Tổng thống đọc lời hoan nghênh, Thủ tướng Nêru nói: Hồ Chủ tịch là một nhà đại cách mạng phi thường trong thời đại này. Người luôn luôn giải quyết những vấn đề khó khăn với nụ cười trên môi...

Lời hoan nghênh của Tổng thống như sau:

"Thưa Chủ tịch,

Tôi rất lấy làm sung sướng được hoan nghênh Chủ tịch lần đầu tiên Ngài đến thăm nước chúng tôi. Tất cả chúng tôi hoan nghênh Ngài như một đại chiến sĩ tự do, như một vị lãnh tụ thân mến và như Chủ tịch một nước bạn là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ấn Độ luôn luôn quan tâm đến sự giải phóng của những dân tộc bị nước ngoài thống trị trái với ý muốn của nhân dân. Sau khi đã giành được tự do, sự quan tâm của chúng tôi trở nên sự đồng tình tích cực, dù rằng chúng tôi cũng có những hạn chế của chúng tôi.

Chúng tôi vô cùng sung sướng thấy Chủ tịch đến với chúng tôi. Nhân danh Chính phủ, nhân dân Ấn Độ và cá nhân tôi, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh Ngài ở lại Ấn Độ sẽ là những ngày vui vẻ và có kết quả. Và ngài sẽ có dịp đi thăm những cố gắng của chúng tôi đã làm được để xây dựng tương lai tươi đẹp cho đất nước chúng tôi..."

Đêli, ngày 6-2-1958

Em Hương, hôm qua, từ sáng sớm lên máy bay cho đến 10 giờ rưỡi tiếp khách xong, Bác và Đoàn hầu như không nghỉ ngơi chút nào. Tuy vậy mọi người đều thấy khoan khoái. Còn về phần anh thì ghi chép nhiều, một quyển nhật ký đã gần hết giấy. Nhưng chưa biết bao giờ mới viết được hết để thuật lại tất cả mọi việc cho em hay. Thôi thì anh cứ viết dần dần vậy.

Hôm qua tại sân bay, đáp lại lời hoan nghênh của Tổng thống Praxát, Bác nói đại ý như sau:

- "Nhận lời mời của Tổng thống Praxát, chúng tôi rất sung sướng được đến thăm nước Cộng hòa Ấn Độ anh em. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của các bạn. Chúng tôi xin chuyển đến các bạn và nhân dân Ấn Độ anh em lời chào mừng thân ái của nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi đến đất nước vĩ đại của các bạn với sự đồng tình sâu sắc, nó đã gắn bó nhân dân hai nước chúng ta. Hiện nay hơn 1. 200 triệu dân Á-Phi, trong đó có 400 triệu nhân dân Ấn Độ đã được giải phóng. Đó là một sự kiện cực kỳ quan trọng. Ngày nay nước Cộng hòa Ấn Độ là một nước độc lập, đồng thời là một cường quốc đã có những cống hiến quý báu cho hoà bình ở Châu Á và thế giới và Ấn Độ đang giữ một vai trò quan trọng trên trường quốc tế.

Sau tám, chín năm kháng chiến gian khổ để giải phóng đất nước, nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hiệp định Gionevơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và đã công nhận chủ quyền, độc lập, lãnh thổ toàn vẹn của Việt Nam. Ngày nay, nhân dân Việt Nam đang ra sức củng cố hoà bình, xây dựng đất nước và đấu tranh thống nhất Tổ quốc của mình.

Nước Cộng hòa Ấn Độ đã cống hiến nhiều trong việc lập lại hoà bình ở Việt Nam, Ủy ban Quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch đã cố gắng trong nhiệm vụ giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định Gionevơ ở Việt Nam. Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn Chính phủ và nhân dân Ấn Độ.

Nhân dân Việt Nam rất sung sướng thấy rằng quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển. Chúng tôi rất sung sướng được gặp Tổng thống Praxát và gặp lại Thủ tướng Nêru, một người bạn tốt mà nhân dân Việt Nam đã có hân hạnh đón tiếp ở Hà Nội.

Cuộc đi thăm của chúng tôi lần này sẽ giúp chúng tôi hiểu biết hơn nữa nhân dân Ấn Độ anh dũng đang ra sức xây dựng nước nhà; và chúng tôi sẽ học những kinh nghiệm quý báu của các bạn trong công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa.

Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ củng cố thêm nữa tình hữu nghị và sự hợp tác giữa hai nước chúng ta và góp phần vào sự củng cố tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á-Phi và bảo vệ hoà bình thế giới.

Một lần nữa, chúng tôi cảm ơn các bạn về cuộc đón tiếp nhiệt liệt này.

Tình hữu nghị bền vững giữa hai nước Việt- Ấn muôn năm!

Hòa bình ở châu Á và trên thế giới muôn năm!

Panch sheela muôn năm!"

Bác vừa dứt lời thì mọi người vỗ tay và hoan hô sôi nổi.

Sân bay Palam (em chớ đọc nhầm là "Gia Lâm" nhé!) cách thành phố 19 cây số. Hai bên đường cắm đầy quốc kỳ Ấn Độ và cờ đỏ sao vàng. Bác và Thủ tướng Nêru đi chiếc xe trần, kế đến xe hơi của Đoàn và hàng trăm chiếc xe của quan khách. Đoàn xe hơi kế tiếp nhau thành như một con rồng bơi giữa cái biển hàng chục vạn người. Càng gần thành phố người càng đông thêm. Họ reo hò, vỗ tay, hô khẩu hiệu: "Jai Việt Nam!", "Hồ Chí Minh jindabad!", "Hiđi Việt Nam bhai bhai!"... *

Đến gần Phủ Tổng thống có đội lính cưỡi ngựa (đội bảo vệ của Tổng thống) ra đón. Ngựa con nào con ấy rất cao to. Người lính cũng cao to, đi giày ống đen, mặc áo đỏ quần trắng, đầu bịt khăn thêu kim tuyến, tay cầm cây dáo dài, trông thật oai vệ.

Trước Phủ Tổng thống lại có thảm đỏ, có rạp thêu như ở sân bay. Một lần nữa đội nhạc cử quốc ca hai nước. Bác đi xe hơi đặc biệt để duyệt đội vệ binh.

Nghỉ lễ xong, Thủ tướng Nêru và bà Indira mời Bác và Đoàn vào nghỉ tại nhà khách trong Phủ Tổng thống, ở tầng thứ 3. Lâu đài này rộng thênh thang, rất nhiều phòng, nhiều cửa, nếu không có người dẫn đường thì rất dễ đi lạc.

* *Jai và Jindabad* đều có nghĩa là muôn năm. *Bhai bhai* nghĩa là anh em.

2 giờ rưỡi đến 3 giờ rưỡi Thủ tướng Nêru và bà Indira cùng Bác và Đoàn ăn trưa một cách thân mật như trong gia đình. Sau khi ăn cơm xong, bà con Ấn Độ cũng thường ăn trà như bà con Việt Nam ta.

4 giờ 15 phút, Bác và Đoàn đi đặt vòng hoa ở Rajghat. Đây là một công viên rộng lớn làm kỷ niệm, chứ không phải là mộ thánh Găngđi. Giữa công viên có đắp một cái bệ vuông rộng và cao. Đây là nơi mà mấy năm trước, lúc thánh Găngđi đang diễn thuyết thì bị một tên phát xít ám sát. Trước khi lên bệ để đặt vòng hoa, mọi người đều cởi giày và đi chân không. Đó là theo phong tục Ấn Độ, khi đi vào nơi cúng lễ đều làm như vậy. Vòng hoa này đưa từ Hà Nội sang. Khi đặt vòng hoa và mặc niệm, Bác rất cảm động. Hai điều đó đã đồn khắp Đêli và khắp Ấn Độ vì các báo đã đặc biệt nêu lên. Bác đã trồng một cây hoa đại (cũng đưa từ Hà Nội sang) ở công viên làm kỷ niệm.

Chúng ta còn nhớ rằng đầu năm 1947, Ấn Độ đang đấu tranh giành độc lập, mà Việt Nam ta thì đang bắt đầu kháng chiến. Tuy trong lúc nước bạn đang còn khó khăn, nhưng thánh Găngđi đã không quên kêu gọi nhân dân Ấn Độ hoàn toàn đồng tình với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu cho chính nghĩa. Về sau, người tín đồ xuất sắc của thánh Găngđi là Thủ tướng Nêru luôn luôn đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta.

5 giờ chiều, Bác đi thăm Tổng thống Praxát. Sợ Tổng thống mệt, Bác định chỉ Bác và các vị trong Đoàn đến thôi. Nhưng cụ Praxát yêu cầu tất cả anh em cán bộ ta cùng đến rồi Cụ cùng mọi người chuyện trò và uống nước chè, thân mật như người trong nhà.

6 giờ, Thủ tướng Nêru đến thăm Bác. Hai vị lãnh tụ nói chuyện thân mật về tình hình thế giới và quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta.

7 giờ, ông Mônông, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến thăm Bác.

8 giờ đến 10 giờ rưỡi, hai ông Bộ trưởng ăn cơm với Bác và Đoàn. Đó là cách sắp đặt khéo, để Bác và Đoàn có dịp tiếp xúc thân mật với các vị lãnh đạo trong Chính phủ nước bạn.

Sau đó, Bác còn ký nhiều quyển sổ kỷ niệm. Cũng như người phương Tây, bà con Ấn Độ thích xin chữ ký của những người có danh tiếng để làm kỷ niệm. Mới hôm đầu mà Bác đã nhận được rất nhiều quyển sổ xin chữ ký. Nhiều người ở địa phương xa cũng gửi thư và điện đến xin chữ ký của Bác.

Đêli, ngày 6-2-1958

Bác và Đoàn hôm nay có một chương trình hoạt động nặng lắm em ạ. Em xem chương trình như sau:

Tham gia tiệc trà của "Ủy ban tiếp đón Hồ Chủ tịch",
Thăm viện Nghiên cứu khoa học vật lý,
Thăm viện Nghiên cứu nông nghiệp,
Gặp Ủy ban kế hoạch Nhà nước,
Nhân dân thành phố Đêli chào mừng,
Tổng thống Praxát chiêu đãi.

"Ủy ban đón tiếp Hồ Chủ tịch" là một tổ chức rộng rãi, gồm có nhiều vị đại biểu Quốc hội và nhân sĩ nổi tiếng ở Đêli, không phân biệt xu hướng chính trị, đảng phái, tín ngưỡng.

Trước khi Bác đến Đêli, Ủy ban đã kêu gọi nhân dân thủ đô đi đón Bác cho đông.

4 giờ chiều hôm nay, Ủy ban mở tiệc trà chiêu đãi Bác và Đoàn. Nơi chiêu đãi là Câu lạc bộ Hiến pháp, có một cái rạp lớn cũng làm bằng những tấm thảm thêu kết lại, trang trí rất đàng hoàng. Độ 300 người tham gia, trong đó có nhiều vị trong Đoàn ngoại giao. Bầu không khí trong cuộc chiêu đãi rất là thân mật và vui vẻ. Chỉ tiếc rằng Chủ tịch Ủy ban là bà Raméch Vary Nêru - một lãnh tụ phụ nữ và chị em họ với Thủ tướng Nêru - bị cảm không đến dự được.

Theo lệ thường, các vị phụ trách trong Ủy ban choàng hoa cho Bác và các vị trong Đoàn. Rồi các em học sinh trai và gái hát bài hoan nghênh. Ủy ban tặng Bác nhiều quyển sách về mỹ thuật Ấn Độ. Ngoài ra còn một món quà lạ: một gia đình trẻ tuổi với

ba cháu gái bé đã biếu Bác một con hươu con. Thấy vậy mọi người cười ồ và vỗ tay nhiệt liệt.

Ông Chủ tịch trong buổi chiêu đãi đọc lời hoan nghênh đầy nhiệt tình.

Trong lời cảm ơn, Bác nói đại ý như sau:

"Tôi rất cảm ơn những lời khen ngợi thân ái của ông Chủ tịch. Song tôi không phải là anh hùng. Chính những người dân Việt Nam và Ấn Độ đã đoàn kết đấu tranh giành lại tự do cho Tổ quốc mình - đó mới là những người anh hùng thật..."

40, 50 năm trước đây, tôi đã đi từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ, đâu đâu tôi cũng thấy những người đau khổ... Nhân dân Á - Phi thì bị bọn thực dân áp bức bóc lột. Nhân dân Mỹ da đen thì bị Mỹ da trắng đầy đọa xem khinh. Nhưng ngày nay, do sự đấu tranh anh dũng của nhân dân, đêm tối áp bức bị đánh lui. Mùa xuân tự do tươi sáng đã đến. Nhiều nước Á-Phi đã giành được chủ quyền độc lập. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để đấu tranh chống nghèo nàn và dốt nát, để xây dựng một cuộc sống mới, hạnh phúc, hữu nghị và hòa bình...".

Bác kết luận bằng khẩu hiệu: Năm nguyên tắc chung sống hòa bình muôn năm!

Thủ tướng Nêru vì bận việc cho nên đến chậm. Bà con yêu cầu Thủ tướng phát biểu ý kiến. Thủ tướng nói đại ý:

"Tôi không có nhiệm vụ trong cuộc chiêu đãi này, nhưng tôi cũng cố gắng đến tham gia vì là chiêu đãi Hồ Chủ tịch... Hồ Chủ tịch là một nhân vật đặc biệt, tính rất giản đơn nhưng lòng rất rộng rãi. Hôm qua khi từ sân bay về, Hồ Chủ tịch nói với tôi rằng ngài có đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại để đặt và trồng ở nơi kỷ niệm Thánh Găngđi. Ngài còn nói thêm rằng cũng có đưa vòng hoa và cây đào để kỷ niệm ông cụ thân sinh tôi. Hồ Chủ tịch gặp ông cụ thân sinh tôi ở thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong cuộc Hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và cách đây đã lâu năm mà Hồ Chủ

tịch còn nhớ đến cụ thân sinh tôi. Đó tuy là một việc bình thường nhưng nó chứng tỏ một cách rõ rệt phẩm chất vĩ đại của Hồ Chủ tịch...". Nghe Thủ tướng Nêru nói, mọi người rất cảm động.

Em Hương ạ, một người bạn Ấn Độ cho anh biết rằng Ủy ban đón tiếp này và cuộc chiêu đãi như thế này là một sự kiện đặc biệt, lần này mới có để đón tiếp một quý khách đặc biệt như Bác Hồ của chúng ta.

Em Hương ạ, hôm nay, khi Bác và Đoàn đi thăm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Viện nghiên cứu nông nghiệp và Viện nghiên cứu khoa học, thì anh vì bận công việc, không đi được, tiếc quá!

6 giờ chiều, Bác và Đoàn đi dự cuộc chào mừng của thị xã Đêli, tổ chức ở "Thành Đỏ". Đó là cung điện đồng thời là đại bản doanh của vua chúa cổ xây dựng từ năm 1639. Lâu đài phía trong đều làm bằng đá trắng rất lộng lẫy. Tường vách ngoài thì đều màu đỏ, cho nên gọi là "Thành Đỏ".

Từ Phủ Tổng thống đến Thành Đỏ, hai bên đường, người đứng chật ních đứng đón chào Bác và Đoàn. Khi bước vào trong Thành Đỏ, anh có cảm tưởng như đi vào một cảnh bồng lai. Chung quanh lâu đài và khắp các bồn hoa và cây cối đều treo đầy những đèn điện xanh, đỏ, vàng, tím, trắng. Từ cổng vào đến chỗ khai hội, hàng chục cổng chào kết bằng hoa, bằng lụa và đèn điện, liên tiếp nhau thành một hành lang đủ sắc, đủ màu... Một khung cảnh cực kỳ đẹp mắt...

Toàn thể ủy viên hành chính thị xã và hàng nghìn công nhân Thủ đô đã chờ đón sẵn. Khi Bác và Đoàn cùng Thủ tướng Nêru, ông Thị trưởng và bà Phó Thị trưởng đi vào, mọi người đứng dậy hoan hô nhiệt liệt. Các cô nữ học sinh hát bài hoan nghênh. Ông Thị trưởng đọc lời chào mừng, đại ý như sau:

"Kính thưa Chủ tịch. Tôi rất sung sướng được thay mặt nhân dân Thủ đô Đêli nhiệt liệt hoan nghênh Ngài. Chúng tôi chẳng những hoan nghênh Ngài vì Ngài là một vị Chủ tịch của một nước bạn có quan hệ với Ấn Độ đã từ lâu đời, mà còn vì

Ngài là một vị lãnh đạo cách mạng vĩ đại... Ngài đã đấu tranh suốt đời giành tự do và hạnh phúc cho nhân dân, chống lại sự thống trị của đế quốc...

Thánh Găngđi đã dạy chúng tôi đấu tranh bằng phương pháp hòa bình và tình bạn. Mười năm trước đây, Thánh Găngđi đã bị một tên phản động ám sát, nhưng hình ảnh của Người vẫn sống mãi trong lòng chúng tôi. Tình thương yêu của nhân dân đối với Người và nước Ấn Độ tự do do Người đã xây dựng - Đó là tấm bia bất diệt của Thánh Găngđi...

Cũng như Ấn Độ chúng tôi đã chịu đựng nhiều năm đau xót trước khi giành được tự do, Chủ tịch và nhân dân Việt Nam đã kinh qua bao nhiêu gian khổ để đi tới giải phóng. Những cuộc đấu tranh ấy đã làm cho nhân dân hai nước chúng ta đoàn kết và càng hiểu biết nhau.

Chúng tôi tha thiết với hòa bình... Trên thế giới ngày nay, hòa bình lâu dài là một điều cực kỳ quan trọng và cấp thiết. Khi người ta đã phát minh những thứ vũ khí kinh khủng như hiện nay, thì những người có trí khôn không ai muốn có chiến tranh. Chúng tôi tin rằng năm nguyên tắc chung sống hòa bình là chính sách đúng đắn mà các nước cần thực hiện. Trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, chúng tôi chắc rằng hai nước chúng ta sẽ hợp tác hết sức chặt chẽ...

Chúng tôi rất biết ơn Chủ tịch đã đến với chúng tôi và xin Chủ tịch chuyển lời chào hữu nghị của chúng tôi cho nhân dân Việt Nam anh em..."

Trong lời cảm ơn, Bác nói:

"Nhân dân Việt Nam đã sung sướng được hoan nghênh Thủ tướng Nêru và Phó Tổng thống Rađacrixnan. Lần này chúng tôi rất sung sướng được sang thăm nước Ấn Độ vĩ đại, quê hương của Đức Phật và Thánh Găngđi. Chúng tôi được Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đón tiếp long trọng và thân mật. Hôm nay lại được gặp các bạn ở đây, tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam cảm ơn các bạn và gửi tới toàn thể anh chị em công dân Ấn Độ và Thủ đô Đêli lời chào thân thiết nhất.

Nhân dân hai nước chúng ta đã có quan hệ anh em từ lâu đời... Dưới ách thống trị của thực dân, quan hệ ấy tạm bị gián đoạn trong một thời kỳ. Nhưng tình hữu nghị cổ truyền vẫn luôn luôn gắn bó hai dân tộc chúng ta.

Ngày nay, Ấn Độ là một nước hùng mạnh, đóng một vai trò quan trọng trên thế giới. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru, một vị lãnh tụ lỗi lạc, các bạn đã thu được nhiều thành tích to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước, phát triển nền văn hóa tốt đẹp có truyền thống lâu đời và phát triển một nền kinh tế tự chủ... Những điều ấy chứng tỏ rằng khi một dân tộc đã được độc lập, thì có đủ khả năng xây dựng một đời sống ngày càng tươi đẹp. Chúng tôi mừng các bạn về những thành tích tốt đẹp đã thu được trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chúc các bạn thu được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Cùng với nước Ấn Độ vĩ đại, nhiều nước Á - Phi đã thoát khỏi ách thực dân, trở thành những nước độc lập. Nhân dân Trung Quốc đang hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân các nước Đông - Nam Á và Trung, Cận Đông đã vùng dậy, kiên quyết giành lại và bảo vệ quyền tự do độc lập của mình. Nhân dân châu Phi đang anh dũng đấu tranh chống ách đế quốc. Chế độ thực dân đang tan ra không gì cứu vãn được. Thời kỳ bọn thực dân làm mưa làm gió đã qua rồi...

Trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, Ấn Độ đã góp một phần to lớn, Việt Nam cũng đã góp phần nhỏ của mình. Nhân dân Việt Nam đã đấu tranh hơn 80 năm chống thực dân Pháp và đã kháng chiến gian khổ trong tám, chín năm trường. Kết quả nhân dân Việt Nam đã thắng bọn thực dân. Việc đó chứng tỏ rằng một dân tộc biết đoàn kết nhất trí, quyết tâm chiến đấu và được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, thì cuối cùng nhất định thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...

Hiện nay, nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân Việt Nam là thống nhất Tổ quốc bằng tổng tuyên cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Nhưng vì âm mưu của đế quốc và bọn tay sai của chúng cho nên nước Việt Nam đến nay chưa được thống nhất. Nước Việt Nam là một, từ Nam đến Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một văn hóa và một nền kinh tế. Nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu để đấu tranh cho tự do độc lập, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc của mình. Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của chúng tôi nhất định thắng lợi...

Chúng tôi đấu tranh cho hòa bình. Vì có hòa bình chúng tôi mới có điều kiện xây dựng đất nước... Chúng tôi hết sức tán thành năm nguyên tắc chung sống hòa bình mà Thủ tướng Nêru là một trong những người đề xướng. Chúng ta cần có hòa bình để xây dựng một cuộc đời hạnh phúc cho nhân dân và con cháu chúng ta...

Phong trào đấu tranh cho hòa bình đang lan rộng khắp thế giới. Nhân dân thế giới đều đòi phải chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang, đòi giải tán binh bị, cấm sản xuất và cấm dùng vũ khí nguyên tử và khinh khí, đòi giải tán các khối quân sự xâm lược, thủ tiêu các căn cứ quân sự ở nước ngoài. Nhân dân các nước đòi mở một hội nghị những người đứng đầu chính phủ các nước để giải quyết các vấn đề quốc tế bằng phương pháp thương lượng hòa bình đang làm dịu tình hình thế giới. Chắc rằng ý nguyện hòa bình của nhân dân thế giới nhất định sẽ thắng mọi âm mưu gây chiến...

Chúng tôi sung sướng nhận thấy trong cuộc đấu tranh chung cho hòa bình thế giới, cho độc lập dân tộc, nhân dân hai nước chúng ta sát cánh với nhau, cùng nhau theo đuổi mục đích chung. Chúng tôi chắc rằng nhân dân Ấn Độ mong cho Việt Nam sớm thống nhất, cũng như nhân dân Việt Nam mong cho vùng Goa sớm trở về trong đại gia đình Ấn Độ...

Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm nước Cộng hòa Ấn Độ lần này của chúng tôi càng thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước chúng ta, đồng thời góp phần tăng cường tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và củng cố hòa bình ở châu Á và thế giới.

Một lần nữa chúng tôi xin gửi lời chào thân ái của chúng tôi và của nhân dân Thủ đô Hà Nội đến toàn thể anh chị em công dân Thủ đô Đêli...".

Trong cuộc hoan nghênh này đã xảy ra một chuyện rất thú vị: Trên đài Chủ tịch, ở giữa hàng đầu có một cái ghế sơn son thếp vàng, bọc nhung đỏ, giống như một cái ngai vàng. Mặc dù ông Thị trưởng và Thủ tướng Nêru cố mời Bác ngồi "ngai" ấy, Bác nhất định từ chối. Thấy thái độ khiêm tốn của Bác, quần chúng nhiệt liệt tán thành, họ đứng cả dậy vỗ tay và hoan hô "Hồ Chí Minh jindabad!". Cuối cùng phải thay một cái ghế khác, Bác mới ngồi. Sau chuyện đó, các báo đã viết: Hồ Chủ tịch đã xóa bỏ một hình thức lễ tân bằng một cử chỉ rất dân chủ...

8 giờ chiều (6-2-1958), bắt đầu cuộc chiêu đãi của Tổng thống. Cụ Praxát mệt không đến được, do Thủ tướng Nêru thay mặt. Tại Phủ Tổng thống, trong nhà và ngoài vườn đều trang hoàng long lẫy như ngày Tết. Dự tiệc này độ 100 người, gồm có các vị lãnh đạo trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và những nhân sĩ nổi tiếng. Tiệc đến nửa chừng, Thủ tướng Nêru đọc lời chúc mừng của Tổng thống Praxát, đại ý như sau:

"Tôi rất vui mừng được hoan nghênh Hồ Chủ tịch... Chúng ta hoan nghênh Chủ tịch, một vị lãnh tụ xuất sắc đồng thời là một chiến sĩ vĩ đại cho tự do...

... Bị đè nén lâu năm dưới sự thống trị của nước ngoài, chúng tôi biết sự giải phóng chính trị là quý nhường nào, vì vậy chúng tôi luôn luôn đồng tình với các dân tộc để thoát khỏi ách thống trị với ngoại quốc. Với sự quan tâm và đồng tình, chúng tôi đã theo dõi những sự biến đổi ở Việt Nam.

Cuộc biến đổi ấy đã kết thúc với Hội nghị Giơnevơ năm 1954. Chúng tôi mong rằng tình trạng hiện nay sẽ kết thúc với sự thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình trên nền tảng dân chủ.

... Nhiều thế kỷ trước đây, Ấn Độ đã có quan hệ mật thiết với các nước Đông - Nam Á, kể cả Việt Nam, về văn hóa, xã hội và tôn giáo. Chúng tôi càng sung sướng nhớ lại thời kỳ quá khứ mà hai nước chúng ta đã có những quan hệ hữu nghị thắm thiết, vì chúng ta đưa thêm tình nghĩa ấy vào tương lai, để làm cho mối quan hệ và ý nguyện chung là xây dựng kinh tế trong nước và củng cố hòa bình trên thế giới - sẽ tạo thành những quan hệ mới giữa chúng ta, làm cho tình hữu nghị sẵn có giữa nhân dân hai nước Ấn - Việt càng phát triển và củng cố.

Cũng như Việt Nam... từ ngày giành được chính quyền về mình, Ấn Độ đang ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Tôi mong rằng trong những ngày ở lại Ấn Độ, Chủ tịch sẽ có dịp thăm một vài việc xây dựng ấy... Tôi tin chắc rằng việc Chủ tịch đến thăm nước chúng tôi sẽ đưa lại sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...".

Lời cảm ơn của Bác đại ý như sau:

... "Khi đến đất nước Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi rất sung sướng được thăm quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới... Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là ý tưởng hòa bình, bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật và khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới.

Nhưng thực dân đã xâm lược nước Ấn Độ hàng trăm năm... Để giành lại độc lập tự do của mình, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hiện nay Ấn Độ là một nước lớn giữ một vài trò ngày càng quan trọng trên thế giới, đã đóng góp nhiều vào việc giữ gìn hòa bình, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế giữa các nước trên năm nguyên tắc chung sống hòa bình...

Hiện nay lực lượng hiếu chiến trên thế giới đang âm mưu xô đẩy loài người vào một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc. Nhân dân thế giới chán ghét và căm thù chiến tranh; không ngừng đấu tranh để giữ gìn và củng cố hòa bình. Trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, Ấn Độ đã có nhiều cống hiến lớn. Lực lượng hòa bình hiện nay mạnh hơn bao giờ hết và có khả năng ngăn ngừa chiến tranh... Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rất hoan nghênh mọi sáng kiến và mọi cố gắng nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Thủ tướng Nêru tán thành đề nghị của Liên Xô về việc những người đứng đầu các nước mở hội nghị nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế và lòng tin cậy lẫn nhau để giữ gìn hòa bình thế giới. Chúng tôi cũng phản đối tất cả các khối quân sự xâm lược. Chúng tôi tán thành việc tổng tài giảm quân bị, việc cấm vũ khí nguyên tử và khinh khí...

Hiện nay nước Việt Nam chúng tôi, vì sự can thiệp của đế quốc mà việc thống nhất đất nước chưa được thực hiện bằng tổng tuyển cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định...

Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai chia cắt được. Chúng tôi kiên quyết phấn đấu để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình... Chúng tôi tin chắc rằng nước Việt Nam nhất định sẽ được thống nhất... Trong cuộc đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, Chính phủ và nhân dân chúng tôi luôn luôn biết ơn sự đồng tình và ủng hộ của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em... Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm Ấn Độ lần này của chúng tôi sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta, đồng thời góp phần vào việc củng cố và phát triển khối đại đoàn kết của các nước Á - Phi".

Tiệc này đơn giản hơn và ngon lành; không nhiều thứ nhiều món bề bộn như các cuộc chiêu đãi của ta. Trong các cuộc chiêu đãi ở Ấn Độ đều uống nước lã, không dùng rượu. *Đó là một điều mà chúng ta nên bắt chước.*

Sau bữa tiệc có một giờ văn công, múa rất giỏi, hát rất hay. Các chị em nghệ sĩ hát bài *Quốc ca* của ta rất rõ, rất đúng. Bác và Thủ tướng Nêru đã tặng hoa cho các anh chị em nghệ sĩ.

Những bài diễn thuyết chào mừng và cảm ơn, anh chỉ viết cho em những đoạn anh ghi chép được, chứ không phải cả nguyên văn.

9 giờ sáng (7-2-1958), các em học sinh trai và gái, thuộc đoàn thể "Kỷ luật quốc dân", tổ chức một cuộc biểu diễn để hoan nghênh Bác và Đoàn. Cùng đi có Thủ tướng Nêru, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và nhiều nhân sĩ khác. Đoàn thể này mới thành lập bốn năm nay, nhằm mục đích bồi dưỡng thanh niên và nhi đồng thành những người mạnh khỏe, yêu nước và có kỷ luật.

Hôm nay, 3. 000 em chia làm 28 đội do các đội trưởng tí hon chỉ huy. Chương trình gồm có:

Hoan hô Tổ quốc ba lần.

Tập các động tác.

Diễu qua trước đài Chủ tịch, vừa đi vừa hát.

Các điệu múa dân gian.

Thể thao trèo cột.

Hoan hô Bác ba lần.

Hát quốc ca Việt và Ấn.

Trong đám các em gái bé dang hoa, có một em mù hai mắt được Bác ẵm lên. Em ấy sờ râu sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách rất âu yếm. Mọi người trông thấy đều cảm động.

Các em biểu diễn khéo và hát hay, được mọi người vỗ tay, khen ngợi.

Sau cuộc biểu diễn, Bác thân mật dặn dò các em: Học tập siêng năng, giữ gìn trật tự, bảo vệ sức khỏe, nghe lời Bác Nêru. "Mai sau các cháu sẽ thành những đội quân hùng mạnh để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hòa bình...".

Bác nói thêm: "Đối với các cháu, bác là Bác Hồ, chứ không phải là Cụ Chủ tịch". Nghe vậy các em vừa vỗ tay, vừa hoan hô "Bác Hồ! Bác Hồ!". Một em chạy lên biếu bác hai cái kẹo.

10 giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi xem Tháp Quvat-Minar. Tháp này xây dựng từ năm 1199. Cao 76 thước tây. Có năm tầng. Ba tầng dưới xây bằng đá đỏ, hai tầng trên bằng đá trắng. Từ nền tháp đến chóp có 379 bậc thang đá. Đứng trên đỉnh tháp trông thấy toàn bộ phong cảnh Thủ đô Đêli.

Cách tháp mười thước là di tích của nhà thờ Quvat-ul-islam, xây từ năm 1193. Tuy đã 765 năm, những rường cột chạm trổ rất khéo vẫn còn nguyên vẹn. Điều đó chứng tỏ rằng từ xưa nghệ thuật xây dựng của Ấn Độ đã rất tinh vi.

Giữa sân nhà thờ có một cái cột sắt tròn bồng trên một cái bệ. Cột sắt cao độ 7 thước. Tuy đã trải qua hơn 1.500 năm mưa nắng, cột sắt không có chút sét rỉ nào, vì nó là chất sắt thuần túy 100%.

Ngay sau cuộc đi thăm, cả Thủ đô Đêli đồn rằng Bác thật là anh hùng, lý do là: Xưa nay các quý khách đến xem, trẻ cũng như già, chỉ đứng dưới sân nhìn lên, không ai trèo đến đỉnh tháp, nay Bác đã lên đến tầng cao nhất - Cho nên Bác là anh hùng!

12 giờ rưỡi, Thủ tướng Nêru mời Bác và Đoàn ăn cơm ở dinh Thủ tướng. Bữa này rất thân mật và vui vẻ, không có lễ tiết ngoại giao. Ngoài Bác và Đoàn, có độ 50 vị bạn thân của Thủ tướng.

Sau bữa tiệc, ông M. Nát, Thư ký Hội xinê trẻ con, đã biếu Bác một cuộn phim về trẻ em Ấn Độ.

Khi trở về Phủ Tổng thống, bác xuống xe, đi bộ. Vì vậy, anh em bảo vệ thì rất lúng túng. Bà con đi đường thì rất vui mừng, họ chạy theo hoan hô Bác, như một cuộc biểu tình.

3 giờ đến 4 giờ, Bác tiếp hơn 50 đại biểu các báo Ấn Độ, Anh, Mỹ...

Đối với nước ta, báo chí nước bạn có cảm tình rất tốt. Lâu trước ngày Bác đến Ấn Độ, nhiều báo đã đăng những bài hoan

nghe, ảnh và tiểu sử của Bác, cuộc kháng chiến anh dũng và thành tích trong việc xây dựng hòa bình của quân và dân ta. Nhiều báo đăng cả thơ, ca và phong tục Việt Nam. Mấy hôm nay, các báo đăng những bài dài thuật lại những hoạt động của Bác với nhiều lời ca tụng.

Trong cuộc tiếp xúc hôm nay, trước hết, Bác đọc lời tuyên bố đã viết sẵn, nội dung gồm có:

- Cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em.

- Chính phủ và nhân dân ủng hộ và thực hiện năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

- Chống chủ nghĩa thực dân; ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á - Phi; Ta chủ trương Angiêri phải được độc lập, xứ Goa phải trở về Ấn Độ, Tây Iriăng trở về Nam Dương, Đài Loan trở về Trung Quốc.

- Chống chiến tranh, chống vũ khí nguyên tử, chống các khối quân sự xâm lược.

- Nhân dân Việt Nam kiên quyết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình...

Rồi Bác trả lời một loạt câu hỏi (các báo đã gửi đến trước) về:

- Thành tích xây dựng kinh tế và chính sách ngoại giao của nước ta.

- Sự đóng góp của ta trong công cuộc giữ gìn hòa bình thế giới, v. v..

Sau đó, Bác trả lời mười mấy câu hỏi (mới tiếp được) của đại biểu một tờ báo Mỹ. Vài ví dụ:

- Nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là bạn của mình; chúng tôi chống là chống chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ.

- Dù là nhỏ xít, quả vệ tinh Mỹ đã phóng được cũng góp phần vào sự phát triển của khoa học và Bác mong cho khoa học hòa bình của Mỹ tiến bộ.

- Thành tích to nhất của nhân dân Việt Nam là đã giành được tự do, độc lập.

- Trong thời kỳ kháng chiến, quân đội Việt Nam đã lấy được nhiều vũ khí Mỹ cung cấp cho Pháp. Thế là Mỹ đã gián tiếp cung cấp vũ khí cho quân đội Việt Nam.

- Về câu hỏi: Phải chăng Liên Xô và Trung Quốc không chế Việt Nam? Bác nói: "Tôi xin lỗi các bạn, câu hỏi này hơi ngêch ngác ngây thơ...".

Suốt trong cuộc nói chuyện, nhiều lần các ký giả đã cười ồ và vỗ tay, vì những câu trả lời lý thú của Bác.

Nhiều anh em nhà báo nói: Đã lâu, mới có một cuộc tiếp xúc nhà báo vui vẻ và cởi mở thế này.

5 giờ chiều (7-2-1958) Bác đến từ biệt Tổng thống. Cụ Praxát tặng Bác một cây bồ đề nhỏ. Tiếng Ấn Độ cũng gọi bồ đề là "bodi" như tiếng ta. Lạ thật em nhỉ!

Cây bồ đề này rất quý vì nó là chồi non của cây bồ đề cổ thụ đã chứng kiến Đức Phật đắc đạo.

Nhân dịp này, Bác mời Tổng thống sang thăm nước ta. Cụ Praxát cảm ơn và vui vẻ nhận lời mời.

6 giờ, Bác và Đoàn đến thăm "Hội những người Ấn nghiên cứu tình hình thế giới". Đến dự cuộc gặp gỡ này có hơn 300 người trí thức, chính trị và khoa học. Sau đây là tóm tắt những điểm nói chuyện của Bác.

Lịch sử độc lập và thống nhất lâu đời của nước ta. Cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp. Sự nghiệp thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc kháng chiến anh dũng của quân và dân ta đã thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt chiến tranh, công nhận chủ quyền, độc lập và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta... Bác nghiêm khắc lên án chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ hòng biến miền Nam thành một thuộc địa, một căn cứ quân sự của Mỹ. Sự đoàn kết và quyết tâm của nhân dân ta

đấu tranh giành thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở những điều kiện hợp tình, hợp lý của Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc và Hiệp định Giơnevơ.

Về chính sách ngoại giao, Chính phủ và nhân dân ta chủ trương hợp tác thân thiện với các nước trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

Bác nêu rõ những thành tích của ta về xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa từ ngày hòa bình được lập lại.

Về tình hình thế giới, Bác nói: Hiện nay lực lượng hòa bình lớn mạnh hơn bao giờ hết và đủ sức ngăn chặn chiến tranh. Tuy vậy phe đế quốc vẫn đeo đuổi âm mưu gây chiến. Cho nên, nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình cần phải nâng cao cảnh giác, kiên quyết chống chiến tranh, chống các khối quân sự xâm lược, chống thử bom nguyên tử và khinh khí... Tinh thần Hội nghị Băngđung và kết quả tốt đẹp của Đại hội Lơ Ke vừa rồi làm cho nhân dân Á - Phi thêm đoàn kết, thêm hùng mạnh, thêm kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân, thêm hăng hái giữ gìn hòa bình thế giới.

Bác kết luận: Mặc dù có nhiều khó khăn, song với sức đoàn kết và quyết tâm của mình, với sự ủng hộ của 400 triệu nhân dân Ấn Độ và sự đồng tình của nhân dân thế giới, nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất.

Trước khi vào đề, Bác nói: "Báo cáo này hơi dài. Bao giờ các bạn không muốn nghe nữa xin cứ nói thật, tôi sẽ kết thúc". Mọi người cười và vỗ tay.

Đọc xong bản báo cáo, Bác nói thêm: "Việt Nam thống nhất không những ích lợi cho chúng tôi mà còn ích lợi cho các bạn, vì các bạn sẽ khỏi tốn công nghiên cứu một vấn đề phức tạp. Và cũng ích lợi cho vị Chủ tịch kính mến của chúng ta đây (Ông Crítxna Masari là Chủ tịch hội này và Chủ tịch cả Ủy ban kế hoạch Nhà nước). Vì Việt Nam thống nhất, mỗi năm sẽ có thể bán sang Ấn Độ hơn một triệu rưỡi tấn gạo để giúp giải quyết

một phần vấn đề lương thực...". Mọi người lại cười ô và vỗ tay nhiệt liệt.

Thuật lại cuộc nói chuyện này, nhiều báo Ấn viết: - Thái độ thật thà và khiêm tốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy được cảm tình của mọi người cho đến hôm nay.

- 7 giờ, Bác và Thủ tướng Nêru ký bản tuyên bố chung. Văn kiện quan trọng này sẽ đăng ở các báo, anh không ghi chép ở đây.

- 7 giờ rưỡi, Bác chiêu đãi và từ biệt Tổng thống, Thủ tướng và các bạn ở Đêli. Sau khi tỏ lời cảm ơn Tổng thống, Thủ tướng và nhân dân Đêli, Bác nói tóm tắt: "Trong nhiều vấn đề quan trọng, các bạn Ấn Độ và chúng tôi đều đồng ý với nhau. Điều đó chứng tỏ rằng quan hệ anh em giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển và củng cố hơn nữa... Và do đó, sẽ giúp thắt chặt thêm nữa tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và tăng cường lực lượng bảo vệ hòa bình thế giới".

Thay mặt Tổng thống Praxat, Thủ tướng Nêru trả lời đại ý như sau: "Hồ Chủ tịch là một người có độ lượng rộng rãi. Ngài vừa nói với tôi Ngài đã "phải lòng" Đêli; như thế là cần phải có một quả tim rất to... Sự thật thì nhân dân Đêli cũng đã "phải lòng" Ngài. Trong ba ngày Hồ Chủ tịch ở đây, đã có nhiều cuộc mít tinh và cuộc trao đổi ý kiến, nhiều khi bằng tiếng nói, nhiều khi không cần đến tiếng nói. Chúng ta có người trao đổi bằng tiếng nói, có người trao đổi bằng cảm tình. Chúng ta đã tiếp xúc với một người mà người ấy là một bộ phận của lịch sử châu Á. Chúng ta gặp gỡ một vĩ nhân, đồng thời chúng ta gặp gỡ một đoạn lịch sử. Vì vậy, không những chúng ta đã thêm về mặt tư tưởng, mà còn thêm danh giá cho chúng ta. Gặp gỡ Hồ Chủ tịch là một kinh nghiệm nó làm cho chúng ta tốt thêm...".

Thủ tướng nói ước ao Bác ở lại lâu hơn, nhưng khó mà đòi hỏi những người có trách nhiệm nặng nề lưu lại lâu ngày ở nước ngoài. Thủ tướng mong Bác đến thăm Ấn Độ lần nữa. Hồ Chủ

tịch tở ý muốn lần khác "vi hành" đến thăm Ấn Độ. Nhưng một đoạn lịch sử muốn vi hành thì không phải dễ... Thật là một sự sung sướng mà có một người vĩ đại đáng yêu đến với chúng ta và, mặc dù những mâu thuẫn trên thế giới hiện nay, người ta vẫn cảm thấy nhân đạo, hữu nghị và tình thương yêu nó sẽ xóa được mọi mâu thuẫn. Thủ tướng kết luận gọi Bác là một người vĩ đại, một bạn vĩ đại và một đồng chí vĩ đại.

9 giờ tối (7-2-1958) nghe tin Bác sắp rời Đêli, các em bé (cháu của Tổng thống, con của các nhân viên cao cấp ở Phủ Tổng thống) kéo nhau đến chào Bác. Các em hát cho Bác nghe, rồi đòi Bác cho chữ ký để làm kỷ niệm. Đã đến giờ nhưng các em còn quyến luyến, vây tròn lấy Bác, không muốn để Bác đi. Có em hỏi: "Bác ơi Bác, bao giờ Bác trở lại chơi với các cháu?"

10 giờ 25 phút, xe sắp sửa chạy đi Nănggan. Nhà ga, sân ga, vườn ga đều trang trí với quốc kỳ hai nước và đèn điện nhiều màu sắc, đẹp như ngày Tết. Ra ga tiễn Bác và Đoàn, có Thủ tướng và bà Indira, nhiều vị trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và những bạn mới quen biết.

Lúc chia tay, khách và chủ đều tỏ tình rất quyến luyến. Bác đứng trên cửa xe vẫy tay và nói chơi: "Cửa này là cửa hòa bình". Thủ tướng Nêru cười và trả lời: "Cửa hòa bình, chúng ta phải để nó mở rộng mãi mãi".

10 giờ rưỡi, xe lửa chuyển bánh rời Thủ đô đi Nănggan.

Chào các bạn Đêli thân mến! Chúng tôi sẽ luôn luôn ghi nhớ tình hữu nghị thắm thiết của các bạn đối với lãnh tụ và nhân dân Việt Nam!...

Đêli là một thành phố rất cũ và rất mới, có độ hai triệu nhân dân. Hơn 2.000 năm nay, Đêli đã trải qua nhiều cuộc bể dâu và đã thay đổi sáu, bảy lần. Lúc thì thành phố mới mọc chồng trên thành phố cũ. Lúc thì thành phố cũ vẫn đứng bên thành phố mới. Vì vậy, Đêli có nhiều di tích lịch sử xưa, lại có nhiều lâu đài mới. Ngày nay Đêli có hai phần: Đêli cũ là nơi dân

cư đông và phố xá nhiều. Bên cạnh là Đêli mới, nơi tập trung các cơ quan chính quyền, xây dựng xong từ năm 1931. Quốc hội, Phủ Tổng thống, dinh Thủ tướng, các Bộ đều ở gần nhau. Nhà cửa to, đường sá rộng, vườn hoa nhiều, xứng đáng là Thủ đô của một nước có hơn 382 vạn cây số vuông đất đai, 362 triệu nhân dân. (Nước Ấn Độ chia làm 14 bang và 6 khu trực thuộc Chính phủ trung ương).

Đối với những người bạn, nhân dân Đêli có thái độ rất niềm nở thân mật, đáng yêu. Trong những ngày ở Thủ đô, mỗi lần Bác và Đoàn đi ra, luôn luôn hàng nghìn, có khi hàng vạn người đón chào hai bên đường. Ngoài những tiếng hoan hô, những bàn tay chào vẫy, tình cảm sâu sắc nhất là nơi con mắt triu mến của họ. Mỗi lúc Bác và Đoàn đi gần các trường học, thì các em học sinh chạy ùa ra, nhảy nhót, hò reo, chạy theo xe Bác và hoan hô: "Sasa Hồ, Jindabad!".

Một hôm, độ 9 giờ sáng, anh có việc đi ra phố, thấy có hàng vạn người đi xe đạp liên tiếp nhau hơn một cây số, rất có trật tự. Họ đi từ Đêli cũ và Đêli mới. Anh tưởng là một đám biểu tình bằng xe đạp. Hỏi ra mới biết đó là nhân viên đi làm việc ở các cơ quan.

Nănggan cách Đêli 360 cây số, đi về phía bắc. Đi xe lửa đặc biệt phải 12 tiếng đồng hồ, tức là 9 giờ sáng mai sẽ đến. Thế là tối hôm nay Bác và Đoàn cùng tất cả anh em cán bộ được nghỉ ngơi suốt đêm.

Trên xe, ăn cơm rồi thì đã 12 giờ khuya, nhưng anh cố viết cho xong thư này...

Mấy hôm vừa qua, công việc khẩn trương, ai cũng hơi mệt. Vì xe lắc, mắt anh lại riu riu, viết chữ o thì thành chữ a. Tiếng bánh xe chạy nhịp nhàng như ru ngủ... Anh cùng các đồng chí trong cơ quan đi tham gia chống hạn ở ngoại ô, cùng đi có cả cậu Lâm và cô Hạnh. Dạo này chúng đang tìm hiểu nhau... Đến nơi thì gặp anh chị em học sinh cấp III, họ thách mình thi đua. Mọi người ra sức làm việc, toát cả mồ hôi mồ hám, nhưng vẫn vừa

làm vừa hát để khuyến khích nhau. Không biết ai đã cố ý xếp Lâm và Hạnh cùng tát một gầu. Chúng cũng vừa tát vừa hát. Hạnh cất giọng hát:

"Thì đưa tát nước vào đồng,

Tát bao nhiêu nước, em thương chồng bấy nhiêu"

Đồng chí Quế cười và gật gù nói: "Con bé Hạnh này lì thật" rồi thúc một đấm vào lưng anh.. Thức giấc dậy thì tay anh đang cầm bút để trên tờ giấy, nhìn ra cửa sổ thì trời đã rạng đông...

Nănggan ngày 8-2-1958

Em Hương yêu quý,

9 giờ sáng nay, Bác và Đoàn đến Nănggan. Ra ga đón, có ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp bang Pănggiáp.

Nănggan là một thành phố nhỏ đang trở nên một thành phố to, vì ở đây đang xây dựng cái đập chứa nước to nhất ở Ấn Độ là đập Bacora ở trên sông Sút-lê.

Việc chuẩn bị đắp đập Bacora bắt đầu từ năm 1946, nhưng đến tháng 11 năm 1955 mới khởi công.

Đập này bề cao 255 thước tây. Chân đập dày 436 thước.

Việc đầu tiên là phải dọn sạch 4 triệu thước khối đá và sỏi. Số lượng bê tông dùng vào đập (hơn 80 vạn tấn) có thể đắp thành một con đường rộng hai thước rưỡi chạy vòng quả đất. Số gang sắt (10 vạn tấn) có thể lắp 480 cây số đường ray.

Trước khi đắp đập, phải xây 12 cây số đường xe lửa và một khu nhà ở cho 15.000 công nhân. Cả đêm, cả ngày có 8.000 công nhân làm việc.

Công việc ở đập này đều làm bằng máy. Ở cạnh đập có một xưởng bê tông mỗi giờ có thể sản xuất 400 tấn. Một đai chuyền cao su bằng máy dài 7 cây số mỗi giờ đưa 750 tấn đá sỏi từ bờ sông đến máy chọn lọc. Máy này chọn đá sỏi ra từng hạng to, vừa và nhỏ. Chọn lọc xong, đá sỏi đi vào máy rửa cho sạch và quạt cho nguội. Rồi sang máy trộn cho đều thành bê tông. Sau đó,

bê tông được đưa lên những toa xe lửa đặc biệt rồi chuyển sang máy vận tải bằng dây chuyền. Cuối cùng, do máy điện đúc bê tông thành những khối vuông và to dùng đập đập.

Gần chân đập Bacora có hai nhà máy điện, mỗi nơi sản xuất 900 kilôoát.

Núi ở đây có những lớp đá như đất sét, dễ vỡ và khó đập, cho nên công việc xây dựng gặp nhiều khó khăn.

Anh em Ấn Độ rất tự hào đã vượt mọi khó khăn đập được cái đập này. Họ cho nó là biểu hiện cho tinh thần tích cực, hy vọng tương lai và lòng tin tưởng vào sự tiến bộ của nước Ấn Độ mới.

Anh nghĩ rằng bà con Ấn Độ có quyền tự hào như vậy, vì đập Bacora là một bộ phận trong hệ thống thủy lợi Bacora - Nănggan, nó sẽ tưới cho 4 triệu mẫu tây ruộng đất hiện đang khát nước.

Ông Thủ hiến và ông giám đốc hướng dẫn Bác và Đoàn đi xem kỹ công trình xây dựng này. Độ cuối năm sau thì đập Bacora sẽ làm xong. Bác nói với ông Thủ hiến: "Bao giờ khánh thành đập, Ngài tin cho tôi biết, tôi sẽ gửi điện mừng". Ông Thủ hiến vui vẻ trả lời: "Chúng tôi kính cảm ơn Chủ tịch trước và nhất định sẽ báo cáo để Chủ tịch biết mà mừng cho chúng tôi".

Chiều, hai giờ rưỡi, ông Thủ hiến đưa Bác Hồ và Đoàn đi thăm một làng làm theo "Kế hoạch cải tiến nông thôn".

Hơn 85% nhân dân Ấn sống ở nông thôn. Giải quyết lương thực (mỗi năm 63 triệu tấn) là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Vì vậy Chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đến việc cải tiến nông thôn. Kế hoạch này nhằm cải thiện nông nghiệp; tăng cường vệ sinh và giáo dục; giải quyết nhà ở và các vấn đề khác cần thiết cho đời sống của nông dân. Những việc cải thiện này do nhân dân tự làm lấy, với sự hướng dẫn và giúp đỡ của Chính phủ.

Cuối năm 1952, Chính phủ đã chọn 55 vùng làm thí điểm. Cuối kế hoạch 5 năm thứ nhất đã phát triển đến 1.160 vùng. Nơi mà Bác và Đoàn đến thăm hôm nay cách Nănggan độ 20 cây số.

Trong làng có những ngôi nhà kiểu mẫu, khuôn khổ nhỏ nhưng sạch sẽ, gọn ghẽ. Các nghề thủ công như dệt vải, thuộc da, v. v. đều tổ chức thành hợp tác xã. Hôm nay, nông dân các xã chung quanh cùng làng này có tổ chức hội trợ, trưng bày các sản phẩm, như các thứ ngũ cốc, vải vóc, da thuộc, đồ chơi cho trẻ con, v. v.. Có nhiều thứ vải dệt và thêu bằng tay rất đẹp. Một cụ già trong hội chợ biểu Bác một tấm da beo. Bác phải từ chối mãi, ông cụ mới chịu lấy lại.

Rồi đến buổi văn công, do thanh niên trai và gái biểu diễn các điệu múa và các bài hát địa phương. Hơn hai, ba nghìn người đến xem biểu diễn.

4 giờ rưỡi đi xem đập Nănggan. Đập này ở phía dưới dòng đập Bacora hơn 10 cây số, tác dụng của nó là để giữ mức nước Bacora được bình thường. Đập Nănggan làm xong hồi tháng 7-1954 và đã tưới nước cho một vùng khá rộng ở Pănggiáp, Pépsu và Ragiastan.

Để đưa nước hai đập Bacora và Nănggan vào ruộng, nông dân ở vùng này đã đào được 960 cây số mương. Đập và mương thành một công trình thật vĩ đại. Anh nghĩ rằng mai sau nước ta đắp được vài cái đập to như thế này, thì vấn đề thủy lợi ở nước ta sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp.

6 giờ chiều, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất long trọng.

9 giờ Bác và Đoàn lên xe đi Agora cách đây hơn 500 cây số, về phía nam Đêli.

Agora ngày 9-2-1958

Em Hương

Agora cách Đêli 200 cây số.

10 giờ sáng nay Bác và Đoàn đến đây để thăm ngôi làng nổi tiếng khắp thế giới là Tagior Mahan.

Trước hết anh kể tóm tắt cho em nghe lịch sử của thành phố Agora: Người ta chỉ biết rõ lịch sử của thành phố này từ năm 1495. Năm ấy, vua Lôđi từ Đêli xuống đây xây dựng thành phố

Agora. Sau đó mười năm, một cuộc động đất dữ dội đã làm cho thành phố đổ nát hết. Một lần nữa, vua Lôđi bắt nhân dân xây dựng lại Agora.

Năm 1564, vua Môgôn bắt nhân dân mở mang thêm thành trì Agora làm Thủ đô Ấn Độ. Chỉ có 14 năm, y rời Thủ đô đi nơi khác, 19 năm sau, y lại trở về đóng đô ở Agora. Được sáu năm thì y chết. Con y lại bỏ Agora đi đóng đô nơi khác. Đây cũng là một chứng thực rằng bọn vua chúa không tiếc mồ hôi nước mắt của nhân dân mà chỉ làm theo ý muốn của chúng, xây lên rồi bỏ đi, bỏ đi rồi lại xây lên, tốn kém không biết ngần nào mà kể. Em nghĩ có đáng trách không?

Đến thế kỷ XVII (từ năm 1632) dưới thời vua Sa Giêhan lại xây dựng Agora thành một Thủ đô, cực kỳ tráng lệ.

Nhưng từ năm 1770 trở về sau, Agora đã bị chiến tranh tàn phá năm lần. Lần cuối cùng (1803) Agora bị thực dân Anh xâm chiếm. Ngày nay Agora là một thắng cảnh nổi tiếng của nước Ấn Độ tự do.

Tagiơ Mahan trước là lăng của hoàng hậu Nungtát Mahan, vợ của vua Sa Giêhan (đầu thế kỷ XVII). Giêhan là một người đa tình, đông con và xa xỉ.

Khi bà Mahan đẻ đứa con thứ 14 thì mắc bệnh sản hậu mà chết. Giêhan thương tiếc quá, bèn bắt dân làng xây lăng này để chôn vợ y. Để xây Tagiơ Mahan, hai vạn công nhân làm trong 22 năm mới xong. Nghe nói tốn hơn 30 triệu đồng rupi (hơn 21 nghìn triệu đồng ngân hàng).

Ấn Độ có nhiều lâu đài, chùa miếu lâu đời và đồ sộ, nhưng Tagiơ Mahan nổi tiếng là đẹp nhất ở Ấn Độ và trên thế giới. Người ta gọi nó là "bài thơ bằng đá găm".

Từ ngoài cửa đi vào là một khu vườn rộng và đẹp. Ở giữa có một cái hồ dài và một cái truông chắn lại như chữ i viết hoa. Giữa hồ có những vòi nước phun lên cao, hai bên có những cây cỏ thụ soi bóng xuống nước hồ trong vắt.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời chúc mừng đồng bào nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ trước máy ghi âm của Đài tiếng nói Việt Nam tại Phủ Chủ tịch (31.1.1965). *Từ trái sang phải:* Người đứng thứ hai là đồng chí Liêm, bảo vệ của Bác; tiếp đến là đồng chí Trần Lâm Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam; người đứng thứ năm là chị Trần Thị Tuyết, nghệ sĩ ngâm thơ; đứng thứ 6 là đồng chí Vũ Kỳ thư ký của Bác.

*Ảnh: Vũ Đình Hồng
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*

Lăng có hai tầng sân, sân dưới bằng đá đỏ, sân trên bằng đá trắng. Bốn góc sân có bốn cái tháp cao ba tầng. Toàn bộ lăng đều xây bằng đá gấm trắng tinh. Ở phía trong lăng là một gian phòng rộng tám góc. Chính giữa là mả của hoàng hậu và mả của Giêhan đều bằng đá gấm trắng, chạm trổ với những thứ đá ngọc nhiều màu sắc, xem như những tấm thảm thêu. Chung quanh có những bức bình phong, trước kia là bằng vàng, về sau đổi bằng cẩm thạch.

Hai mả đề ở đây là hai mả giả. Hai mả thật thì ở dưới hầm cũng giống hệt như hai mả này. Các cửa, các tường đều chạm trổ một cách rất tinh vi, hoặc thếp vàng, hoặc khảm ngọc.

Người công trình sư xây dựng lăng này khéo lợi dụng cả điều kiện thiên nhiên để tô điểm cho nó thêm đẹp. Như khi trời nắng thì những chạm trổ và những màu sắc nổi lên óng ánh rất xinh tươi. Đêm sáng trăng thì sắc trắng của lăng và màu xanh của vườn hòa lẫn với ánh trăng thành một phong cảnh rất thơ mộng.

Cách Tagior Mahan mấy trăm thước là cung điện và đại bản doanh của dòng vua Giêhan. Lúc còn sống, Giêhan thường đứng bên này bụi ngùi nhìn sang lăng vợ.

Cung điện này cũng xây bằng đá đỏ và đá trắng, gồm có nhiều lâu đài rất đồ sộ và chạm trổ rất tinh vi. Ngoài những lâu đài khác, có một nhà tắm của "cung tần mỹ nữ", trên trần nhà và chung quanh tường có khảm hàng vạn miếng gương, để khi họ tắm thì rọi ra những hình ảnh của con người. Có một con đường ngầm bí mật từ chỗ vua ra đến bờ sông, để phòng khi có biến cố thì vua có lối chuồn để tránh nạn. Có một ngôi lầu tám góc gọi là lầu Hoa Nhài, gọi như vậy vì tường vách cột kèo đều chạm trổ hình những hoa ấy bằng đá ngọc. Mái lầu thò tròn và thếp vàng. Vua Giêhan già chết ở lầu này. Đến phút cuối cùng, y vẫn ngoảnh mặt nhìn sang lăng vợ.

Những năm Giêhan đã già, thì bọn con trai y là Orănggiép chiếm ngôi vua và nhốt y lại trong lầu tám góc ấy...

Các nhà báo hỏi ấn tượng của Bác đối với cuộc đi thăm này. Bác nói: "Ngày xưa nhân dân lao động Ấn Độ đã xây dựng những cung điện lâu đài cực kỳ đồ sộ. Ngày nay nhân dân Ấn Độ dùng tài năng và lực lượng của mình làm những nhà máy to, để làm cho nước nhà giàu mạnh, con cháu mình sung sướng. Điều đó chứng tỏ rằng nhân dân Ấn Độ có một quá khứ vẻ vang và một tương lai càng rực rỡ".

3 giờ chiều Bác và Đoàn từ giả Agora đi Bombay.

3 giờ chiều (9-2-1958) máy bay cất cánh từ Agora. Gần 7 giờ đến Bombay. Ông Thủ hiến, các nhân viên cao cấp và nhiều đoàn thể ra đón Bác và Đoàn ở sân bay. Cũng đeo vòng hoa, duyệt đội danh dự, cũng đọc lời chào mừng long trọng như những nơi khác. Bác cùng Đoàn đi về dinh Thủ hiến. Hai bên đường có hàng chục vạn nhân dân đón chào.

Bảy giờ rưỡi tối, ông Thủ hiến chiêu đãi. Tiệc xong, có văn công múa hát rất vui.

Trước hết, anh tóm tắt giới thiệu Bombay cho em biết. Bombay là một cửa biển lớn, chiều dài 18 cây số, chiều rộng nhất là 6 cây số. Có ba triệu nhân dân. Bombay lại là một thành phố công nghiệp, có hơn 1000 nhà máy nhỏ và to.

Tục truyền rằng ngày xưa Bombay là một nơi có bảy hòn đảo nhỏ xúm xít gần nhau. Nhân dân chỉ làm nghề đánh cá. Bà tiên Côly đặt tên cho nơi này là Mumbai. Về sau đất bồi đã làm cho những hòn đảo ấy liền với nhau, mà Mumbai cũng biến thành Bombay. Vì là một cửa biển phía tây của Ấn Độ, tàu bè các nước phương Tây đi lại buôn bán nhiều, cho nên Bombay đã trở nên một thành phố phồn thịnh. Nhưng cũng vì vậy Bombay và cả nước Ấn Độ đã thành miếng mồi ngon cho bọn thực dân gần 450 năm.

10-2-1958. Hôm nay chương trình hoạt động của Bác và Đoàn như sau:

- Đi xem Viện nuôi cá. Ở đây có rất nhiều giống cá to và nhỏ. Có những loại cá rất đẹp. Nhiệm vụ của Viện này là giúp nghiên cứu các giống tôm, cá ở biển, ở sông.

- Đi thăm nông trường nuôi trâu. Nông trường này tổ chức từ năm 1951, ở cách Bombay độ 30 cây số, trên một quãng đồi rất rộng. Nông trường này có gần 13 nghìn con trâu, chia làm 26 trại. Có nhà máy lọc sữa và cho sữa vào chai và 700 trạm ở ngoài phố để bán sữa cho nhân dân Bombay. Trâu đều là của tư nhân. Chính phủ chỉ phụ trách quản lý. Khi bán sữa rồi, Chính phủ tính số trâu mà trả tiền cho mỗi chủ, số tiền còn lại thì chi vào nhà máy, ruộng cò, lương công nhân, v. v...

Đến thăm nông trường này, anh mới biết sữa trâu ngon và béo hơn sữa bò. Thật là "đi một phiên chợ, học một mớ khôn" em nhỉ!

- Thăm Viện nghiên cứu sức nguyên tử dùng vào sự nghiệp hòa bình. Viện này đang xây dựng trên vùng đồi, quy mô lớn, nhà cửa nhiều. Ở đây có nhiều người khoa học Ấn Độ tuổi còn trẻ và thái độ rất khiêm tốn. Vì đang lúc xây dựng cho nên việc nghiên cứu cũng đang ở bước đầu.

- Sáu giờ chiều. Cuộc chào mừng của thị xã Bombay rất đông người, thân mật và long trọng. Sau đây là tóm tắt lời chúc mừng của ông Thị trưởng:

"Kính thưa Chủ tịch. Chúng tôi rất lấy làm vẻ vang được đón tiếp Ngài và chúng tôi hoan nghênh Ngài với tất cả tấm lòng quý mến nhiệt liệt... Ấn Độ và Việt Nam luôn luôn đồng tình và ủng hộ lẫn nhau vì chúng ta là hai nước láng giềng ở châu Á. Việt Nam cũng như Ấn Độ, sau nhiều hy sinh và gian khổ mới giành được độc lập mấy năm gần đây. Cuộc đấu tranh của chúng ta đã ảnh hưởng lẫn nhau và ủng hộ lẫn nhau.

Là một trong những người kiến trúc sư xây dựng nước Việt Nam độc lập và dân chủ cộng hòa, Chủ tịch đã lấy được lòng yêu kính của nhân dân Việt Nam và của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

25 năm đấu tranh giải phóng và 10 năm chiến đấu anh dũng để bảo vệ quyền tự do của đất nước, Việt Nam đã thành một lịch

sử phi thường đầy kiên nhẫn hy sinh và tin tưởng. Lúc thanh niên Ngài đã đi khắp các nước để tố cáo cho khắp thế giới biết những tội ác của thực dân. Ngài đã thành công tốt đẹp. Từ lao động như một người thủy thủ, một công nhân, một văn sĩ, một người viết báo, một lãnh tụ chính trị, một chiến sĩ du kích, kết cục là vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong chiến tranh cũng như lúc hòa bình, Ngài là ngọn đèn soi sáng đưa nhân dân Việt Nam đến một đời sống mới. Đức tính đặc biệt của Ngài là giản dị, cần cù và quan tâm đến mọi việc, đã thành những chuyện truyền tụng đồng thời là một vốn quý của nước Việt Nam. Nhiều việc cải cách xã hội đã được thi hành và nó đang hướng Việt Nam chắc chắn tiến lên con đường hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng. Sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp đã cải thiện đời sống của nông dân và công nhân, nhất là đời sống ở nông thôn. Việc giáo dục cũng được chú ý đến nhiều và số nhân viên công tác y tế cũng đã được tăng nhằm bảo vệ hơn nữa sức khỏe của quần chúng. Tất cả những việc đó, đã xây dựng một đời sống mới cho nhân dân Việt Nam. Ngài đã dám bỏ những lễ tiết và hình thức của một vị Chủ tịch một nước. Ai cũng thấy rằng Ngài là một vị lãnh tụ của nhân dân với một lòng yêu thương không bờ bến đối với nhân dân...

Thưa Chủ tịch, Ấn Độ đang tiến vào kế hoạch 5 năm thứ hai và cũng đang chăm chú vào công việc xây dựng lại đất nước và nhất là nhân dân Bombay, đang hết sức chú ý theo dõi sự tiến bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Ngài. Chúng tôi chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch sẽ đưa hai nước chúng ta gần gũi nhau hơn nữa và càng làm phát triển năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự cố gắng chung của chúng ta sẽ cống hiến nhiều cho sự tiến bộ của dân chủ và hòa bình thế giới...".

Đọc xong, ông Thị trưởng Bombay trao cho Bác lời chào mừng ấy viết trên lụa điều, đặt trong một hộp ngà khảm bạc rất đẹp.

Sau đây là nội dung lời cảm ơn của Bác:

"Chúng tôi rất sung sướng được các bạn đón tiếp nhiệt liệt. Hàng chục vạn nhân dân Bombay, từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đã đứng chật các đường để chào mừng chúng tôi. Điều đó làm cho chúng tôi ghi nhớ mãi mối tình hữu nghị thắm thiết Việt-Ấn anh em.

Bombay là một thành phố rất quan trọng của nước Cộng hòa Ấn Độ, một trung tâm văn hóa, kỹ nghệ, khoa học. Lại là một cửa biển thông thương lớn.

Một điều nữa làm cho Bombay nổi tiếng trên thế giới, vì Bombay là quê hương của Thánh Găngđi, người đã nêu cao đạo đức yêu nước, khắc khổ, nhẫn nại, suốt đời hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho hòa bình. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru và sự cố gắng của toàn dân Ấn Độ, từ ngày độc lập, nước Cộng hòa Ấn Độ trở nên một nước hùng mạnh. Trong sự nghiệp đó, nhân dân Bombay đã góp phần xứng đáng của mình...

Ngày nay, thế giới đang đứng trước một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai lực lượng: lực lượng chiến tranh và lực lượng hòa bình... Chiến tranh là mục đích của khối quân xâm lược. Lực lượng hòa bình gồm có tuyệt đại đa số nhân dân trên thế giới, trong đó có gần 400 triệu nhân dân Ấn Độ. Lực lượng ấy ngày càng mạnh. Nhân dân thế giới ngày thêm đoàn kết, kiên quyết đấu tranh để giữ gìn hòa bình. Nhân dân thế giới ra sức tăng cường đoàn kết và đấu tranh thì hòa bình thế giới chắc chắn sẽ giữ được.

Trong công cuộc giữ gìn hòa bình thế giới, chúng tôi sung sướng nhận thấy các nước Á-Phi chúng ta giữ một vai trò quan trọng và Ấn Độ đã góp phần xứng đáng của mình.

Ngày nay 1.200 triệu nhân dân Á-Phi đã được giải phóng. Nhưng một số nước Á-Phi anh em vẫn còn đau khổ dưới gót sắt của thực dân, họ đang anh dũng đấu tranh cho tự do, độc lập. Nhân dân Việt Nam hoàn toàn đồng tình và ủng hộ các dân tộc anh em đó.

Sau 8, 9 năm kháng chiến gian khổ chống thực dân, Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hội nghị Giơnevơ đã công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng đến nay đất nước chúng tôi còn bị chia cắt làm hai miền, đó là vì sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Tuy vậy, chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh cho thống nhất của Việt Nam nhất định thắng lợi.

Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn nhân dân Ấn Độ đã ủng hộ mình và luôn luôn ghi nhớ sự đồng tình và ủng hộ của Thánh Găngđi, của Thủ tướng Nêru đối với cuộc kháng chiến của chúng tôi.

Trong sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, chống chủ nghĩa thực dân, nhân dân hai nước chúng ta luôn luôn sát cánh với nhau. Chúng ta đã đập đổ bức tường thực dân trước đây ngăn cách chúng ta. Từ nay quan hệ giữa hai nước chúng ta ngày càng thắt chặt. Chúng tôi tin rằng những quan hệ hữu nghị đó sẽ tăng cường mãi mãi...".

Giữa tiếng hoan hô nhiệt liệt, Bác biểu nhân dân Bombay hai bức hình bằng sơn mài Thánh Găngđi và Thủ tướng Nêru.

8 giờ rưỡi tối, ông Thủ hiến chính thức chiêu đãi. Sau cuộc chiêu đãi có văn công biểu diễn.

Sáng ngày 11-2-1958, Bác và Đoàn đi thăm những nơi sau đây: Công viên Camla Nêru (kỷ niệm vợ Thủ tướng Nêru). Vườn này không to, nhưng rất xinh xắn. Ngày thường vườn này dành riêng cho trẻ em. Giữa vườn có một cái nhà hai tầng, làm giống một chiếc giày khổng lồ, trẻ em rất thích cái nhà ấy.

Vườn treo. Trước kia anh tưởng rằng vườn treo là một cái vườn treo lơ lửng giữa trời. Nay mới biết vì vườn này ở trên sườn đồi, và dưới đáy vườn có bể chứa nước, cho nên người ta gọi là "vườn treo". Một người bạn Ấn Độ nói rằng: Cách đây không xa, có cái "Tháp im lặng", giống một cái bể cạn tròn, rất

to và rất cao. Người theo đạo Pátisi, nhà có người chết thì để xác vào đây, do nắng mưa và chim quạ phụ trách chôn cất.

Đến thăm nhà hàng bán các thứ vải lụa dệt bằng tay, có những thứ rất đẹp, chứng tỏ rằng thủ công nghiệp của nhân dân Bombay rất khéo.

Đi thăm Viện khảo cổ. Viện này một phía thì có các loài thú, một phía thì có những đồ vật và những pho tượng đá làm cách đây hơn 2.000, 3.000 năm.

2 giờ chiều, Bác cùng Đoàn từ già Bombay đi Bắnggalo.

Phong cảnh Bombay rất đẹp, nhất là ban đêm. Những đường cái sát bờ biển ban đêm đèn điện thấp sáng choang. Đứng xa trông thấy một dãy dài như chuỗi cườm óng ánh. Người ta gọi nó là "chuỗi ngọc của Hoàng hậu". Vì trời nực, đêm khuya vẫn đông người đi hóng mát trên những con đường ấy.

11-2-1958, từ Bombay đến Bắnggalo 840 cây số, đi máy bay độ 3 tiếng đồng hồ. Đúng 5 giờ chiều, Bác và Đoàn đến sân bay Bắnggalo. Lễ nghi đón tiếp do ông Thủ hiến bang Mayo lãnh đạo, cũng thân mật và long trọng như các nơi khác.

6 giờ, Bác và Đoàn đến dự cuộc chào mừng của nhân dân Bắnggalo, tổ chức ở một công viên, trong một ngôi nhà lợp bằng kính, chứa được vài nghìn người.

Sau khi tỏ lời hoan nghênh nhiệt liệt, ông Thị trưởng nói tiếp: "... Như Thủ tướng Nêru của chúng tôi đã nói, Chủ tịch là một vĩ nhân, đã ảnh hưởng thời đại với đức tính giản dị và thành khẩn của Ngài. Chủ tịch là một người đại cách mạng và nhờ uy tín của Ngài mà Việt Nam đã có địa vị hiện nay trên thế giới. Lòng yêu tự do, bình đẳng và sự hiểu biết của Chủ tịch đã làm cho Ngài thành một nhân vật lớn trên trường chính trị quốc tế...

Việt Nam có những điều giống nhau với Ấn Độ, vì cả hai đều là nước nông nghiệp với 90% số người là nông dân. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch, cuộc cải cách ruộng đất đã thay

đổi hoàn toàn chế độ nông nghiệp ở Việt Nam, làm cho người cày có ruộng và đời sống nông dân được nâng cao. Việt Nam cũng đã tiến bộ trong các lĩnh vực khác như công nghiệp, giáo dục, thương mại, v. v.. Khi đến Đêli, lời tuyên bố của Chủ tịch đã tỏ rõ quan hệ của Việt Nam đối với các nước khác. Lời Chủ tịch khen ngợi Tổng thống và Thủ tướng của chúng tôi cũng như sự cống hiến của Ấn Độ trong sự nghiệp hòa bình đã tỏ rõ lòng Chủ tịch yêu quý đất nước chúng tôi. Chúng tôi tin rằng việc Chủ tịch đến thăm Ấn Độ sẽ củng cố hơn nữa tình thương yêu và lòng tin cậy giữa hai nước chúng ta...

Tôi xin tóm tắt giới thiệu thành phố Bănggalo với Chủ tịch. Thành phố này cao 1.000 thước tây so với mặt biển, rộng độ 37 lý vuông, với 80 vạn nhân khẩu. Nhờ có khí hậu tốt, nguyên liệu nhiều, cho nên có khá nhiều công nghiệp, như xưởng làm máy bay, xưởng máy điện thoại, nhà máy cơ khí, v. v.. Do có nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhưng với sự giúp đỡ của bang và của Chính phủ trung ương, chúng tôi đã giải quyết khá tốt các vấn đề ấy. Chúng tôi hết sức cảm ơn Chủ tịch đã đến thăm chúng tôi và mong Ngài nhận món quà nhỏ mọn này, gọi là tỏ tình yêu quý và kính mến của chúng tôi đối với Chủ tịch và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...".

Dứt lời, ông Thị trưởng trao tặng Bác một cái hộp bằng gỗ thơm bạch đàn khảm ngà voi - một thứ thủ công rất nổi tiếng ở đây. Tiếp theo là buổi văn công.

8 giờ rưỡi chiều, trong cuộc chiêu đãi chính thức, ông Thủ hiến nói đại ý như sau:

"Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã từng đón tiếp nhiệt liệt Thủ tướng và Phó Tổng thống của chúng tôi, việc đó đã làm cho nhân dân Ấn Độ rất vui lòng và càng gần gũi thêm nhân dân Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất sung sướng có dịp chào mừng vị Chủ tịch của một nước đã có quan hệ hữu nghị rất thân thiết với chúng tôi... Đã từng nghe và biết sự

công hiến của Chủ tịch đối với hòa bình, nhân dân Ấn Độ rất tán thành cái danh hiệu mà Thủ tướng Nêru đã tặng Ngài là "Người hòa bình quốc tế".

Hai nước chúng ta đã có quan hệ từ hai nghìn năm. Nhưng từ ngày các nước phương Tây tràn đến châu Á, mối quan hệ ấy đã bị gián đoạn trong một thời kỳ. Từ ngày giành lại quyền độc lập, chính sách của Ấn Độ là cố gắng giúp đỡ những nước láng giềng đang đấu tranh để chống ách áp bức. Nhân dân Ấn Độ đã rất quan tâm theo dõi cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam. Ấn Độ và Việt Nam đã kinh qua những cuộc phấn đấu và thử thách tương tự, cho nên chúng tôi luôn luôn đồng tình với Việt Nam.

Hôm vừa qua, Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố rằng hiện nay lực lượng hòa bình mạnh hơn bao giờ hết và có những điều kiện rất thuận lợi để bảo vệ hòa bình. Tôi tin rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch đến Ấn Độ, vừa góp phần củng cố hòa bình thế giới vừa thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta. Nhân dân Ấn Độ rất hiểu nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định... Thánh Găngđi - người cha dân tộc chúng tôi - đã dạy chúng tôi đấu tranh giành tự do bằng phương pháp hòa bình. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng nhân dân Việt Nam sẽ thực hiện được nguyện vọng của họ, vì đó là chính nghĩa.

Năm nguyên tắc chung sống hòa bình là chính sách của Ấn Độ. Chủ tịch thường nói rõ rằng Việt Nam hoàn toàn ủng hộ năm nguyên tắc ấy. Do đó, Ngài đã chiến thắng những lực lượng độc ác và chiến tranh đã làm cho cán cân nghiêng hẳn về phía hòa bình thế giới.

Tôi ước ao rằng Chủ tịch có thể lưu lại đây lâu hơn để thưởng thức phong cảnh tươi đẹp của xứ này và xem xét những kết quả đã đạt được trong kế hoạch 5 năm của chúng tôi; nhất là

để thấy rõ lòng yêu mến và đồng tình của người dân xứ này đối với Việt Nam vĩ đại và đối với vị Chủ tịch vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam...".

Với những lời thắm thiết từ đáy lòng, Bác thay mặt nhân dân và Chính phủ ta cảm ơn ông Thị trưởng, ông Thủ hiến và nhân dân Bănggalo.

Chiều hôm qua (11-2-1958) khi Bác và Đoàn về đến dinh Thủ hiến, các đại biểu nhiều đoàn thể nhân dân đã đến chào mừng và tặng hoa. Trong các đoàn thể ấy, có đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ, Tổng công đoàn Cácnatác và nhiều tổ chức lao động khác.

9 giờ sáng ngày 12-1-1958, Bác và Đoàn đi thăm xưởng chế tạo máy ở ngoại ô Bănggalo. Từ năm 1955, xưởng bắt đầu sản xuất. Năm 1957, kế hoạch định sản xuất 57 bộ máy. Nhưng do sự cố gắng của cán bộ kỹ thuật và công nhân, kết quả đã sản xuất được 135 bộ. Vì vậy, giá thành đã giảm được nhiều. Năm nay, xưởng định cố gắng sản xuất cho được 400 bộ. Kế hoạch 5 năm thứ hai dự định sản xuất mỗi năm 800 bộ. Xưởng bán các máy này cho cục xe lửa, cho Bộ Quốc phòng và các nhà máy nhỏ.

Xưởng có ban huấn luyện của mình để đào tạo những công nhân kỹ thuật. Anh em công nhân ở đây rất sung sướng về những thành tích đã đạt được. Bác đã nói với công nhân: "Tôi rất vui mừng về những cố gắng và những thành tích của anh em, vì nhân dân Việt Nam coi những tiến bộ của Ấn Độ cũng như tiến bộ của mình...".

11 giờ đến xem Viện Nghiên cứu khoa học Ấn Độ. Từ ngày Ấn Độ giành lại độc lập, Viện này được mở rộng thêm nhằm mục đích phát triển kinh tế quốc dân. Theo báo cáo của ông Viện trưởng thì khoản thu nhập và sản xuất bình quân tính theo đầu người ở các nước (theo con số 1955) như sau:

TÊN NƯỚC	KHOẢN THU NHẬP	ĐIỆN (KW)	THAN (CÂN)	GANG (CÂN)
Liên Xô	7. 500 rupi	850	1. 380	260
Trung Quốc	270 -	20	150	5
Ấn Độ	250 -	22	100	4

Tiền chi phí về việc nghiên cứu khoa học bình quân mỗi đầu người, mỗi năm: Liên Xô: 110 rupi.

Trung Quốc: 1,1 rupi.

Ấn Độ: 0,15 rupi.

(Năm nay những con số nói trên đã tăng lên nhiều hơn).

Kết luận là Ấn Độ phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế.

Viện này có thể gọi là viện bách khoa, nghiên cứu từ các loại vi trùng đến việc chế tạo radar, máy bay, v. v.. Toàn Viện có hơn 20 chỗ thí nghiệm. Khi đến thăm nơi thí nghiệm điện, các thầy giáo và học sinh đã thử làm sấm, chớp cho Bác và Đoàn xem. Hai luồng điện rất mạnh từ hai ngả đến gặp nhau, tỏa ra những làn sóng lửa sáng lờ mờ như trời chớp. Cũng do luồng điện rất mạnh từ trên xuống và từ dưới lên nổ ra một tiếng vang dữ dội như tiếng sét đánh.

Đối với môn khoa học này, anh là i tờ, xem thấy vậy chỉ biết có thú vị thôi. Anh nghĩ bụng rằng những người mê tín như ông B. và bà H. nhà ta nếu được xem thí nghiệm này, thì chắc rằng họ sẽ hết tin vào "thiên lôi, thiên tướng".

Nơi nghiên cứu về máy bay có sáu cái hầm thử những luồng gió khác nhau để thí nghiệm và sửa đổi các kiểu cánh máy bay. Trong các hầm đó, họ nghiên cứu các tầng không khí, những hiện tượng thay đổi bất thường ở trên trời và sức cản của những thứ bay nhanh hơn tiếng dội. Còn nhiều phát minh và thí nghiệm rất hay, nhưng tiếc rằng anh không ghi chép kịp.

Sau khi đi thăm Viện nghiên cứu khoa học này, người ta thấy rằng khoa học Ấn Độ đã tiến bộ rất rõ rệt.

1 giờ rưỡi trưa, ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp đưa Bác và Đoàn ra sân bay để đi Cancúttá.

Trên đường đi ra sân bay, Bác đã ghé thăm tượng của Thánh Găngđi ở một vườn hoa rộng lớn. Theo tập quán của nước bạn, Bác đã kính cẩn choàng vòng hoa lên tượng Thánh Găngđi và trồng một cây hoa làm kỷ niệm.

Tại sân bay, sau khi duyệt đội danh dự và bắt tay từ giã ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp, Bác đọc lời từ biệt như sau:

"Thưa ông Thủ hiến, thưa các anh em chị em và các cháu thân mến.

Chúng tôi rất cảm ơn cuộc đón tiếp nhiệt liệt của các bạn. Tôi sung sướng chuyển đến các bạn lời chúc mừng hữu nghị nhất của nhân dân Việt Nam.

Các bạn đang thực hiện một nhiệm vụ to lớn là phát triển kinh tế và văn hóa theo kế hoạch 5 năm thứ hai. Chúng tôi rất vui lòng thấy những thành tích to lớn của các bạn mong học tập những kinh nghiệm quý báu của các bạn.

Mối quan hệ lâu đời giữa nhân dân hai nước chúng ta đang phát triển tốt đẹp trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ góp phần phát triển thêm nữa tình nghĩa anh em giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam...".

Em Hương thân mến,

Chiều 12-2-1958, Bác và Đoàn đến Cancúttá.

Với 3 triệu rưỡi nhân khẩu, Cancúttá là một thành phố đông dân nhất của Ấn Độ, cũng là một thành phố buôn bán phồn thịnh nhất. Nhờ giao thông thuận tiện, mỗi năm hàng hóa ra vào có đến 9 triệu tấn, tức là một nửa tổng số buôn bán bằng đường sông, đường biển của Ấn Độ. Cancúttá lại là nơi nổi

tiếng về hoạt động văn hóa, giáo dục. Thư viện chính của thành phố này có 8 triệu quyển sách. Trường đại học ở đây là trường lâu năm nhất của nước bạn. Viện bảo tàng có những đồ đặc lịch sử rất quý báu, từ 5.000 năm để lại, v. v.. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, Cancúttta càng nổi tiếng là một thành phố anh dũng.

Cancúttta cách Bắnggalô 1.545 cây số. 7 giờ chiều, máy bay Bác và Đoàn đến sân bay Đumđum. Gọi là Đumđum vì ngày xưa thực dân Anh có xưởng chế tạo đạn đumđum ở đó. Nay người ta cứ quen gọi là đường phố Đumđum, sân bay Đumđum.

Lễ nghi đón tiếp cũng thân mật và long trọng như các nơi khác Bác và Đoàn đã đến thăm. Tuy trời đã tối, từ sân bay đến dinh Thủ hiến, suốt 12 cây số, hai bên đường bà con Ấn đón chào rất đông.

9 giờ sáng ngày 13. Bác và Đoàn đi thăm Trường thuốc nhiệt đới. Đây là nơi nghiên cứu các thứ thuốc và các thứ bệnh đặc biệt ở xứ nóng, như bệnh hủi, bệnh sốt rét, v. v.. Trường này thành lập từ năm 1920. Trường có 14 khoa về phương pháp vệ sinh, phòng bệnh và trị bệnh. Có những lớp bỏ túc từ 3 đến 9 tháng. Có một nhà thương để cho học trò thực tập.

10 giờ đến thăm Viện nghiên cứu Bôđơ. Ban đầu Viện này chuyên môn nghiên cứu các thứ cây cỏ. Về sau phát triển việc nghiên cứu hóa học và vật lý học có liên quan với cây cỏ.

11 giờ rưỡi, đến thăm Viện thống kê. Ngày trước, đây chỉ là một phòng nghiên cứu nhỏ thuộc Trường đại học Cancúttta. Nay Viện đã phát triển thành một trung tâm thống kê rất rộng. Dưới sự hướng dẫn của Viện trưởng là bác sĩ Mahala Nôbiso có độ 800 người khoa học và chuyên gia giúp việc. Có những học sinh đến từ các nước Miến Điện, Nhật Bản, Thái Lan, v. v.. Bên cạnh những phòng nghiên cứu với phương pháp rất mới, như dùng máy điện, một giây đồng hồ có thể tính hàng nghìn con số; lại có những phòng thực tập thủ công, như đan dệt bằng tay. Phòng này

do bà Mahala Nôbisơ hướng dẫn. Ông Viện trưởng nói với Bác: "Tình hình kinh tế Ấn Độ hiện nay, một mặt phải tiến lên hiện đại hóa, nhưng một mặt vẫn phải cải tiến nghề thủ công để cho mọi người có cơm ăn, việc làm".

4 giờ, Bác và Đoàn đến tham gia cuộc chào mừng của nhân dân thị xã Cancútta. Trong lời hoan nghênh, ông Thị trưởng nói:

"Hỡi người chiến sĩ anh dũng trong cuộc đấu tranh cho tự do!

Chúng tôi thật là sung sướng được Ngài đến thăm thành phố Cancútta to lớn, nó là một trong những thành phố tiên phong ở Ấn Độ và ở châu Á. Thành phố này đã nổi tiếng là cái nôi lịch sử trong những cuộc khởi nghĩa để giải phóng những người bị áp bức, đồng thời nó cũng là cái gia đình to lớn của khoa học, văn hóa và kinh tế ở phía này quả địa cầu. Thành phố này đã vang dội những nguyện vọng lớn của những người tiên bộ trên thế giới. Thành phố này cũng là cái sân khấu đã từng diễn những vở kịch vĩ đại trong cuộc đấu tranh của loài người để thoát khỏi vòng nô lệ. Cancútta cũng là nơi sinh trưởng của những vĩ nhân như ông Môhanrô, ông Tago... Trong khung cảnh ấy, chúng tôi dâng lên Ngài lời chào mừng thắm thiết và kính cẩn.

Hỡi người giải phóng vĩ đại của loài người! Dưới sự hướng dẫn gan góc, mạnh bạo và sự sáng suốt của sự lãnh đạo của Ngài trong lĩnh vực tư tưởng tiên bộ, những xiềng xích lâu đời của Việt Nam đã bị phá tan. Và xem đây này, một nền tảng chắc chắn của một chế độ xã hội, nhất trí và vững vàng, đã xây dựng ở đất nước mà Ngài là người lãnh đạo vĩ đại. Ở các tiền đồn ấy của công cuộc giải phóng, quần chúng của loài người sẽ hưởng một đời sống mới không bị bóc lột và dầy vò. Trên con đường của Ngài đi đến tự do, chúng tôi là những người đồng chí trung thành của Ngài. Trong bước tiến để giải phóng hàng chục triệu nhân dân châu Á, chúng tôi cũng là những người bạn tin cậy của Ngài. Trong bước đường đấu tranh kiên

quyết của Ngài để giải phóng nhân dân, kinh qua biết bao suối sâu, rừng rậm, sa mạc, núi cao, những bước đường đó ngày nay đã thành lịch sử. Kinh nghiệm vĩ đại của Ngài làm cho chúng tôi nhớ lại ông Suba Săngdra là Tổng tư lệnh của lực lượng Agiát Hai đã chiến đấu gần biên giới Miến Điện để tiêu diệt lực lượng của đế quốc Anh...

Hỡi người chính trị vĩ đại của nhân dân! Cũng như người Cha vĩ đại của dân tộc chúng tôi là Thánh Găngđi, Ngài là biểu hiện của một đời sống giản đơn, thanh cao và khắc khổ. Chúng tôi hết lòng cầu với Thượng đế rằng cuộc thăm viếng lịch sử của Ngài đến đất nước này, sẽ đúc nên những sợi dây chuyền vàng bằng hữu nghị để thắt chặt hai dân tộc chúng ta trong tình nghĩa anh em chối lợi...

Tình hữu nghị vĩ đại giữa Ấn Độ và Việt Nam sẽ tiêu diệt những tội ác như chiến tranh, thù oán, tham lam và chủ nghĩa thực dân độc ác...".

Đọc xong lời chào mừng, ông Thị trưởng tặng Bác một tượng Đức Phật bằng đồng và một bức vẽ trên lụa.

Sau những lời cảm ơn ông Thị trưởng, Ủy ban hành chính và nhân dân Cancútta, Bác nói tiếp:

"Nhân dân Cancútta và Bănggan đã góp phần xứng đáng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ, đã có nhiều vị anh hùng liệt sĩ cũng đã anh dũng đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Bănggan còn là một trung tâm văn hóa của nước bạn, là quê hương của đại văn hào Tago mà cả thế giới đều kính trọng...".

Về tình hình thế giới, Bác nói: "Hiện nay ở châu Á và châu Phi, nhiều nước đã được độc lập. Trên bản đồ Á - Phi, phạm vi thống trị của thực dân ngày càng bị thu hẹp. Chắc chẳng bao lâu nữa, mặt trời tự do, độc lập sẽ đánh tan nốt đêm tối chủ nghĩa thực dân... Miền Goa phải trở về với nước Cộng hòa Ấn Độ, miền Tây Iriăng phải trở về với nước Cộng hòa Nam Dương".

Về tình hình nước ta, Bác nói: "Ở Việt Nam yêu quý của chúng tôi, đế quốc đang âm mưu chia cắt lâu dài đất nước chúng tôi làm hai miền. Nhưng nhân dân Việt Nam kiên quyết đoàn kết và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Chúng tôi cảm ơn nhân dân và Chính phủ Ấn Độ đã góp phần vào việc lập lại hòa bình ở Việt Nam, cảm ơn những cố gắng của Ủy ban Quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch trong việc thi hành Hiệp định Giơnevơ ở Việt Nam...".

Giữa những tiếng vỗ tay nhiệt liệt, Bác tặng nhân dân Cancúttá hai bức hình bằng sơn mài Thánh Găngđi và Thủ tướng Nêru.

Chắc em cũng nhớ rằng ở Bắnggan, hàng vạn thanh niên học sinh đã bãi khóa và công nhân đã bãi công để ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Trong cuộc bãi khóa rầm rộ đó, cảnh sát Anh đã bắn chết một em nữ học sinh và làm nhiều học sinh bị thương nặng. Một anh thanh niên bị bắn què hời đó, đã đến tham gia buổi chào mừng hôm nay. Khi được Bác hôn, anh ấy ứa nước mắt, không nói nên lời và mọi người đều rất cảm động.

Bác và Đoàn đến thăm Hội Mahabodi. Hội này thành lập từ năm 1891 nhằm mục đích truyền bá đạo Phật khắp thế giới. Hiện nay có hơn 500 hội viên suốt đời và 500 hội viên thường.

Khi đến nơi, Bác và Đoàn được các vị Hòa thượng đưa lên lầu trên là nơi thờ Đức Phật.

(Trong các vị này có sư Thích Minh Châu là người Việt Nam đã cùng với một Hòa thượng người miền Nam sang nước bạn tham gia lễ kỷ niệm Phật Đản năm thứ 2.500. Cụ Hòa thượng ấy đã mất và chôn ở Đêli. Khi ở Thủ đô nước bạn, Bác đã nhờ cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại và đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đến viếng mộ).

Lễ Phật xong, Bác và Đoàn cùng bà Thủ hiến đến dự mít tinh hoan nghênh; có thiện nam tín nữ rất đông. Chương trình lễ hoan nghênh gồm có:



Ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969.

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Các học sinh Trường Phật hát bài hoan nghênh.

Ông Tổng thư ký Hội Mahabodi đọc lời chào mừng.

Bà Thủ hiến phát biểu ý kiến.

Bác trả lời cảm ơn.

Hội tặng Bác một sổ sách Phật.

Học sinh hát bài hoan tống.

Lời chào mừng của ông Sri Valisnha đại ý như sau:

"Kính thưa Chủ tịch. Hội viên của Hội Mahabodi, là một tổ chức với mục đích truyền bá văn hóa đạo Phật và liên lạc các Phật tử ở các nước, chúng tôi kính cẩn và nhiệt liệt hoan nghênh Ngài.

Như một vị ẩn sĩ chân chính, Chủ tịch đã hy sinh suốt đời cho nhân dân và Tổ quốc Ngài; Chủ tịch đã từ bỏ những hào nhoáng lộng lẫy của địa vị Chủ tịch một nước. Cũng như Hoàng đế Asoka, một vị Phật tử đầy lòng hy sinh, Chủ tịch đã nêu cao trước thế giới một lý tưởng mà chỉ có thể thực hiện bởi một người có đầy lòng tin tưởng.

Gan dạ bất khuất của Ngài chống lại chủ nghĩa thực dân, nghị lực của Ngài làm việc không biết mỏi, ý chí thiết tha của Ngài đối với học hỏi và tự do, đã làm cho Ngài lao động không quản công tác gì, như một người khâu vá, như một người rửa ảnh, một người thợ vẽ, một người viết báo, một người học tiếng, một người trí thức, một người lãnh tụ cách mạng. Thân thể kỳ diệu của Chủ tịch, từ quê hương của Ngài cho đến chức vụ Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đáng cho mọi người noi gương. Chủ tịch thật là một người kiêm cả công, nông, trí thức cách mạng với một lòng đầy từ bi là đạo đức quý nhất của những tín đồ Phật giáo.

Các Phật tử Ấn Độ chúng tôi rất lấy làm tự hào mà xem Ngài là một người con của một nước đã có quan hệ mật thiết về văn hóa và tín ngưỡng hơn 2.000 năm nay với nước Ấn Độ chúng tôi...

Chúng tôi nhiệt liệt mong rằng với những cố gắng hòa bình của Ngài, miền Bắc và miền Nam Việt Nam sớm được thống nhất. Chúng tôi tin chắc rằng quá khứ vẻ vang của đất nước Ngài sẽ mau chóng khôi phục, làm cho quan hệ văn hóa giữa nước Việt Nam tự do và nước Ấn Độ tự do được phát triển và củng cố...".

À, anh quên nói với em một điều: Ở nước bạn thường có tên người rất dài, ví dụ: tên ông Thủ hiến Casomia là Xadari Risa Yuvara Karang Xing. Tên ông Thủ hiến Mayo là Maharaga Sri Giaia Samaragia Vadiia Bahadu.

Bác và Đoàn cùng ông Bộ trưởng Văn hóa đi thăm nhà của đại thi sĩ Tago. Trong nhà, các phòng ăn, phòng ngủ, phòng làm việc, v. v. đều sắp đặt như lúc Người còn sống. Có một gian phòng làm nơi thờ thi sĩ, Bác và Đoàn đặt hoa và mặc niệm một lúc. Rồi sang thăm nhà bảo tàng bên cạnh, để những sách vở của thi sĩ và những bức vẽ của người Anh.

Nơi này, có ban huấn luyện múa, nhạc và kịch cho các học sinh con gái.

Khi tiếp đại biểu các báo chí, Bác nhấn mạnh mấy điểm:

Cảm tình mật thiết của Chính phủ và nhân dân nước bạn đối với Bác, Đoàn và nhân dân ta.

Sự tiến bộ nhanh chóng và tương lai vẻ vang của nhân dân Ấn Độ.

Năm nguyên tắc chung sống hòa bình là nền tảng tốt để giải quyết công bằng mọi vấn đề giữa các nước.

Nhân dân ta quyết tâm đoàn kết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình.

Tiếp theo đó, Bác Hồ trả lời những câu hỏi của các ký giả. Một đại biểu báo Mỹ hỏi: "Xin Chủ tịch cho biết ý kiến Ngài về vấn đề Casomia?". Bác trả lời: "Nếu nói đến Casomia thì cũng

* Đại Hội tức Pakixtan đang tranh chấp Casomia với Ấn Độ. Nhà báo Mỹ đặt câu hỏi về nội trị của Ấn Độ cho Bác khó trả lời.

phải nói đến Đêli, Bắnggalô, Bombay, v. v.. Như thế thì sẽ phải nhiều thì giờ lắm!". Câu trả lời ấy làm các ký giả cười ồ lên.

8 giờ rưỡi tối. Cô Pamagia (Hoa Sen) Naiđu, Thủ hiến Bắnggan mở tiệc chiêu đãi rất long trọng. Trong lời từ biệt Bác và Đoàn, bác sĩ Roy (Thủ tướng bang Bắnggan đã ngoài 70 tuổi) nói những câu rất thấm thiết như: "Hò Chủ tịch đã tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh giành tự do độc lập cho Tổ quốc mình. Trong lịch sử nhân dân châu Á, Ngài là một nhân vật đặc biệt vĩ đại... Đời sống khắc khổ và đức tính khiêm tốn của Chủ tịch làm cho nhân dân các nước Đông - Nam Á đặc biệt yêu mến Ngài... Chủ tịch chẳng những là biểu hiện cho sự đoàn kết của nhân dân châu Á, mà còn là một lãnh tụ của hòa bình, một người ủng hộ mạnh mẽ Panch Sheela"*.

Trong lời cảm ơn, Bác nói: "... Trong chín ngày vừa qua, sau khi đi thăm Đêli, Bacora và nhiều nơi khác, qua những cuộc gặp gỡ với Tổng thống Praxát kính mến, Thủ tướng Nêru kính mến và các nhà lãnh đạo khác, cùng các tầng lớp nhân dân nước bạn, chúng tôi càng thấy rõ mối tình hữu nghị thân thiết giữa nhân dân hai nước chúng ta... Chúng tôi cũng đã thấy rõ đất nước Ấn Độ, rất giàu có và tươi đẹp, nhân dân Ấn Độ rất khéo léo và cần cù, các nhà khoa học và kỹ sư Ấn Độ rất nhiều tài năng và cố gắng. Các bạn đã hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, và đã thu được nhiều thành tích trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Chúng tôi coi thắng lợi của các bạn như là thắng lợi của chúng tôi. Chúng tôi thành tâm chúc các bạn thu được nhiều kết quả to lớn hơn nữa.

... Ở Việt Nam chúng tôi, sau tám, chín năm kháng chiến, hòa bình đã được lập lại. Nhưng đến nay, do sự can thiệp của nước ngoài, nước chúng tôi chưa được thống nhất. Nhưng chúng tôi tin rằng với sức xây dựng vững chắc của miền Bắc, lực lượng đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam, tình

* Tiếng Ấn, Panch Sheela nghĩa là năm nguyên tắc chung sống hòa bình (T. G).

thần kiên quyết và sự đoàn kết chặt chẽ của nhân dân cả nước, với sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Ấn Độ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, sự thống nhất đất nước chúng tôi nhất định sẽ thành công...".

Sau bữa tiệc, có các đoàn múa hát nổi tiếng ở các địa phương trong bang Bắnggan biểu diễn.

Trước khi tham gia tiệc chiêu đãi, Bác đã nói chuyện từ biệt bà con Ấn Độ bằng máy truyền thanh. Đại ý như sau: "Chúng tôi rất vui lòng được nói chuyện với tất cả bà con Ấn Độ. Cuộc đi thăm hữu nghị của chúng tôi ở nước Ấn Độ vĩ đại đã đạt kết quả tốt đẹp... Trong cuộc đi thăm này, chúng tôi đã có dịp gặp gỡ các vị lãnh tụ kính mến của các bạn, anh chị em công nhân ở nhà máy, bà con dân cày ở nhiều nông thôn, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, v. v.. Chúng tôi thấy ai ai cũng đầy lòng yêu nước và hăng hái làm việc để xây dựng một nước Ấn Độ giàu mạnh. Ở đâu chúng tôi cũng nghe những tiếng nói hữu nghị và hòa bình, những lời thăm thiết chúc cho nước Việt Nam chúng tôi mau chóng thống nhất...

Mười ngày thăm thoát quá nhanh. Tục ngữ có câu: "Khi buồn bã thì thời gian đi rất chậm, khi vui vẻ thì thời gian đi rất nhanh". Với sự đón tiếp nhiệt liệt, với sự tổ chức chu đáo, với sự săn sóc tận tình của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ, chúng tôi thấy thời gian đi rất nhanh. Chúng tôi sẽ ghi nhớ mãi hình ảnh tươi đẹp của nước Ấn Độ anh em và mối tình hữu nghị nhiệt liệt của bà con Ấn Độ đối với chúng tôi. Khi về nước, chúng tôi sẽ báo cáo lại những điều tai nghe mắt thấy và sẽ chuyển tất cả những lời chào thân ái của bà con Ấn Độ cho đồng bào Việt Nam chúng tôi...

Chúng tôi thành thật cảm ơn tất cả bà con Ấn Độ. Cuối cùng Sasa Hồ gửi các cháu nhi đồng Ấn Độ nhiều cái hôn.

Tình anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ấn Độ luôn bền vững muôn năm!..."

Rănggun ngày 14-2-1958

Em Hương,

"Kê ở người về, tình duyên duyên thật là thắm thiết".

"Cờ bay lệnh nô, lễ tiễn đưa rất mực oai nghi".

Khi Bác và Đoàn rời Cancúttá, một đồng chí cán bộ đã ngâm nga tả cảnh như vậy. Nhưng anh không hoàn toàn "khuyên" câu đối ấy vì nó chưa tả hết được tinh thần cuộc tiễn đưa.

- 7 giờ rưỡi sáng hôm nay, Bác ngồi xe trần cùng cô Thủ hiến và Thủ tướng Roy, có 10 xe mô tô đi hai bên bảo vệ. Các vị trong Đoàn và anh em cán bộ đi 13 chiếc xe hơi. Tiếp theo là đoàn xe 28 vị Bộ trưởng và Thứ trưởng; 17 vị lãnh sự các nước trong đó có lãnh sự các nước Brêđin, Pêru... (Nam Mỹ) cùng bốn đại biểu phái đoàn thương mại nước ngoài; ông Thị trưởng và sáu vị Ủy viên trong Ủy ban hành chính Cancúttá, v. v.. Còn rất nhiều xe những bạn quen biết kéo dài hơn một cây số.

Từ Phủ Thủ hiến đến sân bay, quốc kỳ hai nước xen lẫn nhau tung bay trước gió. Nhân dân Cancúttá đứng chật hai bên đường, trên các tầng lầu, các mái hiên, các nóc nhà. Họ nhiệt liệt vỗ tay và hoan hô: "Hồ Chí Minh jindabad!" "Hindi - Việt Nam bhai bhai!". Bác thường phải đứng dậy trên xe để chào bà con Ấn. Một người bạn Ấn Độ bảo anh rằng: "Ít ra cũng có một triệu người".

Đến sân bay, chào quốc ca hai nước, rồi Bác đi duyệt đội danh dự, thân mật bắt tay các quan khách và các nhân viên Ấn Độ đã đi với Bác trong mười hôm vừa qua. Bác hôn cô Thủ hiến và Bác sĩ Roy, vẫy tay chào quần chúng, rồi bước lên máy bay giữa tiếng vỗ tay lẫn tiếng dội vang trời của 21 phát đại bác. Một phi công Ấn cứ tắc lưỡi khen ngợi: "Một cuộc hoan tống thật là vĩ đại! Vĩ đại!".

- 8 giờ 15 phút, máy bay cất cánh đi Rănggun. Chào nước Ấn Độ vĩ đại! Chào nhân dân Ấn Độ anh em! Chúng tôi sẽ luôn luôn nhớ yêu các bạn! Hindi!"

Cancúttá cách Thủ đô Miến Điện 1.025 cây số. Một giờ chiều thì đến Rănggun. Khi cách Rănggun độ 100 cây số, có máy bay quân sự Miến Điện đến đón và hộ vệ.

Lúc Bác và Đoàn bước xuống sân bay, có 21 phát đạn đại bác chào mừng.

Đến đón Bác tận máy bay, có Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu, các Phó Thủ tướng U Ba Xue, U Kyan Nyein và Thakin Tin, Viện trưởng Pháp viện tối cao và Chủ tịch Quốc hội. Bác và Tổng thống chào quốc kỳ và duyệt đội danh dự. Các em nhi đồng hăm hở chạy lại dâng hoa. Có hơn 3.000 đại biểu các đoàn thể nhân dân ra đón ở sân bay hoan hô nhiệt liệt, nhất là các em học sinh và nhi đồng.

Vào đến phòng tiếp khách, Tổng thống giới thiệu các vị Bộ trưởng, Thị trưởng Rănggun, nhân viên cao cấp của Chính phủ và các lãnh sự. Sau đó, Tổng thống đọc lời chào mừng.

"Kính thưa Chủ tịch,

Thật là một hân hạnh đặc biệt cho tôi được nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch và các vị cùng đi với Ngài. Chính phủ và nhân dân Miến Điện hết sức vui mừng Ngài đã có thể sang thăm nước chúng tôi. Chúng tôi mong đợi Ngài đã lâu ngày. Nhân dân Miến Điện tôn kính và hâm mộ Chủ tịch, chẳng những vì rằng Ngài đã suốt đời trung thành phấn đấu cho độc lập tự do của nhân dân các nước thuộc địa, mà còn vì sự cống hiến cao cả của Ngài như một vị lãnh tụ vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng và giải phóng ở Đông Nam Á châu. Do phẩm cách đáng kính, tấm lòng cương trực và thái độ khiêm tốn của Chủ tịch, Ngài sẽ chinh phục lòng yêu của mọi người nhân dân Miến Điện; và cuộc đến thăm của Ngài sẽ củng cố thêm nữa tình hữu nghị sẵn có giữa hai nước chúng ta.

Tôi biết rằng bất kỳ đến đâu ở nước chúng tôi Chủ tịch cũng được nhân dân hoan nghênh nhiệt liệt. Tôi ước ao rằng

trong thời gian ngắn ngủi Ngài lưu lại với chúng tôi, Chủ tịch sẽ vui lòng và thư thái...".

1 giờ rưỡi trưa, ông bà Tổng thống mời ăn cơm. Đây là một bữa cơm gia đình thân mật, khách và chủ chỉ có 20 người.

3 giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi dự lễ chào mừng của Thủ đô Rănggun tổ chức rất long trọng và đông người tham gia. Sau đây là lời chúc mừng của ông Thị trưởng.

"Tôi rất hân hạnh được thay mặt công dân Thủ đô Rănggun nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch.

Về địa lý thì hai nước chúng ta là láng giềng. Đáng lẽ ra chúng ta đã phát triển quan hệ thân mật về kinh tế, văn hóa và chính trị. Nhưng vào cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa thực dân đã dựng lên một bức tường giả tạo để ngăn cản sự phát triển ấy. Vì vậy độ mười năm về trước, nhân dân Miến Điện không hiểu biết nhiều về Việt Nam anh em.

Nhưng trong và sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Việt Nam nổi dậy kháng chiến, trong lúc đó thì nhân dân Miến Điện cũng đang chống ách thống trị nước ngoài. Vì lẽ đó, nhân dân Việt Nam tất nhiên đã được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Miến Điện.

Ngày nay hai nước chúng ta đều đã đập tan xiềng xích của thực dân và đã lật đổ bức tường giả tạo kia. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng từ nay mối quan hệ giữa chúng ta sẽ phát triển trên nền tảng kính trọng và hiểu biết lẫn nhau, trên nền tảng hữu nghị và hợp tác ích lợi cho cả hai dân tộc. Chúng tôi chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch đến nước chúng tôi là một bước tiến rất dài trong sự nghiệp hữu nghị ấy... Kính chúc Chủ tịch được mạnh khỏe và hạnh phúc dồi dào và chúc nhân dân Việt Nam anh em thành công trong mọi cố gắng...".

5 giờ, Tổng thống U Vin Môn hướng dẫn Bác và Đoàn đến thăm nơi kỷ niệm các liệt sĩ. Đây là nơi để mồ vị anh hùng dân

tộc Ung San và các vị liệt sĩ khác đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Miến Điện.

5 giờ rưỡi đi xem Chùa Vàng Souvedagon. Các nhà khảo cổ chưa đồng ý với nhau về lịch sử chùa này. Người thì nói xây dựng từ thế kỷ thứ 5, người thì nói từ thế kỷ thứ 15. Dù sao cũng là ngôi chùa rất đặc biệt. Lúc đầu chùa chỉ cao 66 thước Anh. Các vua đời sau xây đắp thêm mãi, nay chùa cao 326 thước Anh (độ bốn thước Anh là một thước Tây). Hồi nửa thế kỷ thứ 15, một Hoàng hậu giát vào nóc chùa một số vàng cân nặng bằng bà ta. Tiếp theo đó, một vua Miến Điện lại giát thêm một số vàng cân nặng bằng hai vợ chồng ông ta. Chung quanh chùa chính có 68 chùa con. Trong chùa có hai quả chuông đồng, một quả nặng 25 tấn, già 180 tuổi; một quả nặng hơn 42 tấn, 117 tuổi. Chùa này là một thắng cảnh nổi tiếng ở Miến Điện và trên thế giới. Ở Rānggun có 25 ngôi chùa nhỏ và to.

7 giờ rưỡi tối, Tổng thống U Vin Môn mở tiệc chiêu đãi chính thức. Trong lời hoan nghênh, Tổng thống nói:

"... Sau gần một thế kỷ bị nước ngoài thống trị, mấy năm gần đây hai nước chúng ta mới thoát khỏi địa vị thuộc địa và đang hết sức cố gắng trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để cải thiện dần đời sống của nhân dân ta. Lẽ tự nhiên, hai nước chúng ta đều rất quan tâm đến việc giữ gìn và củng cố hòa bình thế giới, đồng thời xây dựng sự hợp tác hữu nghị giữa các nước trên cơ sở bình đẳng, kính trọng lẫn nhau và mỗi bên đều có lợi. Vì rằng nếu không có hòa bình và hợp tác quốc tế, thì không nước nào phồn thịnh được và giữ vững được nền độc lập của mình.

Khi sang thăm Việt Nam, Thủ tướng U Nu chúng tôi và Hồ Chủ tịch đã nhắc lại ý kiến nhất trí của hai Chính phủ nước chúng ta về năm nguyên tắc chung sống hòa bình và tuyên bố rằng năm nguyên tắc ấy cần được thực hiện trong quan hệ giữa hai nước Việt - Miến cũng như với các nước khác. Bây giờ, hai nước chúng ta vẫn tin chắc rằng sự thực hiện một cách thật thà

năm nguyên tắc ấy giữa các nước sẽ xóa bỏ được tình trạng nghi ngờ và sợ hãi là nguyên nhân gây ra tình hình thế giới căng thẳng ngày nay; nó sẽ tạo nên một bầu không khí tin cậy lẫn nhau và các nước có thể giải quyết những vấn đề đang đe dọa hòa bình và ngăn trở sự hợp tác quốc tế. Hai nước chúng ta đồng ý rằng cần phải tìm mọi biện pháp để làm cho các nước đều tán thành và ủng hộ năm nguyên tắc ấy... Từ khi Thủ tướng U Nu đến thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng 11-1954 và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm Liên bang Miến Điện tháng 4-1955, quan hệ hữu nghị giữa hai nước Miến - Việt ngày càng mật thiết, có lợi cho cả hai dân tộc chúng ta... Tôi tin chắc rằng lần này Hồ Chủ tịch đến thăm Liên bang Miến Điện là một bước ngoặt lịch sử trên con đường đưa hai nhân dân ta càng thân thiết nhau hơn...".

Em Hương, vừa xem lại những bức thư đã gửi cho em, anh chợt nghĩ rằng chắc em phê bình anh sao mà viết nhiều về phong cảnh và ghi chép quá nhiều những bài diễn thuyết, mà ít viết về tình cảm nhân dân các nước bạn đối với Bác Hồ và Đoàn. Có thể không em? Em phải biết rằng cảm tình thắm thiết của nhân dân nước bạn cũng như ý nghĩa chính trị trong cuộc đi thăm này biểu lộ bằng nhiều cách, nhất là qua những lời hoan nghênh của các lãnh tụ. Còn đối với phong cảnh của các nước bạn thì:

Đã đi ra đến nước người

Phải xem phong cảnh đẹp tươi thế nào?

8 giờ sáng (15-2-1958), Bác và Đoàn cùng Phó Thủ tướng U Ba Xue lên máy bay đi thăm bang San (Shan). 9 giờ rưỡi đến trường bay Hêho (Hého).

Liên bang Miến Điện có sáu dân tộc to và nhiều dân tộc thiểu số, cũng có dân tộc Mèo, Dao, Lô Lô như ở miền Bắc nước ta. Trong sáu dân tộc to, Miến là to nhất với 14 triệu người, Sin (Shin) là nhỏ nhất với 20 vạn người, San là hạng vừa với một triệu rưỡi người, ở về cao nguyên phía bắc.

Ông Sao Kun Kiô, Thủ hiến bang San kiêm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cùng các nhân viên cao cấp ra đón ở sân bay, rồi đưa Bác và Đoàn đến bến Yungguy (Y aungghwe), lên thuyền "Chim phượng". Thuyền này làm giống hình một con chim phượng hoàng, có 12 chiếc thuyền con và dài với 500 người chèo bằng một chân một tay bơi trước kéo nó. 12 giờ rưỡi đến hồ Inlê (Inlé) xem đua thuyền. Thiên hạ đến xem rất đông, rất vui như một ngày hội lớn.

3 giờ, trở lại bến Yungguy. Từ đó đến thành phố Taoguy (Taungghwe) độ 50 cây số. Trên đường, đi qua các làng đều có công chào, nhân dân cầm cờ, cầm hoa, thổi kèn đánh trống đón mừng. Đến Taoguy, hầu hết nhân dân thành phố kéo ra đón chào nhiệt liệt, nhất là các đoàn học sinh và nhi đồng Miến, San, Ấn Độ và Hoa kiều.

Chiều tối, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất vui vẻ thân mật. Tiệc xong có múa võ và văn công địa phương.

Ở Rănggun trời nực hơn 30 độ, mà ở đây trời rất mát vì Taoguy cao hơn mặt biển 1.000 thước tây.

Sáng 16 trở về Rănggun. Một giờ trưa, Bác và Đoàn cùng với các ông bà Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu và nhiều quan khách khác đi chơi tàu trên sông Hulê. Sông này rộng và sâu hơn sông Hồng ta, cách biển 24 cây số cho nên cũng là một cửa biển lớn, một năm có hơn 1600 chiếc tàu các nước vào ra, chuyên chở một triệu rưỡi tấn hàng hóa. Trong Thế giới chiến tranh lần thứ hai, cửa biển này bị phá hoại nhiều, trước bị bom Nhật Bản, sau lại bị bom Đồng minh. Từ ngày Miến Điện được độc lập, đã khôi phục lại nhiều.

- 5 giờ chiều, Bác tiếp đại biểu các báo chí.

- 7 giờ chiều, Bác và Đoàn chiêu đãi Tổng thống và Thủ tướng. Đến tham gia cuộc chiêu đãi có các vị trong Chính phủ, Quốc hội, Đoàn ngoại giao và các nhân sĩ khác. Nghe Bác nói cam là cam Bô Hạ, các cô, các bà đều vui vẻ lấy một quả làm kỷ niệm.

- 17-2-1958, 9 giờ rưỡi sáng, Trường đại học Rănggun làm lễ tặng Bác danh hiệu "Bác sĩ luật học danh dự".

Trường này thành lập từ năm 1920 để đào tạo cán bộ cho các ngành pháp luật, nông nghiệp, hóa học, giáo dục, y tế, v. v.. Hiện nay có độ 7.000 học sinh. Chắc em cũng biết rằng học sinh ở trường này đã đứng ra tổ chức hội "ủng hộ Việt Nam thống nhất". Khi Bác đến trường, anh em học sinh hoan nghênh cực kỳ nhiệt liệt.

Sau đây là tóm tắt lời chào mừng của ông Giám đốc khi trao bằng Bác sĩ danh dự cho Bác:

"Hôm nay Trường đại học Rănggun rất hân hạnh đón tiếp một vị khách đặc biệt cao quý là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất cả học sinh, nhân viên và giáo sư ở đây đều biết Hồ Chủ tịch là một nhà triết học, một chiến sĩ hòa bình, một lãnh tụ cách mạng. Người đã đấu tranh suốt đời cho tự do của các dân tộc bị áp bức. Người đã lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam từ chỗ tối tăm đến cuộc đời hạnh phúc. Chúng ta đã lo âu theo dõi cuộc kháng chiến của Việt Nam chống bọn thực dân và đã sung sướng thấy cuộc kháng chiến ấy thắng lợi một cách rực rỡ. Chúng ta đã khâm phục Hồ Chủ tịch lãnh đạo kháng chiến đến thắng lợi, thì trong sự nghiệp xây dựng hòa bình ở Việt Nam, chúng ta càng khâm phục sự lãnh đạo sáng suốt của Người.

Riêng cá nhân tôi, tôi hết sức cảm động khi được gặp Hồ Chủ tịch. Tôi đã ngấm ngấm và theo dõi từ hành động đến lời nói của Người ở sân bay. Trong một cuộc chiêu đãi, tuy tôi lại được gặp Người trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng thấy rõ thêm một điều là con người vĩ đại ấy có một tấm lòng cao cả rộng lớn; có một đức tính giản dị, khiêm tốn, trù mẫn, nó lập tức chinh phục được lòng yêu mến của mọi người. Tôi chắc rằng cảm tưởng và ý nghĩ của tôi cũng là của các bạn ở đây và của tất cả những người Miến Điện đã may mắn được gặp Hồ Chủ tịch. Đây là vị

khách quý mà ngày hôm nay Trường đại học Rănggun còn được hân hạnh đón tiếp. Nhưng trường đại học của chúng ta còn có vinh dự hơn nữa là được trao tặng Hồ Chủ tịch một văn bằng cao nhất của trường này là văn bằng "Bác sĩ luật học danh dự"...".

Sau khi cảm ơn ông Giám đốc, Bác nói với anh em sinh viên như sau: "Các bạn học ở một trung tâm văn hóa có truyền thống về vang yêu nước và anh dũng chống thực dân. Trường này đã đào tạo ra vị anh hùng dân tộc Ung San và các nhà lãnh đạo khác của Miến Điện. Tương lai của các bạn rất vẻ vang.

Miến Điện là một nước giàu có, nhân dân thì khéo léo và cần cù có đủ điều kiện trở nên một nước giàu mạnh... Các bậc tiền bối của các bạn đã đấu tranh anh dũng để giành lại độc lập cho Tổ quốc. Nay Chính phủ và nhân dân Miến Điện đang ra sức xây dựng nước nhà. Các bạn phải là những cán bộ tốt *đem hết đức và tài của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân...*".

8 giờ sáng 17-2-1958, Bác và Thủ tướng U Nu ký bản tuyên bố chung.

11 giờ, Bác và Đoàn đi xem Quốc hội. Quốc hội Miến Điện có hai viện. Viện nhân dân có 250 đại biểu. Viện dân tộc có 125 đại biểu. Quốc hội bầu cử Chủ tịch nước và Thủ tướng. Để tổ chức Chính phủ, hiện có 22 bộ, Thủ tướng chọn những đại biểu trong hai viện và mỗi bang một vị làm bộ trưởng; vị này đồng thời kiêm chức Thủ hiến của bang mình. Mỗi bang lại có chính phủ tự trị.

Sáng nay, ông bà Thủ tướng U Nu biểu Bác một bộ áo Miến. Bác mặc áo này khi đi xem Quốc hội và khi ra sân bay. Thấy Bác trong bộ áo Miến, quần chúng reo lên rất vui vẻ...

Bây giờ anh tóm tắt giới thiệu kinh đô nước bạn cho em biết:

Đời xưa, Rănggun tên là Đagon. Đến thế kỷ 18, vua Miến đổi tên là Yangon nghĩa là thành phố hòa bình. Đầu thế kỷ 19, do ảnh hưởng tiếng Anh, Yangon lại biến thành Rănggun. Năm

1885 Rănggun bị thực dân Anh chiếm giữ. Ngày 4-1-1948 Rănggun trở thành Thủ đô Liên bang Miến Điện tự do.

Từ Ấn Độ, thực dân Anh âm mưu chinh phục Miến Điện từ năm 1824, do đó có cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ nhất. Nhân dân Miến đã đấu tranh anh dũng và bền bỉ suốt 18 năm, đến 1852 Anh mới chiếm được Miến Điện, 1937 thực dân Anh ghép Miến Điện vào thuộc địa Ấn Độ. Sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Miến nổi lên chống ách thống trị của đế quốc Anh. Năm 1948 Miến Điện được độc lập.

Thủ đô Rănggun có mấy đặc điểm: Số người tăng rất nhanh. Trong 100 năm (1856-1955) từ 46.000 tăng đến 737.000 người. Hơn 90% nhân dân theo đạo Phật, cả nước đều như vậy, làng nào cũng có chùa. Con trai từ bảy tuổi trở lên có nghĩa vụ đi tu, ít là vài tuần lễ, nhiều là mấy năm.

Chữ Miến Điện lấy một vòng tròn làm gốc, thay đổi vòng tròn ra nhiều hình thức thì thành những chữ cái rồi ráp lại thành vần như chữ quốc ngữ ta.

Nói chung, người Miến hiền lành và vui tính. Đối với bạn và khách rất giàu nhiệt tình. Thích múa hát, nhưng làm ăn khéo léo và cần cù.

Đất đai Miến Điện rất phì nhiêu. Trước chiến tranh, mỗi năm bán ra nước ngoài ba triệu tấn gạo, 23 vạn tấn gỗ trắc, 16 vạn tấn quặng, 30 vạn tấn dầu lửa. Ngoài ra còn có ngọc, vàng.

Rănggun phong cảnh đẹp, nhà cửa xinh, đường sá thẳng. Có hơn bốn vạn chiếc xe đạp và 13.000 chiếc xe hơi. Trong số 17.000 nhà công thương to và nhỏ, 71% là buôn bán, 115 là thủ công nghiệp và công nghiệp. Có một xưởng dệt với 600 công nhân, 16 nhà máy cưa, 36 nhà máy xay gạo và ba nhà máy làm bột.

Thủ đô của 12 tờ báo bằng chữ Miến, sáu tờ bằng chữ Anh, sáu tờ bằng chữ Ấn, năm tờ bằng chữ Trung Hoa.

12 giờ trưa, Bác và Đoàn lên máy bay trở về nước. Lễ hoan tống cũng long trọng và thân mật như lễ hoan nghênh. Khách và

chủ đều quyền luyện không muốn rời tay. Một đoàn máy bay quân sự hộ tống đến 100 cây số.

Chào Chính phủ và nhân dân Miến Điện!

Tình nghĩa anh em giữa hai dân tộc Việt - Miến muôn năm!

Cuộc đi thăm hữu nghị của Bác và Đoàn đến hai nước bạn thế là kết thúc. Cả đi và về là 10.540 cây số trong 14 ngày. Em có xem truyện "Tây du ký", chắc em nhớ rằng đời nhà Đường (Trung Quốc) ông sư Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật cả đi và về mất 17 năm (từ năm 627 đến năm 644), dọc đường lại gặp nhiều yêu quý và lắm bước gian nan. Nhờ có "Tề thiên đại thánh" mới thoát khỏi mọi nguy hiểm. Ngày nay, đi từ Việt Nam hoặc Trung Quốc đến Ấn Độ chỉ mất một ngày. Khoa học đã chinh phục không gian và thời gian. Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận...

Cuộc đi thăm của Bác và Đoàn đã kết thúc rất tốt đẹp. Nó đã thắt chặt thêm tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến. Nhân dân các nước bạn càng ra sức ủng hộ cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Nó phát triển và củng cố thêm tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á - Phi. Nó góp phần tăng cường sức lực giữ gìn hòa bình thế giới.

Tình anh em thăm thiết của nhân dân các nước bạn đối với nhân dân ta đã biểu lộ rõ rệt trong những lời thân ái của các lãnh tụ Ấn, Miến đối với Bác. Ví dụ Thủ tướng Nêru đã nói trước quần chúng Ấn Độ: "Chúng ta đã có dịp hoan nghênh với lòng kính trọng và yêu quý nhiều vị thượng khách từ các nước đến. Nhưng vị thượng khách mà chúng tôi hoan nghênh hôm nay thật là đặc biệt. Đặc biệt không phải vì chính trị hoặc vì lễ gì khác, nhưng vì không vị thượng khách nào giản dị như vị thượng khách này và hẳn gặp mặt là người ta phải yêu mến... Ba năm rưỡi trước đây, tôi đã gặp vị thượng khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay là tôi bị tấn công, tấn công bằng tình thương yêu, thật là khó mà chống lại một cuộc tấn công như thế...".

Khi ở nước bạn, Bác đã nhận được hơn 150 bức thư của các đoàn thể và cá nhân từ các nơi gửi đến. Một cụ bác sĩ 90 tuổi viết: Nếu ta cần đến nghề thuốc của cụ, cụ sẽ xung phong sang phục vụ nhân dân Việt Nam. Một thanh niên què tay, cố gắng hết sức viết thư chào mừng Bác và chúc nước ta mau thống nhất. Hội nhi đồng xứ Ugien gửi một bản quyết nghị cảm ơn Bác đã cho các em Ấn được gọi Bác là Sasa Hồ và xin liên lạc với nhi đồng Việt Nam. Hội các em gái mù mắt, khăn khoản "mời Bác đến thăm các cháu, dù là chỉ vài phút đồng hồ". Hội "đấu tranh giải phóng xứ Goa", Chi hội hòa bình thế giới của Ấn Độ, nhiều đoàn thể và nhân sĩ khác cũng gửi thư tỏ cảm tình và chúc nhân dân ta thắng lợi trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Khi đi, Bác và Đoàn mang tình anh em của nhân dân ta đến cho nhân dân các nước bạn. Lúc về, Bác và Đoàn đưa tình anh em của nhân dân các nước bạn chuyển lại cho đồng bào ta. Bác và Đoàn về đúng ngày 29 Tết để cùng với đồng bào ta mừng xuân - một mùa xuân hữu nghị quốc tế, một mùa xuân thắng lợi ngoại giao...

Ngày mai, anh sẽ về chúc ba má và các em năm mới!

Anh L. T. của em.

Báo Nhân dân, từ số 1447,
ngày 26-2-1958 đến số 1474, ngày 25-3-1958.

CHUYỆN GIẢ MÀ CÓ THẬT

Năm 1928, Bác từ châu Âu về tới nước Xiêm (nước Xiêm đến năm 1939 mới đổi tên là Thái Lan). Việc đầu tiên Bác làm là giúp anh em cán bộ củng cố và phát triển tổ chức Việt kiều và uôn nắn lại nội dung tuyên truyền của tờ báo. Hồi đó, tình đoàn kết của kiều bào khá chặt chẽ, mối quan hệ giữa kiều bào và bà con Xiêm cũng mật thiết.

Những nơi có trụ sở của đoàn thể như Phi Chít, U Đon, Sa Côn, Na Khon v.v... Bác đều đến ở ít lâu. Anh em cán bộ, người thì làm ruộng, người thì cửa gỗ, cũng có người buôn bán nhỏ để nuôi nhau và hoạt động. Cùng lao động với anh em ban ngày thì Bác làm “suôi”*, ban đêm thì thường đi chơm cá đến khuya mới về. Ở gần thị xã U Đon, Bác cùng Cố Tú Ngọ (một vị cách mạng già) và các em nhi đồng đã vỡ được một cái “suôi” khá rộng, vuông vắn và có nhiều thứ cây. Trước đây vài năm, bà con Việt kiều vẫn giữ gìn tốt cái vườn ấy.

Ở Na Khon có xảy ra một việc mà nay kiều bào còn nhớ. Câu chuyện như sau: Ở Na Khon có kiều bào lương và kiều bào giáo. Kiều bào giáo có một ngôi nhà thờ. Theo thói quen nhà nào có đám ma, đám cưới nộp nhiều tiền thì cho gõ nhiều tiếng chuông, ít tiền thì tiếng chuông cũng ít, không tiền thì chuông không kêu tiếng nào. Người ta nói đùa rằng cái chuông ấy áp dụng chủ nghĩa xã hội một cách trái ngược: ăn nhiều thì nó làm nhiều ăn ít thì nó làm ít, không ăn thì nó không làm.

Trong làng giáo có một cụ già nghèo khổ, không vợ không con, ở một cái lều lụp sụp. Chẳng may ông cụ ốm, chẳng có ai

* Suôi: tiếng Thái Lan, nghĩa là vườn.

trông nom. Cán bộ ta đến sẵn sóc ông cụ. Hôm ông cụ chết, kiều bào công giáo đến mời cha rửa tội cho ông cụ. Vì thói quen nói trên, ông cụ không có tiền, cha không rửa tội, mà chuông cũng không kêu.

Cán bộ ta vận động cả kiều bào lương và giáo quyên giúp kè ít, người nhiều, mua áo quần và quan tài cho ông cụ. Có lẽ vì thái độ của cha và của cái chuông kích thích mà cả lương lẫn giáo đã kéo nhau đưa đám ông cụ rất đông. Từ đó lương giáo rất đoàn kết, không “ai” chia rẽ được nữa.

Bác thường đi thăm các trụ sở để giúp anh em cán bộ giải quyết các vấn đề, từ nơi này đến nơi kia ít nhất cũng phải đi bộ suốt một ngày. Có một lần đi đến nửa đường thì trời tối. Bác và tôi ghé vào một nhà kiều bào người Bắc làm thợ mộc. Anh chị thợ mộc đón tiếp rất tử tế. Cơm nước xong, hai Bác cháu đi nghỉ, thì cũng vừa lúc chị thợ ru cháu bé ngủ. Giọng chị ngâm Kiều rất hay, hai Bác cháu lắng nghe, rồi ngủ đi bao giờ không biết.

Sáng hôm sau, lúc đi đường, với một giọng âu yếm Bác bảo tôi:

*Xa nhà chốc mấy mươi niên
Tối qua nghe giọng mẹ hiền ru con!*

Mỗi khi đi đường xa, Bác thường bảo chúng tôi ngâm *Kiều*, đọc *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện, để cho đỡ mỏi. Kinh nghiệm ấy ngày càng được nhiều người áp dụng.

Khi công việc ở các trụ sở đã tiến bộ đều, Bác định đi thăm kiều bào ở rải rác khắp nước Xiêm. Bác vai mang khăn gói. Anh Tý gánh một đôi thùng sắt tây đựng lương khô, quần áo và mấy gói thuốc Bắc. Hai anh em giả làm người đi buôn. Đồng chí Tý là con cụ Đặng Thái Thân, một chiến sĩ cách mạng, bạn cụ Phan Bội Châu, bị Pháp giết chết vào khoảng đầu thế kỷ hai mươi. Là một trong những người tổ chức Đảng Tân Việt, anh Tý bị Tây lùng tợn phải chạy sang Xiêm. Anh tính tình hòa nhã, hoạt động rất hăng, kiều bào ai cũng mến phục. Về sau anh bị Pháp bắt đày đi Lao Bảo. Vì anh đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh trong nhà tù, Pháp đã xử bắn anh.

Hai anh em ngày đi, đêm nghỉ. Khi thì ngủ ở các chùa, khi thì ngủ ngoài thêm nhà dân, cũng có khi ngủ trên cây trong rừng. Mỗi buổi sáng, đi đến độ mười một giờ, nghe tiếng trống thì hai người rẽ vào chùa nào gần nhất bên đường. Chờ các vị sư ăn xong, hai anh em rình mâm xuống chén, chén xong lại đi. Ở Xiêm, làng nào ít nhất cũng có một ngôi chùa và chục vị sư mặc áo vàng. Sáng sớm các sư đi “tạ bát”*, mỗi nhà dân đưa xôi chuối cúng vào cái bát của mỗi vị sư. Sư cũng như tục, không nói không rằng gì hết. Theo kinh Phật thì sư ăn của bố thí đó, nhưng theo tập quán thì mỗi buổi sáng vào khoảng mười một giờ, dân làng thay phiên nhau đưa của bố thí đến chùa nuôi sư. Mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa sáng. Sư ăn còn thừa, nếu có người đi đường ăn dùm, thế là chủ nhà bố thí hai lần, hai lần có phúc. Nếu không có ai ăn thì chủ nhà cũng phải bố thí một phần cơm thừa cho chim.

Cũng như mọi lần đi đường, lần này Bác thuật lại cho anh Tý nghe một chuyện Pháp nhân đề là *Trẻ con không nên nghe trộm*. Đại ý như sau:

Hai em bé A và B đi chơi trong rừng. Bỗng trời tối, cụ tiểu phu C đưa hai em về nhà cho ăn ngủ. Rồi cụ C bàn với cụ bà làm thịt gà để ngày mai cho hai em ăn. Cụ nói “Thịt cái lớn hay là cái bé?” Cụ bà bảo: “Nói khế chứ! Nói to chúng nghe chúng sẽ chạy mất”... Hai em bé tưởng các cụ bàn cách thịt mình, đã sợ sốt vó.

Mấy hôm sau, trời đã gần tối, Bác và anh Tý đi đến một khu rừng hẻo lánh. Những người địa phương đều bặm trợn như Trương Phi. Đi xa nữa thì không thể đi. Ở lại đây thì khá nguy hiểm. Trong lúc bí, bỗng có một người Hoa kiều đi ngang, vai năm tấc rộng, mình mười thước cao, thấy Bác và Tý đang thơ thẩn, anh ta hỏi một cách hung dữ: “Chúng mày đi đâu?”

Bác trả lời bằng tiếng Trung Quốc: “Chúng tôi đi tìm việc làm ăn”.

* Sư đi lấy thức ăn buổi sáng.

Anh ta lại quát: “Chúng mày người ở đâu?”

Anh Tý trả lời bằng tiếng Trung Quốc trọ trẹ: “Chúng tôi là Hoa kiều”.

Anh ta trợn mắt và nói như mắng: “Hoa kiều! Hoa kiều! Hoa kiều gì mà không biết tiếng Quảng Đông hử?”

Bác đỡ lời: “Hoa kiều sinh trưởng ở Việt Nam”.

Anh ta lại quát: “Tối rồi, về theo tao. Đi vớ vẩn chúng nó sẽ thịt mất xác giờ”.

Bác và Tý thấy anh ta thô bạo, hơi lo ngại. Nhưng không đi theo anh ta thì đi đâu bây giờ cho nên miễn cưỡng đi theo. Đến một cái nhà sạch sẽ, bề thế, anh ta bảo hai người ngồi nghỉ. Một lát thấy chị ta (người Xiêm) đưa ra một mâm cơm ngon lành. Bác và Tý nháy nhau, có ý nói: “Không chừng có thuốc mê trong đó”. Nhưng vì đói bụng quá, hai anh em cứ bạo dạn chén. Ăn xong, anh ta lại quát: “Đi theo tao”.

Anh ta đưa vào một cái đường hẻm, rào rất cao và kín. Rồi đến một cái nhà trống trải, vừa rộng vừa cao, chung quanh có phen kín mít. Trong nhà chỉ có mấy cái giường to, và một cái đèn treo giữa nhà, không có đồ đạc gì khác.

Anh ta lại quát: “Thôi! Đi ngủ đi!” Rồi anh ta bỏ ra về.

Bác và Tý nhìn kỹ tứ phía, chuẩn bị nếu gặp nguy hiểm thì tháo chạy ngả nào. Bác khẽ bảo Tý: “Chúng mình phải cắt phiến nhau mà gác. Bây giờ mình gác, chú cứ ngủ đi. Khi nào mình ngủ thì chú dậy gác”.

Bác vừa dứt lời thì một người Hoa kiều khác bước vào nhà; một tay dắt một chú bé cỡ năm sáu tuổi, một tay bưng bàn đèn thuốc phiện. Y nằm hút trên cái giường đằng xa. Vừa hút vừa dạy chú bé hát bằng tiếng Việt: “Con công tổ họ, con gà đá độ...”

Tý ghé vào tai Bác và nói thầm: “Cha này chắc là mật thám của Pháp rồi, nếu họ không giết hại chúng mình, thì có lẽ họ cũng bắt chúng mình nộp cho giặc Pháp...”

Đi núi cả ngày, mệt mỏi đã át cả lo âu. Hai anh em ngủ say bao giờ không biết.

Thú vị nhất là lúc sáng dậy, Bác liền sờ cổ Tý, Tý cũng sờ cổ Bác, xem còn sống nữa không!

Anh chủ nhà đến, không nói năng gì, chỉ lấy tay vẫy vẫy. Bác và Tý đi theo anh ta về nhà kia, thấy một mâm cơm sẵn sàng và nhiều thức ăn hơn bữa tối qua. Lần này hai anh em không sợ thuốc mê nữa, vì thấy vợ chồng chủ nhà cùng ăn.

Ăn xong Bác nói với chị chủ nhà: “Chúng em cảm ơn anh chị và xin phép trả tiền phí tồn...” Chị ấy chưa kịp trả lời thì anh ta lại quát: “Ai cần tiền chúng mày”.

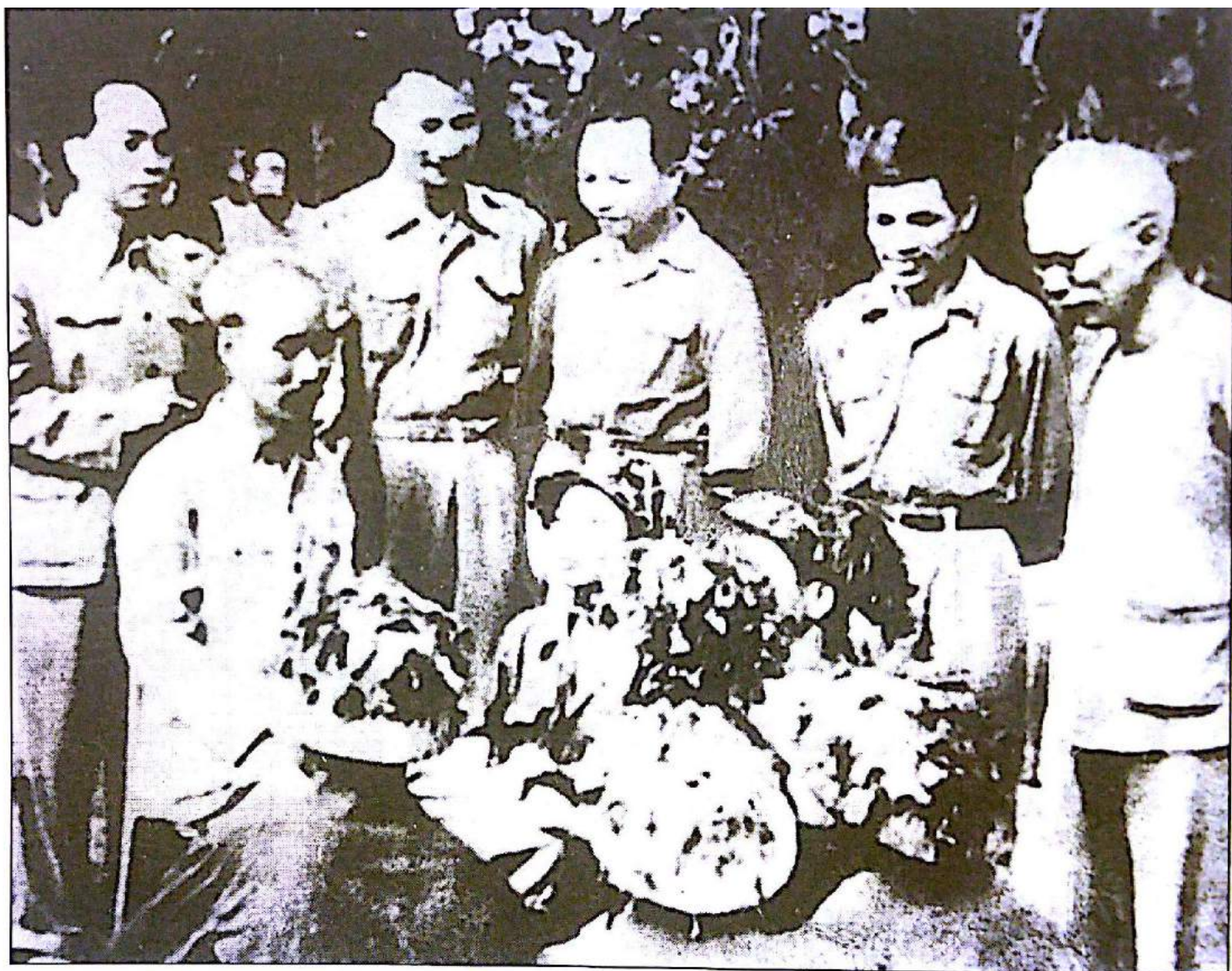
Anh ta đưa Bác và Tý đến trạm xe goòng (người ta đang đắp đường xe lửa) và bảo người cai xe: “Hai người này là đồng hương của tao, mày để chúng nó cùng đi xe đến X. Phải tử tế với chúng nó nghe không?” Anh ta lại ân cần bảo Bác: “Đi đường phải cẩn thận. Đến X. nếu không gặp người quen thì trở về đây tao tìm việc làm cho”.

Bác và Tý thành khẩn cảm ơn và từ giã anh ta. Ngồi trên xe Bác bảo Tý: “Anh bạn Hoa kiều của chúng ta chắc chắn là một người thần khoán kiêm bờ-lờ*, có tinh thần hào hiệp thương người, thái độ bề ngoài tuy thô lỗ như cục sắt nhưng nó bao một tấm lòng tốt như vàng... Sao câu chuyện giả về hai em bé và câu chuyện thật của anh em mình giống nhau như thế”.

Báo Nhân dân, số 2242, ra ngày 9-5-1960. *Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, trang 110.

TRẦN LAM

* Bờ lờ: Tiếng gọi chế giễu người buôn lậu.



Bác Hồ và Bác Tôn với các chiến sĩ anh hùng Điện Biên Phủ tháng 5/1954 (Trong ảnh có: Võ Nguyên Giáp; Hoàng Văn Thái; Trường Chinh; Văn Tiến Dũng; Tôn Đức Thắng)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

“BÌNH ĐẰNG, BÁC ÁI” KIỂU MỸ

Xem báo tư sản, anh Nhạ - Dẹ thấy những tin tức sau đây:

- 27-8-1962, R. Kennơđi (em ruột tổng Ken, làm Bộ trưởng Tư pháp) nói:

“Nên để học sinh và các đoàn thể nước ngoài đến thăm Mỹ, họ sẽ thấy rõ chế độ và nếp sống Mỹ là tốt đẹp nhường nào...”.

- 18-9-1962. Nhân dịp kỷ niệm 175 năm của hiến pháp Hoa Kỳ, tổng Ken nói: “Hiến pháp này là một văn kiện cách mạng nhất trong lịch sử loài người. Nó là sự hy vọng của nhân dân thế giới, là kiểu mẫu chói lọi cho các nhà nước khác...”.

Xem xong, Nhạ phấn khởi, và định đi thăm Mỹ. Tối 30-9, sáng 1-10, Nhạ đến thành phố Mítxixipì. Việc đầu tiên, Nhạ thấy là: trên con đường to, trước mặt trường đại học Ócpho, quang cảnh rất náo nhiệt: Một bên là độ 6.000 binh lính, súng ống sẵn sàng và độ 600 nhân viên của tòa án. Một bên là độ 2.000 công nhân Mỹ da trắng, mặt mũi hung hăng, “sẵn sàng chiến đấu”, liền miệng chửi rủa: “Đồ da đen bẩn thỉu! Cút đi!”. Giữa hai đám người đó, một thanh niên Mỹ da đen, tay ôm cặp sách, chân bước khoan thai, có mấy tên hiến binh bảo vệ. Đàng xa, có 20 người bị thương và hai xác chết (một phóng viên thông tấn xã Pháp AFP đã chết oan...).

Nhạ ngơ ngác không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một cụ già Mỹ da trắng vẻ mặt hiền lành, khẽ khẽ cho Nhạ nghe đầu đuôi câu chuyện:

“Gã thanh niên Mỹ da đen tên là Mêrêđi, một học sinh da đen độc nhất có trình độ tốt nghiệp lớp 10 ở bang này. Đã ba lần, anh ấy xin vào trường đại học. Nhưng chủ tịch bang nhất định không cho... 9 năm trước đây, do người Mỹ da đen đấu tranh hăng và được dư luận thế giới ủng hộ, tòa án tối cao Hoa Kỳ đã phải ra một đạo luật cho phép người Mỹ da đen được vào học các trường như người Mỹ da trắng. Nhưng các nhóm phản động cứ giữ chặt “hàng rào màu da” và phốt cả tòa án. Nhất là ở các bang Mítxixipi, Alabama, Carôlina, v.v... người Mỹ da đen càng bị áp bức tàn tệ. Ở đó thường xảy ra những vụ “linso”, tức là những người Mỹ da đen vô tội mà bị người Mỹ da trắng giết chết, bêu đầu, treo cổ, mổ bụng, chôn sống, xé thây... Chỉ trong 10 năm (từ 1885 đến 1894) ở Hoa Kỳ đã có hơn 1.700 vụ “linso”!... Nhân vụ Mêrêđi, Đảng Cộng sản Mỹ đã kêu gọi các công đoàn và các tổ chức dân chủ đòi chính phủ Mỹ phải ngăn chặn việc khủng bố người Mỹ da đen...”.

Ông cụ già lại cho Nhạ xem một tờ báo ra ngày 18-9-1962 có tin: “Nhân dịp kỷ niệm 100 năm của Tuyên ngôn giải phóng người Mỹ da đen khỏi ách nô lệ, tổng Ken đã phải nhận rằng: “Sự thực hiện quyền lợi bình đẳng (của người Mỹ da đen) tiến hành một cách phi thường chậm chạp... Ở nhiều nơi họ không có quyền bình đẳng về giáo dục, về làm ăn, về bầu cử... Họ thường bị bạo lực khủng bố...”.

Nhờ ông cụ mà Nhạ - Dẹ đã sáng mắt ra, và y tự bảo: “Đôi với 18 triệu đồng bào da đen của chúng, bọn phản động Mỹ còn tàn bạo như vậy. Hiện nay, ở miền Nam nước ta, mỗi ngày chúng tiêu phí một triệu đô la, chúng phái đến một vạn binh sĩ, hai chục viên tướng, cùng hai, ba trăm chó săn để giúp bọn Diệm “linso” đồng bào ta. Chúng muốn biến 14 triệu nhân dân da vàng miền Nam thành người *da đen Mỹ*.”

Nhưng khác với Hoa Kỳ, chắc là Mỹ - Diệm sẽ thất bại, đồng bào miền Nam anh dũng sẽ đập tan âm mưu độc ác của chúng”.

Rồi Nhạ phẫn khởi ngâm nga:

Kennơđi, Mêrêđi
Kẻ sang, người tiện^{}, chỉ vì màu da*
... Miền Nam anh dũng nước ta,
Đấu tranh giải phóng nhất định là thành công!

Báo Nhân dân, số 3120, ra ngày 10-10-1962

T.L.

^{*} *Người tiện*: người hèn hạ.

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CÁC BẢN IN NGUYÊN VĂN
BẢN THẢO DI CHÚC CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

(Tuyệt đối bí mật)

Nhân dịp mừng 75 tuổi

Người làm thơ rất nổi tiếng, ở Trung Quốc đời nhà Đường là cụ Đỗ Phủ có câu thơ rằng: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy". Nghĩa là: Người thọ bảy mươi, xưa nay hiếm.

Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe. Tuy vậy, tôi cũng là lớp người "xưa nay hiếm".

Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?

Vì vậy, tôi đề lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Con non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Về phong trào cộng sản thế giới - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*
* *
*

Về việc riêng - Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được *đốt đi*, nói chữ là "hỏa táng". Tôi mong rằng cách "hỏa táng" dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn".

Tro xương thì tìm một quả đồi mà chôn. Gần Tam Đảo và Ba Vì hình như có nhiều đồi tốt. Trên mộ, xây 1 cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch *trồng cây* trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*.

Nếu tôi qua đời trước ngày nước ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương *cho đồng bào miền Nam*.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. /.

Chứng kiến
Bí thư thứ nhất
Ban chấp hành Trung ương.
LÊ DUẬN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 1965
HỒ CHÍ MINH

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

(*Tuyệt đối bí mật*)

Năm nay, tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người "trung thọ".
Tinh thần vẫn sáng suốt tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp. Đó là một điều bình thường.

Nhưng không ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?

Vì vậy, tôi viết sẵn và để lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, Cụ Lenin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

Về việc riêng

Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là "hỏa táng". Tôi mong rằng cách "hỏa táng" sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn.

Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mỏ, không nên có bia đá tượng đồng, mà nên xây 1 ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*. Việc sẵn sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão.

Tháng 5/1968, khi xem lại thư này tôi thấy cần phải viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết.

Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng gàn gấn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta có kế hoạch rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi.

Đầu tiên là công việc đối với *con người*.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh".

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì cần phải cố gắng vươn lên. Đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v. v... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của, góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi đẩy mạnh sản xuất.

Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. Cùng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...

Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những

gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân.

10-5-69

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc, đời nhà Đường, có câu rằng "nhân sinh thất thập cổ lai hy" nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là hạng người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

DI CHÚC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
Công bố năm 1969

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

*

* *

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc, đời nhà Đường, có câu rằng "nhân sinh thất thập cổ lai hy" nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là hạng người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ

quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ra rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta sẽ nhất định hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*

* *

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

*

* *

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta phải đoàn kết chiến đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969.

HỒ CHÍ MINH

CHÚ THÍCH

1. *Đường cách mệnh* là cuốn sách gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị của cán bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Người tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927. Các lớp huấn luyện chính trị này nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam; chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Cuốn sách này do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các trong bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927 để làm tài liệu học tập và tuyên truyền.

Đường cách mệnh là một trong những tác phẩm lớn đánh dấu một trong những mốc quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam.

2. Trong thời gian tiến hành cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783), các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống thực dân Anh. Đại hội lần thứ II họp ở Philadenphia (Mỹ) năm 1776 đã cử ra một Ủy ban do Giépphécxơn làm chủ tịch để dự thảo một nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do, độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của nước Anh. Bản dự án nghị quyết đã được đại biểu 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành

Tuyên ngôn độc lập của nước Hợp chúng quốc châu Mỹ (Hoa Kỳ).

Sau khi nêu lên những nguyên tắc về quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi thành viên, thừa nhận cho nhân dân có quyền làm cách mạng lập ra một chính quyền mới thay thế chính quyền cũ khi chính quyền cũ phản lại nhân dân, bản Tuyên ngôn khẳng định quyền tự do, độc lập, tách rời nước Anh của các thuộc địa ở Bắc Mỹ.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 tiêu biểu cho nguyện vọng của nhân dân các thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh giành độc lập, tự do.

3. *Chủ nghĩa tự do bình đẳng*: Một trào lưu tư tưởng ở Pháp thế kỷ XVIII do Vôn-te, Môngtexkiơ và Rút-xô đề xướng. Mặc dù có nhiều điểm khác nhau, nhưng mục tiêu chung của các ông là chống lại chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, xây dựng một xã hội tự do, bình đẳng. Đương nhiên đây chỉ là quyền tự do, bình đẳng của giai cấp tư sản, nhưng ở thời điểm lịch sử lúc đó thì xu hướng tư tưởng này là tiến bộ.

4. *Cách mạng Pháp* (1789-1794) là cuộc cách mạng tư sản điển hình nhất ở châu Âu. Nó đã xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế - một chế độ mục nát bị nhân dân lao động và giai cấp tư sản Pháp hết sức căm ghét, - mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Pháp và một số nước châu Âu.

Cuộc cách mạng này có ảnh hưởng lớn đến cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu trong thế kỷ XIX. Nhưng vì là cách mạng tư sản, cho nên nó vẫn duy trì chế

độ tư hữu và chế độ bóc lột. Thực chất của nó chỉ là việc đưa một nhóm người thuộc giai cấp tư sản bóc lột này vào chính quyền thay thế một nhóm người thuộc giai cấp phong kiến trước kia mà thôi. Đó chính là điều khác nhau căn bản giữa cách mạng tư sản với bất cứ cuộc cách mạng vô sản nào.

5. *Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ* ngày 14-7-1789 ở Pari. Sự kiện quân chúng Pari chiếm được nhà tù Baxti đánh dấu thắng lợi của cách mạng. Vua Lu-i XVI và vợ lui về Vécxây, tiếp tục cầm đầu bọn quý tộc trong nước, liên kết với các thế lực phong kiến bên ngoài để chống phá cách mạng. Vì vậy nhân dân rất căm phẫn và ngày 5-10-1789 đã tự động nổi dậy kéo đến cung điện Vécxây buộc vua và bề lũ phải trở về Pari để dễ kiểm soát.

6. *Pari công xã*: Vào cuối thế kỷ XIX, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với tư sản trong xã hội Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Trước cuộc tấn công xâm lược của quân Đức, Chính phủ tư sản Pháp đầu hàng đã cắt nhượng cho Đức hai tỉnh Andátxơ và Loren, chịu bồi thường 5 tỷ phrăng (tiền Pháp), mở đường cho lính Đức tiến vào sát thủ đô Pari. Công nhân và nhân dân Pari đã tự vũ trang và tổ chức bố phòng để bảo vệ thành phố. Nhưng bọn tư sản, đứng đầu là tên bộ trưởng phản động Chie, đã ra lệnh tước vũ khí của công nhân, giải giáp các tuyến phòng thủ. Điều đó làm nhân dân căm phẫn nổi dậy khởi nghĩa ngày 18-3-1871, đánh đuổi giai cấp tư sản, thành lập chính quyền mới ở Pari, gọi là Công xã Pari - chính quyền đầu tiên của giai cấp vô sản.

Cuộc cách mạng năm 1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thiết lập nhà nước của giai cấp vô sản, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế. Nhưng giai cấp công nhân

Pháp lúc này chưa có một chính đảng tiên phong lãnh đạo, chưa thực hiện được liên minh với nông dân và chưa kiên quyết trấn áp kẻ thù đến cùng, lại bị giai cấp tư sản Pháp câu kết với bọn xâm lược Đức phản công quyết liệt, cho nên sau 72 ngày tồn tại, Công xã đã bị thất bại (tháng 5-1871).

7. *Năm 1883, Plêkhanốp* thành lập nhóm *Giải phóng lao động* - nhóm mácxít đầu tiên ở Nga. Nhóm này đã tiến hành một công tác rộng lớn chống chủ nghĩa dân túy và truyền bá chủ nghĩa Mác ở nước Nga. Nhưng nhóm Giải phóng lao động lại mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng như còn mang những tàn tích của quan điểm dân túy, đánh giá thấp tinh thần cách mạng của nông dân, đánh giá cao vai trò của giai cấp tư sản tự do. Những sai lầm đó là mầm mống của các quan điểm mensêvích về sau này của Plêkhanốp và của các thành viên khác trong nhóm.

Hoạt động của nhóm Giải phóng lao động đã có tác dụng trong việc hình thành ý thức cách mạng của giai cấp công nhân Nga, mặc dù trong thực tiễn, nhóm đó không liên hệ với phong trào công nhân. Lênin đã chỉ rõ, nhóm Giải phóng lao động chỉ mới đặt cơ sở lý luận cho Đảng Công nhân xã hội - dân chủ và tiến một bước đầu để xích lại với phong trào công nhân.

Tại Đại hội II của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga (tháng 8-1903), nhóm Giải phóng lao động tuyên bố giải tán.

8. *Năm 1898*, đại biểu của Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân ở các tỉnh và thành phố của Nga đã họp tại Minxơ để thành lập Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga, Lênin không dự được vì đang bị đày ở Xibia. Đại hội ra Bản Tuyên ngôn của Đảng nêu rõ: "Giai cấp vô sản Nga sẽ lật đổ ách chuyên

chế độ rồi lại tiếp tục đấu tranh, với nhiều nghị lực hơn, chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản cho đến khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn". Ngay sau đó, các đại biểu đều bị bắt nên trên thực tế, Đảng chưa hoạt động được.

Năm 1903, Đảng họp Đại hội lần thứ II. Trên thực tế đến Đại hội này, Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga. Đại hội đã thông qua cương lĩnh, điều lệ và bầu ra cơ quan trung ương của Đảng.

9. Ngày 9-1-1905, cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga bùng nổ. Trước sự bất mãn ngày càng tăng của công nhân, tên thầy tu tay sai của cảnh sát là Gapông dụ dỗ công nhân tiến hành một cuộc biểu tình hòa bình, mang cờ xí của nhà thờ và rước ảnh nhà vua đến Cung điện Mùa Đông, đệ đơn thỉnh nguyện xin cải thiện đời sống. Mặt khác, Gapông báo cho bọn cảnh sát của Nga hoàng bố phòng cẩn mật để tiêu diệt công nhân.

Nắm được âm mưu đó, những người bôn-sê-vích ra sức khuyến công nhân không tham gia cuộc biểu tình. Nhưng lúc này, phần lớn công nhân còn tin vào Sa hoàng, nên cuộc biểu tình vẫn diễn ra theo kế hoạch. Khi họ vừa xuất hiện ở Quảng trường Cung điện Mùa Đông thì Sa hoàng hạ lệnh xả súng bắn giết họ. Trên một nghìn người chết và hơn năm nghìn người bị thương. Ngày này được gọi là "Ngày chủ nhật đầm máu".

Bộ mặt thật của Chính phủ Nga hoàng đã lộ rõ. Nhân dân căm phẫn nổi dậy đấu tranh, nêu cao khẩu hiệu "Đả đảo chế độ chuyên chế!", mở đầu cuộc cách mạng tư sản dân chủ Nga 1905-1907.

10. Bọn cơ hội chủ nghĩa, tự nhận là cách mạng nhưng không tuân theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, thỏa hiệp với tư sản và phong kiến. Chúng lợi dụng cuộc cách mạng Nga tháng 2-1917 để nắm chính quyền, lập

chính phủ lâm thời, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, không chịu giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, truy lùng Lênin và những người bôn-sê-vích, đàn áp đẫm máu các cuộc bãi công và biểu tình của công nhân.

11. Đoạn này tác giả nói về thời cơ khởi nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Giữa lúc Chính phủ lâm thời ở Nga đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, Đảng đã ra nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa đó. Bọn cơ hội chủ nghĩa ở trong Đảng đã phản bội, tiết lộ cho kẻ thù biết kế hoạch khởi nghĩa. Chính phủ lâm thời quyết định tấn công trước vào lực lượng cách mạng. Ngày 6-11 chúng ra lệnh đóng cửa tòa báo *Con đường của công nhân*. Các đội Cận vệ đỏ chiến đấu bảo vệ tòa báo và đến trưa hôm đó, tờ báo đã ra lời kêu gọi khởi nghĩa, lật đổ Chính phủ lâm thời. Đêm 6-11 (tức ngày 24 tháng Mười, lịch Nga), Lênin đến điện Smôn-nui trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa. Người đã chỉ thị về thời cơ cách mạng Nga như sau: "*Vô luận bằng cách nào cũng không được để chính quyền nằm trong tay Kê-rê-n-xki và bè lũ đến ngày 25, việc đó tuyệt đối phải quyết định ngay chiều hôm nay hay đêm nay.*"

Lịch sử sẽ không tha thứ những người cách mạng hôm nay có thể chiến thắng (và nhất định thắng lợi hôm nay), mà lại chậm trễ vì đợi đến ngày mai, không khéo họ lại bị mất hết cả". Ngày 7-11, cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, đánh dấu thắng lợi vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga.

12. Năm 1836, công nhân Đức thành lập ở Pari một hội bí mật lấy tên là Đồng minh những người chính nghĩa. Năm 1840, trụ sở của Hội chuyển sang Luân Đôn (Anh), mở rộng hoạt động,

thu nạp cả công nhân nhiều nước khác. Mục tiêu của Hội là đấu tranh cho nhân quyền (nên còn gọi là Hội nhân quyền).

Vào đầu năm 1847, Mác và Ăngghen tham gia Đồng minh những người chính nghĩa với mục đích cải tổ tổ chức này thành một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản cách mạng.

Do những hoạt động tích cực của Mác và Ăngghen, tháng 6-1847, Đồng minh những người chính nghĩa đã họp hội nghị tại Luân Đôn và đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản, khẩu hiệu cũ, mơ hồ: "Tất cả mọi người đều là anh em!" đã được thay bằng khẩu hiệu chiến đấu của chủ nghĩa quốc tế vô sản: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Đồng minh những người cộng sản đề ra mục tiêu của mình là lật đổ giai cấp tư sản, thủ tiêu xã hội cũ dựa trên cơ sở đối kháng giai cấp và thành lập một xã hội mới, không có giai cấp và không có chế độ tư hữu.

Đồng minh những người cộng sản đã đóng một vai trò lịch sử to lớn, là trường học của những người vô sản cách mạng, là mầm mống của đảng vô sản, là tiền thân của Quốc tế thứ nhất. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một văn kiện có tính chất cương lĩnh của giai cấp vô sản toàn thế giới.

13. Trong khoảng 15 năm (từ 1874 đến 1889), nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập. Chính đảng đầu tiên của giai cấp công nhân được thành lập ở Đức năm 1869 - Đảng Xã hội dân chủ Đức. Chỉ vài năm sau khi Công xã Pari thất bại và Quốc tế thứ nhất giải tán, phong trào công nhân ở châu Âu lại phục hồi và phát triển nhanh chóng. Nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập ở Mỹ (1877), Pháp (1879), Bỉ, Italia (1885), Áo (1888)... Việc xuất hiện các đảng đánh dấu một bước tiến mới của giai cấp công nhân và

cũng đề ra yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế mới.

14. Các Đại hội của Quốc tế thứ hai đã thảo luận vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa sắp bùng nổ. Đặc biệt là tại Đại hội Xtútgát (1907), Copenhagen (1910) và Balơ (1912), Quốc tế thứ hai đã bàn cãi sôi nổi vấn đề này. Bọn cơ hội chủ nghĩa đưa ra những luận điệu bênh vực chính sách chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc. Lênin và những người mácxít kiên quyết đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh, đòi bác bỏ ngân sách quân sự, kêu gọi công nhân các nước đoàn kết ngăn chặn chiến tranh bùng nổ, vạch trần tính chất ăn cướp, đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh và đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" để lật đổ giai cấp tư sản trong nước, giành lấy chính quyền và xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản.

15. Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 7 và tháng 8-1920. Tại Đại hội này, Lênin đã nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội trong phong trào công nhân để giữ vững nguyên tắc mácxít trong các đảng cộng sản. Đại hội đã thông qua 21 điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản và thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do Lênin dự thảo, nhằm vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc cho nhân dân các dân tộc bị áp bức. Tinh thần cơ bản của 21 điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản, phải có thái độ dứt khoát chống lại đường lối và tổ chức của Quốc tế thứ hai, phải đấu tranh kiên quyết về mặt tư tưởng cũng như về những biện pháp hoạt động cụ thể, chống mọi hình thái của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Các đảng đó phải nghiêm chỉnh thực hiện và tuyên truyền giáo dục quần chúng về đường lối

và quan điểm của chủ nghĩa Mác, phải đổi tên là đảng cộng sản, phải có kỷ luật chặt chẽ và triệt để tuân theo những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

Về vấn đề giải phóng dân tộc, điều 8 của văn kiện ghi rõ: "Đảng nào muốn ở trong Quốc tế thứ ba đều buộc phải thẳng tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc "nước mình" trong các thuộc địa, ủng hộ trên thực tế chứ không phải bằng lời nói mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa"; đòi hỏi phải trục xuất bọn đế quốc của nước mình ra khỏi các thuộc địa ấy; gây trong lòng công nhân nước mình thái độ anh em chân thành với nhân dân lao động các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức; và tiến hành tuyên truyền thường xuyên trong quân đội nước mình chống mọi sự áp bức các dân tộc thuộc địa.

16. *Đại hội lần thứ III của Quốc tế Cộng sản* họp vào tháng 6 và tháng 7-1921. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cấp thiết của các đảng cộng sản là phải đánh tan ảnh hưởng của bọn xã hội dân chủ trong quần chúng, phải tranh thủ quần chúng công nhân đi theo cách mạng. Lênin nêu lên rằng nếu không tranh thủ được quần chúng thì không thể đánh đổ được chủ nghĩa tư bản và do đó không thiết lập được chuyên chính vô sản. Muốn tranh thủ quần chúng, phải tham gia tích cực nhất vào cuộc đấu tranh kinh tế hằng ngày của công nhân, phải chiến đấu kiên trì trong các công đoàn để biến nó thành tổ chức chiến đấu của giai cấp công nhân và trục xuất bọn cơ hội chủ nghĩa khỏi phong trào, phải chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh để thực hiện chuyên chính vô sản. Lênin đề ra sách lược về mặt trận thống nhất nhằm đoàn kết các lực lượng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chung.

17. *Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản* họp vào tháng 11 và tháng 12-

1922. Khi đó, Chính quyền Xôviết đã tồn tại và lớn mạnh được 5 năm, phong trào công nhân phát triển rầm rộ. Đồng thời, bọn phát xít bắt đầu hoạt động trong nhiều nước châu Âu. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ chủ yếu của các đảng cộng sản là kiên trì tiến hành công tác quần chúng trên cơ sở của sách lược về Mặt trận công nhân thống nhất.

18. *Do điều kiện lịch sử khác nhau*, hoạt động của Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ ba có những điểm khác nhau:

Quốc tế thứ nhất ra đời giữa thế kỷ XIX là lúc chủ nghĩa tư bản còn đang phát đạt, phong trào công nhân mới ra đời, cho nên số lượng thành viên tham gia Quốc tế thứ nhất còn ít, tư tưởng chưa thống nhất. Quốc tế thứ nhất phải tiến hành đấu tranh quyết liệt trên lĩnh vực tư tưởng, đồng thời lãnh đạo cuộc đấu tranh thực tiễn của giai cấp công nhân. Quốc tế thứ ba đoàn kết các đảng cộng sản thành một khối thống nhất có sự lãnh đạo thống nhất. Trong thời đại mới, phong trào giải phóng dân tộc gắn bó chặt chẽ với cách mạng vô sản. Lênin đã đề ra khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại".

19. *Ngày 8-3 là ngày đoàn kết quốc tế của phụ nữ* các nước trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giành các quyền bình đẳng về kinh tế, chính trị và xã hội.

Ngày 8-3-1899, nữ công nhân ngành dệt và ngành may ở Chicagô (một thành phố lớn ở Mỹ) đã đứng lên bãi công, biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm. Mặc dù bị bọn chủ đe dọa và khủng bố, chị em công nhân vẫn tiếp tục bãi công, đấu tranh. Cuối cùng, bọn chủ đã phải nhượng bộ và thỏa mãn phần lớn những yêu sách của chị em.

Năm 1910, Hội nghị quốc tế phụ nữ xã hội chủ nghĩa lần thứ II họp ở Copenhagen (Đan Mạch), theo đề nghị của Clara Détkin, đã quyết định hằng

năm lấy ngày 8-3 làm Ngày phụ nữ quốc tế.

20. *Tháng 2-1917 (theo lịch cũ của Nga)*, ở nước Nga đã nổ ra cuộc cách mạng dân chủ tư sản, lật đổ chế độ Nga hoàng chuyên chế.

Trong cuộc cách mạng này, phụ nữ công nhân ở Pêtrôgrát đã giữ một vai trò nổi bật.

Ngày 23-2 theo lịch Nga (tức là Ngày phụ nữ quốc tế 8-3), hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành bôn-sê-vích Pêtrôgrát, các nữ công nhân đã cùng công nhân các nhà máy ở Thủ đô bãi công, xuống đường biểu tình giương cao các khẩu hiệu: "Đả đảo chiến tranh!", "Bánh mì!", "Hòa bình!", "Tự do", "Đả đảo chế độ chuyên chế". Trong ngày hôm đó, hơn 128 nghìn người chủ yếu là nữ công nhân ngành dệt và công nhân luyện kim) đã tham gia bãi công. Cuộc bãi công chính trị đã biến thành cuộc tổng biểu tình chính trị chống chế độ Nga hoàng.

21. *Vạn quốc công hội*: Đây là một tổ chức quốc tế những công hội có xu hướng cải lương chủ nghĩa, đi ngược với những nguyên lý chủ nghĩa Mác. Vạn quốc công hội chịu ảnh hưởng của bọn cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai, chỉ kết nạp công nhân lớp trên ở các nước tư bản Âu, Mỹ, đối lập với quyền lợi của tầng lớp công nhân cơ bản, và không liên hệ với phong trào công nhân các nước Á, Phi, Ô-xtrây-li-a là những vùng thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Năm 1919, những công hội này tham gia thành lập Quốc tế Amxtécđam.

22. *Công đoàn chủ nghĩa*: Trong thời kỳ chưa có chính đảng mácxít của giai cấp công nhân lãnh đạo, các công đoàn chưa có phương hướng chính trị, nên phần lớn đã đi vào con đường công đoàn chủ nghĩa - tức là chỉ hạn chế trong việc đấu tranh đòi những quyền

lợi kinh tế trước mắt của công nhân (Xem thêm chú thích số 72: Công đoàn vô chính phủ).

23. *Vô chính phủ công đoàn*: Tức là chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ - một trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân, chịu ảnh hưởng về tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa vô chính phủ.

Những người theo chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ cho rằng công nhân không cần tiến hành đấu tranh chính trị, phủ nhận sự cần thiết phải có một đảng chính trị độc lập của giai cấp công nhân, phủ nhận công đoàn phải đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, phủ nhận sự tất yếu của chuyên chính vô sản.

Họ cho rằng công đoàn là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và đấu tranh kinh tế là phương pháp đấu tranh duy nhất phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, coi tổng đình công kinh tế là hình thức đấu tranh cao nhất giúp cho các công đoàn có thể thủ tiêu được chủ nghĩa tư bản mà không cần đấu tranh cách mạng, để tước đoạt các tư liệu sản xuất và nắm lấy quyền điều khiển nền sản xuất.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã giáng một đòn chí tử vào chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, vạch rõ sự vô căn cứ và những hậu quả nặng nề của nó đối với giai cấp công nhân.

24. *Cải lương chủ nghĩa*: Chủ nghĩa cải lương là trào lưu chính trị trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác và những lợi ích căn bản của giai cấp vô sản.

Những người theo chủ nghĩa cải lương chủ trương đấu tranh giành những cải cách nhỏ bé trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản - không động đến cơ sở của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa - để thay thế cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân lật đổ

chủ nghĩa tư bản. Mục đích chính của chủ nghĩa cải lương là lừa bịp giai cấp công nhân, điều hòa mâu thuẫn giữa công nhân và tư sản, thực hành "lý luận" hợp tác giai cấp, hồng đem giai cấp vô sản phục vụ quyền lợi của giai cấp tư sản, làm cho công nhân rời bỏ đấu tranh giai cấp triệt để giành thắng lợi cho chuyên chính vô sản và cho chủ nghĩa xã hội.

Lênin và những người cách mạng chân chính đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hình thức của chủ nghĩa cải lương, bóc trần bản chất tư sản của nó và chống mọi đại biểu của nó ở các nước.

25. *Trung lập chủ nghĩa*: Có thể ở đây tác giả nói đến chủ nghĩa phái giữa, một biến tướng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin mà đại biểu về tư tưởng và lý luận của nó là Cauxky.

Trong Quốc tế thứ hai, Cauxky và đồng bọn, về hình thức đã giữ lập trường trung gian giữa phái công khai theo chủ nghĩa cơ hội (Bécxtanh) và phái xã hội - dân chủ cánh tả (Ph.Mêrinh, R.Lúcxambua và C.Lípnhéc), do đó có tên gọi là phái giữa. Nhưng trong thực tế họ ủng hộ và đầu hàng chủ nghĩa cơ hội, chống lại chủ nghĩa Mác và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Lợi dụng những lời lẽ mácxít giả hiệu và núp dưới chiêu bài "những người mácxít chính thống". Những người theo chủ nghĩa phái giữa mưu toan xóa nhòa bản chất cách mạng của chủ nghĩa Mác, làm lu mờ mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân và tư sản, chủ trương đem quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản phục tùng quyền lợi của giai cấp tư sản, phủ nhận sự tất yếu của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Lênin và những người cộng sản chân chính đã phê phán kịch liệt bọn cơ

hội chủ nghĩa Cauxky, vạch trần sự trá hình, giấu mặt hết sức nguy hiểm của chúng.

26. *Quốc tế Giúp đỡ (tổ chức "Giúp đỡ của công nhân quốc tế")*, được thành lập theo sáng kiến của Quốc tế Cộng sản vào tháng 9-1921 tại Béclin (Thủ đô nước Đức), từ cuộc Hội nghị quốc tế của các ủy ban giúp đỡ nhân dân các vùng bị đói ở nước Nga Xôviết. Sau này tổ chức đó trở thành trung tâm quốc tế giúp đỡ các nạn nhân của chế độ tư bản.

Từ năm 1935, tổ chức quốc tế này ngừng hoạt động; các chi bộ của nó tham gia vào các mặt trận nhân dân hoặc đấu tranh để thành lập các mặt trận nhân dân ở các nước.

27. *Quốc tế Cứu tế đỏ*: Một tổ chức cách mạng thành lập năm 1923 hoạt động theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Mục tiêu chủ yếu của Quốc tế Cứu tế đỏ là đoàn kết các lực lượng cách mạng để đấu tranh chống lại những hành động đàn áp, khủng bố của chính quyền đế quốc, đòi trả tự do cho những nhà hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và của phong trào giải phóng dân tộc bị bọn thống trị bắt bớ, giam cầm. Hội còn động viên sự đóng góp của quần chúng lao động để giúp đỡ về tinh thần và vật chất cho những gia đình có người thân hy sinh hay bị tù đầy vì hoạt động cách mạng. Quốc tế Cứu tế đỏ có chi nhánh ở nhiều nước trên thế giới.

Năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tổ chức này và nêu lên sự cần thiết phải thành lập một chi nhánh Cứu tế đỏ ở Đông Dương. Ngay sau khi Đảng ta được thành lập. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 đã quyết định thành lập Hội Cứu tế đỏ Đông Dương, một chi bộ của Quốc tế Cứu tế đỏ. Hội Cứu tế đỏ không phải là một tổ chức từ

thiện, mà là một đoàn thể đấu tranh cách mạng, một tổ chức tương trợ cách mạng của đại đa số quần chúng, nên hoạt động của Hội chủ yếu hướng vào quần chúng công nông và những người bị áp bức. Đại hội lần thứ I của Đảng ta (năm 1935) ra Nghị quyết về "Cứu tế đồ Đông Dương vận động" đã kiểm điểm hoạt động, rút kinh nghiệm và vạch ra những nhiệm vụ cần kíp của Hội. Cứu tế đồ Đông Dương đã ra sức phát huy vai trò của quần chúng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc ở Đông Dương.

28. Trong chương này, tác giả đã nêu lên các kiểu hợp tác xã ra đời từ trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những tổ chức liên hợp tự nguyện của những người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, mua bán, tiêu dùng..., nhằm chung sức, chung vốn liếng cùng nhau sản xuất và cải thiện đời sống.

Nêu bật lợi ích của hợp tác xã, tác giả muốn hướng nhân dân lao động đoàn kết đi vào con đường làm ăn tập thể, có tổ chức. Bởi vì, khi chưa được giải phóng thì hợp tác xã vừa là tổ chức kinh tế, nhằm nâng cao sản xuất và đời sống, giảm bớt sự bóc lột của bọn tư bản và phong kiến, vừa là một hình thức tổ chức để vận động, tập hợp nhân dân lao động đấu tranh cho quyền lợi của mình như các hình thức tổ chức khác của quần chúng.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* ra đời năm 1927, nhưng tinh thần cơ bản của chương *hợp tác xã* này trong tác phẩm vẫn còn có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay.

29. Xyri: Một nước ở phía tây châu Á, nằm giữa vùng Trung Đông trông ra Địa Trung Hải, thủ đô là Đamát. Vì Xyri có vị trí chiến lược nối liền ba châu, có tài nguyên phong phú nên từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ

XX bị nhiều nước đế quốc như Anh, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm. Pháp còn đặt ra chế độ "ủy trị" và chia cắt Xyri thành nhiều "nước" rồi lại lập ra "Liên bang Xyri" để dễ bề cai trị.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri đòi quyền độc lập và thống nhất đất nước ngày càng mạnh mẽ. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, đã có hai đợt sóng đấu tranh mãnh liệt: 1919-1923 và 1925-1926, nhằm thực hiện nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri là "Công nhận nền độc lập thật sự và thống nhất của nhân dân Xyri".

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tác giả đã vạch trần chính sách cai trị và âm mưu "chia để trị" của thực dân Pháp ở Xyri cũng như ở Việt Nam và các nước thuộc địa khác; ca ngợi phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri giành độc lập và thống nhất đất nước trong những năm 20 của thế kỷ XX.

30. *Việt Nam độc lập đồng minh*: Một hội quần chúng do ông Hồ Học Lãm, một chí sĩ yêu nước sống ở Trung Quốc nhiều năm tổ chức, nhằm tập hợp những người yêu nước Việt Nam đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. Hội được thành lập năm 1935.

31. *Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại cuộc mít tinh của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội ngày 2-9-1945, đã được in trên các báo *Cứu quốc* ngày 5-9-1945, báo *Độc lập* ngày 7-9-1945, báo *Cờ giải phóng* ngày 2-9-1945... Từ sau năm 1954, *Tuyên ngôn Độc lập* được in lại trên các sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1958, tập I, *Hồ Chí Minh tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1960, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ nhất, 1983, tập 3, v.v... Trong lần xuất bản thứ hai bộ *Hồ Chí*

Minh Toàn tập, theo sự chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư và Bộ chính trị, *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố dựa theo bài ghi âm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện được lưu giữ tại Viện Hồ Chí Minh trực thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời có tham khảo bản công bố đầu tiên trên báo *Cứu quốc* ra ngày 5-9-1945.

32. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ*: trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh (1775-1783), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ II họp ở Philadelphia năm 1775 đã cử ra một Ủy ban do Giép phéc xon làm Chủ tịch để thảo ra một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do, độc lập và tách khỏi phạm vi, quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 13-7-1776 và trở thành Bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ.

Bản Tuyên ngôn Độc lập này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Bắc Mỹ lúc bấy giờ.

Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành những chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc

tự do, bình đẳng đã ghi trong Tuyên ngôn Độc lập của nước.

Vận dụng tinh thần tư tưởng tự do, bình đẳng - tiêu biểu cho nguyện vọng độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, Khi soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích một câu trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ, khẳng định quyền bình đẳng tự do và độc lập của nhân dân Việt Nam.

33. *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp*: Cuộc cách mạng năm 1789 ở Pháp là một cuộc cách mạng tư sản điển hình. Sau khi lật đổ chính quyền phong kiến, chính quyền mới - chính quyền tư sản được thiết lập.

Ngày 26-8-1789, Hội nghị lập hiến do chính quyền mới này tổ chức đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh - bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền nổi tiếng của cách mạng Pháp.

Bản Tuyên ngôn này đã công khai ghi rõ các quyền tự do dân chủ: tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức...

Bản tuyên ngôn đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào của nhân dân các nước đang đấu tranh chống phong kiến lúc bấy giờ. Nhưng khi giai cấp tư sản đã giành được quyền thống trị đất nước, chúng đã công khai chà đạp lên các quyền tự do dân chủ đó. Chúng ra sức bóc lột nhân dân lao động ở trong nước và thực hiện chính sách xâm lược và bóc lột thuộc địa vô cùng tàn khốc.

34. *Đồng minh*: Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), hình thành vào cuối năm 1941 đầu năm 1942.

Tháng 1-1942, tại oasinhton (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên

Xô, Anh, Mỹ ký chung vào bản Tuyên ngôn chống phát xít xâm lược và bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hòa riêng rẽ. Nhưng mục đích của việc ký Tuyên ngôn này nhằm mục đích tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu. Còn Mỹ và Anh ký Tuyên ngôn nhằm đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ thế giới. Về sau, các chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong Tuyên ngôn.

35. *Hội nghị Teherăng*: Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943 tại Teherăng (thủ đô nước Iran).

Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v, v... Nhưng sau đó giới cầm quyền Mỹ và Anh không thi hành đầy đủ những điều khoản đã được ký ở Hội nghị này.

36. *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: Hội Nghị gồm đại diện 51 nước do Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc (Chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (tức Xanphranxixco, một thành phố công nghiệp và hải cảng của nước Mỹ), từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế lấy tên là Liên Hợp quốc.

Mục đích thành lập tổ chức quốc tế này là nhằm ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa đối với hòa bình, phát triển quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Tất cả các

nước hội viên đều bình đẳng, không một nước nào có quyền can thiệp vào nội bộ của các nước khác.

Nhưng tất cả những nguyên tắc quan trọng trên đây đều bị bọn đế quốc thực dân vi phạm không thể thực hiện đầy đủ được.

37. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nhân dân ta cần hòa bình để xây dựng nhà nước và củng cố lực lượng về mọi mặt, cho nên đã nhân nhượng với thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946.

Nhưng thực dân Pháp vẫn cố tình cướp nước ta lần nữa.

Trước những hoạt động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến từ cục bộ đã lan ra khắp cả nước. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Trong văn kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, nêu lên ý chí sắt đá, quyết kháng chiến đến cùng của dân tộc ta. Đồng thời, Người nêu lên những nét cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, và khẳng định cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi.

38. *Nhật ký chìm tàu*:

Hiện nay, nhiều tác phẩm (kể cả tác phẩm chính trị và văn nghệ) của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn thất truyền. Riêng về các sáng tác truyện và ký, đặc biệt đáng chú ý là hai tác phẩm *Những hồi ức của tôi...* và *Nhật ký chìm tàu*.

Là một nhà lãnh đạo phong trào nông dân quốc tế có nhiều kinh nghiệm, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào phong trào cách mạng của nông dân Trung Quốc. Theo quyết

định của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành quốc tế nông dân ngày 31 tháng 7 năm 1925, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được ủy nhiệm làm công tác vận động nông dân ở Trung Quốc và các nước thuộc địa khác trong đó có Đông Dương. Người đã dịch nhiều tài liệu của Ban Chấp hành quốc tế nông dân; và đã viết nhiều tài liệu về nông dân Trung Quốc nói chung và về phong trào nông dân Hải Lục Phong (Hai Luk-Fung) nói riêng, kể cả những hồi ký mang tính chất văn học, như chính Người nói trong thư đề ngày 8 tháng 2 năm 1928 (nguyên văn chữ Pháp) viết từ Beclin gửi các đồng chí lãnh đạo Quốc tế nông dân.

Người viết:

“Các đồng chí thân mến,

Tôi đã đến phố Lutsô Uphe, tới địa chỉ mà các đồng chí đã cho tôi. Nhưng tôi không gặp ai cả; và chẳng ai biết tạp chí *Niu Đooócphơ*. Tôi đề nghị các đồng chí cho tôi một địa chỉ khác chắc chắn hơn.

Tôi chỉ có thể lên đường trong vòng một tháng rưỡi. Tôi đã tranh thủ thời gian để viết *Những hồi ức của tôi* về phong trào nông dân, chủ yếu là phong trào của Hải Lục Phong, nơi mà hiện nay thành lập những Xô Viết nông dân. “Nhân vật chính” trong hồi ký của tôi chính là đồng chí Bành Bái, cựu Dân ủy nông nghiệp của Xô Viết Quảng Châu và hiện nay là lãnh tụ của nông dân cách mạng. Bản thảo của tôi chỉ gồm những điều có liên quan đến đời sống, tập quán, sự mê tín v.v... của nông dân; nhưng không có hoặc hầu như không có gì thuộc về chính trị và thống kê.

Có khoảng 120 trang đánh máy, và chia thành khoảng năm chục chương. Tôi đang sắp xếp bản thảo theo thứ tự. Nếu các đồng chí muốn xuất bản, tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi một bưu thiếp theo địa chỉ sau đây:

Ông Louis, tạp chí *Thư tín Quốc tế*, ban biên tập tiếng Pháp.

Số nhà 228, Phrêdrich Strat, Beclin.

Như thế là đủ, và tôi sẽ gửi cho các đồng chí bản thảo viết tay.

Chào thân ái

N. A. K.”.

Theo sách của Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1980, các chương của tập sách này có nhan đề như sau:

- 1 - Chang Chung Minh
- 2 - Bóc lột
- 3 - Phụ quyền
- 4 - Người tổ chức đầu tiên
- 5 - Thay đổi chiến thuật
- 6 - Thành công đầu tiên
- 7 - Ý định đầu tiên
- 8 - Bán vợ
- 9 - Bài thơ cảnh nghèo
- 10 - Vợ chưa cưới của ma quỷ
- 11 - Đám cưới thừa kế
- 12 - Quý trắng
- 13 - Trung nông
- 14 - Cuộc gặp gỡ tốt đẹp
- 15 - Tổ chức
- 16 - Đêm?
- 17 - Họa trung đắc phúc
- 18 - Truyện gia đình bê bối
- 19 - Họa vô đơn chí
- 20 - Hợp tác chôn cất
- 21 - Đấu tranh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên
- 22 - Thắng lợi tinh thần
- 23 - Hội nông dân Quảng Đông
- 24 - Bần nông
- 25 - Cây rẽ ở Quảng Đông
- 26 - Con gà trống bằng gỗ
- 27 - Mê tín
- 28 - Trả đũa

- 29 - Cuộc đấu tranh bắt đầu
- 30 - Sống hay chết
- 31 - Biện pháp phát xít
- 32 - Tròn hay vuông
- 33 - Đàn áp
- 34 - Đoàn kết công nhân
- 35 - Các chặng đường đi
- 36 - Thân thuộc bất ngờ
- 37 - Chủ nghĩa xã hội mới của Chang Chung Minh
- 38 - Mưu ông giám đốc
- 39 - Làng đỏ
- 40 - Hội nông dân Quảng Đông
- 41 - Lịch sử một con trâu
- 42 - Chiến tranh cung đình
- 43 - Nông dân Hồ Nam
- 44 - Một cái mũ quái gở
- 45 - Những đức Phật đáng thương
- 46 - Đảo chính
- 47 - Sự phản bội của Quốc dân đảng
- 48 - Báo động
- 49 - Giây phút đau khổ
- 50 - Nông dân chống cự
- 51 - Xô viết nông dân muôn năm

Trên đây là tất cả những tài liệu còn lưu giữ được về tác phẩm *Những hồi ký của tôi...* tác giả viết vào khoảng những năm 1927 - 1928. Tác phẩm này chắc hẳn mang đậm nét tính chất văn học.

*

* *

Tác phẩm dài *Nhật ký chìm tàu* hiện nay cũng thất truyền. Mở đầu bức thư viết bằng chữ Pháp đề ngày 28 tháng 2 năm 1930, gửi cho một số người bạn ở nước ngoài yêu cầu giúp đỡ về mặt tài liệu (bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: “Người Việt Nam nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật

hà khắc của đế quốc - Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. nhiệm vụ của chúng tôi là phải nói với họ tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết một cuốn sách, - bằng tiếng Việt, đương nhiên - dưới hình thức “hồi ký du lịch” (nguyên văn “souvenirs de mon voyage”). Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẫu chuyện”.

Tiếp theo, tác giả vạch rõ đề cương của cuốn sách gồm ba phần:

I. Trước cách mạng

II. Trong cuộc cách mạng

III. Ngày nay.

Mỗi phần lại bao gồm nhiều điểm rất cụ thể.

Tuy nhiên Bản đề cương sơ tư tưởng được này (công bố lần đầu tiên trên *Nghiên cứu văn học*, tháng 5 năm 1963) mới chỉ là “mầm mống đầu tiên” vì trong khi viết, tác giả không lệ thuộc hoàn toàn vào bản đề cương ấy, đã bỏ đi ở phần I, các điểm nói về đời sống của nhân dân, các tổ chức cách mạng; và cả phần II, phần nói về các sự kiện, các diễn biến, những khó khăn trở ngại cùng thái độ phản ứng khác nhau của các tầng lớp nhân dân trong cuộc cách mạng đó. “Bác chỉ chú trọng giới thiệu những điều mới lạ, những thành tích xây dựng, bảo vệ đất nước Xô viết từ ngày cách mạng Nga thành công về sau, Bác đã lồng một cách khéo léo phần nào nội dung của hai phần trên vào phần này” (xem bài *Trên đường đi tìm “Nhật ký chìm tàu” của Hồ Chủ tịch*, *Tạp chí Văn học*, số 5 - 1971, do Ninh Viết Giao ghi lại nội dung tác phẩm theo trí nhớ của các chiến sĩ cách mạng đã được đọc *Nhật ký chìm tàu* trong phong trào Xô

Viết - Nghệ Tĩnh). Bác đã chia toàn bộ tác phẩm của mình thành 24 “chương” hoặc “bài”. Ngoài 24 chương, còn có phần mở đầu và kết luận. Cuối mỗi chương (có người nói: đầu mỗi chương) Bác đều đặt mấy câu thơ lục bát để gợi lại đại ý toàn chương cho người đọc dễ nhớ, dễ thuộc; nó mang tính quần chúng rõ rệt. Theo bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền (tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương) thì các câu thơ nằm trong các chương có khi là hai dòng sáu tám, có khi là lục bát biến thể, ngoài ra còn có một số thơ của nhân vật (mà thực chất là của tác giả) viết theo thể thơ ba chữ hoặc song thất xen lục bát.

*

* *

Nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* có thể tóm lược như sau:

Một chiếc tàu buôn của Pháp không may gặp giông tố, bị chìm đắm ở ngoài khơi. Hầu hết hành khách trên con tàu đó đều bị thiệt mạng. Riêng có ba anh Pôn (Paul), Zô (Zo) và Râu (một người Âu, một người Phi, và một người Việt Nam - tức anh Râu) làm công ở trên tàu, may mắn còn sống sót. Họ bị trôi giạt lênh đênh, rồi được thủy triều đưa vào một hoang đảo. Về sau có một chiếc tàu tuần tiễu của Liên Xô đi qua đây, các thủy thủ Xô Viết đã tìm mọi cách ra sức cứu và đưa được họ về Liên Xô. Trên cảng ÔĐétxa, họ được đón tiếp nồng nhiệt.

Trong suốt thời gian ở lại Liên Xô, ba anh Pôn, Zô, và Râu đã được đối đãi rất tử tế trong tình cảm đồng chí thân thương, đầm ấm. Không những các anh được chăm lo, bồi dưỡng về sức khỏe, mà còn được đi thăm quan nhiều nơi trên đất nước của Lênin; tìm hiểu về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đời sống của nhân dân Liên Xô với

bao điều mới mẻ, thú vị... để càng thêm tin tưởng vào tiền đồ sáng lạn của chủ nghĩa xã hội. Không những thế, Đảng Cộng sản Liên Xô còn tạo mọi điều kiện cho ba anh em được học tập văn hóa và chính trị để nâng cao trình độ nhận thức và tình cảm cách mạng.

Sau một thời gian nghỉ ngơi và học tập, ba anh em Pôn, Zô và Râu đều mong muốn được trở về Tổ quốc yêu quý và đau thương của mình, để cùng với nhân dân tổ chức và tiến hành đấu tranh cách mạng. Trên cảng ÔĐétxa ngày nào họ đến bây giờ họ lại chia tay từ biệt các đồng chí Liên Xô, để trở về nước thực hiện nguyện vọng chính đáng và cao cả đó.

Nhật ký chìm tàu ra đời sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, nó có một giá trị lịch sử đặc biệt. Tiếp theo *Đường cách mệnh* viết khoảng 1927, tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* viết vào nửa cuối 1930 này, đã đến kịp thời với đông đảo quần chúng cách mạng, góp phần giác ngộ ý thức giai cấp, giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước tiến lên dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thông qua việc điều tra tác dụng to lớn của tác phẩm này đối với thế hệ các chiến sĩ cách mạng 1930 - 1931, Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc trong bài viết *Chung quanh tác phẩm “Nhật ký chìm tàu”* của Hồ Chủ Tịch (*Nghiên cứu văn học*, số 5 - 1965) đã viết: “*Nhật ký chìm tàu* không những là một tác phẩm phản ánh được hiện thực cách mạng ở Liên Xô lúc bấy giờ, mà còn gieo vào lòng người đọc một niềm tin vô bờ bến. Tác phẩm đã vẽ ra một viễn cảnh xã hội Việt Nam ngày mai huy hoàng, đã đốt lên trong lòng người đọc một ngọn lửa chiến đấu không bao giờ tắt”.

Với tầm sâu về nội dung tư tưởng và thành công của nghệ thuật thể hiện có sức tác động mạnh trong quần chúng như vậy, *Nhật ký chìm tàu* là tác phẩm văn học cách mạng đầu tiên viết bằng tiếng Việt, mở đầu cho một nền văn học cách mạng hiện đại Việt Nam đi suốt những năm sau. Qua câu chuyện “sinh động, hấp dẫn”, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu cho nhân dân ta hiểu biết thêm về chủ nghĩa xã hội tốt đẹp của Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới; động viên nhân dân ta kiên quyết đấu tranh đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười góp phần đập tan những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù bấy nay nhằm bôi vu không về đất nước vĩ đại của Lenin. “Nhiều đảng bộ địa phương của Đảng ta đã ra nghị quyết lấy cuốn sách này làm tài liệu tuyên truyền về Liên Xô; nhiều đồng chí lão thành cách mạng đã thuộc lòng cuốn *Nhật ký chìm tàu*. Còn kẻ thù thì cho đó là “một vũ khí lợi hại của cộng sản” (Công văn sở mật thám năm 1931) nên nghiêm cấm lưu hành, tàng trữ và ráo riết tịch thu cuốn sách ấy” (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 183).

Trước khi bản Đề cương tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* lần đầu tiên được công bố (tháng 5 năm 1963), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói về tác phẩm này tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, cuối năm 1962. Người kể lại cho các đại biểu dự đại hội nghe, câu chuyện lý thú về những ngày hoạt động Cách mạng, Người phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp... Cũng có khi làm văn nghệ. Người có viết một quyển sách về cách mạng tháng Mười. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó... không tịch thu được người viết vì hai

anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa đây mới nghe đồng chí Tố Hữu có xem quyển ấy” (*Chúng ta có Bác Hồ*, tập II, Nhà xuất bản Lao động Hà Nội, 1970, trang 72). Bản in bằng đất tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, may mắn cho chúng ta, đã “lọt” về được trong nước, sau đó được Trung ương Đảng ta bí mật in litô (96 trang). Tháng 3 năm 1931, *Nhật ký chìm tàu* lại được bí mật ấn hành tại liên huyện Diễn Quỳnh hơn 1000 cuốn in thạch, ra hai thứ tiếng: quốc ngữ và chữ nôm. Bản quốc ngữ dày 112 trang, bản chữ nôm 120 trang trên giấy bản. (Theo tài liệu của Nguyễn Đình Hiền đã dẫn, thì một phần ba số lượng phát hành là chữ quốc ngữ, còn là chữ nôm). Trên bìa sách, ngoài bốn chữ *Nhật ký chìm tàu* viết to, phía bên trái có bốn chữ “không phải sách bán” trong vòng đơn và gạch dưới, bên phải là ba chữ Hán “phi mại phẩm”, phía dưới mé bên phải có dấu hình bầu dục, vòng ngoài ghi *Bị áp bức dân tộc liên hiệp hội chi bộ*, vòng trong chữ Hán nghĩa tương tự.

Cho đến nay, nguyên bản *Nhật ký chìm tàu* chưa tìm lại được, chỉ mới thấy tờ bìa và bản *Đề cương*...

(Trong tập 5 *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*), chúng tôi xin giới thiệu nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* kèm theo một số câu thơ in theo các chương trong tác phẩm còn thất truyền đó, căn cứ vào các bản sưu tầm của Phạm Lâm, Tống Trần Ngọc, Ninh Viết Giao; và bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền, người đã may mắn được trực tiếp tham gia in thạch *Nhật ký chìm tàu* tháng 3 năm 1931 ở Diễn Quỳnh, Nghệ An.

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
LỜI TỰA	9
PHẦN I - TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA - VĂN NGHỆ	
1. Đường khách mệnh	15
2. Lời phát biểu trong buổi khai mạc phòng triển lãm văn hóa	84
3. Các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng	86
4. Thư gửi anh em văn hoá và trí thức Nam Bộ	89
5. Thư gửi Hội nghị Thông tin Tuyên truyền và báo chí toàn quốc	90
6. Thư gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai	93
7. Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951	94
8. Đại hội văn công	96
9. Nói chuyện trong buổi bế mạc Đại hội Văn nghệ toàn Quốc lần thứ hai	97
10. Thư gửi Hội nghị cán bộ văn hoá	101
11. Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ văn hoá	105
12. Cách viết	111
13. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam	116
14. Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi lành mạnh của quần chúng	126
15. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam	128
16. Bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba	132
17. Nhân sĩ phải là chiến sĩ	137
HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH	613

18. Thư gửi Hội nghị các nhà văn Á-Phi lần thứ hai	138
19. Miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn...	141
20. Lời phát biểu khi tới thăm triển lãm mỹ thuật toàn quốc năm 1962	143
21. Một số ý kiến về chữ Quốc ngữ và tiếng Việt	144
22. Điện mừng Hội nghị nhà văn Á-Phi	146
23. Không có gì quý hơn độc lập tự do	147
PHẦN II - TÁC PHẨM VĂN XUÔI	
24. Pari	155
25. Lời than vãn của bà Trưng Trắc	163
26. Con người biết mùi hun khói	171
27. Sở thích đặc biệt	175
28. Thư gửi Khải Định	177
29. Đồng tâm nhất trí	180
30. Những người bản xứ được ưa chuộng	183
31. Bộ sưu tập động vật	187
32. Viện Hàn lâm thuộc địa	193
33. Y như nước mẹ	199
34. Vi hành	201
35. Đoàn kết giai cấp	205
36. Hành hình kiểu Linsơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ	209
37. Bản án chế độ thực dân Pháp	217
38. Con rùa	349
39. Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu	352
40. Truyện ngụ ngôn	358
41. Nhật ký chìm tàu	360

42. Chú ếch và con bò	380
43. Đánh du kích như đánh cờ	381
44. Tuyên ngôn Độc lập	394
45. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến	399
46. Kinh nghiệm du kích Pháp	400
47. Giấc ngủ mười năm	420
48. Thư trung thu	445
49. Chết mà chưa hết nhục	447
50. Mật thám Mỹ	448
51. Mẫu chuyện về Điện Biên Phủ	461
52. Liên Xô vĩ đại	468
53. Tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến	509
54. Chuyện giả mà có thật	572
55. “Bình đẳng, bác ái” kiểu Mỹ	579
56. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	583
57. Các bản thảo in nguyên văn bản thảo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	584
58. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố năm 1969	593
CHÚ THÍCH	598

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 5

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM
(*Văn xuôi*)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
TẠ DUY ANH
NGUYỄN VĂN SƠN

Bìa:
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:
HẢI LY

In 8000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV
Quyết định xuất bản số: 638/QĐ-NXBHNV ngày 15-8-2012
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012